bác sĩ DƯƠNG TẤN TƯỜI
trích dịch

# ĐỘNG LAI BÁC NGHỊ

東萊博議

LOẠI SÁCH HỌC LÀM NGƯỜI

nhà sách khai trí

Nhà kho Quán Ven Đường

*THƯA BA,*

*Cũng như phần đông thiếu-niên trong thời-buổi ấy ở miền Nam nước Việt, chúng con được biết có nền văn-học Âu-Tây.*

*Sợ cho con rồi sẽ... quên tiếng mẹ đẻ, nên ngoài những buổi làm việc để tranh sống cho một gia-đình đông-đúc, Ba phải trích bớt giờ nghỉ hiếm-hoi để tìm gieo vào óc trẻ vài hột giống tốt của quốc-văn.*

*Nay, vừa được bó lúa đầu tiên của mùa gặt mới, con xin thành-kính trình thưa...*

# Phân trần

Nếu không có tài dàn xếp của bao sự ngẫu nhiên thì đâu có quyển *Đông-Lai bác nghị* nầy !

Đầu tiên, một vị túc nho của chốn Thần kinh, lúc tản cư vào Sài-thành, ngẫu nhiên đến trú ngụ cạnh phòng khám bịnh của chúng tôi. Đó là việc hệ trọng : vì đối với chúng tôi, bực đại nhân ấy là một người thầy đáng kính, mặc dầu Cụ vẫn có nhã ý tự xem mình là bạn vong niên ; vì đối với quyển sách này, bực lão thành ấy mới thật là người cha tinh thần, mặc dù Cụ ấy vẫn một mực chối từ không nhìn nhận.

Vả lại, vì muốn giữ vẹn cốt cách của nhà ẩn dật, Cụ yêu cầu chúng tôi đừng nêu danh Cụ vào trong sách ! Thật đáng phục thay đức tính khiêm tốn của bực nho phong, mà cũng khổ cho chúng tôi vì phải dài dòng nhắc lại tiểu sử của bổn dịch mà chỉ được phép dùng một chữ « Cụ » vỏn vẹn để kể cho tròn câu chuyện !

Thì cũng bởi vai tuồng quan trọng của vị túc nho ấy trong khi phiên dịch cho nên chúng tôi xin độc giả niệm tình tha thứ *khi thấy chúng tôi lắm lời nói về thân thế của một người đương cầu xin đời đừng nhắc đến tên.*

Sanh trưởng trong một thế gia của chốn đế đô, cha làm Thượng thơ bộ Lễ, thì khi vào sân Trình, Cụ chiếm bằng cử nhân, việc ấy, theo chúng tôi, cũng chưa đáng kể. Đáng nể là khi rời cửa Khổng để theo tân học, chỉ trong mấy năm Cụ theo kịp các bạn đồng niên nơi lớp tú tài « Tây » ! Rồi sang Pháp để trau giồi học mới, rồi xông pha nơi bể hoạn, rồi cuối cùng nối được chức của cha, thì với sức học đó, với thông minh đó, âu cũng là một việc có thể đoán trước được.

Ngày nay, đã chứng kiến bao cuộc bể dâu, Cụ chỉ còn giữ lại một ham muốn là tận hưởng chữ « nhàn » trong thời hưu trí. Muốn được thế, Cụ ẩn mình *trong đám rừng người* để thưởng thức một câu thơ đẹp với chén trà ngon hoặc cùng vài ba tri kỷ luận bàn về văn học. Cụ nhứt quyết chủ trương : « Lịch sử và địa dư đặt nước nhà vào giữa hai nguồn văn hoá, muốn trở nên một công dân đất Việt, chúng ta phải thâu thập cả đôi. Âu Tây giúp ta

kỹ thuật, Á Đông cho ta nghệ thuật làm người. »

*Để chứng minh lời nói, Cụ nhắc lại một gay cấn vừa xảy ra trong trường quốc tế,* rồi chỉ rõ giải pháp của người xưa khi gặp cảnh ngộ tương tợ để bắt buộc kẻ đối thoại phải nhìn nhận : « Thiếu Hán học là một sự thiệt thòi rất lớn. »

Sẵn có quan niệm ấy nên Cụ nhận lời ngay khi chúng tôi ngỏ ý cầu học. Lối dạy của Cụ thật là đặc biệt . thường ngày Cụ dùng tiếng Việt để giảng bài, nhưng khi gặp áng văn quá bóng-bảy hay huyền-diệu thì Cụ dùng cả tiếng Pháp để diễn-tả tư-tưởng, mượn triết-học Đức để so-sánh, đem học-thuyết Hy-Lạp để chứng minh, cốt-yếu là giúp học trò hiểu cho thấu đáo, tận-tường. Khi gặp tư-tưởng thanh-cao hoặc áng văn bất-hủ, chúng tôi lật đật ghi rồi chép lại trong giờ nhàn rỗi để trình lên cho Cụ xem-xét. Cụ dò từng câu, đối-chiếu từng chữ để phê-bình. Nhờ Cụ tiến dẫn, chúng tôi mới « nuốt hận » chép thơ của Tư-mã Thiên, sụt sùi thảo tờ biểu xuất-sư của Gia-Cát, băn khoăn đứng trên lầu Nhạc-Dương với Trọng-Yêm, ngạo nghễ biên thơ từ-chức cùng Tạ-Phùng-Đắc.

⁂

Ngẫu-nhiên khéo sắp cho chúng tôi gặp được một bực thầy đáng kính, thì cũng nhờ ngẫu-nhiên chúng tôi lại gặp quyển sách đáng yêu.

Kẻ vừa nhập đạo thường không tiếc lời ca-tụng tôn-giáo mới của mình. Chúng tôi nào có tránh được thường tình đó trong khi hầu chuyện với ông Trương-Quan, một nhân vật mà giới mại bản Huê-kiều và làng « thanh sắc » bồn-xứ vẫn còn nhớ tiếng. Nghe chúng tôi ca tụng nhân tánh của nền văn-hóa Trung-Hoa, Trương-quân đột-ngột hỏi : « Như thế chắc bác-sĩ đã đọc quyển *Đông-Lai bác nghị* rồi ? » Chúng tôi phải thẹn thùng nhìn nhận : « Chẳng những chưa được đọc mà như phần đông người Việt-Nam, chúng tôi chưa từng nghe đến tên ! »

— Vì bác-sĩ khen ngợi văn học cổ Trung-Hoa, trí tôi vùng nhớ lại câu chuyện hai mươi năm về trước khi còn thơ ngây cặp sách vào trường để ăn mày chữ. Trong những giờ các bạn được nghỉ ngơi hoặc nô đùa chạy giỡn thì chúng tôi bị ông bác ngồi kèm bên cạnh ép buộc đọc một vài trang *Đông-Lai bác nghị*. Đó là lời phê-bình về hành vi và hạnh kiểm của các nhân vật đời Đông-Chu. Câu văn huyền

điệu, lập luận chặt chẽ, tâm lý sâu sắc là ba đặc điểm của tác phẩm bất hủ đó. Nhưng đối với bộ óc non nớt của đứa trẻ lên mười thì làm sao thưởng thức nổi vẻ đẹp của câu văn hay và sự điêu-luyện của bài luận khéo ? Vậy mà, ông bác vẫn bắt buộc chúng tôi « ê » « a » đọc cho xong vì : « nơi trường, thầy dạy cháu làm văn ; nơi đây, bác dạy cháu làm người ». Lời của bác thật là chí lý ! Thời-đại Đông-Chu là khoảng đen tối nhứt của lịch-sử Trung-Hoa, vì lúc ấy, xã hội đương vươn mình thay đổi lốt, nên gây ra bao sự xáo trộn lớn lao. Bực thánh phải chung đụng với sát nhân, hiền triết phải ăn ở cùng gian tà, rồi tranh đấu chống chọi nhau nầy sanh ra trăm ngàn việc, hay dở đều có. Tất cả hai mặt — tốt và xấu, thanh với tục — của con người đều phô bày. Nếu gặp một nhà phê-bình có cặp mắt tinh đời, có bộ óc sáng suốt, lại thông tâm lý, hiểu chánh trị, khảo sát thời kỳ ấy thì chắc chắn sẽ để lại cho đời một tác phẩm vô cùng hữu ích. Lữ Đông-Lai có đủ điều kiện ấy cho nên quyển *Bác-nghị* là một chiếc thuyền đã cắm sào ở ngoài dòng thời gian... Khi đọc quyển *Đông-Lai*, chúng ta có cảm giác đương nghe một tay thợ chuyên môn giải thích về các bộ phận trọng yếu của guồng « máy lòng » rồi chỉ cho

chúng ta thấy các nguyên do thường làm cho động cơ ấy chạy. Cũng bởi « động cơ » và nguyên do ấy không thay đổi cho nên lời của Đông-Lai luận về một thời vẫn có thể giúp ích cho người trong muôn thuở. Vì lẽ đó, lúc trẻ, chúng tôi oán trách ông bác bao nhiêu, thì ngày nay, đã tránh được nhiều kinh nghiệm chua cay, chúng tôi lại cám ơn ông bác bấy nhiêu ! »

Đáp lời yêu cầu, ông Trương-Quan phải nhờ người về tận Thượng-hải mua giùm cho chúng tôi một bổn.

Của báu cầm tay, chúng tôi đến nhờ Cụ dẫn giải giùm điều thắc mắc : « Tại sao một tác phẩm giá trị dường kia, mà từ xưa, trong xứ ta chưa từng nói đến ? »

Cụ giảng : « Những sách Trung-Hoa được phiên dịch và truyền bá ở Việt-Nam phần nhiều vì ba cớ : Một là bởi có nhiều người bị bắt buộc phải đọc đến, cho nên bàn tới cũng nhiều, dịch ra không ít, đó là những sách có tên trong chương trình thi cử. Hai là các thứ sách quyến rủ người vì cốt chuyện, ấy là lịch sử tiểu thuyết tức là truyện. Còn về loại thứ ba là vận văn, vì đọc lên nghe êm tai, lại dễ nhớ, nên có nhiều người ưa thích.

« *Đông-Lai bác nghị* không đứng vào ba hạng đó. Vì là văn phê bình nên đòi hỏi ở độc giả một trí phán đoán mà người đời ít hay dùng đến. Và là văn nghị luận nên khô khan mà bắt buộc người đọc phải suy xét mới thưởng thức. Không có vần, thiếu cốt chuyện hấp hẫn, lại không được ghi vào chương trình thi cử, như vậy ít người biết đến thì cũng là một chuyện không lạ. Nói thế không phải bảo sách ấy không có độc giả ! Ngoài số thí sinh vì hiếu kỳ nên tìm *Đông-Lai* đọc trước khi vào đình thí, phần đông, các người mê thích sách đó toàn là những kẻ đã đỗ đạt, ra làm quan, ưa dùng quyền *Bác-nghị* để kiểm điểm hành động trong lúc chăn dân hay khi xử thế. Rồi đến lúc chiều tà bóng xế, khi đã mỏi mệt thì trí muốn yên nghỉ hơn là dịch sách ? Vả lại đối với các bực tiền bối ấy, dịch hay viết sách là một sự ngoài tưởng tượng. Đối với họ, học là hành nghĩa là đem ra áp dụng, để làm tròn bổn phận của mình, chớ không dám học để truyền cho ai cả. »

***

Rồi theo lệ thường, Cụ giải thích, chúng tôi ghi chép. Cả thảy được tám mươi bốn bài.

Mỗi bài là một sự ngạc nhiên. Trong văn chương Trung-Hoa, chúng ta thường bực mình vì gặp lời nhiều hơn ý. Với Lữ Đông-Lai, câu văn đẹp đẽ vẫn đi kèm với tư tưởng cao thâm. Lắm bài không đầy gang tấc mà chất chứa ý dài muôn vạn dặm. Càng suy xét, càng thấy sâu rộng. Về mặt tâm lý thực nghiệm và chánh trị thực hành, chưa chắc có quyển sách nào trong văn chương Âu-Mỹ sánh kịp *Đông-Lai bác nghị*. Ấy là chưa bàn đến lý luận, phần cốt yếu của sách. Mở đầu cho mỗi bài, tác giả nêu ra một tư tưởng căn-bản, nhiều khi không dính-líu với cốt chuyện đem ra phê-bình.

Độc-giả còn tưởng nhà văn lạc đề, thì chỉ vài câu, đã móc dính đầu-đề với ý-niệm căn-bản. Rồi dùng câu chuyện đem phê-bình để chú-thích tư-tưởng chánh ghi trên đầu bài.

Trước với sau, đầu với đuôi đều ăn khớp, các bộ-phận liên-lạc cùng nhau một cách tế-nhị làm cho độc-giả tưởng là đương nghe nhà toán-học khéo chứng-minh một định-lý của hình-học.

Rồi một hôm, mấy người bạn tình-cờ

đến viếng giữa giờ giảng dạy của cụ, đó là ngẫu nhiên thứ ba.

Cũng như chúng tôi, các bạn đều bị câu văn trong-sáng và lập-luận huyền-diệu của Đông-Lai hấp-dẫn nên mới khuyên chúng tôi cho xuất-bản. Từ-chối là sự dĩ-nhiên, vì bổn-tâm của chúng tôi là chỉ học cho mình... Lý-luận của các bạn thật cũng chặt-chẽ : « Hiện nay, quốc-văn đương nghèo... học-sanh thiếu món ăn tinh-thần, v.v... Trong lúc các tiểu-thuyết khiêu-dâm chường mặt trên báo và trong hàng sách thì ôm giữ cho mình một tác-phẩm có giá-trị là một việc... ích kỷ, một tội to đối với nền học-vấn. »

Không phương chối-cãi, đành phải nghe theo. Từ đây mới gặp bao nỗi khó...

***

Trước hết, nếu cho in vỏn-vẹn tám mươi bài nghị-luận của Đông-Lai mà chẳng có những đoạn *Xuân-Thu*, *Tả-Truyện* thì làm sao độc-giả lãnh-hội được ? Vả lại, lắm khi, vì bắt-bẻ một câu hoặc một chữ của *Tả-Truyện* mà Đông-Lai viết thành bài « *bác-nghị* ». Vậy dịch *Xuân-Thu* và *Tả-Truyện* song-song theo « *bác-nghị* » là một sự tối-cần. Cũng là một điều quá khó.

Các bạn chắc đều biết *Xuân-Thu* là một trong năm quyển kinh của Đức Khổng-tử. Đó là bộ sử nước Lỗ do Ngài sửa-định, chép từ đời Lỗ Ẩn-công cho đến Lỗ Ai-công gồm có 240 năm (từ 721 tới 481 trước tây lịch).

Với quan-niệm hiện-tại về sử học khi chúng ta trịnh-trọng lật quyển *Xuân-Thu* thì sẽ vô-cùng ngạc-nhiên hay thất-vọng. Vì đó chỉ là một mớ sử liệu chép rời-rạc, dường như gặp chuyện thì ghi, không màng đến sự liên-lạc hay tương-quan. Lại có nhiều việc quan-trọng mà không chép. Khi chép thì quá vắn-tắt gần như đơn-sơ. Thí-dụ : bà Khương-thị vì thương con không đồng nên gây ra cuộc xung-đột giữa Trịnh Trang-công và em là Cung Thúc-Đoạn thì nào là quỷ-kế của anh, nào là tham-vọng của em, nào là lời bàn của bá-quan rồi đến trận đánh, với cuộc vây thành phá lũy, cho đến khi cùng đường Thúc-Đoạn chạy vào xứ Yền. Trịnh Trang-công giam mẹ, thật là bao nhiêu gây cấn mà trong *Xuân-Thu* chỉ có một câu : « *Mùa hạ, tháng năm, Trịnh-bá thắng Đoạn tại Yền* ». Có lúc còn vắn tắt hơn, như « *Tề cứu Hình* » hoặc « *Địch đánh Vệ* ».

Vậy thì chân giá trị của bộ *Xuân-Thu* ở

Nhà kho Quán Ven Đường

đâu mà vẫn được xem là quyền kinh để « định công luận, đoán án cho muôn đời » ? Tại sao chính Đức Phu-Tử cũng yêu cầu người đời « biết cho ta » hay « buộc tội cho ta » thì nên do bộ *Xuân-Thu* ? Như vậy, bực thánh và dư luận cổ kim đã lầm chăng ? Hoặc giả, vì quan niệm về sử học của xưa với nay quá khác nhau mới có điều chinh lịch đó ?

Nếu thật thế thì tại sao một học giả của thời đại nầy, cụ Nguyễn-Văn-Tố, một người mà chưa ai dám ngờ về sức học uyên thâm, cũng chưa ai dám nghi đến sự thận trọng của ngòi bút, đã viết : « Muốn thưởng thức cái hay của bộ *Xuân-Thu*, phải nhận thấy hương nồng của triết lý, thơm ngát của luân lý, mùi vị của chánh trị ở trong kinh đó. »

Làm sao những câu văn vắn-tắt sơ sài kia lại chứa được bao nhiêu mùi, hương và vị ?

Chỉ vì Đức Phu-Tử khéo dùng một phương pháp kín đáo : quên TÊN và VIỆC.

Sự quên hữu ý, sự cố tâm quên có nghĩa là chê bai, là khiển trách.

Như trong thí dụ trên, không chép tên Trịnh Trang-công chỉ gọi Trịnh-bá là chê lỗi chẳng biết dạy em.

Như Thúc-Tôn Kiều-Như, đại phu nước Lỗ chuyên chế mạng lịnh qua rước vợ ở nước Tề thì *Xuân-Thu chép* : « *Vợ Kiều-Như tên Phụ-Hỉ ở Tề về.* »

Như vua của nước Châu, tên Thiệt, chức là công, thường gọi là Châu-công, vì sợ loạn nên bỏ xứ trốn qua Tào, sau cùng qua triều Lỗ, *Xuân-Thu* chỉ chép : « *Thiệt đến* ».

Còn vua nước Ký, tước là bá, khi qua triều Lỗ lại dùng lễ của man di, *Xuân-Thu* chỉ biên : « *Kỷ đến triều* ».

Chẳng những thiếu là chê, có khi thừa cũng là khiển trách, như thêm tên tộc của các vị vua có lỗi. Muốn chỉ trích vua Vệ dùng kế tiểu nhơn để chiếm nước Hình thì *Xuân-Thu* ghi : « *Mùa xuân, tháng giêng, ngày bính ngọ. Vệ-hầu tên Hủy diệt Hình.* »

Khi muốn tỏ sự hư hèn của Tống Chiêu công thì chép : « *Mùa đông, tháng mười một, người Tống giết vua tên là Chử-cữu.* »

Nhưng phần nhiều khi *Xuân-Thu* thêm tức là khen, nếu ghi cả chức tước.

Muốn nêu tấm lòng trung của hai bề tôi nước Tống — công tử Ấn và Đãng Ý-Chư — *Xuân Thu* chép : « *Người Tống giết quan đại tư mã. Quan đại tư thành trốn qua Lỗ* ».

Như câu : « *Mùa thu, tháng tám, ngày giáp ngọ, tên Vạn của Tống giết vua tên Tiệp và quan đại-phu Cừu Mục* » là dụng-ý phạt Nam-Cung Trường-Vạn, một kẻ thí chúa, lại chê vua Tống vì tánh ham đùa-bỡn với bề tôi, phải mua lấy cái chết thảm-khốc, còn khen quan đại-phu tuy yếu-đuối mà dám cầm hốt đánh một tên võ phu, coi thường cái chết.

Chỉ thêm bớt vài chữ, Đức Phu-tử đã tỏ sự khen chê, ban điều thưởng phạt. Mà khen với chê, thưởng và phạt, khi đã trưng nhiều lượt, sẽ tỏ bày một luân-lý và một đường chánh-trị. Cả hai là sản-phẩm của quan niệm về cuộc đời, về vũ-trụ tức là triết-lý.

Phương-pháp kín đáo ấy chẳng những bày tỏ được mấy nguồn văn hoá mà còn gây một ảnh-hưởng, một hiệu lực phi thường : được một tiếng khen của *Xuân-Thu* là hưởng giọt mưa *Xuân* đầm-ấm, bị một câu trách là chịu ngọn nắng *Thu* gay gắt. Thật là kết quả mỹ-mãn, nhờ bởi tay thợ thánh khéo dùng một khí cụ thô sơ. Và cũng vì thế, sự phiên dịch *Xuân-Thu* chất chứa bao nhiêu nỗi khó : phải cân nhắc từng chữ, phải theo đúng nghĩa mà còn lo-sợ thừa lời.

***

Thiếu một chữ là chê bai, không chép một việc là trách phạt, thật là cực kỳ tinh khéo! Nhưng chỉ khéo với những độc-giả thông lịch-sử Trung-Hoa thời Đông-Chu ; còn với những người khác, không thấy chép, tưởng không có chuyện, thì sự thưởng phạt sẽ vô hiệu quả. Vì vậy bộ *Xuân-Thu* cần có chú-giải.

Chính là *Tả-Truyện*, một quyển sử đi song song với kinh *Xuân-Thu* do ngọn bút cứng rắn của Tả Khâu-Minh chép. Nơi đây, cần mở một dấu ngoặc để bàn về tên của nhà sử trứ-danh ấy.

(Có nhiều học-giả — trong số ấy có thầy của chúng tôi — đọc là : Tả kỳ Minh. Vậy nên theo phần đông đọc *Khâu* hoặc *Khưu* hay theo các cụ mà đọc là Kỳ ? Sự chinh lịch nầy do tục cữ tên mà sanh ra. Số là khi có tên Khâu hay Ni (tức Khổng-Khâu, Trọng-Ni, tên của Đức Phu-Tử), hoặc Kha (tức Mạnh-Kha tên của thầy Mạnh) thì sách nho đều ghi ba chữ « nên đọc Mỗ » thành ra Khổng-Mỗ, Trọng-Mỗ và Mạnh-Mỗ. Lâu ngày — theo lời của ông Nhượng-Tống — bản in mòn đi, chữ Mỗ mất hết một nét sổ nên thành chữ *Kỳ*. Bọn hậu-sanh chúng tôi không phải thiếu lòng thành kính thánh hiền, nhưng thấy cần đọc cho đúng, mà chắc các đấng Phu

tử, Mạnh tử, và các cụ cũng đã tha thứ khi chúng tôi đọc đến Ni và Kha. Vì vậy, từ đây nên đọc là Tả Khâu-Minh và đóng lại dấu ngoặc.)

Có phải vì đứng gần cụ Khổng, một cây cổ-thọ của văn hóa Trung Hoa nên bị tàn che bóng lấp mà thân thế của Tả Khâu-Minh bị vùi mất trong biển thời gian chăng ?

Chỉ còn nhớ là vị quan coi về sử của nước Lỗ noi theo ý chí của Phu tử chép lại những chuyện của kinh *Xuân-Thu*. Vì Khổng-tử cân nhắc ngòi bút để thưởng phạt như một vì thiên tử, nên được gọi là « Tố vương » — nhà vua không ngôi — và vì đó Tả Khâu-Minh được gọi là « Tố thần ». Nhiệm vụ của tử gia ấy là theo mỗi câu *Xuân-Thu* để kể chuyện. Và tất nhiên nhắc lại những đoạn không có chép trong kinh, để tỏ sự biểm nhẽ của Phu tử.

Theo lối viết sử ngày xưa, mỗi bài đều có luân lý, ở đây là « lời bàn của người quân tử ». Chúng ta chớ lầm tưởng vì là quyển truyện cho nên kể lể dông dài như... bài tựa nầy. Trái lại, vừa đẽo gọt vừa cân nhắc nên câu văn trở nên gọn gàng và cứng rắn. Như tả Lỗ Trang-công đi cùng Tào Uế đánh Tề ở Trường câu : « *Ngồi chung xe đến Trường-câu.*

*Trang-công sắp ra lịnh đánh trống thúc quân. Tào Uế ngăn : « Chưa nên ! » Chờ quân Tề xong ba hồi trống. Tào Uế bảo : « Đến lúc ! » Thua to, quân Tề chạy. Trang công sắp ra lịnh đuổi theo, Tào Uế ngăn : « Chưa nên ! » Xuống, xem dấu xe của Tề, trở lên đứng trông lại. Bảo : « Đến lúc ! » mới có lịnh đuổi theo. Toàn thắng. »*

Như khi Khuất Hà đánh trận Bồ-tao, vì hoài nghi, hỏi Đấu Liêm :

*« — Sao không bói thử ?*

*— Bói là để quyết điều nghi. Không nghi cần gì bói !*

*Rồi đem quân đánh thắng Viên, chiếm Bồ tao, minh hội xong, kéo về. »*

Câu văn có khi trở nên trục trặc, gút mắt vì bị bóp chặt hay thâu quá ngắn « *Cho đánh trống. Tiến quân. Toàn thắng. Tiêu diệt hạ Nhược Ngao* ». Trong nhiều đoạn, *Tả-Truyện* chỉ ghi lại vài cử chỉ mà cũng vẽ được tâm lý phức tạp của nhân vật. Muốn tả lòng căm tức và chí gấp báo thù của vua Sở khi được tin Thân Vô-Uý bị Tống giết, *Tả-Truyện* chép : « *Vua Sở hay, giũ áo đứng lên, đi chơn vào thất. Vào đến cung, giày đem tới. Ra cửa*

*cung, gươm dưng tới. Đến chợ Bồ tiêu, xa giá đầy tới.*

*Mùa thu, tháng chín, Sở vây kinh thành Tống.* »

Dùng câu văn tuy vắn mà sâu để thuật lại những mẩu chuyện tuy đơn sơ mà đầy ý nghĩa có thể làm gương đáng theo hay nên tránh cho muôn đời, *Tả-Truyện* thành một áng văn tuyệt tác, chẳng những được văn nhân sùng bái mà còn được võ tướng kính mộ. Chính những tay cung kiếm lại mắc phải « *bịnh Tả-Truyện* », là vì đi đến đâu, trong hồ trướng hay khi điều khiển ở trận tiền đều giữ cận bên mình quyển sử của Khâu-Minh.

Nhìn nhận giá trị của văn *Tả-Truyện* là nhìn nhận sự khó dịch của bộ sử đó. Vì diễn tả một tư tưởng của người bằng tiếng của mình, việc đó còn có thể làm được. Còn chuyển dịch một câu văn hay từ tiếng nầy qua tiếng nọ thật là một chuyện quá khó.

***

Lẽ tất nhiên, muốn dịch hai quyển *Xuân-Thu* và *Tả-Truyện*, chúng tôi hoàn toàn nhờ nơi Cụ. Từng chữ, từng lời. Cụ kiên tâm giải thích rồi chịu khó kiểm duyệt.

Khi nghe các bạn khuyên tôi xuất bản, thản nhiên, Cụ dạy : « Tùy nơi anh ! Nếu thấy có thể giúp ích được thì cứ tự tiện. Còn tôi chỉ là người của thế hệ trước. Đã qua rồi. Theo thế hệ đó, muốn đọc sách thánh hiền cần phải thông Hán học mới trọn hiểu tinh thần. Anh chớ quên : theo chúng tôi, Hán-văn là sự cần thiết, không thể không ; còn phiên dịch là sự bất đắc dĩ... Anh cũng nên nhớ giùm tánh tôi ưa thanh tịnh, ít ham đời nói đến tên... »

Lời nhắc nhở ấy — đối với chúng tôi — là một mạng lịnh.

Vì sự yêu cầu đó mới có lời phân trần lè nhè nầy. Chớ đâu phải vì chúng tôi. Nào có muốn phô trương thằng tôi khả ố nầy làm gì cho rườm tai độc giả !

Vì công lớn của cụ trong sự phiên dịch ;

Vì sự giúp đỡ của các bạn : trước là ông Trương Quan cho sách, sau là các bạn Đỗ-Thiếu-Lăng giúp tài liệu, bạn Nguyễn-Duy-Cần cho xem vài bài *Đông-Lai* đã dịch từ lâu.

Nhứt là anh Lê-Thọ-Xuân, cặn kẽ lúc chỉ bảo, tận tình khi sửa chữa, tỉ mỉ trong ấn loát. Một người « Anh » với nghĩa tốt đẹp của danh từ ;

Vì sự lương thiện của trí óc trong khi trước tác ;

Vì sự thành thật đối với mình, với đời, với nền văn học ;

Chúng tôi trân trọng xin độc giả nhận rõ điều nầy :

Khi gặp những câu dịch gọn gàng, ăn khớp với nguyên văn, bạn nên nhớ đó là công, đó là tài của Cụ, thầy chúng tôi ;

Khi thấy câu văn bất thành cú, khi gặp những lỗi lầm, chỗ dịch sai, bạn nên chắc chắn là vì sự dốt nát của

DƯƠNG-TẤN-TƯƠI

## Gắn-bó

*Sách đã xong mà lòng còn thắc mắc : không biết phần đông bạn trẻ có thưởng thức được lời « bác nghị » của Đông-Lai chăng ?*

*Nếu không thì bởi tại đâu ? Phải chăng vì thiếu thời-giờ nên không còn hứng thú xem văn nghị-luận nữa ?*

*Vì băn khoăn nên đem « thí-nghiệm » với nhiều bạn — toàn là những người biết yêu lý-luận cao-siêu như nước cờ xuất-sắc — mới biết hai nguyên do làm giảm bớt thú vị xem văn « bác-nghị » :*

*1) không biết tường tận đặc điểm của Đông-Chu.*

*2) không hiểu rành mạch tư tưởng của Đông-Lai.*

*Muốn giúp các bạn ấy, chúng tôi xin nhắc lại vài chi-tiết :*

### THỜI ĐÔNG-CHU

*Nhà Thương sụp đổ trong tủi nhục, Người đại diện cuối cùng, Trụ-vương, mê tửu-sắc, tàn-sát*

*dân lành, giết tôi trung như Tỉ Can, yêu lũ nịnh như Bí Trọng, Sùng Hầu, Ác Lai, phá công nho để lập « ao rượu rừng thịt » và Lộc-đài (1). Dân chúng khổ, giận, rồi oán.*

*Theo lòng dân, Võ-vương cử binh tuy ít (2) nhưng được chư-hầu theo giúp rất đông, nên lật nhà Thương, sáng lập nhà Chu, đóng đô tại đất Kỳ, Phong (3) (Kỳ-châu, Phong-cảo) cho đem chín đỉnh to của nhà Hạ về tại Hồ-nam rồi bói về vận-mạng của triều-đình mới. Theo quẻ thì « nhà Chu truyền ngôi được ba mươi đời, cộng được bảy trăm năm ». (4)*

*Các chư hầu tùng chinh đều được trọng-thưởng.*

*Thưởng bằng chức-tước là công, hầu, bá, tử, nam. Lại chọn trong các vua chư-hầu vài người có công to hay đức trọng để làm khanh sĩ, được mời đến triều-ca bàn về chánh-sự của nhà Chu. (5)*

---

(1) Xem lời bàn về « Châu-công-Duyệt và Vương-tôn-Tô kiện nhau... »

(2) *Tả-Truyện* trong bài « Khuất-Hà ».

(3) Xem lời bàn về chuyện « Chu cho Tấn đất... »

(4) Xem bài « Vua Sở hỏi đến chín đỉnh ».

(5) Xem bài « Chu Trịnh giáo ác ».

*Thưởng bằng đất cát hay cho phép dùng họ của thiên-tử. Có lập chiến công, mỗi chư hầu đều được lãnh một phần đất, trọn quyền làm chủ : thâu thuế, bắt dân xâu, xây đắp thành trì, mộ linh để chống giặc.*

*Dây liên-lạc giữa nhà Chu với chư-hầu : mỗi năm phải đến chầu thiên-tử và nạp-cống. Phần nhiều chỉ là món thổ-sản của vùng mình chiếm, một vật tượng trưng cho sự tùng phục của chư hầu. Vật tuy mọn như cỏ « bao mao » mà nước Sở sau nầy cũng không nạp để tỏ sự độc lập hoàn toàn đối với nhà Chu. Về đất cát, tuy đã chia đều đủ nhưng sau nầy với kẻ hữu công, thiên-tử còn cắt để tặng thưởng riêng. (6)*

*Đến năm 770 trước tây lịch, muốn tránh nạn Khuyển-Nhung, Chu Bình-vương cho dời đô về phía đông, tại Lạc-ấp. Đây mới thật là thời Đông-Chu và từ đây nhà Chu bắt đầu suy sụp.*

*Lúc đó chư hầu gồm có :*

*Lỗ, Tề, Sở, Trịnh, Tần Tấn, Tống, Vệ bên phe lớn ; còn phái nhỏ thì có Trần, Tào, Hình, Túc, Thái-Cử, Ngu, Quắc, Hứa Đặng, v.v...*

---

(6) Xem bài « Chu cho Tấn đất...»

*Trong đại gia đình ấy, người cha — thiên tử nhà Chu — đã già yếu, các con mới tranh nhau quyền cầm đầu tức làm bá chủ. Có trăm mưu ngàn kế nhưng chung quy chỉ một chương trình là tuần tự làm cho nước giàu, để có binh mạnh. Rồi đến triều kiến thiên-tử, một phận sự mà từ lâu các chư hầu đã xao lãng, (7) mượn mạng lịnh nhà Chu để hội chư hầu, (8) hoặc đem quân trừng phạt kẻ có tội (9) cố bắt nạt các nước lớn, hoặc tìm phương giúp những nước bị nạn để mua lòng chư hầu nhỏ. (10)*

*Phương pháp đoạt quyền bá chủ là bá đạo, thường dùng phú cường và hùng binh ép buộc người tôn kính mình, trái với vương đạo, thường nhờ đạo đức để cảm hoá lòng người.*

*Thời Đông-Chu có năm bá chủ : Tề Hoàn-công, Tần Văn-công, Tống Tương-công, Sở Trang-công và Tần Mục-công. Vì vậy, mới có tên là « đời ngũ-bá ».*

*Ngoài những chi tiết riêng biệt của thời đại, thì toàn là những chuyện gây ra khi con*

---

(7) Xem bài « Tấn hầu đi chầu thiên-tử ».

(8) Xem bài « Quỷ-khâu đại-hội ».

(9) Xem bài « Thọ Diêu tiết lậu quân cơ ».

(10) Xem bài « Tô hầu cứ Hình phung Vệ ».

*người gặp con người như tranh ngôi giành lợi, mê chơi hỏng việc, tức giận làm cản ăn thua vì tiếng nói, v.v...*

***

## LỮ ĐÔNG-LAI

*Đã nói về thời đại, đây nhắc đến nhà phê bình Lữ Tổ-Khiêm.*

*Ông tự là Bá-Cung, người huyện Kim-hoa, tỉnh Chiết-giang (Hoa-trung); đỗ tiến sĩ vào niên hiệu Hưng-long (1163), tức là năm đầu của đời vua Tống Hiến-Tông (1163-1189).*

*Ông thi đậu luôn khoa « bác học hoằng từ » làm quan đến chức « trực-bí-các trước-tác-lang Quốc-sử-viện biên-tu », cùng với các bực đại nho đương thời sánh tiếng. Đời ấy gọi ông cùng Chu Hi với Trương Thức là « tam hiền » của miền Đông-nam.*

*Ông học đã rộng lại sâu vì cố ý tra tầm cho tận gốc, nên về kinh-điển như* Thi, Thư, Xuân-Thu, *ông đã nghiên cứu đến tận nghĩa lý xưa. Trí ông lại nhớ rành các sử từ đời Tống trở lên. Vì đó, văn từ của ông có căn bản hẳn hòi mà vẫn không mất phần thâm thúy. Còn lý-lẽ dùng để biện-bác lại cứng-rắn*

*mà sắc-sảo, từ trước chưa có ai được như thế bao giờ.*

*Tuy vậy, ông không tránh khỏi sự chỉ-trích, bị Châu Hi chê sở-học của ông « lộn-xộn », nên trong bộ sử về nhà Tống mới liệt ông vào « Nhu-lâm-truyện ».*

*Vì tác-phẩm của ông lấy tên là « Đông-lai-tập » cho nên đời sau mới gọi ông là « Đông-Lai tiên-sanh ». (11)*

*Tục truyền rằng : đây là những bài của ông soạn ra để giảng-dạy một số môn-đồ vì nghe tiếng nên đến xin thọ-giáo rất đông. Sau nầy, nhận thấy giá-trị, học-trò mới lo sưu-tầm để in thành sách. Sở-dĩ phải mượn lối phê-bình lịch-sử là vì Đông-Lai thấy có thể dùng phương-tiện ấy để bày-tỏ nhiều tư-tưởng rải-rác khắp các ngành như tâm-lý, chánh-trị và triết-học... Nếu đem giảng từng khoa thì quá khô-khan lại khó hiểu mà không bổ-ích. Nay đem áp-dụng vào thực-tế, để trong khuôn lịch-sử thì các môn-đồ sẽ thấy rõ sự hữu-dụng của tư-tưởng, ắt dễ hiểu lại lâu quên.*

*Tư-tưởng của Đông-Lai thâm-thúy mà phong-phú, lại quá mới-mẻ đối với thời-đại. Nếu nhận-*

---

(11) Phỏng-dịch theo tự-điển Trung-Hoa.

*xét của chúng tôi không lầm thì phải chờ đến ba, bốn trăm năm sau mới gặp lại những ý-niệm mới ấy trong tác-phẩm của Vương Dương-Minh. Cuộc gặp-gỡ của hai bộ óc — nếu có — nghĩ cũng lạ-lùng thật. Một người giàu tư-tưởng đem vung rải trong các thiên cảo-luận từ năm 1170 đến 1180... Rồi một thời-gian đăng-đẳng trên ba thế-kỷ trôi qua, cho đến năm 1507 ở tại Qui-châu, một tỉnh xa-xôi đầy lam-chướng mà dân-cư toàn là mọi rợ, có một người đương bị đày, không một tờ sách nơi tay, chỉ ôn lại những điều đã học mà tìm ra một thuyết mới. Trong đó, chúng ta gặp lại nhiều ý-kiến đã thấy nơi bài « Ngu-công yêu-cầu ngọc-kiếm » hay « Lương bị mất nước », (12) v.v...*

*Có phải vì tư-tưởng quá cấp-tiến mà Đông-Lai bị Châu Hi trách là « lộn-xộn » chăng ?*

*Mượn mẩu chuyện của thời Đông-Châu để chứng-minh quan-niệm riêng về chánh-trị, về luân-lý và triết-học, Đông-Lai khéo phổ-biến tư-tưởng thành ra những châm-ngôn hữu-dụng cho con người khi cần xét mình hay xử-thế.*

*Tài của* Đông-Lai *giá-trị của quyển* « Bác-

(12) Trong « *Đông Lai bác-nghị* » quyển nhì.

nghị » ở tại đó : câu chuyện của một thời đổi ra lời dạy cho muôn thuở.

Chúng ta có thể sắp các lời bàn đó vào ba bốn khóm để trông rõ luận-đề như : lòng tham (cướp quyền, tranh của, giựt nước), những điều nên theo, việc cần tránh trong chánh-trị, khóm bài có tánh-cách luân-lý và tâm-lý, v.v...

Nhưng ngoài đặc tánh, các bài còn chứa nhiều tư tưởng khác nên cũng khó sắp chung nhau, vả lại lý lẽ dùng để biện bác thường đưa nghị-luận ra ngoài khuôn khổ nhứt định.

Như « Trịnh-bá thắng Đoạn » thì nên cho vào khóm nói về lòng tham, nhưng cũng là bản cáo-trạng vạch rõ tâm địa của kẻ gian hùng mà kết-luận lại theo luân-lý : « dối người tức là hại mình... »

Cũng trong khóm đó, bài « Ngu-công yêu-cầu ngọc-kiếm » là một luận đề về triết-học : tham-lam và hà tiện tuy hai mà vẫn một, đồng do tánh yêu tiền của mà sanh ra. Không thể nói tốt, hay xấu được vì không có thiên tánh nào tốt cũng chẳng có xấu. Xấu hay tốt đều tùy cách áp dụng.

Trong loạt bài ấy, lời bàn về « Vũ Phủ thí Ân-công » khuyên nên thận trọng khi làm nghĩa,

*bài « Dĩnh Khảo-Thúc tranh xe » bàn về chữ Hiếu không bờ-bến, bài « cháu Đặng-hầu xui giết vua Sở » xét đến nguyên nhân của sự mất nước, bài « Chu cho Tấn đất... » luận về mối tương quan giữa đức-độ và đất đai, chuyện « Lỗ Trang-công không phạt Tề » vạch rõ sự quan trọng khi chọn lựa đồng-minh, còn bài « Quý Văn-Tử đuổi Cử Bộc » chỉ đầu mối của việc cướp quyền lấn vị.*

*Cũng trong loại đó còn bài « Tấn-hầu đi chầu thiên-tử để phạt Vệ » chỉ sự dễ biết lỗi người mà khó thấy lỗi mình, bài « Chu, Trịnh giao ác » chứng rõ : không tự-trọng là mua tủi-nhục. Còn « Trịnh cầu hoà, Trần hầu không chịu » xét đến tai hoạ gây ra bởi sự dễ khinh.*

*Chuyện « Chu-công Duyệt và Vương-tôn Tơ kiện nhau tại Tấn » cho thấy rõ khi được dân tin là được quyền-hành ; bài « Phạm Sơn xin thôn-tính chư hầu miền bắc » thì : ở gần mà bị cảm tình che mắt, không sáng-suốt bằng người xa trong khi xét-đoán. Phức tạp hơn là bài về Đảng Ý-Chư, vì nơi đây chúng ta trông thoáng qua thấy nỗi lòng Đông-Lai, một thần-tử của Tống-trào. Đoạn đầu ca tụng phẩm cách của Đảng Ý-Chư trong buổi loạn-lạc thì khen ngợi tấm lòng trung-trực có thể*

*vì cùng « trụ đá đứng vững trong cơn dông-tố, tiếng gà chấm dứt đêm mù-tối ». Đoạn dưới bình luận về hành động của Ý-Chư thì chê sao chịu trói mình trong cảnh ngộ cho đến đổi cứu vua không xong mà chết cũng không ích.*

*Lần đầu tiên, chúng ta thấy Lữ Đông-Lai mất trầm tĩnh vì đã bỏ địa vị khách-quan của nhà bàn sử. Phải chăng vì đương trông thấy nguy vong của nước dưới trào nhà Tống, rồi đọc sử đến chỗ loạn ly của nước Tống, đến cái chết thống khổ của Đảng Ý-Chư nên Đông-Lai không tránh khỏi cơn xao xuyến ?*

*Nhóm thứ hai bàn về chánh trị... Nhưng có bài luận nào của Đông-Lai không nói đến chánh trị ? Như các bài vừa kể trên đều đứng được vào nhóm nầy. Trong đó, trước hết, Lữ Đông-Lai khuyên nên tránh : sự « yên vui » (Quản-Trọng xin cứu nước Hình), xa-hoa vô lý (Vệ Ý-công hiếu-hạc),* hư-danh *(Tề-hầu cứu Hình phong Vệ),* mục-đích quá hèn thấp *(Quý-khâu đại-hội),* có danh không thực *(Thân Vô-Ủy nhục kẻ dong xe vua Tống). Đây là một ý-niệm chánh của Đông-Lai về xử-thế, có thể tóm-tắt như sau : mỗi người đều có một địa-vị do tài-ba hay đức-độ tạo ra, còn bên ngoài một hoàn-cảnh do người đời hay số-mạng gây*

*nên. Trước hết một sự dĩ-nhiên : khi gặp tình-cảnh không thuận-tiện, mà tìm phương trốn-tránh, thì chắc-chắn là mua lấy hoạ. Trái lại, khi thời-cuộc quá thuận-tiện, quá chiều theo ý muốn, tỉ như ta không tài, không đức mà cảnh-ngộ lại khéo bày trò cho thiên-hạ có thể lầm tưởng tài với đức của ta song-toàn thì khi đó, ta phải hết sức thận-trọng, vì hoặc người đời muốn hại ta, hoặc số-mạng quyết hại ta. Ý-tưởng đó, Lữ Đông-Lai đã mượn nhiều chuyện để chứng-minh. Chúng tôi xin nhường cho bạn đọc cái hứng-thú tìm thấy hoặc nguyên-ý hoặc một nhành con, một phần ý ở trong nhiều nghị-luận. Với các bài sau, Đông-Lai chỉ những cần-yếu đối với chánh-trị :* trong nghi-lễ *(Nam-Cung Trường-Vạn thi Tống Mẫn-công)*, được lòng dân *(Tao Uế luận chiến)*, noi theo lề-lối thường, tránh sự lập-dị *(Tống Mục-công lập Thương-công)*, thận-trọng lúc phê-bình *(Hoa Ngẫu từ yến)*, cẩn-thận khi chọn bộ-hạ *(Hoa Nguyên làm thịt dê thết-đãi ba quân)*, xét mình bằng việc người *(Tấn Hoài-công giết Hồ Đột)*, dự-luận *(bài minh của Lễ-Chi)*.

*Nhóm thứ ba nói về tâm-lý, Đông-Lai phân-tách* tình yêu *của nàng Hoài-Danh (Thế-tử Ngữ trốn về nước)*, ăn-năn *(Tiên Trần tử-tiết)*, tham-vọng *và* căm hờn *(Thành Đắc-Thần,*

*Khước Khắc*), sự nông-cạn của tấc lòng (*Dương Xử-Phủ*).

*Nhiều lời bàn tuy chung một đầu-đề, nhưng vì lập-luận quá khác nhau nên không thể sắp chung vào một loại.*

*Như về thuật can-gián trong bài « Tang Hi-Bá can việc đi coi lưới cá », Lữ Đông-Lai chỉ-trích sự khuyết-điểm của lối can-gián thông-thường, trình một phương-lược dễ thành công. Mở đầu bài đó, ông sắp hạng ba cách can vua. Như một điệp-khúc, ba phương-pháp ấy được lặp lại với nhiều thi-dụ mà câu-chuyện Hi-Bá là một. Rồi khi kết-luận còn trở lại điệp-khúc ấy. Một nghị-luận chặt-chẽ như bài toán, trình-bày như bản đờn, các lý-lẽ lập lại như điệp-khúc, bài đó tuy ngắn, nhưng đáng quý như một áng văn kiệt-tác.*

*Bài thứ hai, « Dục Quyền cầm khí-giới can vua » nhắc lại những đức-tánh cần-thiết cho quan gián-nghị rồi vạch rõ ranh-giới của sự can, đến đâu phải ngừng lại.*

*Đến bài « Tang Ai-Bá can dùng đỉnh », Lữ Đông-Lai đã lìa khỏi thuật can để bàn đến người nạp lời gián. Vì nếu không thận-trọng, can người không xứng, có thể bị tội liên-can. Bỏ vai tuồng luân-lý, Đông-Lai khoác áo chưởng-*

*lý gom-góp các lý-đoán, chứng-minh lời nói bằng thí-dụ rành-mạch, rồi kết-án nghiêm-trang, cho thấy tài hùng-biện tương-đương với Chaix d' Est d' Ange, Lachaud hay Henri Robert của tòa-án Pháp. Ba bài bổ-cứu lẫn nhau, bàn-xét trọn một vấn đề, có thể giúp chúng ta trong việc khuyên bạn, can anh, hoặc chỉ bảo cho người làm đường một cách đắc lực.*

***

*Cùng nhau chúng ta lần bước theo dòng tư tưởng của Lữ Tổ-Khiêm.*

*Chỉ còn mấy bài chưa nói đến, như « Tức-hầu phạt Trịnh », vì chỉ nhắc lại một ý-kiến đã bàn rồi : trốn cảnh ngộ là tự gây họa. Mỗi tình cảnh mỗi có sự bắt buộc, như nghèo phải khổ, hèn phải nhọc, không thể tránh được. Ta nên cam chịu mà cũng đừng quan tâm đến. Đọc sơ qua cũng thấy là nhành con của ý-kiến đã phô bày trong khi luận về « Thân Vô-Uý nhục kẻ giong xe... »*

*Có bài chưa xét đến vì tánh-cách đặc biệt nên cần phải bàn riêng như « Thọ Điêu tiết lậu quân-cơ ». Trước xin nhắc rõ câu chuyện để nhận thấy chân giá trị của lập-luận. Tề Hoàn-công lên ngôi trong hỗn độn : cha với anh đều bị giết. Muốn trấn-tĩnh nhân-tâm, muốn thực-*

*hành chi lớn, cần có một nhà chánh-trị đại-tài giúp tay. Nghe theo mưu-sĩ Bảo Thúc-Nha, quên cả thù riêng, Hoàn-công cho đem Quản-Trọng, kẻ vừa bắn mình, về làm tướng quốc. Trong khi bàn-định chương-trình giành bá-chủ, vua Tề thăm-hỏi về chỗ yếu của mình. Quản Trọng bảo không sao, chỉ nên tránh sự « dùng tiểu-nhân mà cho xen vào chánh-sự » vì có thể hại đến nghiệp ba. Áp-dụng chương-trình kinh-tế, nước Tề trở nên giàu rồi có hùng binh. Bắt đầu thi hành chương-trình chánh-trị : triều-kiến thiên-tử, hội chư-hầu, giúp kẻ yếu, phạt kẻ cường-ngạnh. Trong đó có Sở, một nước mạnh. Không chắc thắng nơi trận tiền, Quản Trọng mới dụng mưu sâu. Mượn cớ phạt Sái, một nước nhỏ, rồi thừa dịp kéo binh bất-ngờ đột-nhập vào Sở. Kế đó thành hay bại đều do sự giữ kín cơ-mưu. Điều lạ thứ nhứt là tướng cầm binh trừng-phạt Sái lại là Thọ-Điêu, kẻ tự thiến mình để được hầu-cận Hoàn-công. Đúng theo quan-niệm xưa, đó là một tiểu-nhân. Thọ-Điêu, ăn hối lộ, tiết-lậu chiến-lược. Điều lạ thứ nhì là Quản Trọng khi trông thấy Sở dự-bị thì biết cơ-mưu đã bại-lộ mà chẳng trừng-phạt thủ-phạm. Tại sao ? Câu hỏi đó đều ở đầu lưỡi của mỗi độc-giả mà chưa ai tìm được câu giải-đáp cho thoả-mãn. Xuân-Thu Tả-Truyện, cho đến lịch-sử tiểu-thuyết*

*« Đông-Châu liệt-quốc » cũng không nói tại sao Quản Trọng chẳng bắt tội Thọ-Điêu. Muốn tìm giải-pháp cho bài toán khó, Đông-Lai dùng một phương pháp tối tân, — theo ý chúng tôi — đó là cách đặt giả thuyết để làm việc (hypothèse de travail).*

*Nhà khoa-học gặp một hiện-tượng mà hình như có đến năm, bảy nguyên-nhân. Vậy đâu là chánh ? Không đủ điều-kiện để định-đoạt, nhà khoa-học phải đặt ra giả-thuyết để làm việc. Nhìn-nhận một nguyên-do nào đó là chánh, rồi cứ thí-nghiệm như thật sự là thế. Nếu kết-quả đúng thì giả-thuyết đúng, mà giả-thuyết đúng thì nguyên-do kia là chánh. Phương-pháp của Đông-Lai cũng thế. Không biết được duyên cớ nào đã bắt Quản Trọng tha tội Thọ-Điêu, Đông-Lai chiếu theo tâm-lý của hai nhân-vật chánh để tìm những lý-lẽ có thể giải thích « bài toán Di-Ngô ». Mỗi cớ sẽ thành giả-thuyết trong cuộc thí-nghiệm. Lời bàn về « Thọ-Điêu tiết-lậu quân-cơ » là bản phúc-trình khi thí-nghiệm với giả-thuyết « giao-kết giữa Tề Hoàn và Quản Trọng ». Dở tập hồ-sơ đó, bạn đọc, vị toà tối cao, sẽ quyết-đoán xem Đông-Lai thành-công hay thất-bại ?*

*Kể qua phương-pháp tối-tân, còn có lời*

*bản về Khuất Hà. Nơi đây, Đông-Lai áp-dụng lối « tỉ-luận » hay là lập-luận theo tương-tợ (raisonnement par analogie) một cách thật tế-nhị. Thường các nhà lý-luận hay tránh lối nầy vì rất dễ sai-lạc. Phải cho đủ « tương-tợ trong » và « ngoài » mới có kết-quả mỹ-mãn. Nhờ gồm đủ điều-kiện nên lập-luận của Đông-Lai mới vững-chắc dường ấy.*

***

*Sơ-lược, thật sơ-lược, chúng ta đã trải qua những ý-kiến chánh của Đông-Lai bác-nghị. Mà trong mỗi bài, chỉ nói đến một gốc to, còn nhánh lá sum-sê, chồi-tược rậm-rít, thì chưa tả đến. Phải trọn một quyển sách dày mới gọi là khá đủ, chớ cũng không nói hết những đặc-biệt của tác-phẩm.*

*Chúng tôi thấy có hai cách gián-tiếp để chỉ giá-trị của sách : so sánh « bác-nghị » với lời bàn của người khác về một vấn-đề, hoặc so sánh với cảm-tưởng của bạn sau khi đọc xong bài luận của Đông-Lai.*

*Để cho các bạn tiện so-sánh, xin chép lại bài luận của hai nhà học-giả tên tuổi : cụ Ôn-Như Nguyễn Văn-Ngọc và Tử-An Trần Lệ-Nhân, về « Ngu-công yêu-cầu ngọc-kiem » trong bộ Cổ-học Tinh-hoa :*

« Tham là một nết rất xấu. Tham vừa, « người ta còn có thể chiều hay nể, chớ tham « quá lắm, như chỉ biết có mình, không biết « còn ai nữa thì ai người chịu nổi.

« Vả lại tham hay sanh ra ngang-ngược, « tham hay sanh ra u-mê cho nên Ngu-công « đây muốn ngọc, được ngọc đã là may, lại « còn muốn cả gươm, Ngu-thúc chịu sao được « mà không tính cách để trị lại. Ôi ! gươm đã « chẳng được, nước cũng không còn.

« Tham thì thâm ! Phật đã bảo thầm rằng : « chớ có tham. »

***

Còn cách so-sánh khác là đem nghị-luận của Đông-Lai đối-chiếu với lời phê-bình của bạn. Hoặc bạn chỉ đọc câu-chuyện với tất cả chi-tiết rồi tự đặt mình vào địa-vị của nhà bán sử để phân-tách, khảo-xét và phê-luận. Sau đem sánh với bài nghị-luận của Đông-Lai. Hoặc thận-trọng ghi những cảm tưởng của bạn sau khi đọc xong bài bác-nghị. Đặc-tánh của những tác phẩm « cổ-điển » (classiques) — quyển Bác-nghị đứng trong hàng-ngũ đó — là bất-cứ ở nước nào, vào thời đại nào, độc-giả cũng tìm thấy tâm và trí mình trong đó. Và đối với hạng người nào, áng văn cổ-điển cũng có thể làm giàu cho trí-óc : khi đem

*tư-tưởng mới-lạ, khi đánh thức những ý-kiến đã chìm từ lâu trong cõi quên vô-tận. Những phút nhọc-nhằn để lần theo từng lý-luận của tác-giả đều được đền-bù xứng-đáng...*

*Để hầu độc-giả, chúng tôi có ghi-chép những cảm-tưởng riêng, sau mỗi bài bác-nghị. Nhưng có nhiều bạn, vì chờ-đợi sách quá lâu, nên nhiều phen đến thúc-giục, khuyên chúng tôi đừng ra khỏi địa-vị của người giới-thiệu* Đông-Lai.

*Nể lời bạn... nhưng cũng xin chép lại cảm-tưởng khi đọc bài « vua Sở hỏi đến chín đỉnh ». Để ghi một phút hào-hứng, để chứng-minh lời nói trên : « biết đọc* Đông-Lai *là làm giàu cho trí-óc »...*

*« Đột-ngột, đứng sừng-sững trước mặt chúng tôi một văn-nhân, mũ cao, áo rộng, râu ba chòm suôn-đuột, bộ-tịch cực-kỳ nghiêm-trang. Chẫm-rãi, người cúi đầu chào rồi chẫm-rãi, từng tiếng, khởi-sự nói lanh-lảnh : « Không ! chúng tôi không phải xa-lạ, chính thị là Vương-tôn-Mẫn, đại-phu của Châu-trào ! Chúng tôi mới đến quý-quốc lần đầu-tiên. Đến để phản-đối lời bác-nghị của Lữ Tổ-Khiêm sắp dịch,*

*ra tiếng Việt, đến để kháng-cự lời chỉ-trích cay độc của Đông-Lai về việc chúng tôi đã lui binh Sở. Nói trước để cho ngài khỏi ngộ-nhận, chúng tôi là người cùng thuyền đồng hội, nên rất yêu tài biện-bác của Đông-Lai. Nhưng càng kính Đông-Lai nhà luận-lý, càng ghét Đông-Lai vai chưởng-lý. Vì theo chúng tôi, đó là một sự lập-dị. Khi tất cả đều ca tụng việc dùng lời nói lui được quân Sở thì một mình Đông-Lai chỉ-trích, có phải là muốn mua-chuộc tiếng khác đời chăng ?*

*Vì Đông-Lai dư biết cảnh-ngộ éo-le của nhà Châu trong thời-buổi đó. Khi vua Sở thẳng mọi Lục-Hồn đem binh đến đóng trên bờ Lạc-thuỷ, diễn-tập ba quân trên đất nhà Châu thì từ trên cửu-ngũ cho đến chốn thôn-quê, ai cũng cảm thấy luồng gió lạnh đầy tanh-hôi làm tê-tái thấu can-tràng, mà trông trước ngó sau thì chẳng có tấm bình-phong nào đủ che-đỡ ! Chư-hầu à ? Tề Hoàn, Tấn Văn đã khuất-bóng, còn lại thì hoặc yếu-đuối hoặc thờ-ơ ! Binh-sĩ à ? Kẻ thì quá già-nua chuyên lo về canh-gác, đứa thì quá trẻ-con chưa từng ra trận-mạc bao giờ. Khí-giới ư ? Thiếu trước hụt sau, món đã sắm lại không được giồi-mài sắc-bén. Võ-tướng ư ? Tay gan-dạ*

*cũng có mà kinh-nghiệm lại không. Dòm qua tứ phía, đều cảm thấy thiếu một việc mà thiếu một cách cay-nghiệt : thiếu dự-bị.*

*Khi đấng Chí-tôn sai Mẫn này đến ủy-lạo quân Sở, trí chúng tôi đã thấy : « Chuyến đi là hệ-trọng nhưng chỉ là kế cầu may trước cơn quốc-biến », lòng chúng tôi đã nguyền : « Không để nhục quốc-thể », chí chúng tôi đã quyết : « Liều thân đền-đáp quân ân. »*

*Lúc giã-từ bệ-ngọc, một mình đi vào trọng-địa thì thấy đầy đường chúng dân bồng-bế tản-cư, các nhà quyền-quý, các thượng-quan trong trào chuyên-chở bạc-vàng rời Lạc-ấp. Như chúng tôi, tên cùng-đinh với người sang-cả đều trông thấy cận-kề nỗi tán thân, bại sản. Phút hãi-hùng đó, đã trải qua nào ai dám sống lại ! Dẫu nhọc-nhằn, dẫu khổ-cực đến đâu cũng cam chịu nổi, miễn đừng gặp kinh-khủng đó lần thứ hai. Vậy mà Đông-Lai dám gán cho dân nhà Châu ý-tưởng : « Sau nầy nếu có cuộc xâm-lăng bờ-cõi thì chỉ cần sai một biện-sĩ ra đó cũng đủ rồi ! » Những ai đã sống qua cơn biến-cố ấy, đã cảm thấy sự cầu-may của biện-pháp « dùng lưỡi » ấy, chắc không dám nhận Đông-Lai là nhà tâm-lý đại-tài !*

*Hơn ai, chúng tôi cảm thấy sự bấp-bênh*

*của sứ-mạng nên đã toan-tính cách dùng ba tấc lưỡi để làm lợi-khí tranh-đấu, đem câu văn bóng-bẩy làm quân-lính hãm thành, coi lý-luận vững-chắc như đại-tướng chỉ-hay, lấy bộ tịch cứng-cỏi, nét mặt thành-thật làm mưu chiến-thắng...*

*Trên bờ Lạc-thủy, dinh-trại của quân Sở đóng liên-tiếp dài trên mấy dặm, gươm giáo tuốt trần sáng như sao, rậm như rừng, binh Sở sắp hàng hai cực-kỳ hùng-dũng ; nhưng chí đã quyết kế đã định, chúng tôi lấy tư-cách của vị thiên sứ đến ban lời ủy-lạo, nên thung-dung, chậm-rãi bước vào tổng-hành-dinh của vua Sở... Khi nghe Trung-vương ướm lời hỏi thăm chín đỉnh, thì biết phút quyết-định đã đến. Dõng-dạc, chúng tôi đưa chuyện quỷ-ma ra trước làm tiên-phong dọn đường, rồi nhờ thần-thánh nối gót để mở lối, tôi dùng lịch-sử làm bằng, lấy đức-độ làm cớ, bày ra một hậu-tập cứng-cỏi là câu chuyện bói-khoa khi sáng-lập nhà Châu, rồi dùng thành trì kiên-cố của định-mạng để kết-luận, làm cho vua tôi Sở Trung-vương phải chịu lặng thinh.*

*Chúng tôi vẫn nhìn-nhận mưu-lược đó là mỏng-manh, coi sự thành-công là may-mắn chẳng lúc nào dám khuyên thí-nghiệm lần thứ nhì. Nhưng ở trong tình-cảnh éo-le của thời-buổi*

ấy, gặp tai-nạn ấy với sự thiếu các lối tranh-đấu khác, thì hỏi ngoài phương-lược đó còn có mưu-mô nào? Đông-Lai là thông suốt cổ-kim, hiểu rành binh-pháp, xin mách giùm một phương-pháp công-hiệu hơn?

Trở về thành-đô, lòng thoả-mãn vì sứ-mạng đã tròn, lòng khoan-khoái vì thấy chúng dân mừng-rỡ hồi-cư, lòng hoan-hỉ vì được Đấng Chí-tôn ban khen và trọng-thưởng, nào dè đâu nửa thế-kỷ sau, lòng chúng tôi phải căm-hờn vì câu-chuyện đó! Một người nổi tiếng thông-minh, bác-lãm đứng lên chỉ-trích việc lui quân Sở, hơn nữa, người đó — Lữ Đông-Lai — còn gán cho chúng tôi một tội tày đình: làm hèn-yếu nhà Châu, một tội mà chúng tôi không dám nhận.

Không lẽ bác-học uyên-thâm như Đông-Lai lại chẳng hiểu làm suy nhà Châu là kinh-tế hay sao? Trước phân-phát, sau tặng-thưởng, đất của nhà Châu càng hẹp, huê-lợi càng hiếm hoi, thuế má càng kém-cỏi. Chư-hầu bao chung-quanh đều chiếm giành các nguồn-lợi chánh. Công-nho thiếu hụt lấy tiền đâu để mộ binh, sắm khí-giới, dành-dụm lương-thực, xây-đắp thành-trì mà đề-phòng một cuộc ngoại-xâm? Vì vậy, đem binh trừng-phạt chư-hầu, thiên-tử mới bị thua luôn.

Khi oai-quyền không còn thì chánh-lịnh

*đâu còn giá-trị? Càng ngày nhà Chu càng suy. Suy vì kinh-tế chớ nào phải « ham từ-hoa, mê biện-thuyết, ưa điệu-bộ ? »*

*Kinh-tế khủng-hoảng, tài-chánh khiếm-khuyết thì nước nghèo, binh yếu ; oai-quyền mất thì chúng dễ-khinh ; chớ nào bởi trông-cậy vào lưỡi dài hay ở tài của biện-sĩ ?*

*Chẳng qua Đông-Lai có vài ý-kiến thông-thường lúc nào cũng đeo-đuổi theo như : « không nên khinh-thường hoạ-hoạn, chẳng nên trông-cậy nơi may-mắn ». Nhận thấy có thể dùng chuyện « vua Sở hỏi đến chín đỉnh » để chứng-minh ý-kiến trên. Đông-Lai cho dân nhà Chu « mượn » thêm vài câu : « lưỡi ta còn, có sợ chi giặc ! », hoặc : « sau nầy có cuộc xâm-lăng... chỉ cần sai một biện-sĩ »... để gò, ép, uốn, nắn thời-cuộc theo cho đúng ý mình đó thôi !*

*Muốn cho cuộc tranh-luận thật đầy-đủ, chúng tôi xin mở rộng vấn-đề và tạm nhận Đông-Lai hữu-lý, nghĩa là nhà Chu suy sụp tại lòng khinh-thường hoạn-nạn với lòng tin-cậy vào sự cầu may của thiên-tử và công-khanh. Nếu thật vậy cũng không thể bắt tội Vương-tôn Mãn nầy được ! Vì một lý rất giản-dị : « không quyền-hành là không trách-nhiệm ». Đông-Lai là người thông-thái tại sao không hiểu lẽ đó ?*

*Chúng tôi chỉ có một nhiệm-vụ là cầm chơn quân Sở : nếu sứ-mạng không tròn thì cam chịu lời khiển-trách của đấng Chí-tôn. Kẻ cầu may đã thành thì phận-sự đã trọn. Còn văn-hóa, còn cách chọn người giúp việc, đâu phải là trách-nhiệm của Mãn nầy. Như vậy, hỏi tội chúng tôi có phải Đông-Lai bắt-buộc tổng-trưởng Ngoại-giao chịu những lỗi-lầm của bộ Quốc-gia giáo-dục chăng ? Nếu không phải là người lập-dị, trong đời có ai binh-vực một điều bất-công như thế bao giờ ?*

*Tội-lỗi của Đông-Lai còn to-tát hơn nhiều ! Chẳng những bị tiếng hiếp-bức lịch-sử, uốn-nắn sự thật để chứng-minh tư-tưởng, chẳng những phải chịu tiếng xử-đoán bất-công, xét người bất-minh, họ Lữ còn phải chịu trách-nhiệm nặng-nề về sự điếm-nhục của Trung-Hoa. Quê-hương yêu-quý của chúng tôi bị bọn man-di giày-xéo, bôi lọ, nhà Tống bị ô-nhục, dân chúng Hoa-hạ bị tàn sát, bị đưa đến cảnh lầm-than rồi vào vòng nô-lệ, đối với bao nhiêu tai-nạn thảm-khốc ấy, đứng trước công-luận, Đông-Lai phải lãnh một phần trách-nhiệm nặng-nề !*

*« Luận người là mượn sở-đoản của người để trị sở-đoản của mình, mượn lầm lỗi của người để trị lỗi-lầm của mình, vì bản là*

*chủ-ý nơi mình chớ không chủ-ý nơi người » cho nên khi Đông-Lai luận về « sự dùng lời để lui quân Sở » cốt là muốn đoàn hậu-tấn khỏi bị rơi vào lỗi-lầm đó. Môn-đồ trung-thành rất đông, độc-giả yêu tài không ít, cho nên tư-tưởng của Đông-Lai có một ảnh-hưởng lâu-dài, cả trăm năm sau vẫn còn nguyên-vẹn. Khi bọn man-di miền bắc cử hùng-binh xâm-lấn Trung-Hoa, nhờ tướng tài quân mạnh nên thế như chẻ tre, nhà Tống không phương gì ngăn-cản nổi. Đành phải thúc-thủ cắt đất chia cùng giặc Kim, lại còn phải cam chịu nhiều điều ô-nhục, v.v. Trước cảnh tang-thương nhục-nhã đó, đành rằng võ-tướng bị thua nên phải xếp giáp, còn những tay biện-sĩ hữu-tài của nhà Tống tại sao cũng cam chịu lặng thinh? Có phải do ảnh-hưởng khốc-hại của Đông-Lai chăng? Có phải sợ một Đông-Lai thứ hai buộc họ vào tội « làm hèn-yếu nhà Tống » chăng? Nào có phải thiếu lý-lẽ để cho lũ giặc kiêng sợ? Chỉ cho chúng thấy: làm nhục hai vua sẽ gây một phản-kháng lớn-lao, mà chiếm đất chẳng chiếm được lòng thì không thể nào an-hưởng chiến-công đã thu-thập được. Lý-lẽ có thừa, tài biện-bác cũng dư, nhưng vì sợ tiếng xui nhà Tống « khinh-thường mối hoạ, nương-cậy vào may-mắn » nên chẳng có người nào đứng lên phản-*

*đối. Cũng bởi không có nguồn dư-luận chống giặc, nên bọn nó mới hành-hung, chiếm cả đất Hoa-Hạ. Chung-quy cũng tại bài luận của Đông-Lai!*

*Có phải đúng với câu* Kinh Thi *: « Ai sanh mối loạn mà đến ngày nay hãy còn tai-hại ? » của Đông-Lai đã dùng để buộc tội Tử-Văn hay không ? (1).*

***

*Gió lạnh thổi qua, hình Vương-tôn Mãn đã biến mất. Chúng tôi vừa tỉnh mới hay là giấc chiêm-bao ở cạnh bản thảo* Đông-Lai bác-nghị. *Tri đã tỉnh mà tai dường như còn nghe dư-âm của tiếng cười ngạo-nghễ, với chuỗi lời rồn-rảng. Thật là ngọn suối chảy khôn cùng. Thật là không biết lui một bước, không biết nhượng một lời! Đông-Lai chỉ-trích một câu, Vương-tôn Mãn trả lời bằng một bài dài thậm-thượt. Lý-luận đáp lý luận, Vương-tôn Mãn chưa hài lòng, còn lôi cả lịch-sử nhà Tống để gán cho Đông-Lai tội làm yếu sức kháng-chiến. Coi thế mới hiểu vì đâu vua Sở, với binh hùng, tướng mạnh, lại phải chịu cuốn cờ xếp giáp để lìa khỏi bờ Lạc-thủy ».*

---

(1) Xem bài « Thành Đắc-Thần, Khước Khắc ».

*Sau khi nhắc lại vài chi-tiết của thời Đông-Châu, tóm-tắt các ý-niệm của Đông-Lai, bàn đến đôi cách lập-luận, trình ít lối so-sánh để đo giá-trị của mấy bài bác-nghị, chúng tôi mới nói đến sự phong-phú « do sách thưởng tặng cho các độc-giả trung-thành. Nhơn dịp ấy, chúng tôi giới-thiệu loại văn « mô-phỏng » (pastiche) (1) ít hay dùng trong xứ ta. Lối văn đó rất thạnh-hành ở Âu-Mỹ vì vui-vẻ chỉ cho độc-giả thấy cách dụng-ý và hành-văn của tác-giả. Khi « bắt tật » được, người « mô-phỏng » phải khéo « cóp » cho giống văn của tác-giả, để cho độc-giả có thể ngộ-nhận, nhưng muốn đúng phép, phải làm sao cho độc-giả đừng lầm. Thú-vị và tài-nghệ đều ở tại đó : vừa đồ theo cho giống vừa để lộ vài chỗ hơi vụng cho độc-giả cảm thấy đây là một lối chơi văn chớ không phải cách đạo văn.*

*Sở-dĩ chúng tôi « gắn-bó », nói đi rồi lặp lại, không sợ thừa lời, vì thấy sự hữu-ích vô-ngần của* Đông-Lai bác-nghị. *Hữu-ích vì tư-tưởng mới-mẻ, vì nhận-xét rất tinh-tường về chánh-trị, luân-lý hay tâm-lý. Hữu-ích nhứt là cách nghị-luận chặt-chẽ và sáng-sủa. Nhứt là đối với chúng ta, một dân-tộc quá giàu*

(1) Tức là bài trả lời của Vương-tôn-mãn.

*tình-cảm, thường quả-quyết theo lòng, ít khi giải-quyết bằng trí.*

*Vì đó, chúng tôi nuôi ảo-vọng giúp các bạn trẻ hiểu Đông-Lai để yêu nghị-luận, thích văn « Bác-nghị » để rèn-tập cho mình một lợi-khí sắc-bén trong cuộc tranh sống. Vì biết suy-xét một vấn-đề đặng tìm luận-chứng, biết sắp-đặt lý-lẽ để trình-bày cho phân-minh, là yếu-tố đầu-tiên của sự thành-công. Biết dìu-dắt cuộc thảo-luận, biết nhấn mạnh chỗ thiết-yếu, nơi quan-trọng để ép người đối-thoại phải nhìn-nhận quan-điểm của mình, tức đã gần đến chỗ đắc-thắng.*

*Vì thấy có thể dùng những bài bác-nghị của Đông-Lai để làm khuôn-mẫu cho các bạn học lý-luận, chúng tôi mới cam tội lắm lời... Các bạn cũng niệm-tình mà tha-thứ cho.*

# PHÀM LỆ

Mỗi bài gồm hai phần : sự tích trong *Tả Truyện*, lời bàn của Đông-Lai. Khi nào có, trước nhứt chép câu của *Xuân-Thu*.

Trên mỗi bài có ghi niên hiệu theo lịch triều của nước Lỗ, đối chiếu với tây lịch. Như thế là phi lý. Cũng như chép việc xảy ra dưới triều Lê, nhơn thấy quyền bính trong tay Trịnh, không ghi niên hiệu Vĩnh-Thịnh của vua, chỉ chép tên Án-đô-vương của chúa.

Vì những chuyện chép trong *Xuân-Thu*, *Tả Truyện* đều xảy ra hồi Đông-Châu, đúng lý phải ghi niên hiệu của Châu-trào. Khốn nỗi ! Nhà Châu suy hèn quá đỗi, không còn có chút ảnh hưởng nào trong lịch sử. Cho đến sự tồn vong của nhà Châu cũng thế. Trái lại, *Xuân-Thu*, *Tả-Truyện* là sử của nước Lỗ, ghi những biến cố trong nước. Muốn hiểu cần nhớ sự thay đổi trong triều chánh, vì vậy mới chép theo niên hiệu của Lỗ.

Cũng có thể chép như *Tả-Truyện* : « Năm kỷ tị, thứ mười một, mùa đông, tháng mười một, ngày ất mão » hoặc « năm nhâm tuất, thứ tư, mùa hạ, tháng tư, ngày tân sửu », nhưng với thời buổi nầy, còn có được mấy ai biết tính coi việc nào xảy ra trước?

Vì độc giả, chúng tôi đành phải « phụ » nhà Châu, chép theo niên hiệu của nước Lỗ.

Sau lời bàn ghi những sự tích liên can với chuyện, phần nhiều chép theo *Tả-Truyện.*

Cũng có thể chép như *Tả-Truyện* : « Năm kỷ tị, thứ mười một, mùa đông, tháng mười một ngày ất mão » hoặc « năm nhâm tuất, thứ tư, mùa hạ, tháng tư, ngày tân sửu », nhưng với thời buổi nầy, còn có được mấy ai biết tính coi việc nào xảy ra trước ?

Vì độc giả, chúng tôi đành phải « phụ » nhà Châu, chép theo niên hiệu của nước Lỗ.

***

Sau lời bàn, ghi những sự tích liên can với chuyện, phần nhiều chép theo *Tả-Truyện.*

## TRỊNH-BÁ THẮNG ĐOẠN

*Lỗ Ẩn-công năm đầu*
(721 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Mùa hạ tháng năm, Trịnh-bá thắng Đoạn tại Yển.**

**TẢ - TRUYỆN.** — Ngày trước, Trịnh Võ-công cưới vợ tại Thân, tên Võ-Khương tức là Khương-thị. Sanh ra Trang-công và Cung-thúc Đoạn. Vì Trang-công hoành-sang nên Khương-thị sợ hãi mới đặt tên là Ngô-Sanh. Rất ghét chỉ yêu Cung-thúc Đoạn muốn lập làm thế-tư. Nhiều lần xin với Võ-công không được.

Khi Trang-công kế-vị, Khương-thị xin cho Đoạn ấp Chế. Từ-chối : « Chế là đất hiểm. Xưa Quốc-thúc bị chết tại đó. Nếu muốn ấp khác, xin vâng. » Mới xin ấp Kinh-thành, vì vậy Đoạn được làm Kinh-thành Thái-thúc.

Thái Trọng (đại-phu của Trịnh) can rằng : « Đô-thành (của đất phong) lớn quá trăm trĩ có hại cho nước. Theo pháp-chế của tiên-vương kinh-thành (của đất phong) lớn nhất không được quá một phần ba kinh-đô ; đô-thành vừa không quá một phần năm, độ nhỏ không quá một phần chín.

Nay, Kinh-thành không đúng theo pháp-chế của tiên-vương. Rồi chúa-công không kham nổi đâu ! » Trang-công đáp : « Đó là ý muốn của mẹ ta. Làm sao từ-chối để tránh tai-hại được ? » Thái Trọng thưa : « Với lịnh bà bao nhiêu cũng không vừa. Liệu sớm thì hơn. Để lâu ăn lan lần. Dài ra sẽ khó trừ. Cỏ dài còn khó trừ huống chi là em ! » Trang-công bảo rằng : « Làm nhiều điều bất nghĩa là tự mua cái chết. Hãy chờ xem ! »

Sau, Thái-thúc bắt-buộc quan cai-trị hai đất Bỉ (Tây-Bỉ và Bắc-Bỉ) theo phe để hai lòng với Trang công. Thuế-má chỉ đưa về có phân nửa. Công-tử Lữ (đại-phu nước Trịnh) thưa rằng : « Nước nhà không chịu nổi sự chia đôi. Chúa-công nên liệu định. Như cho Thái-thúc hai ấp đó, xin cho phép thần theo thờ Thái-thúc. Bằng không, trừ ngay đi. Để lâu, lòng dân sẽ sanh biến. » Trang-công đáp : « Không sao ! Rồi cũng sanh biến. »

Sau khi đánh thuế hai ấp Bỉ, Thái-thúc đến đất Lẫm-diên. Công-tử Lữ lại thưa : « Bây giờ nên trị ! Để lâu sẽ có hậu thuẫn rồi đắc nhơn tâm. » Trang-công đáp : « Bất-nghĩa không hậu. »

Tu-bổ xong thành-lũy, Thái-thúc họp dân chúng trau giồi khí giới sửa soạn quân sĩ xa giáp. Khương-thị xúi Thái-thúc mưu phản để đoạt ngôi. Khi biết ngày giờ định thi hành, Trang-công bảo : « Được ! » Rồi sai công-tử Lữ đem 200 chiến xa đánh vào ấp Kinh. Dân chúng ấp Kinh phản Thái thúc Đoạn, Đoạn chạy qua xứ Yền. Trang-công vây xứ Yền tháng năm, ngày tân sửu, Đoạn chạy ra xứ Cung.

*Xuân-Thu* chép : « Trịnh-bá thắng Đoạn tại Yền. » Đoạn không hiếu đễ, cho nên *Xuân-Thu* không dùng chữ « em của Trịnh-bá ». Vì coi như hai chư hầu tranh đua nhau nên viết « thắng » (chớ không nói « phạt »). Lại chép « Trịnh-bá » (theo lẽ là Trịnh-Trang-Công) là có ý chê không biết dạy em. *Xuân-Thu* không chép « chạy » (xuất bôn) là biết ý Trang-công muốn giết Đoạn. Tuy biết phản mà để vậy cho có loạn, đó là cố giết. Không chép những chữ ấy, *Xuân-Thu* cho biết Trang-công cố tâm, Đoạn không thể nào thoát khỏi.

***

**LỜI BÀN.—** Người câu phụ phàng con cá, cá nào phụ được kẻ đi câu ; thợ săn phụ phàng con thú, thú nào phụ được thợ đi săn ; Trang công phụ phàng Cung-thúc Đoạn, Đoạn nào phụ được Trang-công ? Uốn lưỡi câu và tra mồi để gạt cá là do kẻ đi câu ; đào hầm, cặm bẫy để lừa thú là do thợ đi săn. Vậy mà không trách kẻ đi câu, trở lại chê cá ăn mồi ; không trách thợ săn, trở lại cười thú mắc bẫy, trong thiên hạ có lẽ nào như vậy hay chăng ?

Tánh của Trang-công : ngoài đố kị, trong nham hiểm, coi người ruột thịt như kẻ khấu thù, như quân nghịch tặc chực hãm vào đường chết ; vì vậy mới che giấu máy lòng khiến cho người khinh lờn, vì vậy mới dung dưỡng sự ham muốn khiến cho người buông lung, vì vậy mới nuôi nấng điều quấy khiến cho thành hình ác. Để cho mua sắm nhiều binh khí và xa giáp tức là mồi câu của Trang-công ; để cho chiếm thành cao quá trăm trĩ và đất của hai ấp Bỉ tức là hầm bẫy của Trang-công. Còn như Đoạn ngu mê và không hiểu biết thì chẳng qua là cá là thú, có lý nào gặp mồi lại không đớp có lý nào thấy bẫy lại không sa vào hay sao ? Đưa Đoạn vào đường nghịch rồi trở lại tiêu diệt sự nghịch, dưỡng nuôi sự phản để chinh

phạt sự phản, thật Trang-công dụng tâm nham hiểm quá ! Trang-công nghĩ rằng : « Gấp rút trị tội thì ác kia chưa tượng hình, thiên hạ không cảm phục, hòa hưỡn mà trị, tội ác sẽ rõ bày, không còn ai dị nghị. » Ban sơ không han hỏi đến là muốn cho Đoạn phạm tội to đặng dễ giết chớ nào ngờ tội của Đoạn mỗi ngày mỗi to thì ác của Trang-công mỗi ngày mỗi lớn, tội của Đoạn càng nặng thì ác của Trang-công lại càng sâu. Người ta chỉ thấy Trang-công muốn giết một mình Cung-thúc Đoạn mà thôi, còn ta lại cho rằng : sau khi phong Đoạn về ấp Kinh, trước ngày thằng Đoạn ở xứ Yển, thì Trang-công sắp tâm chứa mưu không giây phút nào quên được Cung-thúc Đoạn. Nảy ra một ác ý là giết một đứa em thì nảy trăm ác ý là giết trăm đứa em như thế thì ác của Trang-công phải to hơn tội của Đoạn rất nhiều chăng ?

Thường xem đi xét lại chuyện nầy mới biết trong thiên hạ không có gì hiểm độc bằng máy lòng của Trang-công. Bọn Thái Trọng, không thấy máy của Trang-công trở lại can rằng : « cho đô thành quá pháp độ », mà không biết chính Trang-công muốn cho « quá pháp độ » ; rồi lại khuyên : « để lâu càng đắc nhơn tâm »,

vậy là không biết chính Trang-công muốn cho Đoạn « đắc nhơn tâm ». Như thế, các bực khanh sĩ, đại phu trong triều đều mắc kế của Trang-công tất cả ; cho đến thì nhơn nước Trịnh, không thấy máy của Trang-công nên trách : « không biết can mẹ để hại tới em », thì cũng không hiểu chính Trang-công ưng mang tiếng « không biết can mẹ » ; rồi lại chê : « để chuyện bất nhẫn nhỏ thành đại loạn », thì cũng không biết chính Trang-công không ưng có « bất nhẫn nhỏ ». Vậy thì trọn nước Trịnh đều mắc vào kế của Trang-công cả.

Mà, « máy lòng » của Trang-công cũng chưa chịu ngừng. Đến năm Lỗ Ẩn-công thứ 11, khi phong cho Hứa Thúc (1), Trang-công bảo rằng : « Quả nhơn có em mà không hòa thuận được để cho đi kiếm ăn tứ-phương thì có thế nào quả nhơn giữ xứ Hứa nầy lâu dài được đâu ! » Nói thế, Trang-công muốn dối cả thiên-hạ.

Năm Lỗ Trang-công thứ 16, (2) Công phủ Định-Thúc (cháu của Cung-thúc Đoạn) bỏ Trịnh trốn qua Vệ. Ba năm sau, Trịnh-bá cho trở về và nói rằng : « Không nên để cho Cung-thúc Đoạn thiếu người nối dõi ở nước Trịnh. » Vậy thì, Cung-thúc Đoạn vẫn còn có con cháu ở Trịnh ! Để cho Đoạn khỏi tuyệt-tự chính là

Trang-công muốn gạt luôn hậu-thế. Dối cùng bá-quan tại triều, đối với trăm họ trong nước, dối cùng thiên-hạ đời đó, dối cả thiên-hạ đời sau, thân ôi ! coi thế mới rõ bụng Trang-công nham-hiểm là đường nào !

Nhưng muốn dối người trước hết phải dối với lòng mình. Trang-công thích dối người thật nhiều mà không biết tự dối lòng mình không ít. Bị dối chỉ bị hại đến thân, dối người là tự hại đến lòng mình. Mà có gì đau thương bằng sự chết của lòng, thân chết chỉ là điều phụ-thuộc. Bị người dối, thân bị hại mà lòng vẫn thản-nhiên ; dối người thân đắc-chí mà lòng mình phải tan-tành. Vậy thì bị dối, mất chẳng là bao ; dối người, bị mất quá nặng nề ; giống như kẻ đi câu tự nuốt cả lưỡi câu lẫn với mồi, như thợ săn tự chui mình vào bẫy với hấm. Trong thiên-hạ, nếu không phải đần-độn thì sao lại thế ?

Vì vậy : trước, ta cho Trang-công là người chí-hiểm trong thiên-hạ ; sau, ta lại cho Trang-công là kẻ chí-ngu trong thiên-hạ.

***

(1) DẪN TÍCH.— *Xuân-Thu* : Mùa thu, tháng bảy, ngày nhâm-ngọ, vua (Lỗ) và Tề-hầu cùng Trịnh-bá vào kinh-thành nước Hứa (Lỗ Ẩn-công thứ 11 tức là 711 trước tây-lịch).

*Tả-Truyện* : (Tề nhường Hứa cho Lỗ. Lỗ nhường cho Trịnh)... Trịnh-bá cho mời đại-phu nước Hứa là Bách-Lý đến, bảo nên thờ Hứa Thúc (em của Hứa Trang-công đang trốn qua Vệ) để cai trị phần đất phía đông của nước Hứa : « Trời gây tai-họa cho Hứa, quỷ-thần không bằng lòng vua Hứa nên mượn tay quả-nhơn để trừng phạt. Quả-nhơn không cung-cấp nổi vài bực trưởng-thượng đang làm tôi nước Trịnh, thì đâu có hi-vọng chiếm được đất Hứa để tự cho là công minh ? Quả-nhơn lại có một đứa em, vì không hòa-thuận được nên để cho đi kiếm ăn tứ-phương. Như vậy thì có thể nào chiếm giữ nước Hứa lâu-dài được đâu ! Đại-phu nên giúp Hứa Thúc yên-trị chúng-dân của miền đó... »

(2) 677 trước tây-lịch. Trịnh Lệ-công về nước trị tội những kẻ theo Thái Trọng, rồi giết Ung Củ và công-tử Ứ, cất chơn Cường Thư. Cộng-phủ Định-Thúc chạy qua Vệ. Ba năm sau, được cho về nước.

## DĨNH KHẢO-THÚC GIÀNH XE

*Lỗ Ẩn-công năm đầu*
(721 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.—** (Sau khi giết Cung-thúc Đoạn) Trịnh-bá đem an-trí Khương-thị tại ấp Dĩnh. Rồi thề : « Không xuống suối vàng, không gặp mặt nhau. » Sau hối hận. Quan phong-nhơn ở Dĩnh-ấp là Dĩnh Khảo-Thúc, biết chuyện, đem lễ-vật dưng cho Trịnh-bá. Cầm lại dùng cơm. Khi ăn, chọn thịt bỏ vào tay áo. Hỏi. Thưa : « Tiểu-nhơn còn mẹ. Chỉ được dùng thức ăn của tiểu-nhơn dưng. Chưa từng nếm những vị của vua ban. Xin cất đem dưng cho mẹ già. » Trang-công than : « Nhà ngươi còn mẹ để dưỡng ! Thương hại cho ta... lại không. » Khảo-Thúc hỏi : « Dám thưa : chúa công nói thế là nghĩa

gì ? » Thuật lại câu chuyện, tỏ sự ăn năn. Khảo-Thúc bảm : « Lo gì ! đào đường hầm tận suối vàng để gặp nhau. Còn ai trách được ? »

Nghe theo. Vào đường hầm, Trang-công ngâm :

« *Vào trong đường hầm,*
« *Gặp vui hòa hợp.* »

Khương-thị trong hầm đi ra cũng ngâm :

« *Ra khỏi đường hầm,*
« *Lòng vui nở nang !* »

Từ đó, mẹ với con như trước.

Người quân-tử bàn rằng : « Dĩnh Khảo-Thúc giữ tròn đạo hiếu. Lòng yêu mẹ đánh thức lòng hiếu-thảo của Trang-công. » Trong *Kinh Thi* có câu : « Lòng hiếu khôn cùng, chia cho đồng-loại », tức là Dĩnh Khảo-Thúc vậy ».

***

*Lỗ Ẩn-công thứ XI*
(711 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU. — Mùa hạ, vua (Lỗ) hội cùng Trịnh-bá tại thời-lai**

**TẢ-TRUYỆN.** — Mùa hạ... hội tại Thời-Lai (đất của Trịnh) để mưu việc đánh Hứa. (Cho nên)

đến tháng năm, ngày giáp-thìn, Trịnh-bá diễn tập quân trước tôn miếu. Công-tử Át cùng Dĩnh Khảo-Thúc giành xe (xe thưởng gọi là lộ-xa). Khảo-Thúc nắm lấy trục vừa kéo vừa chạy. Tử-Đô (tên tự của Át) cầm kích đuổi. Đến đại lộ (nơi chín đường gặp nhau) theo không kịp, Tử-Đô hầm-hầm tức giận.

***

**XUÂN-THU. — Mùa thu, tháng 7, ngày nhâm-ngọ, vua (Lỗ) cùng Tề-hầu và Trịnh-bá vào (kinh đô) Hứa.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Mùa thu, tháng 7, vua hội cùng Tề-hầu và Trịnh-bá để phạt Hứa. Ngày canh-thìn đến kinh thành nước Hứa. Tay cầm lá cờ « mâu-hồ » của Trịnh-bá, Dĩnh Khảo-Thúc nhảy trước lên tường thành. Tử-Đô núp dưới bắn lén. Ngã xuống. Hà Thúc-Doanh chụp lấy leo lên thành, phất cờ « mâu-hồ », quay lại ngoắt ba quân, gọi to : « Chúa công đã lên rồi ! ». Quân Trịnh kéo ồ lên. Ngày nhâm-ngọ, chiếm được nước Hứa...

***

**LỜI BÀN.** — Lý ở trong thiên-hạ nguyên khí ở trong vạn vật. Lúc khí xuân tủa ra trong vạn-vật : gốc rễ và nhánh lá của cây, màu sắc và mùi thơm của hoa, tuy không giống nhau, nhưng đâu phải do hai thứ nguyên khí tạo sanh ra. Như lý trong thiên-hạ : đối với cha mẹ là hiếu, đối với vua là truug, đối với anh em là thuận, đối với bạn-bè là nghĩa, đối với tôn-miếu là kỉnh, đối với ba quân là nghiêm, theo mỗi việc mỗi đặt tên, tuy cả ngàn cả vạn thứ khác nhau mà lý cũng chỉ là một.

Vậy thì : không có hai nguyên-khí, cũng không có hai lý. Nhưng vì vật chỉ hưởng có một phần nguyên-khí cho nên về lý cũng chỉ được có một phần ; còn người hưởng toàn-khí cho nên về lý cũng toàn. Hưởng có một phần nguyên-khí, đó không phải lỗi của vật, mà bởi sự thiên-lệch của khí. Còn người vì hưởng được nguyên-khí vẹn-toàn của trời đất cho nên về lý cũng được toàn-vẹn. Nếu chỉ nắm một chi-tiết của lý, không biết xét-suy đến toàn-thể, thì có phải là lỗi tại người hay không ?

Nhờ lòng hiếu-thảo, Dĩnh Khảo-Thúc nổi danh ở nước Trịnh : dùng một lời nói làm cho Trang-công hồi-tâm, ép Trang-công nhớ đến mẹ, điều ấy cũng khá khen. Nếu biết suy-xét

lòng hiếu-thảo đến chỗ cùng tột thì sẽ thấy tỏa ra khắp trời đất, đầy ngập cả bốn biển. Phàm về lý ở trong thiên-hạ, không có gì ra ngoài đạo hiếu được, như vậy tại sao trong khi sắp đánh Hứa tranh-giành chỉ một chiếc xe thưởng để tự giết mình ? Đáng tiếc thay !

Lúc vấn-đáp với Trang-công thì ôn-tồn, hiền-hậu, sao biết nhã-nhặn như vậy, còn lúc tranh-giành với Tử-Đồ thì giận dữ rồi cướp giựt, sao lại hung-tợn thế kia ? Cũng trong thân của một người, tại đâu mà trước với sau lại khác hẳn nhau dường ấy ? Đương khi dùng cơm với Trang-công thì nhớ đến cha mẹ, còn trong lúc diễn binh để đánh Hứa lại không tưởng đến mẹ cha ? Đương khi cất giấu miếng thịt thì nhớ đến cha mẹ, còn trong lúc nắm kéo trục xe lại không tưởng đến mẹ cha ? Như vậy, trước thì nhớ, sau lại quên, thành ra ngó thấy hình cha mẹ trong tô canh mà không ngó thấy hình cha mẹ trong « lộ-xa ».

Nếu Dĩnh Khảo-Thúc biết đem lòng kính-thờ mẹ cha để thờ-kính tôn-miếu thì có đâu dám tranh-giành xe ở trước « đại-cung » ? Nếu Dĩnh Khảo-Thúc biết suy lòng thờ-kính mẹ cha ra cách nghiệm-trị ba quân thì khi nào dám tranh-giành xe nơi đại-lộ ? Vì không biết xét-

suy, cho nên lúc đầu lãnh được tiếng khen là thuần-hiếu, mà hồi sau tránh không khỏi tiếng chê « đánh lộn để lụy đến mẹ cha » (đấu ngận nguy phụ-mẫu).

Hoặc có người hỏi : « Lúc đánh cùng nước Hứa, Dĩnh Khảo-Thúc quên mình leo trước lên thành, như vậy không phải là suy rộng đạo hiếu hay sao ? »

Xin đáp : « Tranh xe là việc riêng, tức là bất-hiếu ; trèo trước lên thành là việc công, tức là hiếu. Tiếc mình là hiếu thờ mẹ cha, quên mình là trung thờ vua chúa. Nhưng, trung với hiếu nào phải hai đường ? »

Tăng-tử có nói : « Lúc chiến-đấu, thiếu dũng-cảm là bất-hiếu », đó là can-đảm của Dĩnh Khảo-Thúc khi nhảy trước lên tường thành ; chính Tăng-tử gọi đó là hiếu. Nhưng Dĩnh Khảo-Thúc đâu có chết vì trèo trước lên thành, mà lại chết vì Tử-Đô bắn lén. Chết vì thù riêng chớ nào phải do việc công. Bởi đó mới tiếc giùm Khảo-Thúc không biết suy lòng hiếu-thảo ra cho tới chốn... »

Xưa Tả Khâu-Minh khen Dĩnh Khảo-Thúc bằng mấy câu *Kinh Thi* : « Lòng hiếu khôn cùng, chia cho đồng loại. »

Nay, xem lại chuyện trên, thấy bỏ cất miếng thịt thì làm được, còn lìa bỏ trục xe lại không làm được, coi vậy thì hiếu-thảo của Dĩnh Khảo-Thúc cũng có lúc cùng ! Cảm-hóa được lòng của Trang-công, không cảm hóa được lòng của Tử-Đô, coi vậy thì đối với đồng-loại lắm khi cũng không chia-sớt được ! Nếu Dĩnh Khảo-Thúc ngâm đi ngâm lại vài ba lượt hai câu thi khen-tặng, chẳng biết có hổ thầm hay chăng ?

## CHU, TRỊNH GIAO ÁC

*Lỗ Ẩn-công năm thứ III*
(719 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.**— Trịnh Võ-công và Trịnh Trang-công đều là khanh-sĩ của nhà Chu-Bình-vương, hai lòng, muốn cho Quắc-công thế chức. Trịnh bá giận. Bình-vương bảo không có ý đó. Vì lẽ ấy, Chu và Trịnh trao-đổi con tin (Chu Trịnh giao chí).

Chu thái-tử tên Hồ qua làm con tin tại Trịnh ; Trịnh thế-tử tên Hốt đến làm con tin nơi triều nhà Chu. Bình-vương băng. Người nhà Chu muốn giao chánh-sự cho Quắc-công. Tháng tư năm đó, Thái Túc (tức là Thái Trọng) nước Trịnh đem quân cắt trộm lúa mạch tại ấp Ôn. Mùa thu, gặt trộm lúa hòa ở Thanh-châu (Lạc-ấp). Từ đó Chu và Trịnh giao ác.

— Người quân-tử bàn rằng : « Chữ tín

không do lòng thành thì sự trao con tin là chuyện vô-ích. Nếu dùng lòng minh-bạch, dạ khoan-dung mà đãi nhau, nếu dùng lễ-nghĩa mà giao-kết cùng nhau thì dẫu không con tin cũng không gì ngăn-trở được sự hòa-hảo giữa hai nước. Thật vậy, nếu tin nhau với tấm lòng minh-bạch thì dùng cỏ nơi khe, suối ao, hồ hoặc ngọn rau « tần », « phiền », « ôn » hay « táo » hoặc dùng rổ, giỏ, nồi hay chảo, hoặc dùng nước đọng hay chảy đều có thể đem cúng thần thánh, đem dưng lên cho thiên-tử với các công-khanh. Huống chi nếu là người quân-tử ký-kết điều-ước giữa hai nước, và theo đúng lễ-nghĩa, thì có cần gì đến con tin ! Phần đầu tiên của thiên « Quốc-phong » trong *Kinh Thi*, có bài « thể-phiền » hay « thể-tần » hay trong phần thứ ba của thiên « Đại-nhã » có bài « hàng vĩ » và « quýnh-chước » (đều tỏ rằng) có thể dùng những vật mọn để nêu sự thành và tín. »

***

**LỜI BÀN.**— Thiên tử đối với chư-hầu cũng như chư-hầu đối với khanh đại-phu. Họ Quý ở nước Lỗ, xem như vua Lỗ, tương-tợ là hai vua, vậy mà trong đời chưa ai gọi « nước Lỗ và nước Quý » bao giờ. Họ Trần ở nước Tề,

xem như vua Tề, tương-trợ là hai vua, mà trong đời chưa ai kêu « nước Tề và nước Trần » bao giờ. Bởi vì tuy cường-ngạnh mà họ Quý và họ Trần cũng còn là bề tôi của Lỗ và Tề thì không thể đem nhà vua và bề tôi gọi đồng nhau để loạn danh-phận. Chu là thiên-tử Trịnh là chư-hầu, vậy mà Tả Khâu-Minh khi chép truyện Bình-vương và Trang-công, lúc đầu thì viết « Chu, Trịnh đổi con tin » (Chu, Trịnh giao chí), hồi sau lại viết : « Chu, Trịnh giao ác », xưng « Chu với Trịnh » ngang nhau, không phân-biệt tôn-ti, trật-tự chi cả. Đã không trách Trịnh phản Chu lại còn trách Chu đối Trịnh ; như vậy tội của Tả Khâu-Minh cũng lớn thay !

Ta nghĩ Tả Khâu-Minh vẫn là có tội nhưng mà nhà Chu không phải là vô tội.

Khi nhà Chu dời đô qua miền đông (1), Trịnh-bá vẫn làm khanh-sĩ, phận vua tôi hãy còn ; vua đối với tôi, có hiền thì dùng, không hiền thì truất, cần chi phải giấu giếm. Thiên-tử là Bình-vương muốn bãi chức Trang-bá mà không dám bỏ, muốn đem Quắc-công lên địa-vị đó mà cũng không dám nhắc ! Hèn-yếu, mù-mờ, rồi lại nói láo để dối bề tôi, mất cả thể thống của một vì thiên tử. Lại còn làm chuyện quá đáng hơn nữa ; cùng với Trịnh trao

đổi con tin! Trao đổi con tin là việc làm giữa hai nước láng diềng, đồng hàng với nhau. Nay thiên-tử nhà Chu lại xuống tôn vị mình trao đổi con tin với Trịnh, còn Trịnh quên mình ti tiện, bước lên trao đổi con tin cùng nhà Chu! Như vậy: thế bằng nhau mà thể lại nghịch nhau thì tôn-ti trật-tự đã mất cả rồi. Trước lúc chưa trao con tin, Chu là thiên-tử, Trịnh là chư hầu; sau khi đã cùng đổi con tin, Chu và Trịnh như nhau thì còn nề gì? Cho nên cắt lúa mạch nơi ấp Ôn, gặt lúa hòa tại ấp Lạc, hành động ngang nhiên như vậy cũng là phải lắm rồi.

Nếu lúc Bình-vương không bằng lòng Trịnh-bá, truất liền đi, mà Trịnh-bá có cường ngạnh thì chỉ là hành vi của một tên phản thần, còn tôn vị của thiên-tử vẫn vẹn nguyên. Lại cùng nhau trao đổi con tin! Như vậy, nhà Chu tự coi mình như các chư hầu khác, không dám dùng chức vị của thiên-tử mà tự xử mình nữa thì, ngày lụn tháng qua, còn ai biết nhà Chu là thiên-tử nữa? Cho nên, một mai kia dùng binh-lực đánh nhà Chu chẳng còn chút gì kiêng sợ (2), là vì không còn phải là một chư hầu phản thiên-tử nữa, chỉ là một chư hầu đánh với một chư-hầu! Nếu nhà

Chu cứ lấy chức vị thiên-tử mà tự xử mình, tự coi mình là phận chí tôn và chí nghiêm thì bao giờ Trịnh-bá kia lại dám phạm thượng? Cũng vì nhà Chu dùng địa vị chư hầu mà tự xử mình cho nên Trịnh mới dùng địa-vị chư hầu để đãi nhà Chu, rồi thiên hạ cũng dùng địa vị chư hầu để đãi nhà Chu, cho đến Tả Khâu-Minh cũng dùng địa vị chư hầu để đãi nhà Chu! Nếu nhà Chu không tự đánh mình thì Trịnh chưa chắc dám đánh nhà Chu mà tội « vô quân » kia, Tả Khâu-Minh không làm gì chối cãi được. Nhưng nhà Chu phải chịu một phần lớn trong trách nhiệm đó.

Tuy thế, truyện của Tả Khâu-Minh chép là lời của một người quân tử, ngọn bút của Tả Khâu-Minh là tiêu biểu cho nghị-luận của các bực quân tử đương thời. Trông qua cách chép « Chu với Trịnh » như hai chư hầu không phân biệt khinh với trọng thì thấy rõ các bực quân tử đương thời không còn biết có thiên-tử nữa. Bọn Nhung địch không biết có thiên tử thì điều ấy chẳng đáng lo, chư hầu không biết có thiên tử, thì đều đó chưa đủ lo, đến khi những người được gọi là quân tử không biết có thiên-tử thì hỏi trong khắp thiên hạ, còn ai có biết thiên-tử nữa?

Vì vậy, Đức Phu-tử mới lấy làm lo, vì vậy mới soạn ra kinh *Xuân-Thu*, mà cũng vì vậy kinh *Xuân-Thu* khởi đầu ngay đời Bình-vương nhà Chu.

---

DẪN TÍCH: (1) Lối năm 770 trước tây-lịch, vì bị giặc Khuyển-nhung quấy nhiễu, Bình-vương nhà Chu rời kinh đô cũ là Kiều-binh thiên qua phía đông sang ở Lạc ấp. Kiều-binh (ở Sơn-tây) có núi bao, sông bọc là một nơi hiểm yếu, còn Lạc-ấp là một thị trấn rất phồn thịnh nhưng ở giữa đồng bằng (chính là Lạc-dương trong tỉnh Hà-nam).

(2) Lỗ Hoàn-công thứ năm (706 trước tây lịch).

*Xuân-Thu*: Mùa thu, quân của Thái, Vệ, Trần theo thiên tử đánh Trịnh.

## TỐNG MỤC-CÔNG
## LẬP THƯƠNG-CÔNG

*Lỗ Ẩn-công thứ III*
(719 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Tháng tám, ngày canh-thìn, Tống - công tên Hoà mất.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Mục-công nước Tống, đau nặng, cho mời đại-tư-mã là Khổng Phủ-Gia để gởi Thương-công. Phán : « Đức tiên-quân (tức là Tuyên-công, anh của Mục-công) bỏ Dữ-Di (con Tuyên-công) nhường ngôi cho quả-nhơn. Quả-nhơn không bao giờ quên. Nhờ sức của đại-phu, quả-nhơn được toàn-thân và yên-ổn cho đến lúc lâm-chung. Nếu dưới dạ-đài tiên-quân hỏi đến Dữ-Di thì quả-nhơn biết trả lời sao ? Xin đại-phu tôn Dữ-Di làm chủ xã-tắc. Quả-nhơn từ-trần không chút hối-hận. »

Khổng Phủ-Gia thưa: « Quần thần đều muốn thờ thế-tử Phùng (con của Mục-công) ».

Phán: « Không nên! Trước kia, tiên-quân cho quả-nhơn hiền nên giao-phó xã-tắc. Nay, nếu bỏ đức, bỏ Dữ-Di thì đã quên những điều phải của tiên-quân đề-xướng. Như vậy, gọi là hiền sao được? Quả-nhơn muốn làm sáng linh-đức của tiên-quân. Không nên nghĩ khác. Đại-phu cũng đừng quên công nghiệp của tiên-quân! »

Mục-công sai thế-tử Phùng qua Trịnh.

Tháng tám, Tống Mục-công mất, Thương-công lên ngôi.

Người quân-tử bàn rằng: « Khá khen Tống Tuyên-công biết xem người. Vì lập Mục công nên sau con mới được ngôi. Cũng vì truyền ngôi đúng nghĩa. »

Trong *Kinh Thi*, thiên « Thương-tụng » có câu: « Nhà Ân thọ mạng trời đúng theo nghĩa, nên được hưởng trăm lộc. »

Phải đúng với việc nầy chăng?

***

**LỜI BÀN.**— Làm vua một nước, lúc bỏ mình, truyền ngôi lại cho con đó là đạo trung-bình.

Tống Tuyên-công đem truyền lại cho em chắc tự nghĩ là cao-kiến ! Vì vậy, lần trước truyền ngôi cho Mục-công phải đuổi con ruột đi ; sau Mục-công truyền ngôi cho Thương-công, Thương công mới bị thí (1). Cho nên Công Dương-Cao (2) bàn rằng : « Người quân-tử nên cư-xử theo điều chánh-đáng. Họa của ba vua Tống do Tuyên-công gây ra. »

Lời đó thật là chí-lý, không cần bàn thêm nữa. Thường suy-xét ý-tưởng của Tuyên-công chắc cho rằng : « Thánh-nhơn dựng nước đặt luật cha truyền con nối là vì người tầm-thường.

Vua Nghiêu là hạng người thế nào mà không để ngôi cho con lại truyền cho vua Thuấn ? Vua Thuấn là hạng người thế nào mà không để ngôi cho con lại truyền cho vua Đại-Võ ? Vậy hai vua Nghiêu, Thuấn làm chuyện rất cao-kỳ, sao ta không theo gương ấy lại dùng chi đạo luật dành để cho thường-nhơn ? »

Nói thế là không biết đạo chẳng khi nào cao-kỳ mà không khi nào bình-thường cả. Việc truyền ngôi cho kẻ hiền, đối với người tầm-thường là cao-kỳ, đối với Nghiêu, Thuấn chỉ là trung-bình.

Như việc cử đánh muôn cân, Ô Hoạch cho là thường, theo kẻ khác là hùng-dũng. Bởi đùa

nơi vực sâu ngàn thẳm, thợ lặn cho là thường theo kẻ khác là thần-diệu.

Chưa được nhơn-cách của Nghiêu, Thuấn mà muốn học làm như Nghiêu, Thuấn có khác chi kẻ yếu-đuối muốn cử đảnh của Ô Hoạch, có khác chi trẻ-con muốn lặn xuống vực sâu để bơi lội. Hành-động như thế thì đến đâu cũng không tránh khỏi sự thất-bại !

---

(1) DẪN TÍCH.— *Xuân-Thu* : Mùa xuân, tháng giêng, ngày mậu-thìn, Đốc nước Tống thí Thương-công và giết đại-tư-mã của Tống là Khổng Phủ-Gia. (Lỗ Hoàn-công năm thứ hai, 709 trước tây-lịch).

(2) Công Dương-Cao, Cốc Dương-Thục với Tả Khâu-Minh là ba sử-gia.

(3) Ô Hoạch : dũng-sĩ của Vệ Ưởng, Tần dùng để cùng Nhâm Bỉ bắt công-tử Ngang nước Ngụy, giựt đất Tây hà, sức cử đảnh ngàn cân.

## TANG HI-BÁ CAN VIỆC ĐI COI LƯỚI CÁ

*Lỗ Ẩn-công năm thứ V*
(717 trước tây lịch)

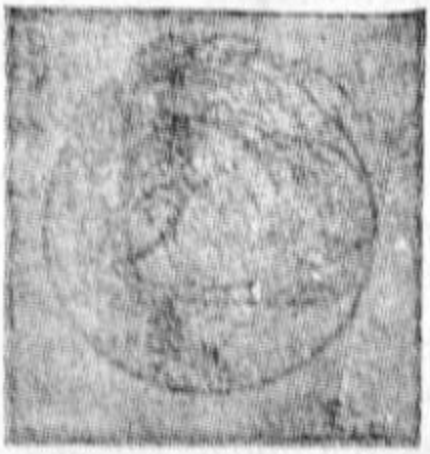

**XUÂN-THU.— Mùa xuân, vua (Lỗ) cho bày lưới cá tại xứ Đường.**

**TẢ-TRUYỆN.** — Mùa xuân, vua sửa soạn qua xứ Đường xem lưới cá. Tang Hi-Bá can : « Phàm điều gì không diễn tập đại sự (cúng-tế, chiến-tranh), món gì không làm vật-liệu để dùng cho sự cúng tế và quân nhu, nhà vua chẳng nên làm. Vua phải chỉ dẫn cho dân « phép » và « vật ». Giảng rõ đại sự, định rành độ lượng của vật đó cho phép. Giải thích tận tường cách dùng tài liệu của đại-sự là vật. Không có phép, không có vật là loạn chánh. Có loạn trong chánh sự sẽ có thất bại trong nước.

Đi săn trong mùa xuân là lễ sưu, trong mùa hạ là lễ miêu, trong mùa đông là lễ kiển, trong mùa đông là lễ thú, đó là : thừa lúc nhà nông rảnh rang áp dụng cuộc săn để giảng dạy trận pháp và triệu tập những vật liệu cần ích cho cúng tế với quân khí.

Ba năm diễn binh một lần. Lúc về chỉnh đốn quân-lịnh. Đặt tiệc đãi ba quân để luận công. Bày văn chương (huy-chương, cờ tiết) để định rành qui với tiện, liệt rõ giai cấp trong hàng ngũ, thuận theo thứ tự của tuổi tác và rèn tập uy nghiêm.

Cầm thú nào mà thịt không dùng trong cúng tế, mà da, răng, xương, sừng, lông không dùng làm quân khí, thì nhà vua không bắn. Phép xưa là thế. Còn về sản vật của núi, rừng, sông, hồ, và các vật dụng khác thì đã có công chức, quan tư lo liệu ; nhà vua không nên làm. » Lỗ Ẩn-công đáp : « Nhơn đó, ta tuần-du các địa-hạt. » Ra đi. Bắt lưới cá để xem. Tang Hi-Bá, cáo bịnh, không theo.

*Xuân-Thu* biên : « Vua cho bày lưới cá tại xứ Đường » là muốn chỉ điều phi lễ. Chữ « tại xứ Đường » ghi sự rời kinh đô để dong chơi xa.

***

**LỜI BÀN :** — Về thuật can gián : khiến vua nể lời không bằng khiến vua tin lời, khiến vua tin lời không bằng khiến vua vui vẻ mà nhận lời.

Can mà trưng hoạ-phước để răn-dọa là khiến cho vua sợ, can mà đem lý-lẽ để hiểu dụ là khiến cho vua tin, can mà dùng tâm-lý để giác ngộ là khiến cho vua vui lòng nghe theo.

Như : nêu cuộc biến-loạn trong niên-hiệu Thiên-Bửu để can cũng không ngăn được vua Kỉnh-Tông đến Ly-sơn (1) như nhắc sự bị vây nơi Đài-thành để can cũng không ngăn được vua-Hiến Tông rước cốt phật (2), đó chỉ là trưng điều, họa-phước để răn-dọa chớ chưa đem lý-lẽ để hiểu-dụ.

Như : giải thích về cách thức của các lễ « triều hội » cũng không ngăn được. Lỗ Trang-công đi xem tế xã (3), như bàn bạc về luật-lệ của âm nhạc xưa cũng không ngăn được vua Cảnh-vương đúc chuông (4), đó chỉ là đem lý-lẽ để hiểu-dụ chớ chưa dùng tâm-lý để giác ngộ.

Vậy thì : trưng việc hoạ-phước cũng có thể khiến cho người ta sợ, nhưng gặp phải kẻ kiêu-hãnh, chẳng biết sợ, thì phép kia sẽ

cùn. Còn : dùng lý-lẽ cũng có thể khiến cho người ta tin, nhưng gặp phải ngu-độn, không hiểu-biết, thì phép kia sẽ cùn.

Như cách Tang Hi-Bá can Lỗ Ẩn-công về việc xem lưới cá : trước thì trưng-bày hoạ « loạn-chánh » nếu nhà vua quên « phép » và « vật », sau lại bàn đến lý của lễ sưu và lễ thú cốt dùng cuộc săn để diễn-tập ba quân, thì lời nói cũng thâm-thuý, cũng minh-bạch có thể khiến cho lòng vua sợ, có thể khiến cho lòng vua tin ; vậy mà kết cuộc, không níu được chiếc xe của Lỗ Ẩn-công.

Cũng bởi chưa dùng đến tâm-lý để giác ngộ. Lòng Ẩn-công lúc đó đương ham-mê thú vui xem đánh cá thì hoạ có rõ-ràng cũng không sá kể, thì lý có đúng đắn cũng không rảnh để mà tin ! Tang Hi-Bá không mở lòng của Ẩn-công bằng tâm-lý, chỉ muốn đoạt thú vui của Ẩn-công, như thế thì thuật can cũng còn sơ-sài quá đỗi !

Nếu Tang Hi-Bá biết dùng thú vui của đạo chúng ta thay-thế vào thú vui của sự đi xem lưới cá, khiến thú vui của đạo tràn-ngập nơi lòng Ẩn-công, bày-tỏ nơi diện-mạo, nơi thân-thể và khắp cả tứ-chi thì Ẩn-công sẽ xem chó cùng ngựa, thanh cùng sắc, châu cùng ngọc

cũng như đất hay rác, đá hay gạch vậy thôi. Chứng đó, dẫu được xem cá côn ở Thiên-trì hay lý-ngư ở Long-môn có kỳ đụng tới mây xanh, có vi đưa ra đến biển cả cũng không đổi được thú vui chơn-chánh của đạo chúng ta, chớ nói làm gì đến gáo nước ở xứ Đường kia !

Cho nên, ta vẫn chủ-trương rằng : nhà vua đương thích vui chơi, nay nể lời can mà thay-đổi, đó là *không dám* làm chớ chưa biết điều ấy *không nên làm*. Vì tin lời can mà thay-đổi, đó chỉ biết *không nên* làm chớ chưa biết điều ấy *không dám* làm.

Một khi lòng vua đã vui trong sự giác-ngộ, khi biết những điều kia không đáng kể, thì lúc đó, có khuyến-khích cũng không chịu làm huống-hồ là can-gián. »

---

(1) DẪN TÍCH.— Vì vua Kỉnh-Tông muốn đi tắm suối tại Ly-Sơn, Trương Thúc-Dư nhắc lại cuộc biến-loạn lúc Đường Huyền-Tông trong niên-hiệu Thiên-Bửu, ngự-giá đến Ly-sơn.

(2) Hàn Dũ nhắc chuyện Lương Võ-Đế vẫn bị vây ở Đại-thành, mặc dầu là đệ-tử của Phật, để can Hiến-Tông, về việc rước cốt Phật.

(3) Tào Uế can khi Lỗ Trang-công muốn đến Tề xem lễ tế xã.

(4) Bề tôi của Châu Cảnh-vương bàn về « lữ luật » để can việc đúc chuông.

## TRỊNH CẦU HÒA TRẦN-HẦU KHÔNG CHỊU

*Lỗ Ẩn-công năm thứ VI*
(716 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.—** Tháng năm, ngày canh-thân, Trịnh xâm Trần và cướp nhiều binh-khí.

Năm trước, Trịnh-bá sai người đến cầu hòa, Trần-hầu không chịu. Ngũ-Phu (công tử Trần) can : « Thân thiết với người hữu đức, tử tế với láng diềng tức là bửu bối của nước. Chắc chúa công sẽ hòa cùng Trịnh. » Trần-hầu đáp : « Tống và Vệ là hai nước lớn, có thể hại ta, còn Trịnh có làm gì ? » không cho hòa.

Người quân tử bàn rằng : « Điều lành chớ nên bỏ mất, sự ác chớ nên để trưởng thành. Có phải như việc của Trần Hoàn-công chăng ? Cho sự ác trưởng thành sẽ không trị nổi, họa

kia chắc cận kề, muốn cứu cũng không kịp ! » Trong *Kinh Thi*, bài « Bàn-canh » và Thương, có câu : « Ác dễ lớn, như lửa giữa đồng, khó đến gần, dập sao tắt được ? »

Châu Nhậm có nói một lời đáng ghi nhớ : « Vua trị nước thấy điều ác như nông phu thấy cỏ, phải lo bừa cào cho thành đống. Cày cuốc cho tận gốc, chớ để sống lại. Nếu vua làm thế, điều thiện sẽ hiện ra. »

***

**LỜI BÀN.—** Việc thiên hạ, thắng là nhờ lòng biết âu lo, bại là bởi dạ hay khinh dễ.

Sợ là nguồn phước, khinh là cửa họa. Trần-hầu cho Tống, Vệ là hai nước to mạnh đáng lo sợ, xem Trịnh là một nước nhỏ yếu nên dễ khinh, vì vậy mới bảo : « Trịnh có làm gì ? », mới không cho Trịnh giảng hòa ; rồi gây ra binh liên họa kết, mà những nạn ấy lại không gây ra bởi Tống với Vệ, hai nước đáng lo-sợ, lại do bởi Trịnh, một nước đáng khinh-thường. Như vậy, sự khinh-lờn có phải là cửa họa chăng ?

Câu « Trịnh có làm gì » của Trần-hầu là nguồn-gốc của sự tan nhà mất nước ; vì thế

đời trước mới bảo : « Tại một lời mà vong-quốc » là vậy đó.

Như nhà Tần chỉ có phòng-ngừa Hung-nô để cho trăm họ chịu lầm-than, có phải là vì sợ thế Hung-nô mạnh và cho rằng : « Bá-tánh có làm chi ? », nhưng sau nầy nhà Tần mất nào phải là tại Hung-nô ?

Như nhà Hớn chỉ lo áp-chế tôn-thất để tin dùng toàn ngoại-thích, phải chăng vì sợ tôn-thất gần-gũi có thể uy-hiếp được và cho rằng : « ngoại-thích có làm chi ? », nhưng sau nầy nhà Hán bị hại nào phải là do tôn-thất ?

Còn Tấn Võ-Đế vì khinh « Nhung-địch có làm gì ? » mà không dời chúng đi, sau nầy mất nước cũng tại bọn man-di ấy. Còn Tùy Nhượng-Đế vì cho « Đạo-tặc có làm gì ? » mới không ngăn-trừ chúng, sau nầy mất nước cũng bởi bọn trộm cướp ấy.

Như vậy, câu : « Có làm gì ? » cần phải hết sức bài-hủy. Nhà vua chắc tự bảo : « Oán của dân có làm gì ? » mới dám bạo-ngược ; chắc bảo : « Ngân-sách thiếu-thốn nào có làm gì ? » mới dám xa-xỉ ; chắc bảo : « Can-gián của bề tôi nào có làm gì ? » mới dám cấm sự can, bỏ điều gián ; chắc bảo : « Đông binh

nào có làm sao ? » mới dám thích chinh-chiến. Như thế có phải ba chữ « Có làm gì ? » là mối sanh ra vạn ác chăng ?

Nếu không suy tận gốc thì ba chữ : « Có làm gì ? » tuy có *mối* sanh ra hoạ-loạn mà không có *hình* tạo nên hoạ-loạn, tuy có *thật-sự* đáng ghê-sợ mà không có *dấu-hiệu* đáng ghê-sợ. Nếu không phải là bực quân-tử tri-cơ thì làm thế nào cản-ngăn được ngọn sóng cao lấp trời mà lúc khởi đầu chỉ là một dòng nước chảy ri rỉ...

## VŨ PHỦ THÍ ẨN-CÔNG

*Lỗ Ẩn-công năm đầu*
(721 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN**. — Mạnh-tử, vợ chánh của Lỗ Huệ-công, mất. Thiếp là Thanh-tử sanh ra Ẩn-công.

Rồi Lỗ Huệ-công cưới con gái của Tống Võ-công tên là Trọng-tử. Sanh ra Hoàn-công. Huệ-công mất. Vì Hoàn-công còn nhỏ, Ẩn-công tạm lên ngôi.

***

*Lỗ Ẩn-công thứ XI*
(711 trước tây lịch)

**XUÂN-THU.— Mùa đông, tháng 11, ngày nhâm-thìn, vua (Lỗ) mất.**

**TẢ-TRUYỆN.**— Vũ Phủ tâu xin cho giết Hoàn-công, để được chức thái-tể. Ẩn-công phán:

« Vì thế-tử còn trẻ nên ta tạm cầm quyền. Ta sắp trả ngôi. Sẽ cho sửa-soạn dinh tại Sưu-cửu, ta sắp về đó dưỡng-lão. »

Vũ Phủ lo sợ (mưu gian bại-lộ). Trở lại gièm cùng Hoàn-công, xin thí Ẩn-công.

Lúc còn công-tử, Ẩn-công có đem quân đánh Trịnh tại Hồ-nhượng. Bị quân Trịnh bắt giao cho Doãn-thị (đại-phu của Trịnh). Hối-lộ. Cùng Doãn-thị thờ thần Chung-vu, cùng về Lỗ. Cho lập đền thờ (thần Chung-vu bên Lỗ.)

Tháng 9, trai-giới (để tế thần), tại nhà Vỉ-thị (đại-phu của Lỗ).

Ngày nhâm-thìn, Vũ Phủ sai côn-đồ thí vua. Đưa Hoàn-công lên ngôi. Trị tội nhiều người trong nhà Doãn-thị.

***

**LỜI BÀN.**— Than ôi ! Sự thí Ẩn-công là phá tấm lòng mến nghĩa của thiên-hạ ! Điều lợi, ai cũng ham mà đeo-đuổi ; việc nghĩa, ai cũng ngại mà trốn-tránh ; ví khiến làm nghĩa mà không mắc hoạ, người đời còn từ-chối thay huống chi lại còn có hoạ !

Ẩn-công chẳng màng đến sự giàu-có muôn xe, đem nước Lỗ nhường lại cho Hoàn-công ;

vậy mà Hoàn-công chẳng nghĩ đến tấm lòng quảng-đại ấy, đang tâm thí Ẩn-công khiến cho Ẩn-công có một tiết-tháo tối-cao phải chịu một tai-họa tối-thảm, khiến trong đời ai cũng xem vụ thí Ẩn-công là một gương nên tránh sự làm nghĩa. Trong thế gian, ai cũng cho sự thí Ẩn-công là việc phá hoại tấm lòng yêu nghĩa của thiên-hạ ; trái với thế-gian, ta cho việc thí Ẩn-công là sự khuyến khích tấm lòng yêu nghĩa của thiên hạ. Tại sao ? Vì Ẩn-công bị thí đâu phải tại làm nghĩa mà chính bởi làm không tròn việc nghĩa. Việc nhường ngôi của Ẩn-công : tâm rất rõ ràng mà tích rất sáng sủa. Vì lúc Hoàn-công còn trẻ-dại, nếu Ẩn-công có ý gì khác thì Hoàn-công sẽ tan như cám, nát như tương vì bởi còn ở trong tay của Ẩn-công cho đến mười một năm kia !

Lòng của Ẩn-công chẳng có một mảy-may gì đáng hiềm-nghi, dốc dạ dưỡng-nuôi, chỉ lo giúp-đỡ, trên có trời, dưới có đất, tâm và tích chẳng chút gì dối-trá cả.

Chỉ có điều đáng tiếc là làm nghĩa chẳng trọn, vì mến quyền-vị vài năm không chịu rời bỏ đi ngay ! Bởi không lìa ngay ngôi báu nên hình-tích tham-luyến mới lộ ra, Vũ Phủ nhơn thấy đó mới bày mưu giết Hoàn-công. Nếu Ẩn-công

có phong-độ thoái-vị thật mạnh-mẽ, rồi tỏ cho mọi người biết rõ-rệt thì kẻ bất-nhơn nào dám đến cận vách, mà quân bất-nghĩa nào dám tới tận cửa, phương-chi lại dám bày mưu hạ sát đứa em, dùng nết chó, heo làm nhơ-bẩn lòng mình được ? Nay Vũ Phủ dám đến trước mặt để bày lời tàn-bạo không chút rut-rè, là cũng bởi hình-tích tham-luyến quyền hành của Ẩn-công xui-giục. Than ôi ! thấy vậy mà Ẩn-công chưa kinh-sợ còn đáp với Vũ Phủ rằng : « Vì thế-tử còn trẻ nên ta tạm cầm-quyền. Ta sắp trả ngôi lại. Sẽ cho sửa-soạn dinh ở Sưu-cừu, sắp về đó dưỡng-lão. » Chữ « sắp » hay « sẽ » là lòng tham-luyến của Ẩn-công lộ ra trong lời nói. Đáng trả thì trả ngay tại sao « sắp trả », đáng sửa dinh ở đất Sưu-cừu thì sửa ngay, tại sao « sẽ cho sửa » ? Một kẹt hở có thể cho người lợi-dụng được tay nhỏ không dung một sợi tóc thì làm sao dung chữ « sắp » hay « sẽ » được ? Vì đó lòng khinh-lờn của Vũ Phủ, dạ nghi-ngờ của Hoàn công mới hiệp cùng nhau tạo sanh ra việc thí Ẩn-công.

Than ôi ! sự nhường ngôi của Ẩn-công tâm sáng-sủa dường ấy, tích rõ-ràng dường ấy, chỉ vì không dứt bỏ được một mảy lông của mùa thu mà phải lâm họa, còn bao người tàm và

tích chẳng theo kịp Ân-công thì sao không lo mà cố-gắng thêm lên ? Cho nên khi quân-tử làm nghĩa phải nối liền đêm với ngày, không khi lại dám không tròn việc nghĩa. Như thế, chẳng phải chỉ vì điều nghĩa mà cũng để tránh tai-họa.

Nếu không có gương của Ân-công thì kẻ làm nghĩa, vừa thâu một chút lành, sửa một nết nhỏ đã tự cho là đủ, rồi lười-biếng không bước tới nữa, cho nên ta mới bảo : « Việc thí Ân-công là sự khuyến-khích tấm lòng yêu nghĩa của thiên-hạ. »

## TỨC-HẦU PHẠT TRỊNH

*Lỗ Ẩn-công năm thứ XI*
(711 trước tây lịch)

**TẢ-TRUYỆN.** — Hai vua Trịnh và Tức vì lời nói sanh ra xích mích. Tức-hầu đem quân đánh Trịnh. Bị thua to. Rút quân.

Người quân tử đoán biết nước Tức sẽ mất. (1)

Là vì :

— không độ sức người,

— không lượng sức mình,

— không thân với kẻ thân,
(Tức-hầu và Trịnh-bá đồng họ).

— không suy điều tranh luận,

— không tự xét coi phải hay quấy.

Đã phạm vào năm lỗi lại còn ra binh đánh người, nên thất trận, ba quân bị tiêu diệt, như vậy chẳng đáng lắm sao ?

**LỜI-BÀN.** — Ở trong hèn-hạ mà ghét lao-khổ, ở trong nghèo-nàn mà ghét cùng-khốn, ở trong hoạn-nạn mà ghét tủi-nhục, đều là những cách gọi tai-họa.

Phàm theo lẽ trong thiên-hạ, hèn không cầu nhọc, mà nhọc vẫn tự đến, nghèo không cầu khó, mà khó vẫn tự đến, nạn không cầu nhục, mà nhục vẫn tự đến. Nếu chẳng biết các điều đó không thể tránh được mà cứ lo trốn-tránh tức là tự chui vào tai-vạ.

Người quân-tử đã nhận : nhọc là sự thường của hèn-hạ, khó là sự thường của nghèo-nàn, nhục là sự thường của hoạn-nạn. Những ai muốn tránh sẽ gặp họa là vì không biết tự xử theo thường đó thôi. Tự-xử trong sự nhọc, tuy hèn mà yên, tự-xử trong sự khó, tuy nghèo mà yên, tự-xử trong sự nhục, tuy hoạn-nạn mà yên...

Cách tự-xử theo thường của một nước nhỏ cũng thế.

Nước Tức là một nước rất nhỏ, ở cận nước lớn, kính-nhường, sợ-sệt còn e chẳng bảo-tồn được thay, phương chi lại tranh-đua với người ! Đương khi giao-thiệp cùng Trịnh, nói năng bất-hòa, nếu Tức biết tự-xử thường trong địa-vị của một nước nhỏ thì nước Trịnh chắc không trái ý và cũng chưa đánh bại Tức.

Nay, không dằn được cơn giận trong một lúc, lại quên mình là nước nhỏ phạm đến nước lớn nên phải nhận lấy thất bại và góp cả năm điều lỗi vào mình !

Còn khi bất hòa vì lời nói, Trịnh không cử binh đánh Tức mà Tức lại mang quân đánh Trịnh trước là bởi tại sao ? Vì lòng của nước nhỏ hay nghi người khinh-rẻ mình nên tức giận mới dễ sanh ; vì đó nước Tức mới cử binh đánh trước.

Lòng đó, nào phải chỉ một mình Tức-hầu mới có ! Phàm khi lâm vào khốn-khổ mà bị dề-khinh thì ai lại không căm tức. Còn ta lại hiểu như vầy : trong khi sang quý được mọi người cung-phụng thì nào phải cung-phụng ta đâu, chính là cung-phụng sự sang của ta đó ! Trong lúc nghèo-hèn bị mọi người khinh-dề thì nào phải khinh-dề ta đâu, chính là dề-khinh sự nghèo-hèn của ta đó ! nếu trước quý sau hèn mà ta vẫn là ta, chỉ có sự cung-phụng đổi ra dề-khinh mà thôi, vậy thì ngày trước nào có phải thật vì ta mà cung-phụng đâu ? Nếu trước hèn sau quý, mà ta vẫn là ta, chỉ có sự dề-khinh đổi ra cung-phụng mà thôi, vậy thì ngày trước nào phải thật vì ta mà khinh-dề đâu ?

Ai kia tự cung-phụng sự sang-quý thì tại sao ta lại vui ? Ai kia tự dể-khinh sự nghèo-hèn thì tại sao ta lại giận ?

Cái tâm nếu thật là tâm của ta, tức là đầu mối để biện-lý sự-tình của ta, thì có rảnh đâu để vui sự sang-quý, có rảnh đâu mà giận sự nghèo-hèn ?

(1) Đến năm Lỗ Trang-công thứ XVI (679 trước tây-lịch) Sở diệt Tức.

## TANG AI-BÁ CAN DÙNG ĐỈNH

*Lỗ Hoàn-công, năm thứ II*
(709 trước tây lịch)

**XUÂN-THU.— Mùa hạ, tháng tư, vua (Lỗ) nhận của Tống chiếc Cáo - Đỉnh. Ngày mậu-thân, để vào Thái-miếu.**

**TẢ-TRUYỆN.**— Mùa hạ... điều ấy phi lễ. Tang Ai-Bá can rằng : « Người đáng làm chủ xã-tắc phải lo sáng đức, ngăn tà-vạy, chỉ nẻo ngay cho trăm quan. Như thế còn sợ mất ngôi, nên thường lo để gương tốt lại cho con cháu. Vì vậy : Thái-miếu lợp bằng tranh, xe đi tế Giao lót bằng cỏ, canh cúng không pha ngũ-vị, xôi, cơm không tinh khiết quá... là để nêu đức *kiệm*. Áo cồn, mão miện, phất, đinh, đai, xiêm, bức, tích, hoành, hoàn, hoằng, diên, v.v... là để rõ đức *độ*. Táo-luật, bề, bồi, bàn,

lệ, du, anh tỏ đức *số*. Hình hỏa, long, phủ, phất trên xiêm là nêu sáng đức *văn*. Xe đi và vật-dụng có năm sắc là chỉ vật của đức. Trên xe có tích-loan, hoà-linh là để nêu tiếng của đức. Ba thần trên cờ tỏ ánh sáng của đức.

« Như vậy : đức đã kiệm lại có độ-lượng nhiều hay ít do theo số-mục, dùng văn làm kỷ-cương, dùng thanh-âm và ánh sáng để phát ra đức độ, nhờ đó mà cai-quản trăm quan, trăm quan mới lo-sợ không dám thay-đổi kỷ-luật.

«Nay chúa-công bỏ đức theo quấy, đem của hối-lộ để trong Thái-miếu. Bá-quan đều hay biết, nếu theo gương ấy mà hối-lộ thì lấy gì để trừng-trị ?

« Quốc-gia hư-bại là tại bá-quan gian-tà mà bá-quan thất-đức là do sự hối-lộ chán-chường. Nay đem đỉnh của xứ Cáo để tại Thái-miếu thì gương hối-lộ có chán-chường hay không ?

« Khi Võ-vương thắng nhà Thương cho dời chín đỉnh qua Lạc-ấp. Việc tuy phải mà bực nghĩa-sĩ còn chê. Huống chi là đem hối-lộ của kẻ gian-tà bày trong Thái-miếu thì nghĩa-ra sao ? »

Vua không nghe.

Nội-sử nhà Chu bàn rằng : « Tang Tôn-Đạt ắt tích phước cho con cháu về sau ở nước Lỗ chăng ? Vua quấy cũng không quên gián-can. Can vua bày toàn việc đức. »

***

**LỜI BÀN**. — Hiền-thần của lân-bang là kẻ thù của nước nghịch ; tôi giỏi của quyền quý là sâu mọt của nước nhà.

Tiêu Hà, Hàn Tín được Cao-tổ xem là tôi trung lại bị Hạng Võ coi như lũ giặc ; Đỗ Khâm, Cốc Dĩnh được Dương Phụng xem như là tôi trung lại bị Hớn-trào coi như lũ giặc. Vậy thì, trung thần của kẻ soán nghịch tức là tặc thần của vua chánh thống.

Như Tang Ai-Bá ngăn Lỗ Hoàn-công dùng đỉnh của xứ Cáo : việc mình can là phải, người mình can lại quấy.

Bề tôi thí vua, nếu ra công pháp, bị giết không tha. Đứa con giết cha, nếu ra quan pháp bị giết chẳng tha. Lỗ Hoàn-công làm em mà giết anh, làm tôi mà thí chúa, thì người nước Lỗ, dẫu là đày-tớ, hay công-nhơn hoặc bần-tiện như lũ chăn ngựa giữ dê cũng có

quyền cầm dao đến giết. Huống hồ là Tang Ai-Bá, một bực thế khanh của Lỗ, vẫn ăn lộc nước Lỗ, thường chấp chưởng binh quyền của Lỗ, từng dự các lễ-tế nơi Thái-miếu của nước Lỗ, vậy mà thản nhiên ngồi nhìn, không đoái hoài đến ! Nếu đủ sức thì giết đi, bằng không đủ sức thì bỏ mà đi. Nay cúi đầu, nhún lòng, ngày ngày nương náu trong triều, lại còn dùng lời ngay mà can cho khỏi thiếu đức ! Làm vậy đối với Hoàn-công đã đành là không phụ, nhưng đối với Ẩn-công thì không phụ hay sao ?

Đối với bọn cướp phá nhà, không ai đem tội rình rập ra mà trách ; đối với bọn tù giết người, không ai đem tội đánh lộn ra mà phạt. Vì phá nhà là trọng tội, trách rình rập là chuyện thừa ; vì giết người là trọng tội, phạt đánh nhau là việc thừa. Đối với Lỗ Hoàn-công, không gớm tay làm việc sát-nghịch, thì có nên trách sự nhận đỉnh hối-lộ hay chăng ? Cho nên lời can của Tang Ai-Bá không lọt được vào tai của Hoàn-công cũng là phải lắm ! Theo trước mà luận, lời can của Tang Ai-Bá bất trung ; theo sau mà nói, lời can của Tang Ai-Bá bất trí ! Chỉ nói một lời mà có tới hai lỗi : Vậy còn cho Tang Ai-Bá là hiền-nhơn, điều ấy ta không tin được.

Than ôi! Mưu-mô của Nghiêm Vưu định ra để chế-ngự Hung-Nô cũng là một kỳ-kế mà người quân-tử không cho là kỳ-kế, vì mưu ấy dâng lên cho Vương Mãng; nghị luận của Trần Tử Ngang về công-ích của nhà Minh-Đường cũng là chánh-đáng mà người quân-tử không cho là chánh-đáng, vì nghị-luận với Võ-hậu; vậy can-gián của Tang Ai-Bá về sự dung nạp đỉnh của xứ Cáo cũng là trung-trực, mà người quân-tử không cho là trung-trực, vì can gián Lỗ Hoàn-công.

Phàm muốn xem-xét một lời, trước nên xem địa-vị của người, sau mới xét đến lời. Nếu đã thất-thân ở trong khu-vực của bọn soán-nghịch, thì tuy lời có trung, tuy mưu có thâm, cũng không sao tránh khỏi tiếng giúp bọn tôi loàn con giặc! Vì khiến Lỗ Hoàn-công nạp lời của Tang Ai-Bá rồi hành-động đúng lễ-nghi và pháp-độ, sau lại cư-xử đúng theo « chiếm quấy, giữ phải » thời sẽ tránh được hoạ Bành Sanh... như vậy, thì nơi cửu-tuyền, Ân-công không thể nhắm mắt được, mà tội của Tang Ai-Bá cũng sẽ là to-tát lắm thay!

Cho nên, ta vẫn chủ-trương rằng: « Lời gièm-pha của Vũ Phủ là mưu cho Lỗ Hoàn-công cướp ngôi; lời can gián của Ai-Bá là

chước cho Lỗ Hoàn-công giữ ngôi ; kẻ đầu loạn là Vũ Phủ, kẻ thành loạn là Ai-Bá. Nếu định tội theo chánh-danh, chánh nghĩa không nên để Tang Ai-Bá ở dưới Vũ Phủ. »

## NGU-CÔNG YÊU-CẦU NGỌC, KIẾM

*Lỗ Hoàn-công năm thứ X*
(701 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.**— Trước kia Ngu-thúc (em của Ngu-công, tên Canh-thúc, tước Quốc-công) có viên ngọc đẹp. Ngu-công xin. Không chịu. Rồi ăn-năn, tự-hối : « Ngạn-ngữ nhà Chu có câu « *thường-dân vô-tội, giữ ngọc thành tội* », ta dùng chi vật ấy, chỉ mua hại. »

Mới đem dâng ngọc.

Ngu-công lại yêu-cầu đến bửu-kiếm. Canh-thúc bảo : « Như vậy, lòng tham không chán. Đã không chán, sẽ hại đến ta. » Mới đem quân đánh. Ngu-công thua, chạy qua Cung-trì.

***

**LỜI BÀN.**— Ngu-công vì tham-lam mà mất nước. Ngu-thúc vì keo-kiệt mới đuổi vua, một bên tham-lam, một bên keo-kiệt, tuy không đồng tên mà đồng tánh, vì bởi lòng yêu của sanh ra. Nếu khiến Ngu-công biết lòng cầu gươm của mình giống như lòng giữ gươm của Ngu-thúc thì không đến nỗi tham-lam. Nếu khiến Ngu-thúc biết lòng giữ gươm của mình giống như lòng cầu gươm của Ngu-công thì không đến nỗi keo-kiệt. Vì không rộng lượng dung cho nhau nên trở lại trách lẫn nhau mới gây thành giận lớn.

Vậy nên làm thế nào ?

Xin đáp : nên dùng tham-lam trị tham-lam, dùng keo-kiệt trị keo-kiệt. Trong chí-lý không có điều gì bỏ được, thì trong lòng người cũng chẳng có ý-niệm nào trừ được. Nếu không có ý-niệm tham-lam và keo-kiệt thì tại đâu mà có sự keo-kiệt với tham-lam ? Còn nếu có ý-niệm tham-lam với keo-kiệt thì làm sao mà không có sự keo-kiệt và tham-lam cho được ? Vậy thì đối với tham-lam và keo-kiệt không đáng cưỡng-bách cho đừng có mà cũng chẳng cần bảo là không nên có ! Nếu lòng ta không còn vương-vấn điều chi nữa, ngày ngày như tuyết băng, giá rã, cho là tham-lam hay keo-kiệt, điều nào không phải là chí-lý ?

Vả chăng, về « việc » thì có lành hay dữ, còn về ý-niệm thì không gì là dữ với lành. Ý-niệm ấy, gia vào việc lành thì gọi là « thiện-niệm », gia vào việc dữ thì gọi là « ác-niệm », như vậy về ý chỉ có một nào phải là hai.

Đời cho Ngu-công là tham-lam vì lòng thích-cầu của không biết chán ; nếu biết dùng ý-niệm đó để cầu đạo khi bực « lập » chưa rồi đã cầu đến bực « quyền », làm hiền chưa xong đã cầu làm thánh, như vậy có khác gì Đức Khổng-tử « học hoài không biết chán » ?

Đời cho Ngu-thúc là keo-kiệt vì lòng thích giữ của không muốn mất ; nếu biết dùng ý-niệm đó để giữ đạo, khi đạo sống thì sống với, vật-dục không dời lòng được, khi đạo chết sẽ chết theo, uy-quyền không cướp đạo được, như vậy có khác gì Nhan Hồi « được điều lành mau ghi vào dạ, không để cho mất » ?

Vậy thì tham-lam với keo-kiệt, trước là ác, sau lại thiện, theo vật mà đổi tên, chớ nào phải hai ý-niệm ?

# KHUẤT HÀ

*Lỗ Hoàn-công thứ XI*
*(700 trước tây-lịch)*

**TẢ-TRUYỆN.** — Quan Mạc-ngao nước Sở tên Khuất Hà sắp minh-hội cùng nước Nhị và Chẩn. Nước Viên đem quân đóng chận ở Bồ-tao (đất của Viên) để chờ binh của Tùy, Giao, Châu và Liêu đến cùng đánh Sở. Khuất Hà rất lo ngại. Đại-phu của Sở là Đấu Liêm bàn : « Quân Viên đương đóng gần thành của chúng, chắc không phòng-bị, chỉ trông-cậy vào quân của bốn nước kia. Ngài đóng quân ở đất Sinh để ngăn binh bốn nước, tôi có thể đem tinh-binh thừa đêm đánh Viên. Vì trông-nhờ ở bốn nước lại cậy vào sự đóng tại đất nhà, chắc không sẵn chí chiến-đấu. Quân Viên thua, quân bốn nước sẽ tán-loạn ». Quan Mạc-ngao hỏi : « Sao không xin thêm quân ? » Đáp :

« Thắng là vì đồng-tâm, không phải vì đông ! Chuyện nhà Thương không địch nổi Chu chắc ngài có nghe ? (Võ vương chỉ có 300 nhung xa và 3.000 quân hổ-bôn mà thắng quân của Trụ-vương đông như rừng, vững tợ núi.) Nên tập thành đội chỉnh tề rồi sẽ ra trận. Cần gì xin thêm. »

Hỏi : « Sao không bói thử ? »

Đáp : « Bói là để quyết điều nghi. Không nghi cần gì bói ? »

Rồi đem quân đánh thắng Viên, chiếm Bồ tao, minh hội xong, kéo về.

*Lỗ Hoàn-công thứ XII*
(699 trước tây lịch)

**TẢ-TRUYỆN** — Sở phạm vào đất Giao, đóng quân ở cửa Nam của kinh thành Giao. Quan Mạc-ngao bàn : « Nước Giao nhỏ mà khinh địch. Khinh thì ít mưu. Đừng bảo hộ quân đi đốn củi để dụ giặc. » Vua Sở theo. Quân Giao bắt được 30 quân Sở đi hái củi. Hôm sau, binh Giao tranh nhau rượt quân phục dịch của Sở ở trên núi. Sở đàn binh tại cửa

Bắc, phục binh nơi chơn núi. Đại thắng Giao. Buộc phải ký minh ước dưới thành rồi kéo quân về.

***

*Lỗ Hoàn-công XIII*
*(698 trước tây lịch)*

**TẢ-TRUYỆN.**— Mùa xuân, Khuất Hà đem binh phạt nước La. Quan đại-phu Đấu Bá-Tỷ đưa đi một khúc đường, lúc về nói với tên đánh xe « Quan Mạc-ngao chắc sẽ thua. Bộ kiêu mà tâm không vững. » Rồi vào yết-kiến vua Sở tâu : « Xin chúa-công tăng quân. » Không chịu.

Khi vào cung (vua Sở) thuật chuyện lại cùng phu-nhơn là Đặng Man. Phu-nhơn thưa : « Ý của đại-phu đâu phải xin thêm quân ! Dụng-ý là khuyên chúa công thương sĩ-tốt bằng tín, dạy tỳ-tướng bằng đức, đãi quan Mạc-ngao bằng nghiêm-hình. Vì quen thắng trận ở Bồ-tao, quan Mạc-ngao tự dùng ý riêng, sẽ khinh-thường nước La bé-nhỏ. Nếu chúa-công không vỗ-về và trấn-áp bề-tôi, chắc chúng sẽ không lo phòng-bị. Thiếp ngờ rằng quan đại-phu khuyên chúa-công nên giáo-huấn ba quân, khéo trấn-vũ tướng-

sĩ, đòi các ti-tướng đến khuyên lịnh đức, khi gặp quan Mạc-ngao nên bảo : « Trời không tựa kẻ khinh-thường đâu ! » Nếu chẳng phải thế thì há dễ quan đại-phu lại không biết tất cả quân Sở đều ra trận rồi hay sao ? »

Vua Sở sai người nước Lại theo gọi quan Mạc-ngao về. Không kịp. Khuất Hà hạ lịnh cho ba quân rằng : « Kẻ nào dám cản-ngăn sẽ bị trọng-hình. » Đến sông Yền. Binh qua, mất cả trật tự. Hàng-ngũ không sắp lại. Chẳng đặt canh-phòng. Đến nước La. Quân La hiệp với quân Lô-Nhung công-kích hai mặt. Quân Sở đại-bại.

Lúc về quan Mạc-ngao vào thất-cổ trong hang núi, còn các tướng đều tự trói mình chịu tội. Vua Sở bảo : « Bại-binh là lỗi của quả-nhơn. » Tha.

**LỜI BÀN.** — Tại nước Sở có người học cầm lái thuyền. Ban đầu, gặp lúc đi quanh hay thẳng, gặp lúc đi mau hay chậm, đều - theo đúng lời thầy. Nhưng đến buổi xem thầy bỏ chèo, trương buồm cho thuyền chạy mau như mây lướt chim bay, chỉ một phút có thể đi

ngàn dặm thì chàng ta muốn thử một mình tại khúc sông kia. Thời may gặp nước cạn, gió êm, sóng lặn nên thuyền đi theo ý muốn. Chẳng biết nhờ may, tưởng mình đạt được thuật lái thuyền cho nên tạ lễ mà lìa thầy. Về mặt tự-đắc, coi biển như ao, xem hồ tợ chén mới đánh trống cho thuyền vượt thẳng liền đụng ngay vào chốn hiểm-nguy, gặp sóng cao che lấp mặt nhựt và vòm trời, gặp cơn gió dốc ngược biển như trút núi, sóng gió hung tợn, cho đến cá kình, rồng con cũng thất-đảm, đều lo tìm nơi ẩn trốn. Chàng lái thuyền đáo-đác ngó tư bề, tan mật, nát hồn, rơi chèo, rớt lái rồi chìm vào bụng cá và trạnh. Người đời ai cũng cho đó là một gương đáng sợ. Sự nguy hôm nay có phải tại điều may ngày trước tạo ra chăng? Chớ chi, lúc mới thử, gặp ngay biển của sóng to gió lớn thì chắc biết sợ đều nguy-khó và trọn đời không dám bàn đến thuyền và chèo nữa.

Không may, cảnh-ngộ của Khuất Hà cũng in như thế. Đương lúc cầm quân chống nước Viên ở Bồ-tao, vì biết mình là tướng bất-tài nên Khuất Hà luôn luôn nghe theo mưu của Đấu Liêm. Dạy nên đóng quân tại đất Sinh để chống với binh của bốn nước, là Đấu Liêm;

dạy nên thừa lúc đêm dùng quân cường- tráng đánh ụp vào quân Viên, cũng là Đấu Liêm; dạy cho biết quân không cần đông, dạy cho biết không hoài-nghi thì không cần bói, cũng là Đấu Liêm; và không có việc nhỏ hay lớn nào mà không theo kế-hoạch của Đấu Liêm nên mới thành-công, như vậy là có phải là giống in chàng học lái thuyền lúc ban đầu mỗi mỗi đều theo đúng lời thầy dạy chăng? Khi đó Khuất Hà đã mục-kích sự dùng kỳ-binh và cách áp-dụng kỳ-kế nên muốn bắt-chước theo trong lúc một mình cầm quân đánh với nước Giao thì cũng giống in chàng học lái thuyền một mình thử tài nơi khúc sông nọ. Thời may nước Giao lại mắc lầm quỷ-kế nên đại-bại, làm cho Khuất Hà hiu-hiu tự-đắc nghĩ rằng trù-tính của ta không còn sót một nước nào và trong thiên-hạ chẳng còn ai lại có thể đứng trên ta về mặt quân-sự được. Rồi khi ra quân đánh La, nghĩ là một nước nhỏ-mọn chỉ dùng roi-vọt mà đánh cũng chạy nên bỏ phép cũ, tùy ý hành-động, thung-dung tiến bước cho đến lúc biến-cố xảy ra một cách bất-ngờ phải bại-binh, phải thiệt-mạng thì cũng giống in như tai-họa của chàng học lái thuyền.

Suy-tìm mối họa, bà Đặng Man cho là

tại trận Bồ-tao ; còn theo ta, mối phát-sanh ra họa là trận đánh với nước Giao. Khi đánh cùng Giao, Khuất Hà tuy muốn tự-dụng, nhưng cũng còn chưa dám tin nơi tài mình. Nếu lúc đó bị thua thì chắc phải tự nghĩ rằng. trước kia sở dĩ thắng là nhờ người chỉ-vẽ, nay vì tự-dụng nên mới thất-bại thời sẽ tìm mà học những điều chưa thấu đáo, chắc chưa dám xem việc quân là món trò chơi. Cũng vì thấy mưu-kế bày thì có ngay hiệu-nghiệm nên chẳng biết nhờ may, tưởng có thật tài, rồi trong lòng như nơi miệng cho rằng : « Phải ! Trận thắng tại Bồ-tao là do mưu của Đấu Liêm nhưng nay dùng chước không hộ vệ quân đốn củi để dụ giặc thì đâu phải là kế của Đấu Liêm nữa ? » Cho nên vững lòng tự-dụng mới chạy vào hoang-cốc mà treo cổ để tự-sát. Như vậy, sự chết hay sống của Khuất Hà, đều do sự hơn hay thua trong trận đánh với Giao. Trước cho kiêu-căng rồi sau mới cho hãm vào họa, có phải là trời muốn hại Khuất Hà chăng ?

Khi cai-trị nước Tần, Bộ Kiên gặp một chuyện cũng theo Vương Mãnh, gặp hai chuyện cũng theo Vương Mãnh, đến lúc Vương Mãnh từ trần mới hạ-chiếu rằng . « Vừa mới mất thừa tướng, nên quả-nhơn phải tự mình ra tòa nghi-pháp để xét án. » Thật là tỏ hết nỗi lo-âu

vô-hạn của lòng. Nhưng ít lúc sau có tin thắng luôn Trường-địch và Tây-vức làm cho lòng vua Tần kiêu-căng tự bảo : « Việc của thiên-hạ chẳng qua chỉ có thế thôi ! Tuy nay Vương Mãnh không còn nữa, nhưng còn có ta há dễ không đởm-đương nổi hay sao ? » Rồi quá tin nơi tài-trí mới có trận đại-bại ở Kỳ-thủy. Chớ chi sau ngày Vương Mãnh mất, có thất vài trận nhỏ thì đâu dám miệt-thị việc thiên-hạ. Như thế, Bồ Kiên mất nước có khác gì Khuất Hà mất thân đâu !

Coi vậy, từ vua chúa cho đến thứ-dân, vừa lìa sự dạy của bực thầy, muốn tự mình đạt chí riêng, nếu gặp việc dễ chớ mừng vui, có gặp việc khó chớ lo buồn. Vì trước gặp dễ sẽ tưởng việc đời thường dễ, đó là nguồn họa ; trước gặp việc khó sẽ cho việc đời thường khó đó là nền phước. Và trong đời cũng thường thấy : trước thắng một trận, sau lụy cả nước, trước được một việc, sau lụy cả thân, thì như vậy không phải là đáng sợ hay sao ?

# CHÁU CỦA ĐẶNG-HẦU XUI GIẾT VUA SỞ

*Lỗ Trang-công thứ VI*
(687 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.—** Sở Văn-vương qua nước Đặng để đánh Thân. Đặng Kỳ-hầu nói (cùng Vua Sở) : « Vua Thân là con của chị tôi ». Mời Sở Văn-vương ở dùng tiệc. Duy-sanh, Diêm-sanh và Dưỡng-sanh xui giết vua Sở. Đặng-hầu không ưng. Ba người cháu thưa : « Làm mất nước Đặng ta chắc là người đó. Nếu không liệu sớm, sau nầy chúa-công cắn rún cũng trễ. Chi bằng tính ngay. Hiện nay còn kịp ». Đáp : « Làm thế còn ai hưởng vật cúng-tế của ta ! » Thưa : « Nếu không theo lời của ba đứa tôi, xã-tắc, tôn-miếu chắc không còn

thì còn chi mà cúng, vậy còn gì mà hưởng ? »
Cũng không ưng.

Cuối năm, vua Sở đánh nước Đặng.

***

*Lỗ Trang-công thứ XVI*
(677 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Sở diệt Đặng**

**LỜI BÀN.**— Âm, dương, gió, mưa, tối, sáng là sáu khí của trời. Âm quá thạnh hay sanh ra chứng hàn, dương quá thạnh thì có chứng nhiệt, gió quá độ có bịnh nơi chơn tay, mưa quá độ thì hay sanh bịnh nơi bụng, tối quá thạnh sanh ra bịnh mê, sáng quá thạnh lại sanh ra bịnh nơi tâm. Nếu một y-sĩ bảo rằng : « Sáu khí là nguồn-gốc của bịnh, nay bỏ âm dương, phong, vũ, hối, mình đi thì sẽ không còn bịnh nữa ! » ; hỏi trong đời có thể nào tin theo lẽ ấy chăng ? Không biết trách người, chỉ lo trách trời, đó là kẻ làm thuốc dở nhất trong thiên-hạ. Giữ gìn thân do nơi mình, còn tật-bịnh hại thân đâu phải là chỉ do nơi lục-khí ? Giữ-gìn nước là tại nơi mình, còn tai-nạn hại nước đâu phải là chỉ tại nơi láng-

diềng tứ phía ? Đi đứng cho chỉnh-tề, tinh-thần cho vững-chãi, ăn uống cho điều-độ, thuốc-men cho cẩn-thận, thì tuy sáu khí có độc-địa cũng không thể làm hại được thân mình. Đức-trạch cho dồi-dào, chánh hình cho minh-bạch, biên thùy cho bền-vững, ba quân cho luyện-tập thì tuy láng-diềng tứ phía có bạo-ngược cũng không thể hại đến nước mình.

Ba đứa cháu của Đặng Kỳ-hầu không biết sự tồn-vong của một nước là do chánh-sự trị hay loạn, mà trở lại tưởng sự còn mất của một nước là do sự còn mất của một người nên gấp gấp muốn hạ-sát vua Sở, tại sao mưu-kế lại lược-sơ đến thế.

Như vậy, tức là không biết nguyên-do làm mất nước Đặng đâu phải chỉ tại một nước Sở ? Chung-quanh Sở còn có nước Trần, nước Thái, nước Trịnh, nước Hứa cho đến các nước Giang, Hoàng, Đạo, Bá, rất nhiều chớ có phải chỉ một hai nước đâu ! Mà tại sao Sở lại không lo đánh trước nước nào, chỉ lo diệt Đặng thì có phải là thấy ở trong tại nước Đặng có một sự gì có thể thừa-cơ được hay chăng ? Nếu trong nước ta có một cơ-hội để cho kẻ khác thừa được mà ta chẳng lo trừ, chỉ lo trừ kẻ láng-diềng, thì tuy vua Sở có bị giết

cũng còn có nước Sở, dẫu nước Sở có bị diệt cũng còn có chư-hầu khác, vậy thì sự âu-lo của ta biết bao giờ mới cùng được ?

Vả lại, trong thời-buổi đó, nước mạnh hà-hiếp xứ yếu, người đông tàn-phá kẻ cô, những chuyện diệt nước người đã ghi chép đầy trong sử-sách, nếu nước Đặng có chỗ hở để kẻ khác thừa dịp được, thì các chư-hầu sẽ tranh-giành nhau mà diệt nước Đặng chớ nào phải chỉ một mình nước Sở đâu ! Nếu theo kế-hoạch của Tam-sanh (ba châu của Đặng-hầu) thì phải « nuốt » hết các người cầm quyền của lân-quốc ở tứ phía ! Tại sao mưu-kế lại viển-vông đến thế ? Vì than ôi ! láng-diềng tứ phía đâu có thể « nuốt » trôi hết được mà dẫu có trừ hết cũng chưa đủ nương-cậy vào đó mà làm cơ yên-ổn cho mình ? Thì nước Tần không mất trước khi diệt xong lục-quốc mà lại mất sau khi diệt xong lục-quốc, nước Tùy không mất trước khi thống-nhứt bắc-nam mà lại mất sau khi bắc-nam thống-nhứt ; như thế hoạ mất nước đâu phải là do láng-diềng hay địch-quốc mà sanh ra ? Lời của Tam-sanh đã trái một cách quá rõ-ràng như vậy mà còn có người trách. Đặng Kỳ-hầu không biết nghe lời phải. Noi theo thói thường, tiểu-nhơn chỉ biết trách

người, chớ nào biết trách mình. Cũng bởi dùng lòng dạ đó để xét việc người xưa mới có kẻ chỉ biết trách Sở mà không biết trách Đặng.

Vua Kiệt lúc bị đày qua Nam-sào còn bảo: « Ta chỉ phàn-nàn sao chẳng giết Thang trong ngục Hạ-đài. » Than ôi ! Nếu Kiệt giết được vua Thang thì trong thiên-hạ không còn ai bài-trừ Kiệt được hay sao ? Vua Kiệt đã làm muôn điều ác chỉ làm được có một điều lành chính là tha giết vua Thang mà còn phàn-nàn là thất-sách, như vậy tức là tủi-hổ vì còn làm một điều lành, chưa trọn-vẹn được sự ác ! Khá thương thay !

## LỖ TRANG-CÔNG KHÔNG PHẠT TỀ

*Lỗ Trang-công thứ VIII*
(685 trước tây-lịch)

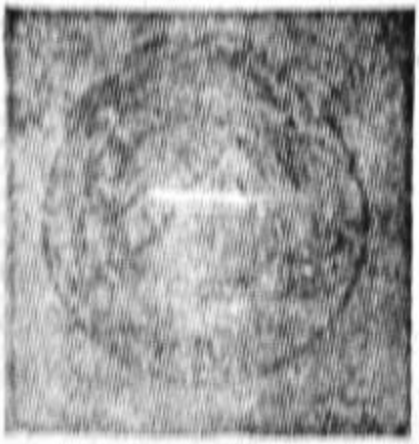

**XUÂN-THU.— Mùa hạ ta (Lỗ) cùng Tề vây Thành. Thành đầu tề.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Mùa hạ, quân Lỗ và Tề vây xứ Thành. Nhưng Thành chịu hàng riêng với Tề. Trọng Khánh-Phủ (giận vì Tề cướp công chung) xin vua đánh Tề. Trang-công đáp : « Không nên ! Ta đây bạc đức, Tề có tội chi. Lỗi tại nơi ta. *Hạ-thơ* có câu : « Cao-dao (1) siêng trồng đức. Đức xuống tận dân. » Vậy ta nên sửa đức để chờ thời. »

Qua thu, đem quân về.

Vì việc đó, người quân-tử rất ngợi-khen Lỗ Trang-công.

**LỜI BÀN.**— Không có gì trái-nghịch nhau bằng nhát với gan mà cũng không có gì gần-gũi nhau bằng gan với nhát (dũng với khiếp). Rầm-rộ, húng-hổ, mạnh-bạo như trái với nhát mà chỉ là ít gan (tiểu-dũng). Còn thản-nhiên, hòa-hưỡn, khiêm-nhường gần như nhát mà thật là lớn gan (đại-dũng). Tại sao gọi là ít gan ? — Vì chỉ hơn được giặc nhỏ. Tại sao gọi là lớn gan ? — Vì hơn được giặc lớn. Quân giặc kéo tới, tuy đông đến trăm vạn, nhưng đối với người thông-hiểu binh-pháp thì vừa trò-chuyện vui-đùa, vừa chỉ-huy ba quân dưởng như lay cây khô hoặc giũ rơm, như vậy có thể nào gọi là giặc lớn được chăng ? Thật ra chẳng có giặc nào lớn bằng giặc trong tâm. Phẫn-nhục đương dậy bên trong, bồng-bột như lửa cháy, như đốt cả lá gan, cùng buồng phổi, gươm chém không đứt, giáo đâm chẳng lủng, xe cán không nát, ngựa kéo không trôi. Từ xưa, những bọn như Bôn, Dục, Hàn, Bạch, hễ đánh thì thắng, hễ vây thì chiếm, cũng còn chịu khuất-phục đám giặc ấy thay ! Bọn Bôn, Dục, Hàn, Bạch đã từng nổi tiếng là hữu-dũng mà còn chịu khuất-phục, nếu ai thắng được giặc đó thì có đáng gọi là lớn gan chăng ? Sự thắng đó không có, đoạt thành, không chiếm được đất, không ghi được công, không thấy xác chất, máu trôi, cũng không

bắt được tù-binh hay ca khúc khải-hoàn để khoe công-trạng ! Chỉ thắng một địch-thủ ở trong cõi lòng mà không được phô-trương chiến-công, như thế cách nhau với sự nhát, thật chỉ là gang-tấc. Người đời có thể coi kẻ đó là khiếp-nhược ; bởi vậy gan với nhát rất gần, rất giống, khó phân-biệt nhau lắm.

Hai nước Tề, Lỗ liên-minh đánh xứ Thành, rồi Tề một mình giựt lấy chiến-công, theo thường-tình, gặp cảnh đó ai cũng tranh-giành. Vậy mà Lỗ Trang-công chịu lui binh; không đua-tranh, tự bắt lỗi mình, không một lời trách Tề, người đời không biết được hành động của Lỗ Trang-công gan hay nhát ?

Ta đoán Lỗ Trang-công nhát. Kẻ thật gan (đại-dũng) không tranh-giành, kẻ thật nhát (đại-khiếp) cũng không tranh-giành. Nhưng kẻ thật gan không tranh là vì đại nghĩa, vì không kể tư-lợi, nhưng khi nghĩa-vụ bắt-buộc phải đua-tranh thì sẽ đem sức mạnh có thừa ra tranh-đấu, chừng ấy trong thiên-hạ còn ai đương-cự nổi ? Đối với Tề Tương-công, (2) Lỗ Trang-công có cái thù cha và vua, không thể đội chung trời, như vậy vì nghĩa phải tranh-đấu ! Vậy mà sợ-sệt, cúi mình để làm tay sai cho kẻ thù, ngồi xem kẻ đó chiếm xứ

Thành không dám tranh-giành. Không dám tranh-giành vì sợ sức mạnh của kẻ thù rồi giả mượn lời tự bắt lỗi mình không tu đức để tự giải-thích với chúng-nhơn, thì đó có phải là bổn-tâm của Trang-công như vậy đâu?

Có người lại bảo: « Trong đời cũng có yếu xâm mạnh, nhỏ đánh lớn, vì không biết lượng sức nên bị tiêu-diệt. Như thế, tuy Trang-công không được liệt vào bực dũng nhưng cũng đáng kể là người biết lượng sức mình. » Xin đáp: « Khi nói đến nghĩa, chớ nói đến sức. Thù của vua, thù của cha, nghĩa buộc nên đánh, phải đánh. Chẳng may, sức không hơn người, chết trong tay kẻ thù thì cũng đủ trưng-bày tấm lòng với tiên-phụ và tiên-vương. Như đại-phu của nước Tống là Cừu Mục (3) về sức làm sao hơn được Nam-cung Trường-Vạn, vậy mà khi gặp nạn của Tống Mẫn-công, quên cả yếu-đuối của thân, nhảy tới đánh, tuy bị chết trong tay của Nam-cung Trường-Vạn, mà trong đời chưa từng bị ai chê là không biết lượng sức mình? »

— Vậy thì xin hỏi: « Lỗ Trang-công có nên tranh-giành với Tề chăng? »

Xin đáp: « Lỗ Trang-công đã quên thù vua và cha để thông-hiếu với Tề Tương-công rồi

lại liên-minh cùng Tề đem quân đánh xứ Thành, đến khi bị giựt công mới đứng lên tranh-đấu với Tề thì đó là giành lợi chớ đâu phải là phục thù ! Vậy thì, trong cảnh-ngộ ấy, Trang-công tranh-đấu cũng lỗi, mà không tranh-đấu cũng lỗi, lỗi đó sanh ra từ buổi đầu, từ khi thông-hiếu với Tề. Đã phạm lỗi từ đầu-tiên cho nên lui hay tới, lên hay xuống, qua hay lại, đến đâu cũng gặp lỗi. Vì vậy, cần biết rằng : « Người quân-tử muốn làm việc chi nên thận-trọng từ buổi đầu ».

---

(1) DẪN TÍCH : *Cao Dao* : tên là Khiết, bề tôi của vua Thuấn, đặt ra luật-pháp, giữ việc ngục-án.

(2) Tề Tương-công thông-dâm với em gái là Văn-Khương, vợ của Lỗ Hoàn-công, khi hai vợ chồng qua Tề. Việc bại-lộ, Tề Tương công sai công-tử Bành-Sinh giết Lỗ-hầu.

Lỗ Trang-công là con của Hoàn-công.

(3) Nhiều lần bị Tống Mẫn-công trêu tức, Nam-cung Trường-Vạn thí vua. Tay còn đầy máu, giơ ra cho quan đại-phu Cừu-Mục xem ở trước cửu cung. Cừu-Mục mắng tên phản-nghịch, rồi cầm hốt đánh vào đầu Nam-cung Trường-Vạn. Lấy tay hất rơi hốt, Nam-cung Trường-Vạn đấm vỡ đầu Cừu-mục. (Mùa thu, tháng tám, ngày giáp-ngọ, năm thứ mười hai của Lỗ Trang-công, tức là 681 trước tây-lịch).

# TÀO UẾ LUẬN CHIẾN

*Lỗ Trang-công năm thứ X*
(683 trước tây-lịch)

**XUÂN - THU.— *Mùa xuân, tháng giêng, vua (Lỗ) thắng Tề ở Trường-câu.***

**TẢ - TRUYỆN.**— Mùa xuân, quân Tề đánh ta (Lỗ Vua (Trang-công) sắp ra binh. Tào Uế xin yết kiến. Người đồng thôn ngăn: « Chuyện của bọn ăn thịt thì nhúng tay làm gì ? ». Đáp: « Bọn ăn thịt quá thiển-cận đâu biết lo xa. » Được tiếp, thưa: « Chúa công dùng điều chi để thủ thắng ? » Đáp: « Ăn và mặc, không dám yên hưởng một mình, vẫn chia đều ». Thưa: « Ơn-huệ nhỏ, chưa ban-bố khắp nơi, Chắc dân chưa theo. » Đáp: « Sinh vật và ngọc lụa để cúng tế, tuy không nhiều, nhưng lòng vẫn thành tín. » Thưa: « Tín nhỏ chưa đủ chắc thánh-thần chưa ban phước. » Đáp: « Ngục tụng lớn

nhỏ, tuy không năng xem xét, nhưng vẫn trọn tinh. » Đáp : « Như vậy có thể giao-chiến được. Ra quân, xin cho thần theo. »

Ngồi chung xe đến Trường-câu. Trang-công sắp ra lịnh đánh trống thúc quân. Tào Uế ngăn : « Chưa nên ! » Chờ quân Tề xong ba hồi trống, Tào Uế bảo : « Đến lúc ! » Thua to, quân Tề chạy. Trang-công sắp ra lịnh đuổi theo, Tào Uế ngăn : « Chưa nên ! » Xuống, xem dấu xe của Tề, trở lên đứng trông lại. Bảo : « Đến lúc ! » Bèn ra lịnh đuổi theo. Toàn thắng.

Lúc về, vua hỏi. Thưa : « Chiến-thắng nhờ bởi khí mạnh. Đánh trống là nung khí. Đến hồi thứ nhì, khí đã suy. Qua lượt thứ ba, khí kiệt. Bên nghịch kiệt-quệ, bên ta đầy-đủ, ta mới thắng. Vả lại, nên thận-trọng khi giao chiến cùng nước lớn, phải ngừa phục-binh. Xuống, thấy dấu xe tán-loạn, lên, thấy cờ-xí không chỉnh tề, mới dám cho lịnh đuổi theo. »

***

**LỜI-BÀN**. — Khi Lỗ và Tề giao-chiến tại Trường câu, khi hai đạo binh gần xáp trận thì lúc đó là lúc nào mà Trang-công lại dùng câu « Về ngục-tụng vẫn dụng tình » để trả lời

câu hỏi của Tào Uế « Dùng chi mà thủ-thắng? » Tại sao lại nói vu-khoát mà không thiết-thực với hiện-tình chút nào vậy?

Đem câu ấy nói với bọn Tống Tương-công (1) hay Trần Dư (2) thì có thể được, chớ đem nói với Tôn Võ hay Ngô Khởi chắc sẽ bị cười ngay. Vậy mà Tào Uế lại cho « Như thế giao-chiến được! », thì có phải cũng chỉ là một phường hủ-nho, khúc-sĩ chăng?

Nhưng xem đến lúc theo Trang-công ra trận thì bày mưu « Nếu dùng khí đầy-đủ của ta để thắng khí kiệt-quệ của chúng, đem chỉnh-tề của ta để chống rối-loạn của chúng », thì về cơ-quyền, về thao-lược, Tào Uế đâu có kém gì Tôn Võ hay là Ngô Khởi, và đâu phải cùng bọn với Tống Tương-công và Trần Dư?

Nếu lời của Trang-công đáng cho là viển-vông, không thiết-thực với hiện-tình thì làm sao Tào Uế lại hiểu để vừa nhận là đúng vừa khen là được? Như vậy thì phải có một lý-do nào chớ?

Ngựa không ruồi-giong thong-thả được là vì có khớp cương kềm giữ, dân không hoành-hành tự do được là bởi có luật có phép buộc-ràng. Khi dây cương và hàm khớp đã đứt hư

mới lộ rõ chơn-tánh của ngựa ; khi pháp-chế và luật-lệ đã vứt bỏ mới thấy rõ tình thật của dân. Bình-thường, trên gieo thống-khổ, dân không dám oán, trên ở bạo-ngược, dân chẳng dám phản vì còn kiêng-dè luật-pháp chờ đến lúc giặc ở trước mặt, cần phải xung-đột trong sự hãi-hùng thì cái mà gọi là luật của ngày thường đến mức ấy đã tan-tành cả rồi. Pháp-luật đã tiêu, chơn-tình của dân mới hiện rõ, thì ơn thịt ngựa (3), oán canh dê (4), ơn ơn oán oán đều dùng thật tình mà báo-đáp cho người trên ; nếu bình-thường không có ơn-trạch nồng-nàn để kết chặt lòng dân ở ngoài vòng luật-pháp thì người trên, trong lúc ấy, chắc gặp chuyện vô-cùng hiểm-nguy !

Ơn dễ cảm mà khó quên nhứt là mang trong lúc bị khuất-nhục, bị áp-bức. Lúc cầm chánh-quyền nước Vệ, Tử-Cao có cho chặt chơn một tội-nhơn, sau gặp loạn, bị rượt chạy ra cửa thành lại gặp tên tội đó giữ cửa. Thấy Tử-Cao nó chỉ : « Nơi đây có chỗ ẩn được. » Nhờ vậy, Tử-Cao thoát nạn, mới lấy làm lạ rằng : « Chính ta cho cắt chơn ngươi, chính lúc nầy là dịp người báo thù, tại sao lại giấu giùm ta ? » Đáp : « Khi lên án tôi, ngài muốn dùng luật để răn-dạy cho tôi khỏi tái-phạm,

Khi hành-hình gương mặt ngài không vui, cho nên hôm nay mới giấu cho ngài thoát nạn! » Con người trong vòng tù-tội thường xem ơn một ly một mảy bằng một cân, một học... Tử-Cao chỉ là một hình-quan mà thôi, chỉ lộ ra một chút tình thương-hại mà cũng chẳng thực-hành được nào! Chỉ có thế mà còn được báo-đáp tận-tình dường nọ, huống chi là Lỗ Trang-công, ông vua của một nước, lại dùng tình thật mà đối-đãi với lũ dân đương bị lao tù thì ơn ấy sâu biết là bao, có thể nào đem việc Tử-Cao mà so sánh được? Khám-đường là tử-địa, chiến trường cũng là tử-địa, bình thường nơi tử-địa đã chịu ơn người thì có lý nào gặp nơi tử-địa lại không nhớ mà đền-đáp hay sao? Đến khi dân-chúng biết vui trước cái chết thì sự phá thành, lui giặc chỉ là một việc thừa.

Người đời hay nói: « Xưa với nay bàn về chiến-tranh thường không giống nhau, vì người thì nói đến thật-sự của chiến-tranh còn người thì nói đến cớ-sự của chiến-tranh. » (5) Quân-lực và địa-thế là chiến-tranh, lòng dân là cớ của chiến-tranh, cho nên Sĩ Vi nước Tấn mới nói: « Lễ, nhạc và từ ái chất-chứa chiến tranh. » (6) Bàn về binh-chánh, đời xưa đều như thế cả.

Lúc sau, đến đời Đường, Liễu Tôn-Nguyên bàn về trận Trường-câu có bảo: « Chỉ lấy sự xét-đoán ngục-tụng mà làm khí-cụ của chiến-tranh, điều đó tôi không tin được. » Rồi tra-cứu về tướng-soái, về quân-sĩ, về hình-thế của đôi bên để luận về trận ấy. Đó là giải-thích

---

(1) DẪN TÍCH : *Tống Tương-công* sắp đánh cùng Sở, cho làm lá cờ thêu hai chữ « nhơn-nghĩa ». Đến sông Hoàng-thủy, binh Sở chưa sang đò kịp, quan tư-mã khuyên đánh. Tương-công không chịu thừa dịp vì « nhơn-nghĩa ». Rồi cũng không chịu nhơn cơ-hội quân Sở bày trận chưa xong mà đánh. Vì vậy mới thua to. (Lỗ Hi-công thứ 22, tháng 11, ngày kỷ sửu, tức là 637 trước tây-lịch).

(2) *Trần Dư.* Khi Hàn Tín chiếm Tam-Tần, bắt Ngụy-vương rồi đem quân đánh Triệu thì lo sợ nhứt về Lý Tả-Xa, mưu-sĩ của Trần Dư. Nhưng bộ-hạ là Trường Nhĩ bàn rằng : Trần Dư tuy khéo dùng binh mà không biết thông, biến. Lại cho Lý Tả-Xa là kẻ chí-trá nên không dùng mưu.

Khi biết Hàn Tín ở xa đem quân đến, Tả-Xa bàn : « Theo binh-pháp : mang quân đi ngàn dặm mà phải tải lương theo tức là lính bị đói, bắt kiếm củi nấu cơm thì quân không no. Đường của quân giặc

về chiến tranh chớ nào phải là cớ của chiến-tranh. Ôi, Liễu Tôn-Nguyên có đâu hiểu được lý ấy!

---

đi rất hiểm-trở, lính không sắp hàng được. Xin cấp cho tôi ba vạn quân đi lối tắt ra chặn đường vận-tải. Tướng-quân chỉ giữ vững thành-trì, không quá 10 ngày chúng chết đói. » Thành-an-quân (Trần Dư) bảo : « Đó là mưu chi-trá. Quân ta nổi danh là nhơn-nghĩa có đâu lại dùng kế dối-trá ấy. » Rồi mất thành bị giết.

(3) *Ơn thịt ngựa*. Trong trận đánh giữa Tấn Huệ-công và Tần Mục-công, tháng chạp, ngày nhâm-sửu, năm 644 trước tây-lịch (Lỗ Hi-công thứ 15), vua Tần sắp bị Hàn Giản cùng Lương Do-Mỹ bắt, nhờ có 300 tráng-sĩ, đầu bù tóc rối cầm dao nhọn xông vào đánh Tấn. Được giải-thoát, Mục-công hỏi mới biết khi xưa, đi săn ở đêm trên núi Lương-sơn bị mất ngựa. Tìm thấy 300 người đang ăn thịt. Quân-sĩ muốn vây bắt, Mục-công than : « Ngựa đã chết, nay còn giết người, té ra quý ngựa hơn người. » Rồi truyền đem mấy chục hũ rượu ngon đến biếu : « Vì chúa-công sợ ăn thịt ngựa mà không uống rượu hay sanh ra bịnh. » — Ngày nay, bọn đó trả ơn.

(4) *Oán canh dê*. Xem chuyện Hoa Nguyên và Dương Châm.

(5) « Cái hữu luận chiến giả hữu luận sở dĩ chiến dã. »

(6) « Lễ, nhạc, từ, ái chiến sở súc dã ».

## NAM-CUNG TRƯỜNG-VẠN
## THÍ TỐNG MẪN-CÔNG

*Lỗ Trang-công thứ XI*
(672 trước tây-lịch)

**TẢ - TRUYỆN.** — Trong trận Thặng-khâu (Tề hiệp với Tống đánh Lỗ), vua (Lỗ Trang-công) dùng cây tên Kim-bộc-cô bắn trúng Nam-cung Trường-Vạn của Tống. Trường-Vạn bị quan nhung-hữu Chuyên Tôn-Sanh bắt. Sau người Tống cầu xin tha. Tống-công thường chế-nhạo Nam-cung Trường-Vạn rằng : « Ngày trước, ta trọng ngươi ; bây giờ, ngươi là thằng tù của Lỗ, ta không còn trọng nữa, » Câu giễu-cợt làm cho Trường-Vạn căm-tức.

⁂

*Lỗ Trang-công thứ XII*
(681 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Mùa thu, tháng tám, ngày giáp ngọ, tên Vạn của Tống giết vua tên Tiệp và quan đại-phu Cừu Mục.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Mùa thu, tên Vạn nước Tống thí vua Mẫn-công tại Mòng-trạch. Đánh chết quan đại-phu Cừa Mục tại cửu cung. Đến phía tây đông-cung, giết quan thái-tể Hoa Đốc. Lập công-tử Du (em họ Tống Mẫn-công) lên ngôi. Công-tử Ngự-Thuyết chạy sang đất Bạc.

Sai Nam-cung Ngưu (con Trường-Vạn) và Mạnh Hoạch đến vây đất Bạc.

***

**LỜI BÀN.—** Quân canh đầy sân, ra vào nghiêm-cấm, nghi-vệ trang-hoàng, đó là cách Công-tôn Thuật tiếp Mã Viện. Khăn chít xiêng xẹo, y-phục xốc-xếch, cười nói bô-ba, đó là cách Quang-võ đãi Mã Viện. Một bên, tuy trang-nghiêm mà bị Mã Viện chê là «ếch nằm đáy giếng», một bên, tuy lôi-thôi mà được Mã Viện tận-tâm phò-tá (1), Như vậy, kính-trọng

lễ-nghi không phải là cách đãi hào-kiệt hay sao ?

Anh-hùng là những tay lỗi-lạc phóng-túng ngoài vòng pháp-độ, nên nhà vua cũng phải đãi kẻ hào-kiệt ở ngoài vòng pháp-độ. Phá tan gián cách, đạp bỏ phiền-phức, choàng vai hay nắm tay cùng nhau kết tình tri-ngộ. Lúc ngồi chon-hỏn, giận mắng để bẻ gãy kiêu-hãnh của anh-hùng, khi bông-đùa, cười giỡn vang-đầy để cùng tận hưởng phút vui, rồi cất tiếng ca hùng-tráng khẳng-khái phơi-bày ruột gan, làm như thế mới bảo được anh hùng quên chết theo mình, Nào có thích chi sự sỗ-sàng, nhưng cách đãi kẻ hào-kiệt phải vậy.

Sức khoẻ vô-địch của Nam-cung Trường-Vạn, khắp chư-hầu đều nghe tiếng, vậy mà Tống Mẫn-công chẳng khi nào dùng pháp-độ trong khi giao-tiếp, luôn-luôn giễu-cợt, chế-nhạo. có phải là cố-ý bỏ những pháp-độ nhỏ-mọn, tự cho là biết rõ thuật đãi kẻ hào-kiệt hay chăng ? Sau rồi bị Nam-cung Trường-Vạn vì thẹn tức mà giết đi là lẽ bởi tại đâu ?

Xắn tay áo để nắm gáy cọp dữ phải là Phùng Phụ mới làm nổi, còn kẻ yếu-hèn lại muốn bắt-chước thuật của Phùng Phụ thì chỉ chùi răng cọp mà thôi ! Đời xưa, miệt-thị người

chắc không ai bằng Hớn Cao-tổ ; nhưng lòng kiêu-hãnh, ý khinh-miệt của Cao-tổ nào phải do tánh tự-nhiên ! Ngồi chon-hỏn rửa chân để nhục Kinh Bố khi đến, rồi lúc ra cung-cấp các vật dụng dành riêng cho bực vương. Mắng át khi tiếp-kiến để nhục Triệu-tướng rồi phong ngay chức Thiên-hộ-hầu. Nhục-mạ thình-lình, thi ơn bất-ngờ, như mù sương tuôn rơi khi nóng bức, như sấm-sét nổ bùng lúc lạnh buốt làm cho hào-kiệt ngửa-nghiêng chẳng rõ đầu đuôi đó là chước của Hớn Cao-tổ đã dùng trọn đời để cổ-võ những anh-tài trong thiên-hạ.

Nếu không có được thuật ấy, khi quá câu nệ thì thành Công-tôn Thuật, khi quá cẩu-thả thì thành Tống Mẫn-công, đến đâu mà không nát việc ? Than ôi ! Cũng chẳng cần chi bàn đến hai nhơn-vật đó, đến như thuật của Hớn Cao-tổ, có thể coi là tuyệt-kỹ, mà có lúc còn phải cùng thay ! Vì vậy nên gần cuối đời mới lo kẻ khác khinh-lờn, rồi chán-ngán sự rút gươm chém cột mà công-nhận nghi-lễ của Thúc-tôn Thông đặt ra. (2) Như thế, lúc đầu nào phải Hớn Cao-tổ không muốn dùng lễ nghi đâu ! Nhưng vì thấy quá nhỏ-nhặt, quá câu-thuc con người mà sợ các võ-phu hãn-tướng không kham

nồi. Khi thiên-hạ chưa định mà định ra lễ-nghi phiền-phức thì e mất lòng hào-kiệt bốn phương, nên bỏ đi, không giảng-tập đến. Như vậy tức không biết chỗ vui trong danh-giáo (danh-giáo chi trung, tự hữu lạc-địa » mà điều ấy bọn Thúc-tôn Thông đâu rõ được.

Ba bài « Thề-vi », « Xuất-xa » và « Đông-sơn » trong *Kinh Thi* tả cảnh mưa tuyết và ấm lạnh, cỏ cây, cầm thú với côn-trùng, xe ngựa, xiêm y, nhà cửa cùng hôn-nhơn, nhắc chuyện nhơn-tình (3) rất thấu-đáo mà lời ru lại êm-ái như thiếu-nữ ngây-thơ, đó là cách Văn, Võ-vương và Chu-công đãi các tướng-sĩ mở rộng cửa lòng, đãi nhau như người trong

---

(1) DẪN TÍCH : Đời Đông-Hán, sau Vương Mãng, có Công-tôn Thuật xưng đế ở đất Thục. Khoách Ngội-Ngao khuyên Mã-Viện yết-kiến Thuật. Nghi-vệ oai-nghiêm, có cả 100 quan hầu tại miếu-đường, Thuật từ trên ngai xuống giữa hai hàng quân, ra đến xe để tiếp Mã Viện rồi muốn phong ngay làm đại-tướng. Mã-Viện từ-chối phàn nàn rằng : « Cuộc thư-hùng trong thiên-hạ ngày nay chưa định, Công-tôn Thuật không biết nhả cơm để rước quốc-sĩ mà toan lo thành bại. Cứ mãi bệ-vệ như bù-nhìn thì làm sao gặp được kẻ sĩ ? » Rồi bảo cùng Ngội-Ngao : « Tử-Dương (Công-tôn Thuật) chỉ là ếch nằm đáy giếng ».

thân-thuộc. Không câu thúc như lễ nghi của hư nho, cũng không cẩu-thả như đời sau. Hớn Cao-tổ là bực thông-minh, dễ nghe lời chỉ-giáo; tiếc thay không ai giảng cho Cao-tổ hiểu nghĩa của ba bài đó.

---

(2) Hớn Cao-tổ bỏ cả pháp-độ và nghi-lễ của nhà Tần để cho mọi việc đều giản-dị. Sau, các bề-tôi lúc uống rượu lớn tiếng giành lời nhau, cầm gươm chém vào cột, mất cả trật-tự. Cao-tổ lo-ngại. Thúc-tôn Thông đặt lễ triều-nghi. Nhằm lúc cung Trường-lạc đã cất xong, hội các chư-hầu và bá-quan. Khi đến triều-hạ, ai nấy đều khúm-núm theo đúng lễ-nghi trật-tự. Hài lòng, Hớn Cao-tổ phán rằng : « Hôm nay, trẫm mới rõ làm vua là cao-quý ».

(3) Đó là ba bài « tự tình mẫn lao » chỉ rõ Văn, Võ-vương và Châu-công chia khó-nhọc với ba quân.

## TRỊNH LỆ-CÔNG GIẾT PHÓ HÀ, NGUYÊN PHIỀN

*Lỗ Trang-công thứ XIV*
(679 trước tây lịch)

**TẢ - TRUYỆN.** — Trịnh Lệ-công bỏ đất Lịch (nơi đương ẩn trốn) lên trở về nước. Đến đất Đại-lăng bắt được đại phu của Trịnh là Phó Hà. Phó Hà thưa: « Nếu được tha, tôi sẽ đưa chúa-công về Thành-đô. » Cùng nhau minh - thệ. Được tha về. Tháng sáu, Phó Hà giết công tử Nghi (vua Trịnh) và hai con, đem Lệ công về (làm vua).

Vào kinh thành, Lệ-công ra lịnh chém ngay Phó Hà. Rồi sai người đến bảo cùng Nguyên Phiền: « Lòng của Phó Hà hay dời-đổi. Luật của nhà Chu không dời-đổi. Đã trị tội. Ta có

hứa : những kẻ giúp ta mà không hài lòng sẽ được làm Thượng-đại-phu. Muốn cùng bá-phụ bàn việc ấy. Vả chăng, lúc ta đi, bá-phụ không có một lời đem ta về. Lúc ta về, cũng không nghĩ gì đến ta. Ta rất căm-giận. »

Nguyên Phiền trả lời : « Tiên-quân là Hoàn-công giao cho tiên-nhơn của hạ-thần gìn-giữ tôn-miếu. Xã-tắc khi ấy đã có chủ. Vậy còn bảo ngó đến chủ khác tức là hai lòng rồi. Đã làm chủ xã-tắc thì dân trong nước ai không phải là bề-tôi ? Làm tôi không hai lòng, đó là luật thiên-nhiên. Công-tử Nghi ở ngôi 14 năm. Nếu mưu đem chúa-công về, như thế có hai lòng chăng ? Trang-công (cha của Lệ-công) còn tám người con đều sanh-tiền. Nếu mỗi người đều hối-lộ bằng tước-vị để khuyên bá-quan hai lòng và nếu thành-sự cả thì chúa-công mới nghĩ sao ? Nhưng thần xin tuân mạng ».

Rồi thắt cổ.

***

**LỜI BÀN.—** Họa, không có chi lớn bằng nội-ứng. Gian, không có chi lớn bằng trung-lập. Hai tội ấy, bên nào trọng ?

Xin đáp : « Tội trung-lập ! » Tại sao ? Vì

nội-phản dễ thấy còn trung-lập khó lường. Bề-tôi phản chúa tức là kẻ thù của nước, lũ trẻ cao năm thước cũng biết ghét chê. Bọn giặc có mượn tay làm nội-ứng, khi được thành-công thì trọng-thưởng, nhưng lòng vẫn nghi-ngờ: « Nay, ta dụ nó phản vua ; sau, chúng dụ, nó lại phản ta. Nhưng ngôi kia chưa định, ta còn mượn nó để thành-công. Khi ngôi đã định, ta sẽ trừ nó để ngừa hậu-hoạn. » Cho nên, Phó Hà phản, công-tử Nghi theo Lệ-công, sau không tránh khỏi sự trừ-khử của Lệ-công.

Đến như Nguyên Phiền mưu-mô thật vô-cùng kín-đáo ! Từ đời Trang-công đã cầm chánh-sự tại triều, trải qua biến cố của các công-tư Hốt, Đãn, Nghi, Đột, bốn lần trong nước thay vua, mà Nguyên Phiền vẫn là trung-lập, không giúp theo phe nào ! Ai về lên ngôi thì ta coi là vua, ai bỏ nước trốn đi thì ta xem như mất. Xem ngôi vua như một nhà cầu, không để vui hay lo vào đó. Nghiêng bên nầy, ngửa bên kia để được mọi người dung túng cho qua tháng ngày, không ai thương cũng không ai ghét !

Tự ngàn xưa, kẻ làm quan ăn lộc nước đều dùng thuật ấy dẫu nhà vua là bực minh-quân cũng chưa dễ thấu được mưu gian của chúng.

Lệ-công vì thù riêng mà hại Nguyên Phiền đành là chuyện không chánh-đáng... nhưng biết đâu trời không mượn tay Lệ-công để răn dạy kẻ làm tôi? Xem câu trả lời của Nguyên Phiền : « Đã làm chủ xã-tắc thì dân trong nước ai không phải là bề-tôi? Vậy thì ai chiếm ngôi vàng sẽ được ta tôn thờ, chẳng lựa-chọn ai cả! » Theo thuyết đó thì kẻ cướp ngôi cũng là vua, kẻ tiếm-vị cũng là vua, kẻ trộm ngôi cũng là vua, quân thù cũng là vua! Làm tôi mà giữ lòng đó thì làm vua sẽ nương-cậy vào đâu? Thật Nguyên Phiền gian-hùng quá đỗi!

Than ôi! luận về tội của thần-tử thì đến phản-bội là cùng-tột, nhưng « khi thành thì công-khanh, lúc không thành bụng bị mổ banh » (sự khắc tắc khanh, bất khắc tắc phanh). Vậy thì được với mất còn là phân hai. Đến như kẻ giữ trung lập thì tự nghĩ không tới chỗ nào mà không đắc-chí : nước còn hay mất, vua lập hay phế, thời trị hay loạn, dân an hay nguy, ta không cần biết đến. Khi tước-lộc của ta còn vẹn-nguyên thì những việc trên có dự gì đến ta? Dụng-tâm như thế cũng là xảo thật! Nhưng trung-lập đến như Nguyên Phiền có khi cũng bị Trịnh Lệ-công giết-hại. Vậy thì ở trong đời muốn cho ai cũng dung-túng mình cả, đâu có

phải là một kế trường-cửu! đâu có thể tránh khỏi họa luôn!

Vì lẽ đó, ta mới nêu gương Nguyên Phiền bị hại để làm bài học cho các sĩ-phu ham « trung-lập ».

## DỤC QUYỀN
## CẦM KHÍ-GIỚI CAN VUA

*Lỗ Trang-công thứ XIX*
(674 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.**— Dục Quyền cố cạn Sở-tử (1). Không nghe. Dục Quyền dùng binh-khí bức-hiếp. Quá sợ, Sở-tử theo. Rồi, Dục Quyền bảo : « Dùng binh-khí áp bức làm vua sợ-hãi, tội trọng không gì bằng. » Tự cắt một chơn. Người Sở cho Dục Quyền làm chức đại-hôn gìn-giữ cửa thành. Được truyền chức cho con cháu.

Người quân-tử bàn rằng : « Phải nhận Dục Quyền làm thế là thật bụng yêu vua. Gián-can cho đến tự nạp mình vào khổ. Hình-Phạt rồi cũng vẫn không quên đưa vua vào điều lành.»

⁂

**LỜI BÀN.** — Kẻ thần-tử nên lo can chưa khéo, chẳng nên lo nhà vua không nghe theo lời. Thuật can vua cũng khó vậy thay! Thành-thật không trọn-vẹn cũng chưa khéo; lý-lẽ không sáng-suốt cũng chưa khéo; từ ngữ không minh-bạch cũng chưa khéo; khí sắc không hoà-nhã cũng chưa khéo; tiết-hạnh không đủ cho nhà vua kính-mến cũng chưa khéo; ngôn ngữ không đủ cho nhà vua tin-cậy cũng chưa khéo. Đáng lo là không tròn thuật can của mình, chớ lo gì bề-trên theo cùng không!

Không lo nghệ-thuật của mình chưa tinh-xảo, chỉ lo tật-bịnh khó trị: đó là y-sĩ dở nhứt trong thiên-hạ. Không lo trù-tính của mình chưa đầy-đủ, chỉ lo địch-thủ khó thắng: đó là tướng-soái tầm-thường nhứt trong thiên-hạ. Lúc gián-can, bề-tôi chỉ lo trách vua không lo trách mình, không biết mời vua nghe theo lời, chỉ muốn ép vua phải theo lời, thời lưu tệ như Dục Quyền cầm binh-khí hiếp vua Sở mới thôi. Nào Dục Quyền có muốn hiếp chi vua Sở! Chỉ vì gián-can không nghe phải ép-buộc, ép-buộc không được phải bức-hiếp! Vua càng không nghe, càng muốn bắt vua phải nghe, sao không chịu trở lui để tự hỏi thuật can của mình đầy-đủ hay chưa? Can là bổn-phận của thần-tử, nghe cùng không đã ngoài

nhiệm-vụ của bề tôi. Chưa tròn bổn phận kẻ dưới lại bắt buộc người trên phải theo, như thế có đáng hay chăng ? Cũng vì sợ vua không nghe, Dục Quyền mới cầm binh-khí mà bức-hiếp. May thay vua Sở không cho là trái nên theo. Nếu không chịu thì chẳng biết Dục Quyền còn đưa thuật gì ra để tiếp-tục thêm.

Nếu rủi bị Sở-tử giết đi, bị hãm vào tội phản thì tâm-tích còn ai thấy rõ giùm cho ? Cũng biết không thể tiếp theo được mãi, Dục Quyền mới dùng sự cắt chơn để chứng tỏ tâm-tích của mình. Như bảo rằng : « Đời sau, muốn bắt-chước theo ta dùng binh-khí can vua thì phải bắt-chước sự cắt chơn của ta. Không theo được gương chặt chơn chớ noi theo gương can vua bằng binh-khí. »

Đạo của thánh-nhơn là muốn đời sau ai cũng học được, gương của Dục Quyền là muốn đời sau đừng ai học theo. Tại sao đối với thánh-nhơn lại cách-biệt nhau đến thế ? Trước bức vua binh-khí, sau trở lại cắt chơn, trước làm lỗi, sau chữa lỗi, vừa làm quấy vừa ăn-năn, bộ-điệu nóng-nảy, lòng dạ bồn-chồn, chắc không khi nào thánh-nhơn hành-động một cách phiền-phức và khổ-sở như vậy.

Đạo-lý có cán cầm, lời nói tùy cơ-hội như

lái bẻ thì thuyền quay, bánh lăn thì xe chạy, có cần chi phải dụng sức quá nhiều. Người xưa ngồi trong nhà rộng, trên chiếc nệm hoa, thung-dung chỉ nói một lời cũng đủ tạo ra nguồn bình-trị. Không cần to tiếng hay là giận-tức, chẳng cần cãi-cọ nhiều lời.

Theo nắm áo vua (2), bẻ gãy lan-can (3) còn bị coi là kế-sách thấp-kém huống chi là cầm binh-khí hiếp-bức vua !

Tuân Khanh, một hủ-nho, bàn về thuật can vua có nói : « Đem cả quần-thần cùng bá-quan đến nài-ép nhà vua chắc bề-trên không yên tâm, nhưng không nghe cũng không được. Làm thế để tránh họa lớn cho nước thì cũng là một cách giúp vua. » Thì có khác chi Dục Quyền dùng sức hiếp vua ?

Như thế bọn tầm-thường (thất-phu) dựa vào đâu để cho lời can được bực vua vạn-thặng phải theo ? Chỉ nhờ vào đạo.

---

(1) DẪN TÍCH : Xin Sở Văn-vương tha Thái-hầu.

(2) Đời Tam-quốc, Ngụy Văn-đế muốn dời vạn nóc nhà ở Kỳ-châu. Tân Tị can. Vua không nghe bỏ đi. Tân Tị chạy theo níu chéo áo để nài xin.

Nếu muốn cùng nhà vua thi sức thì có khác gì kẻ ăn mày cùng Ỷ Đốn (4) thi của. Hành-động như thế thật là thậm-nguy.

---

(3) Đời Hán, Châu Vân xin vua ban cho gươm Thượng-phương để chém đầu tên gian-nịnh là Trương Võ. Vua giận sai quân đuổi ra. Ghì tay vào lan-can, Châu Vân la lo : « Cùng với Long Bàng và Tỉ Can xuống cửu-tuyền cũng đủ hả dạ rồi ! »

(4) Nhà giàu có nhứt của nước Lỗ. Sống cùng thời với Thạch Sùng. Được sắp ngang hàng với Đào Châu về tài-sản.

## QUẢN-TRỌNG XIN CỨU NƯỚC HÌNH

*Lỗ Mẫn-công năm đầu*
*(660 trước tây-lịch)*

**XUÂN - THU.** — Tề cứu Hình.

**TẢ-TRUYỆN.** — Địch phá nước Hình. Quản Trọng tâu cùng Tề-hầu (Hoàn - công) : « Bọn Nhung-Địch là giống sài-lang, tham không biết chán. Các nước Chu-ha (Trung-quốc) là thân-cận, chớ nên lìa bỏ. Điều vui yên là thuốc độc, chớ nên hoài-bão. *Kinh Thi* có câu : « Há nào chẳng muốn trở về sao ? Chỉ vì kính sợ giản thơ. » Giản thơ có nghĩa đồng nạn tương cứu, xin (chúa công) cứu Hình để theo giản thơ ». Quân Tề cứu nước Hình.

***

**LỜI-BÀN.** — Phàm khi muốn khuyên thì chớ nên dùng lời có thể làm cho người đời kinh

hãi. Khi thưa với Tề-hầu, Quản Trọng bàn rằng : « Yên vui là thuốc độc chớ khá hoài-bão. » Khi thuốc độc vào người thì gan hư, ruột thúi, chết không kịp trở tay, chớ còn yên vui, tuy hại đức, mà đâu có đem họa đến mau chóng đến thế ? Có nên ngờ là Quản Trọng vì muốn răn đời, không tránh được cái tật nói quá lời làm cho người phải sợ hãi chăng ?

Nào phải thế ! Nếu Quản Trọng nói thật hết lời thì người đời còn hãi-kinh hơn nữa, vì chết về thuốc độc, trong ngàn vạn người chỉ có một, còn chết về yên vui thì thiên-hạ đều bị cả. Sự độc của yên vui thật là thảm khốc không lấy gì mà so-sánh được. Quản-Trọng chỉ đem một việc của người đời hay sợ để làm thí-dụ đó thôi !

Với xe đi trên đất, chẳng chỗ nào nhơn từ bằng đường quanh-co khúc-khuỷu như ruột dê, mà không nơi nào bất-nhơn bằng đường phẳng-lì, rộng-thẳng. Với thuyền đi trên nước, chẳng chỗ nào nhơn-từ bằng khúc sông sâu-hiểm như gành thác, mà không nơi nào bất-nhơn bằng nơi rộng lớn êm tợ ao tù. Vì biết có nguy, lòng âu-lo, thân mới toàn ; vì thấy quá dễ, dạ khinh-thường, thân mới nát. Người đời sống vì những lúc lo và cần, chết vì cảnh yên

và vui. Lẽ ấy rất rõ rệt nhưng sở-dĩ người đời không biết lo-sợ là vì theo thói quen không hay suy-xét đến đó thôi!

Trong buổi thư-nhàn, thử nghĩ lại xem: điều gì làm cho chí suy, khí kém? Vì ai mà công nát nghiệp tan? Tại đâu mà ngày hư tháng phí để uổng mất một đời, để cho mục thúi như cỏ cây? Vì đâu lại hôn-mê không biết trở lui, để đưa mình vào đường ác? Bởi đâu mà chểnh-mảng không biết phòng bị để hãm mình vào cõi họa? Tất cả sự ấy đều do yên vui mà sanh ra. Như vậy, yên vui là cửa của trăm điều ác. Cửa đó: người hiền vào, khi ra trở nên ngu; kẻ sáng-suốt vào, lúc ra trở nên mê-muội; người cương-trực vào, lúc ra thành liệt-nhược; người thanh-khiết vào, lúc ra biến thành ô-uế. Giết mình, hại nhà, mất nước, đầu với đuôi liên-tiếp nhau, như vậy chẳng phải đáng ghê-sợ lắm sao?

Như người quân-tử cũng đủ tai, mắt, đủ miệng, mũi thì về ham-muốn nào có khác chi người thường! Nếu người thường sống trong yên vui mà có được hạnh-phúc thì người quân-tử đã biết hưởng trước rồi. Sở-dĩ bỏ cái nọ đúng cái kia là vì biết rõ sau yên vui sẽ phóng túng, sau phóng-túng sẽ hèn-yếu rồi trăm họa

do đó sanh ra làm cho lòng ưu-tư rồi mất yên-ổn. Hoạn-nạn thật là to-tát lắm. Vì vậy, thân của quân-tử bề ngoài hình như siêng lo mà bên trong lúc nào cũng thơ-thới, nếu lòng có lo ấy chỉ vì sự tự-cường đức-hạnh. Vì vậy lòng bao-la, thân thung-dung, ở nơi sáng, người không chê, ở nơi tối, quỷ chẳng trách, an-nhàn như có núi Thái-sơn bao-bọc tư-bề.

Như vậy, về yên vui, có ai biết chọn-lựa bằng người quân-tử ?

## TỀ-HẦU CỨU HÌNH, PHONG VỆ

*Lỗ Trang-công năm thứ XXXII*
(661 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Địch đánh Hình.**

⁂

*Lỗ Mẫn-công năm đầu*
(660 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Tề cứu Hình.**

**TẢ-TRUYỆN.**— Địch phá Hình. Quản-Trọng tâu cùng Tề-hầu : « Nhung-Địch là giống sài-lang tham không biết chán. Các nước Chư-hạ là thân-cận, chớ nên lìa bỏ. Điều vui yên là thuốc độc, chớ nên hoài-bão.

*Kinh Thi* có câu : « Há chẳng muốn trở về sao ? Chỉ vì kinh-sợ giản-thơ. » Giản-thơ có nghĩa : đồng nạn tương-cứu. Xin (chúa-công) cứu Hình để theo giản-thơ ». Quân Tề cứu Hình.

*Lỗ Mẫn-công năm thứ hai*
(659 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU. — Tháng chạp, Địch đánh Vệ.**

**TẢ-TRUYỆN.** — Mùa đông, tháng chạp, quân Địch đánh Vệ. Ý-công thích chơi hạc, cho đi xe của đại-phu. Lúc phát khí-giới cho quân, chúng bảo nhau : « Sao chúa-công không sai hạc ra chống giặc. Hạc có tước-vị và có bổng-lộc chớ chúng tôi đánh sao được ? »

Ý-công giao cho Thạch Kỳ-tử một ngọc Quyết, cho Ninh Trang-tử một cây tên rồi dặn : « Dùng để giúp nước. Tùy lợi mà làm. » Rồi trao cho phu-nhơn một áo thêu, khuyên : « Nên theo lời hai quan coi thành. »

Cử Khổng cầm xe cho vua, Tử-bá cầm gươm ngồi bên hữu, Hoàng Di đi tiên-phong, Khổng Anh-Tề hậu-tập.

Đánh cùng quân Địch tại bưng Huỳnh-trạch. Quân Vệ đại-bại, bị tiêu-diệt. Ý-công vì không bỏ lá cờ « đại-bái » nên bị thua to. Quân Địch bắt được sử-quan Hoa Long-Hoạt và Lễ Khổng. Cùng nói : « Chúng ta là thái-sử, giữ việc cúng-tế. Nếu không đi trước cáo-báo với thần chắc các ngươi không chiếm được kinh-thành ». Đi về trước, bảo cùng hai quan giữ thành : « Đừng chờ nữa ! » Cùng dân trong thành thừa đêm trốn chạy. Quân Địch chiếm Vệ. Rồi đuổi theo đánh bại quân Vệ tại bờ Huỳnh-hà.

Xưa, Vệ Huệ-công thny cha lên ngôi lúc còn nhỏ tuổi (Huệ-công là con của Tuyên-công và Tuyên-Khương. Vệ Tuyên-công còn một đứa con nữa là Chiêu-bá — công-tử Ngoan — với người thiếp khác). Người Tề xui Chiêu-bá thông-dâm với Tuyên-Khương. Không thuận. Bị ép. Sau mới sanh ra : Tề-tử, tức là Đái-công, Văn-công tức là Tống Hoàn-công phu-nhơn và Hứa Mục-công phu-nhơn.

Vì loạn-lạc ở Vệ, Văn-công qua ngụ tại Tề. Khi nước Vệ bị chiếm. Tống Hoàn-công đến Huỳnh-hà, thừa ban đêm rước người Vệ qua sông.

Dân nước Vệ, đàn-ông lẫn đàn-bà, còn sống sót được bảy trăm ba mươi người. Cộng với

dân đất Cung và đất Đẳng thì được năm ngàn. Lập Đái-công lên ngôi (thế Vệ Ý-công). Tạm đóng ở xứ Tào. Hứa Mục-công phu-nhơn vịnh bài thơ « *Tái-trì* ».

Tề Hoàn-công sai công-tử Vô-Khuy đem ba trăm chiến-xa với ba ngàn giáp-sĩ đến đóng cạnh ranh nước Vệ. Rồi gởi cho vua (Vệ) xe ngựa, năm bộ áo để cúng-tế, cùng trâu, dê, heo, gà, chó, mỗi thứ ba trăm. Và cây để sửa nhà. Gởi biếu phu-nhơn chiếc xe bọc da cá với ba chục cây gấm thêu.

**TẢ-TRUYỆN.**— Năm đầu của Lỗ Hi-công (658 trước tây-lịch). Tề Hoàn-công dời dân Hình qua Di-nghi. Năm thứ hai, phong cho Vệ đất Sở-khâu.

Dân Hình bị dời mà vui-thích như về nước cũ. Dân Vệ bị mất nước mà cũng quên được khổ.

*Lỗ Hi-công nguyên-niên*
(658 trước tây - lịch)

**XUÂN-THU.— Quân Tề, Tống, Tào hội tại Nhiếp-bắc cứu Hình.**

**TẢ-TRUYỆN.**— Chư-hầu cứu Hình. Dân Hình tán-loạn, nhờ binh chư-hầu che-chở. Đánh đuổi quân Địch. Tom-góp các dụng-cụ mà man-di đã chiếm để trả hết lại cho dân Hình.

***

**XUÂN-THU.— Mùa hạ, tháng Sáu, Hình thiên-đô đến Di-nghi.**

***

**XUÂN-THU. - Binh Tề, Tống, Tào đắp tường thành Di-nghi.**

**TẢ-TRUYỆN.**— Mùa hạ... Chư-hầu đắp thành để phòng họa. Đúng phép, bá-chủ phải cứu chư-hầu bị tai-nạn, giúp nước bị đại-hạn, phạt kẻ hữu-tội.

***

*Lỗ Hi-công năm thứ hai*
(657 trước tây-lịch)

**XUÂN THU.— Mùa xuân, tháng giêng, tu-bổ Sở-khâu.**

**TẢ-TRUYỆN.**— Mùa xuân, chư-hầu hội để tu-bổ Sở-khâu, đô mới của Vệ. *Xuân-Thu* không ghi nơi hội-nghị, vì nhà vua (Lỗ) đến trễ.

***

**LỜI BÀN.**— Điều mà vương-giả lo-sợ, bá-giả lại vui-thích. Vương-giả sợ có danh, bá-giả lại thích có danh. Sự có danh, tại sao lại đáng sợ ? Thì nếu không trải qua cảnh bạo-ngược của vua Kiệt, dân-chúng làm sao biết được vua Thang, nếu không nếm qua sự ác-nghiệt của vua Trụ, dân-chúng làm sao biết được vua Võ. Nếu hai vua Thang, Võ được may-mắn sống trong đời Đường, Ngu, thì nào có tại-hại gì đáng trừ, nào có công-trạng gì đáng lập, chắc sẽ được cùng dân sống trong cảnh an-nhàn vô-sự, như vậy chí-nguyện của bực thánh-nhơn đó đã thỏa-mãn rồi ! Cho nên, công-trạng kia vì loạn mà lập ra, danh-vọng nọ vì công đó mà nổi lên, có phải do bổn-tâm của mình muốn vậy đâu ?

Bởi thế, khi dân-chúng trông vua Thang như mây lành, như móng đẹp, đối với vua Thang nào phải là thạnh-đức, ấy là điều bất-hạnh cho vua Thang ; khi dân-chúng trình bầu nước, dâng túi cơm để rước quân vua Võ, thì đối với vua Võ nào phải là thạnh-đức, ấy là điều bất-hạnh cho vua Võ.

Lòng của bá lại khác.

Vương-giả sợ thiên-hạ loạn, bá-giả sợ thiên-hạ không loạn. Vì loạn không to thì công không

lớn, mà công không lớn thì danh không cao. Muốn được danh cao phải có công lớn, muốn được công lớn phải nuôi loạn cho to.

Quân Địch đánh nước Hình, hai năm sau Tề--hầu mới dời dân Hình qua Di-nghi. Quân Địch diệt nước Vệ, ba năm sau, Tề-hầu mới mới phong cho Vệ Sở-khâu. Nếu thật lòng thương-hại hai nước ấy tại sao phải chờ vài năm, mới để ý đến ? Chủ-tâm rõ-ràng chỉ muốn nuôi loạn đó thôi !

Trong lòng Tề-hầu chắc nghĩ như vầy : « Lúc đầu, khi mới bị đánh, nếu ta kíp đến cứu thì đó chỉ là việc thường thấy : một chư-hầu đi cứu một lân-bang. Như vậy thành-tích có gì là kinh-dị ? có gì đáng lưu lại cho hậu-thế ? ân-huệ có gì dồi-dào có thể ra oai mà định bá cho được ? Trước để cho thật đói, sau mới cho ăn, chừng đó món kia mới ngon ; trước để cho thật khát, sau mới cho uống, chừng đó, nước kia mới ngọt. Nay, ta cứ ngồi im, để dưỡng sức loạn, đợi đến khi trong hai nước ấy xã-tắc đã nát, thành-quách đã tan, dân-chúng đã tản, lưu-vong đã lắm, rồi lần-lần ta mới vãn-cứu. Cứu ở một nơi nguy-ngập, đưa từ chốn ngửa-nghiêng vào cảnh thái-bình, khi ấy vua Hình và Vệ mất nước mà lại có nước, dân Hình

và Vệ mất thân mà lại có thân, chừng đó ơn mới sâu, nghĩa mới nặng, chín vực không sâu bằng, chín đỉnh chẳng nặng hơn, thì công-danh mới rực-rỡ mới đáng đứng đầu trong ngũ-bá. Nếu diệt họa khi vừa nở mầm hay đâm chồi thì công-danh của ta làm sao được chói-lọi như thế ? »

Than ôi ! trông thảm-họa của Hình và Vệ, từ vua quan đến sĩ-dân đã chịu xác chết bở đầy đồng nội, còn mồ-hôi nước mắt thấm đầy cây cỏ, kẻ có lòng nhơn vừa trông thấy cảnh não-nùng đã hấp-tấp chạy đến tiếp-cứu ngay, không thể ngồi yên được một buổi sớm, vậy mà Tề Hoàn-công vì một chút danh cỏn-con, ngồi yên để xem hai nước đó chết trên hai năm trường, sao mà nhẫn-tâm đến thế ! Muốn cho tai-nạn của người to ra để cho ơn-huệ của mình to thêm, muốn cho hung-ác của giặc rõ thêm để cho công-trạng của mình rõ ra, như vậy là lấy sanh-mạng của vạn người để đổi danh-vọng của một mình, tâm gì mà thế ? Vừa thoạt trông thấy trẻ-con sắp rơi xuống giếng, lòng thương-xót, dạ hãi-hùng tức-nhiên sanh ra, đó là chơn-tánh của con người. Chơn-tâm khi đã phát-hiện chẳng có gì ngăn-trở được, thì có rảnh đâu mà toan-tính đến các việc khác.

Có kẻ lại bảo rằng : « Trẻ sắp rơi xuống giếng mà lại cứu nguy, công kia rất cạn. Để cho thật rơi rồi mới đến cứu, công ấy mới sâu. Khoanh tay mà chờ cho trẻ rơi, mới cởi xiêm áo, nhảy xuống cứu, tự-nhiên cha mẹ nó sẽ chịu là ơn tái-sanh, làng-mạc đó sẽ nhận là có đức hơn người, có nghĩa khuynh-động cả phường xóm. Chừng ấy, nghĩ lại lúc trước đã cứu đứa trẻ sắp rơi, cha mẹ nào có tạ ơn, xóm làng nào có khen-ngợi, rõ-ràng hai cảnh thật quá khác nhau ! »

Nhưng, thử hỏi ở vào địa-vị của trẻ-em kia, nên gặp người trước hay nên gặp kẻ sau ?

Than ôi ! vương và bá phân-biệt ..... tại chỗ đó.

# VỆ Ý-CÔNG THÍCH HẠC

*Lỗ Mẫn-công, năm thứ II*
(659 trước tây - lịch)

**XUÂN-THU.— Tháng chạp, Địch đánh Vệ.**

**TẢ-TRUYỆN.** — Mùa đông, tháng chạp, quân Địch đánh Vệ. Ý-công thích chơi hạc, cho đi xe của đại-phu. Lúc phát khí-giới, quân-chúng bảo nhau : « Sao chúa-công không sai hạc ra chống giặc ? Hạc có tước-vị và bổng-lộc, chớ chúng tôi đánh sao được ! »

Ý-công giao cho Thạch Kỳ-tử một ngọc Quyết, cho Ninh Trang-tử một cây tên rồi dặn : « Dùng để giúp nước. Tùy lợi mà làm ! » Rồi trao cho phu-nhơn một áo thêu, khuyên : « Nên theo lời hai quan coi thành ».

Cử Khổng cầm xe cho vua. Tử-bá cầm gươm ngồi bên hữu. Hoàng Di đi tiên-phong. Không Anh-Tề hậu-tập.

Đánh cùng quân Địch tại bưng Huỳnh-trạch. Quân Vệ đại-bại, bị tiêu-diệt. Ý-công vì không bỏ lá cờ « đại-bái » nên bị thua to. Quân Địch bắt được sứ-quan Hoa Long-Hoạt và Lễ Khổng. Cùng nói : « Chúng ta là thái-sứ, giữ việc cúng-tế. Nếu không đi trước báo-cáo với thần chắc các ngươi không chiếm được kinh-thành. » Đi về trước, bảo cùng hai quan giữ thành : « Đứng chờ nữa ! » Cùng dân-chúng trong thành thừa đêm trốn chạy. Quân Địch chiếm Vệ. Rồi đuổi theo và đánh bại quân Vệ tại bờ Huỳnh-hà.

***

**LỜI BÀN.**— Vệ Ý-công vì hạc mà mất nước ! Thích chơi giống nhỏ lá chim mà để mất lòng dân, ai xem đến đó cũng gấp sách lại mà cười thầm !

Nhưng, riêng ta lại cho là chưa dễ khinh Vệ Ý-công được ! Vì người đời mỗi khi thấy đầu đỏ, lông trắng, hai chơn có sáu cạnh thì gọi là hạc, mà không thấy rằng những kẻ sĩ ham phú-hoa, thích phong-cách cao-đạo, kỷ-thật trong trí-óc chẳng có gì, thì ngoài mặt hẳn là người, còn trong lòng có khác gì giống chim hạc ?

Như lúc Tắc Hà (Tề) thạnh-vượng, nhà cao cửa rộng, liên-tiếp, đội mão cao, đeo gươm dài, mặc áo rộng, cân-đai to, biện-bác đến việc trời, vẽ cả hình rồng, vù-vù như ong vỡ ổ, như suối reo, xem chí-hướng dường vua Võ, vua Thuấn, những hạng người như thế đi chật cả đường ; nhưng khi có nạn « treo gân », có tù « tùng bá » thì chẳng có một ai ra tay đối phó ; như thế, bọn đó chỉ cũng là bầy hạc của Vệ Ý-công !

Như lúc Hồng-đô (Hớn) thạnh-trị, những bực văn-hào chữ đẹp như dấu chơn chim hay dấu trùng bò (chữ triện), tự khoe xuất-chúng, ngày nào cũng tụ-họp đông-đầy, được ban tước phong quan uy-nghi rực-rỡ. Ai cũng tưởng sẽ giúp cho nhà vua mưu cao kế sâu, nào dè khi có giặc Hoàng-cân, khi thiên-hạ chấn-động, chẳng nghe kẻ nào dâng một kế-hoạch hoặc cầm gươm ba thước ra giúp nước trong buổi loạn-ly, thì bọn đó khác gì với giống hạc của Vệ Ý-công ?

Như trong niên-hiệu Vĩnh-gia (Tấn Hoài-đế), hạng người biện-bác uyên-thâm đầy chốn triều-ca, uống rượu ngâm thơ, ngó xem vạn-vật, trí khoáng-đạt, lượng rộng rãi như đã ra ngoài trần-tục, xem phong-độ như ánh của ngọc châu, ngọc bích, mà khi gặp phải loạn Ngũ-hồ

(Tấn mạt) lại để cho dân-chúng bị giết như miếng thịt trên thớt, thì bọn đó cũng chỉ là bầy hạc của Ý-công !

Như trong niên-hiệu Phổ-thông (Lương Võ-đế), buổi sớm bàn kinh phật, bữa tối giảng đạo Lão, dân-chúng ngồi chung-quanh nghe bọn bác-bẻ, vấn-nạn nhau sau thành tục của một nước, rồi ngày kia bị Hầu Cảnh vây hãm tại đài thành. Các sĩ-đại-phu trong triều, quen thói kiêu-căng, lười-biếng, chẳng còn biết cỡi ngựa, đành bó tay chịu chết, không dám chống-cự, thì bọn đó cũng chỉ là lũ hạc của Vệ Ý-công !

Xem qua vài nước, trông đến những nhơn-vật ngày thường được tin dùng, nghe lời-lẽ, ngó oai-nghi trong buổi luận-bàn hay khi thù-tiếp thì phong-độ ấy cũng đáng khen, đáng theo, đáng mến, đáng yêu, mà đến khi có nạn lại sửng-sốt, kinh-hoàng thì thử hỏi trong bọn ấy hơn hạc của Ý-công được là bao nhiêu ? Thì tại sao dám dề-khinh Ý-công của nước Vệ ?

Bị đem ra dùng không phải là kẻ được dưỡng-nuôi hằng ngày ; kẻ được dưỡng-nuôi hằng ngày lại không đem ra dùng ! Cho người thân nương vào chốn an-ninh, buộc kẻ sợ ra nơi hiểm-trở, cho người quý hưởng lợi, ép kẻ tiện chịu hại, làm vậy thì không khi nào tránh được hoạ của Vệ Ý-công.

Nhưng còn nghĩ thêm rằng : « Hạc là giống chim, được ghi nơi *Kinh Dịch*, được truyền trong *Kinh Thi*, được tao-nhơn mặc-khách mến-quý, thì nào phải là giống chim thường ! Vậy mà khi Ý-công chở trên xe dành riêng cho các quan đại-phu thì cả dân trong nước lại ghét hạc như diều hâu, kên ó, thì đâu phải thương với ghét trước sau lại khác nhau ? Chỉ vì tội ở không đúng địa-vị.

Là giống được quý-trọng mà khi sai địa vị, hạc còn bị ghét thế kia, thì lũ chim khác khi sai địa-vị sẽ bị thủ ghét đến ngần nào ! Vì vậy lòng ta biết bao cảm-khái !

## THỌ ĐIÊU TIẾT-LẬU QUÂN-CƠ

*Lỗ Hi-công năm thứ II*
(657 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Tự-nhơn nước Tề tên Điêu, tiết-lậu quân-cơ tại Đa-ngư.**

***

**LỜI BÀN.—** Ban-sơ, khi mới hầu chuyện với Tề Hoàn-công, Quản Trọng (1) có thưa: « thích đi săn và ham nữ-sắc không hại đến bá-nghiệp » và khuyên : « chớ nên dùng bọn tiểu-nhơn cho xen vào việc nước, sẽ có hại đến bá-nghiệp ». Như vậy, ý của Quản Trọng cho rằng : « khi quá đè phải cho trồi lên, đã kềm chặt phải cho nới ra ». Chắc lúc mới cầm quyền nước Tề cũng có giao-ước cùng Hoàn-công như vầy ; « Lạc-thú trong nước, hạ-thần xin dưng

cho chúa-công. Chánh-quyền của nước, xin chúa-công giao lại cho hạ-thần. Chúa-công hưởng thú vui chơi, hạ-thần lãnh phần cai-trị. » Lạc-thú đổi chánh-quyền, chắc hai bên đã cam-kết nhau như thế.

Vậy thì, từ đó, nếu Quản Trọng dùng lời nghiêm-nghị để ngăn sự chơi-bời của Tề-hầu, tức là Quản Trọng phụ Tề-hầu; nếu Hoàn-công dùng bọn tiểu-nhơn để xâm quyền-hành của Quản Trọng, tức là Hoàn-công phụ Quản Trọng. Sở-dĩ Quản Trọng được vua trọng-dụng, một mình cầm quyền-bính lâu ngày, dựng lên một công-nghiệp đồ-sộ, đều nhờ lời hẹn-ước đó.

Còn tên thái-giám Thọ Điêu (2) lo cất đền-đài nguy-nga, nuôi nhiều chó quý, ngựa hay, mua nhiều sắc đẹp tiếng thanh để phụng-sự thú vui của Hoàn-công, vậy đúng theo lời hứa của Quản Trọng. Nay, Thọ Điêu lại ỷ được vua yêu, chen vào chánh-sự rồi tiết-lậu quân-cơ (3), như vậy tức là trái với lời giao-hẹn cùng Quản Trọng.

Khi ấy, tại sao Quản Trọng không phân-trần xin Hoàn-công thi-hành đúng theo hẹn-ước cũ, đem Thọ Điêu ra chém giữa quân-môn? Tại sao lại chịu nhường-nhịn, ngồi yên,

không có một lời tranh-biện? Thì cũng phải vì một duyên-cớ nào?

Phàm trong điệu chơi cờ, người cầm quân toan đi một nước mà chưa xong lại cuốn tay, chịu thua ngay đó là kẻ rất cao cờ. Còn để thua hết quân mà vẫn tranh-giành không thôi đến quăng cờ, đổ bàn, đó hạng chơi cờ kém-thấp. Mà Quản Trọng là tay cờ cao nhứt trong nước vì lúc còn lờ-mờ đã thấy thế cờ không thể hơn được. Biết khó thắng đã ngừng ngay. Chờ đợi đến khi lưỡi đã mòn, sức đã kiệt, đã đến bước cuối-cùng mà phải chịu ở trong địa-vị không hơn thì sao còn gọi là Quản Trọng được?

Trở lại buổi đầu, khi muốn hiến lạc-thú cho Hoàn-công để thi-hành điều-ước thì phải nhờ ai? Quân-tử hay là tiểu-nhơn? Đã gọi là tìm thú vui chơi ắt phải nhờ nơi bọn tiểu-nhơn. Đã gọi là tiểu nhơn thì chẳng đứa nào chẳng tham quyền-vị. Đã cho hưởng thú vui chơi mà cấm gần tiểu-nhơn thì có khác nào cho ruộng-nương mà lấy lại cày bừa? Đã cho tin-dùng tiểu-nhơn mà còn cấm chúng lấn quyền ta thì có khác nào cho chung-chạ cùng đạo-tặc mà bảo ghét sự trộm-cắp? Trong đời đâu có như thế được!

Gấp tạo công-lợi (3) nên gấp cầm chánh-

quyền của nước Tề, vì vậy Quản Trọng không đủ thời-giờ suy-xét kỹ-càng mới có lời giao-ước đó. Đến khi bị tiết-lậu quân-cơ ở xứ Đa-ngư, mới thấy sự lỗi-lầm trong điều cam-kết trước mà ăn-năn thì sự đã rồi, cho nên đành phải lặng thinh. Lỗi-lầm ban-sơ sau không còn vãn-cứu được. Quản Trọng phải buộc lòng ngậm miệng, chẳng dám đua-tranh. Thử để kẻ khác vào cảnh-ngộ đó và chẳng biết đo-lường sự thế, đứng lên phân-trần, rồi tỉ như Tề Hoàn-công gắng-gượng nghe theo mà đuổi Thọ Điêu đi. Chừng tên thái-giám đó đã vắng bóng, lũ bộ-hạ sẽ như gãy tay cụt chơn, lọng-cọng lấp-vấp, rồi trong cung-điện lúc đó Hoàn-công sẽ rụi như đất cục không còn làm sao đào tạo cuộc vui. Chừng đó tất-nhiên sẽ trách Quản Trọng rằng: « Ngươi hứa dâng cho ta lạc-thú làm vua để ta ban cho ngươi chánh-quyền của nước, mà nay lại để cho ta lạt-lẽo, bực-bội không còn có chút vui nào, thật là ngươi khi ta quá đỗi. » Coi vậy thì lúc đầu, khi Thọ Điêu được tin-dùng thì Quản Trọng có thể cầm trang đầu của khoán-ước mà trách Tề Hoàn-công lỗi hẹn; lúc sau, nếu Thọ Điêu bị đuổi, Tề-hầu có thể đem trang sau của khoán-ước mà trách Quản Trọng lỗi hẹn. Vì thế, Quản Trọng phải nhẫn-nhịn chẳng dám đua-tranh.

***

Nói về hồi đầu khi Thọ Điêu mới được thâu-nạp, mà Hoàn-công sở-dĩ tin-dùng là vì Quản Trọng bằng lòng, thì lúc đó Quản Trọng ở ngôi chủ còn Thọ Điêu là khách. Nói về hồi sau, khi Thọ Điêu được tin-dùng mà Hoàn-công sở-dĩ không sơ với Quản Trọng là vì Quản Trọng chịu nhịn, thì lúc đó Thọ Điêu đã chiếm địa-vị chủ còn Quản Trọng là khách. Lòng vua đối với tôi đã thay mà ngôi-thứ của chủ với khách cũng đổi. Xưa, Thọ Điêu cầu Quản Trọng dung cho; nay Quản Trọng nhờ Thọ Điêu dung cho. Chỉ lo người dung mình thì đâu còn dám nhớ đến sự đuổi người! Đến lúc gần chết mới kể tội gian-xảo của Thọ Điêu, đặt giữa hai gã tiểu-nhơn khác là Dịch Nha và Khai Phương (5), yêu-cầu Tề Hoàn-công nên đuổi cả ba. Bình-thường chẳng dám công-kích đó là một chước giữ mình, lúc gần lìa đời thì nói không chừa lời, cốt mua-chuộc tiếng khen là sáng-suốt biết xem người; tự lo cho mình châu-đáo đến thế, thật Quản Trọng cũng là quá xảo! Nhưng rốt cuộc cũng mở đường cho loạn-ly, để cho lũ con thứ tranh-giành ngôi báu, làm cho hệ-thống của nước gần tiêu-tan (6). Coi thế mới biết về việc thiên-hạ có thể nào dùng toàn xảo-trá mà thành-công mãi đâu!

Than ôi! khi mới tấn thuyết cùng Tề-hầu,

lòng của Quản Trọng tự-phụ là đường bao, kỳ-vọng cho nước đến bực nào, vậy mà đến lúc chiều tà, đường tận, không biết định cho công-tử nào nối ngôi chắc-chắn để đến nỗi phải gần bó đem con của Hoàn-công qua gởi cho Tống Tương-công. Mỗi khi đọc sử đến đó, ta vẫn thương sự lụn-bại và than cho nỗi cùng-khốn của Quản Di-Ngô !

Đời thường chê bá-đạo (7) là quá ham điều công-lợi thì hãy xem gương của Tề Hoàn-công một đời thạnh-vượng nhứt trong ngũ-bá ! Cha mới chết thì một lũ con đã chém giết lẫn nhau để giành ngôi, bỏ thây không lo tẩn-liệm. Như thế : tai-vạ còn chưa tránh được, nào có « công lợi » gì đâu ? Xem đó mới biết : ngoài vương-đạo chẳng có đường ngay nào cả, còn lại toàn ngõ hẻm đầy chông gai ; ngoài nhơn-nghĩa chẳng có công-lợi gì cả, chỉ còn là tai-nạn đầy hiểm nguy mà thôi ! Dùng sự ham công-lợi mà chê

---

DẪN TÍCH và NGHĨA : (1) *Quản-Trọng* tự là Di-Ngô, nhờ bạn thân là Bão Thúc-Nha tiến-cử đến dưng cho Tề-Hoàn-công một chương-trình về kinh-tế để làm giàu nước Tề, về một kế-hoạch về chánh-trị để đưa Tề hầu lên làm bá-chủ chư-hầu. Hoàn-công phong Quản-Trọng làm tể-tướng, giao kết chánh-sự trong nước, chỉ bỏ việc mua vui với cung-nhơn (Lỗ Trang-công năm 9, tức là 684 trước tây-lịch).

bá-đạo tức là người đời quá ngợi-khen bá-đạo vậy.

---

(2) *Thọ-Điều* : tên đày-tớ tự thiến mình để được hầu-cận Tề Hoàn-công. Rất được tin-dùng.

(3) *Bí-mật quân-sự* : Tề giả đem quân phạt nước Thái rồi bất-ngờ đánh vào Sở. Thọ Điều ăn hối-lộ đem kế-hoạch ấy mách với Thái-hầu, nên vua Sở biết rõ mưu-mô của Quản Trọng mà phòng-bị trước.

(4) *Công-lợi* : lấy công-nghiệp làm lợi-ích chung cho nước tức là « phú-cường chủ-nghĩa » trái với « đạo-đức chủ-nghĩa » của vương-đạo.

(5) *Dịch-Nha* : là tên đầu-bếp giỏi, nấu đứa con lên ba dưng cho Tề-hầu dùng. Khai Phương là con trưởng của Vệ Huệ-công, bỏ ngôi thế-tử theo hầu Tề Hoàn-công.

(6) Ba vợ lớn của Tề Hoàn-công không con, sáu thiếp sanh ra sáu công-tử. Vì bọn Thọ Điều và Dịch Nha bè-đảng với công-tử Vô-Khuy, con của Trưởng-vệ-cơ, Quản-Trọng khuyên Hoàn-công lập công-tử Chiêu con của Trịnh-cơ, lên ngôi thế-tử, rồi đem uỷ-thác cho Tống-Tương-công.

Đến năm thứ 17 của Lỗ Hi-công (642 trước tây-lịch), tháng mười, ngày ất-hợi, Tề Hoàn-công mất, bọn Dịch Nha, Thọ Điều giết bá-quan, lập Vô-Khuy lên. Công-tử Chiêu trốn qua Tống. Đến tháng chạp ngày tân-tị mới tần-liệm Tề-hầu lúc đêm.

Năm sau (Lỗ Hi-công thứ 18, tức là 641 trước tây-lịch), mùa xuân, Tống-công, Tào-bá cùng quân của Vệ và Trâu đánh Tề. Vô Khuy bị giết. Công-tử Chiêu lên ngôi, tức là Tề Hiến-công.

(7) *Bá-đạo và vương-đạo* : dùng đức mà cảm-hoá người là vương-đạo, lấy sức mà ép-buộc người là bá-đạo. Vương-nghiệp là thống-nhứt cả nước còn bá-nghiệp chỉ cầm đầu các chư-hầu.

## QUỲ-KHÂU ĐẠI-HỘI

*Lỗ Hi-công thứ IX*
(650 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU. — Mùa-hạ, vua (Lỗ) hội với thái-tể (Chu Khổng), Tề-hầu, Tống-tử, Vệ-hầu, Trịnh-bá, Hứa-nam, Tào-bá tại Quỳ khâu.**

**TẢ-TRUYỆN.**— Mùa xuân, Tống Hoàn-công mất, chưa chôn, mà Tống Tương-công cũng lo đến dự hội chư hầu cho nên *Xuân-Thu* gọi là Tống-tử. (Phàm khi có tang thì gọi thiên-tử là « tiểu-đồng » còn chư-hầu là « tử »).

Mùa hạ, hội tại Quỳ-khâu ký minh-ước, cùng nhau giao-hiếu và ban-bố cấm-lịnh của thiên-tử.

Thiên-tử sai quan thái-tể Chu Khổng đem

phần tế ban cho Tề-hầu : « Thiên-tử đã tế nơi miếu của Văn và Võ-vương rồi sai Khổng nầy đem phần tế ban cho bá-cậu. »

Tề-hầu toan bước xuống thềm để lạy tạ, Chu Khổng can : « Còn một lịnh nữa ! Thiên-tử lại truyền rằng : vì bá-cậu có tuổi nên sai Khổng nầy đến viếng và tăng thêm một cấp. Tha lễ xuống lạy tạ. »

Tề Hoàn-công nói : « Oai-nghiêm của thiên-tử không bao giờ cách xa mặt người đến gang hay thước. Tiểu-Bạch nầy đâu dám tham mạng của thiên-tử để khỏi xuống lạy tạ. Như vậy, sợ đắc-tội rồi sa-ngã mà để tiếng chẳng tốt cho thiên-tử. Dám đâu không xuống lạy tạ dưới thềm. »

Sụp lạy, xong, lên lãnh (phần tế).

***

**LỜI-BÀN.—** Trong thiên-hạ, ra làm chánh-trị chẳng khi nào chẳng kỳ-vọng. Chánh-trị của vương có kỳ-vọng của vương, chánh-trị của bá có kỳ-vọng của bá, chánh trị của phú-cường có kỳ-vọng của phú-cường. Nếu chẳng có mục-đích thì nhắm bắn vào đâu, nếu không

có chỗ để trông thì xu-hướng vào đâu ? Chí-khí của mình chính để tạo-lập kỳ-vọng đó, hành-động của mình chính để đi tới kỳ-vọng đó; hiệu-quả đã thâu-thập chính để đối-chiếu với kỳ-vọng đó. Còn bàn-bạc viển-vông, hành-động sảng-hoàng rồi đột-ngột bỏ rơi, cách làm hoảng-hốt, không có quy-định thì làm sao nói đến việc chánh-trị cho được ! Vì thế các bực chúa thánh với tôi hiền mới lo sắp-đặt kỳ-vọng trước khi ra làm chánh-trị trong thiên-hạ.

Kỳ-vọng vẫn là đầu mối của chánh-trị mà đôi khi cũng là mối họa của chánh-trị. Như kỳ-vọng đến phú-cường, đã đến phú-cường thì ngừng lại, muốn đem kỳ vọng đến bá-nghiệp cũng khó được. Như, từ kỳ vọng đến bá nghiệp, đã đến bá-nghiệp thì ngừng lại, muốn đem kỳ-vọng đến vương-nghiệp cũng khó được. Bởi tại sao ? Vì bình-thường, kỳ-vọng là mức chót, tới đó sẽ thôi. Kỳ-vọng phú-cường, đã đến bá-nghiệp thì yên-thân nơi đó. Kỳ-vọng ấy tuy nhỏ, tuy không theo kịp không sánh kịp với các thời cường-thạnh, tuy không theo kịp phong-độ của người xưa, nhưng trông lại các chư-hầu hèn-yếu, ngó xuống các nước quê-mùa thì thấy hơn đã quá nhiều. Như vậy, gọi là chẳng có chí lớn còn được, chớ tại sao lại cho là mối họa ?

Là bởi vì : thế trong thiên-hạ không thạnh

phải suy, trị trong thiên-hạ không bình phải loạn, kỳ-vọng phú-cường mà ngừng tại phú-cường thì không thể giữ mãi được phú-cường, kỳ-vọng bá-nghiệp mà ngừng tại bá-nghiệp thì không thể giữ mãi được bá-nghiệp, như người cỡi ngựa giỏi lên dốc cao, không thể ngừng bước ở giữa lưng-chừng.

Tề Hoàn-công đem Quản Trọng nơi cảnh gông-cùm tù-tội (1) về giao-phó cả chánh-quyền. Trong lúc vua tôi bàn-bạc cùng nhau thì lấy bá-nghiệp làm kỳ-vọng, khi ấy, trông chí-khí mạnh-mẽ dường-bao! Kỳ-vọng đã định, bên tả có họ Quốc, bên hữu có họ Cao, trước có Bão Thúc-Nha, sau có Thấp Bằng (2), đến dưới có dân-chúng nơi làng-mạc, thôn quê đều lo thức khuya dậy sớm nung lòng phấn-chí quyết đoạt cho được kỳ-vọng của vua mình. Đến khi đại-hội chư-hầu tại Quỳ-khâu, uy-tín đã bao-trùm chư-hầu, danh vọng đã bay khắp bốn biển, trên thì có thiên-tử ban cho phần tế, dưới thì có sứ-giả nhà Chu đến dự.

Chung-quanh cờ-xí tưng-bừng, bao-bọc đàn cao vòi-vọi, màn gấm rực-rỡ phủ-che, giữa đuốc « đình-liệu » sáng ngời. Quan « hữu-tư » mỗi người đều giữ một phận-sự riêng : ngọc biền, ngọc khuê khua rồn-rảng. Quan-khách đều ngưỡng

đầu lần đến chỗ của mình : mũ biền, mũ « miện » chói rực. Chung-quanh im phắc chẳng tiếng ồn-ào. Rồi Tề Hoàn-công xuống thềm sụp lạy thỉnh-mạng của thiên-tử, khi đứng, lúc quỳ cực-kỳ nghiêm-trang, ngọc « hoàn-bội », thể ngà nơi mũ áo khua vang tỏ sự vinh quang sáng rực quanh mình. Khi ấy, tuyên-bố năm-điều nghiêm-lịnh, đặt lời thề làm chắc, dùng chữ ký làm tin, cho minh-ước được vững-bền, thì thật là chói loà tợ sông Thiên-hà, Thiên-hán, nghiêm-trang dường tiếng sấm, tiếng sét, thì các vua chư-hầu như Tào hay Hứa có khác gì vừa ở nơi hang chuột hay ổ kiến chui ra, trông thấy nghi vệ huy-hoàng của thời xưa, loà mắt, kinh-hồn đâu còn dám ngửa mặt ngó lên. Ngày thường, tuy có vài chư-hầu ương-ngạnh tánh hay vọt lưới, chẳng muốn ai chế-ngự như Tấn-hầu mà hôm nay cũng lo đem xe chùi dầu, cho ngựa ăn cỏ để chạy đến cho kịp ngày sợ trễ sẽ bị nghiêm-phạt. Trong ngũ-bá chẳng ai hơn Tề Hoàn-công, trong chín lần hội chư-hầu của Tề Hoàn-công, chẳng có lần nào hơn được Quỳ-khâu. Văn-vật của đại-hội ấy thạnh-vượng cho đến đổi, ngày sau, các tao-nhơn mặc-khách vẫn còn ca-tụng không thôi. Kỳ-vọng hằng ngày của Tề Hoàn-công đến đại-hội Quỳ-khâu đã được mãn-nguyện. Trồng-tỉa mấy năm, hôm nay gặt được hiệu-quả, như vậy thật là không phụ kỳ-

vọng của mình đã đặt để ra.

Nhưng, kỳ-vọng đã mãn thì lòng cũng mãn ; lòng đã mãn thì kiêu-căng sẽ sanh ; kiêu căng đã sanh thì biếng-nhác sẽ đến ; biếng-nhác đã đến thì suy-loạn cận-kề. Cho nên, việc gần là bị thái-tể Chu Khổng chê-bai (3), còn việc xa là loạn do năm đứa con tranh-giành ngôi-thứ (4). Nào ai dè hồi thạnh-vượng tột-bực chính là đầu mối của suy-loạn ?

Ta thường ví công-nghiệp của Tề Hoàn-công, trước ngày đại-hội Quỳ-khâu như trăng từ bữa mùng một đến ngày rằm ; lần-lần thêm rồi lần-lần đầy-đủ ; còn sau ngày đại-hội Quỳ-khâu như trăng từ ngày rằm đến bữa mùng một : lần-lần khuyết rồi lần-lần tiêu-tan. Chưa đầy mới thêm được đã đầy thì có bớt chớ còn thêm được vào đâu ? Vì vậy, chớ nên để cho lòng mình tự-mãn. Tề Hoàn-công dễ đâu chẳng biết đó là điều nên tránh, nhưng khi kỳ-vọng đã mãn thì làm sao cho lòng khỏi mãn được. Phải chi khiến được kỳ-vọng của Tề-hầu đừng ngừng nơi bá-nghiệp thì có đâu vừa tới bá-nghiệp nguyện lòng lại mãn. Như vậy : lỗi của Hoàn-công do lúc đặt ra kỳ-vọng, đâu phải lúc đoạt xong.

Mưa tuôn thì ao đầy, rượu rót thì chén

tràn, sức chứa của ao có chừng, sức đựng của chén có mực, kỳ vọng của người cũng có giới-hạn. Một khi quá chừng, quá mực, quá hạn thì dẫu không muốn cũng đã đầy. Nếu chẳng phải là ao, mưa đến mười ngày cũng chẳng lo ; nếu không phải là chén, rượu đến ngàn chai cũng không màng. Nếu bá-nghiệp không phải là kỳ-vọng thì công-nghiệp của bọn bá đối với Tề-hầu chỉ là bầy ruồi bầy muỗi bay thoáng qua trước mắt đó thôi !

Nhưng qua khỏi bá-nghiệp thì đến vương-

---

(1) DIỄN TÍCH : Vì Tề Tương-công vô-đạo nên hai con tên Củ và Tiểu-Bạch trốn ra nước ngoài. Quản Trọng và Thiệu Hốt thờ công-tử Củ trốn qua Lỗ, còn Bão Thúc-Nha thờ công-tử Tiểu-Bạch chạy qua Cử. Khi Tề Tương-công bị giết, Bão Thúc-Nha, vì ở gần, đem công-tử Tiểu-Bạch về trước lên ngôi tức là Tề Hoàn-công. Rồi đem binh ra cản quân Lỗ toan đưa công-tử Củ về nước. Thắng trận. Xin Lỗ giết công-tử Củ và gởi hai tên tù là Quản Trọng và Thiệu Hốt về nước. Thiệu Hốt tự-tử, còn Quản Trọng bị bỏ vào tù-xa giải qua Tề. Nhờ Bão Thúc-Nha tiến-cử lên làm tể-tướng.

(2) Họ Cao, họ Quốc là thế-thần nước Tề bây giờ, Thấp Bằng là quan đại-phu « người có tài ngoại-giao, biết giữ lễ-phép ». Bão Thúc-Nha là người tri-kỷ của Quản Trọng làm quan thượng-khanh.

nghiệp, trên nữa chẳng còn chi, vì chính là bực chót của kỳ-vọng trong thiên-hạ, vậy có nên ngừng tại đó chăng ? Xin đáp : « Nếu khi đến

---

(3) Lỗ Hi-công thứ IX (650 trước tây-lịch).

XUÂN-THU.— *Tháng 9, ngày mận-thìn, đại-hội chư-hầu tại Quỷ-khâu.*

TẢ-TRUYỆN.— Mùa thu, Tề-hầu minh-hội với chư-hầu tại Quỷ-khâu và tuyên-bố : « Các nước đồng-minh sau khi ký-kết nên hòa-hảo cùng nhau ». Lúc về thái-tể (Chu Khổng) gặp Tấn-hầu (vừa đến) bảo rằng : « Cần chi đến hội. Tề-hầu không lo tu đức chỉ lo đánh dẹp phương xa. Như phía bắc, đánh Sơn-nhung phía nam tranh cùng Sở, phía tây là hội Quỷ-khâu. còn phía đông chưa biết sẽ làm gì. Chuyện ở phía tây không được tốt, chắc sẽ có loạn. Đại-vương nên lo yên loạn (bên trong). Cần gì đến đó. » Nghe xong, Tấn-hầu trở về.

(4) Lỗ Hi-công XVII (642 trước tây-lịch).

XUÂN-THU.— *Mùa đông, tháng chạp, ngày ất-hợi, có tin Tề-hầu là Tiểu-Bạch mất.*

TẢ-TRUYỆN.— Tề-hầu có ba phu-nhơn : Vương-cơ, Tử-dinh và Thái-cơ, đều không con trai. Rất đắm nữ-sắc, có nhiều thiếp. Được yêu như phu-nhơn, cả thảy là sáu. Trương Vệ-cơ sanh Vô Khuy, Thiếu Vệ-cơ sanh Huệ-công (công-tử Nguyên), Trịnh-cơ sanh Hiếu-công (công-tử Chiêu), Cát-doanh sanh Chiêu-công (công-tử Phan). Mật-cơ sanh Ý-công (công-tử Thương-Nhơn) và Tống Hoa-tử sanh công-tử Ung.

vương-nghiệp phải dừng lại, thì trong sử-sách nói vua Nghiêu thường « âu-âu » lo-lắng, vua Thuấn hằng ngày « cụi-cụi » làm-lụng, vua Thang

---

Tề-hầu cùng Quản Trọng đem Hiếu-công, đứa con đã được chọn làm thế-tử, qua gởi Tống Tương-công.

Tên đầu bếp Dịch-Nha, người tin-cậy của Trường-cơ cùng tên hầu cơm là tư-nhơn Thọ Điêu, cả hai được Tề-hầu yêu. Tề-hầu có hứa lập Vô-Khuy.

Quản Trọng mất, năm công-tử đều tranh ngôi thế-tử. Mùa đông, tháng mười ngày ất-hợi, Tề Hoàn-công mất. Dịch Nha, tư-nhơn Thọ Điêu cùng bọn được tin dùng trong nội muốn giết bá-quan để lập công-tử Vô-Khuy. Hiếu-công trốn qua Tống.

Tháng chạp, ngày ất-hợi, cáo-phó mới đến Lỗ. Ngày tân-tị, lúc đêm, tẩn-liệm Tề-hầu

Lỗ Hi-công thứ XVIII (641 trước tây-lịch).

XUÂN-THU.— *Mùa xuân, tháng giêng, Tống-công Tào-bá cùng người Vệ và Châu đánh Tề.*

TẢ-TRUYỆN.— Mùa xuân, Tống Tương công đem chư-hầu qua đánh Tề. Tháng ba, người Tề giết Vô-khuy. Lập Hiếu-công (lên ngôi).

XUÂN-THU.— *Mùa hạ, quân ta (Lỗ) cứu người Tề (bọn không nhận Hiếu-công, theo phe bốn công-tử).*

XUÂN-THU.— *Tháng năm, ngày mậu-dần, lại đánh Dễn, Tống đánh bại quân Tề (theo phe bốn công-tử).*

vẫn « gấp-gấp » như sợ trễ, như vậy các nhơn-vật đó làm chi ?

---

TẢ-TRUYỆN.— Phe của Hiếu-công không tranh lại với phe bốn công-tử. Bọn nghịch với Hiếu-công đánh với quân Tống. Mùa hạ, tháng năm quân Tống tại đất Diễn (Tề) đại-thắng quân Tề, đem Hiếu-công lên ngôi. Trở về nước.

XUÂN-THU.— *Mùa thu, tháng tám, ngày tân-hợi, an-táng Hoàn-công.*

## CÔNG-TỬ TANG THÍCH ĐỘI MŨ LÔNG CHIM DUẬT

*Lỗ Hi-công thứ XVI*
(643 trước tây-lịch)

⁂

**TẢ-TRUYỆN.**— Mùa đông, tháng mười một, ngày ất-mão, Trịnh-bá giết thế-tử Hoa.

*Lỗ Hi-công thứ XXIV*
(635 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.**— Em của thế-tử Hoa tên là Tang trốn qua Tống. Rất ham đội mũ bằng lông chim duật (chim thằng-chài). Nghe được, Trịnh-bá căm giận. Sai bọn côn-đồ qua dụ, rồi đến tháng tám cho giết Tang ở khoảng giữa hai nước Trần và Tống.

Người quân-tử bàn rằng : « Trang-sức không hợp-lễ hại cho thân ». Trong *Kinh Thi* có câu : « Gã kia không xứng với đồ trang-sức », vậy là cách ăn-mặc của công-tử Tang không xứng chăng ?

Lại có câu : « Tự mình tạo lấy âu-lo » thì cũng như công-tử Tang !

Trong *Hạ-Thư* (*Kinh-Thư* của nhà Hạ) có tả : « Đất bằng, trời thành » như vậy mới là xứng.

***

**LỜI BÀN**.— Vật ấy có gốc ấy, khi gặp lại gốc thì vật mới nổi dậy.

Trịnh thế-tử tên Hoa (1) vì toan bán nước phải chịu tử-hình. Em là công-tử Tang trốn qua Tống, sau vì thích kết mũ bằng lông cánh của chim duật mới bị giết. Từ bữa thế-tử Hoa bị xử tử đến ngày công-tử Tang bị ám-sát, gần có mười năm, từ bờ-cõi nước Tống đến biên-giới của Trịnh xa hơn vài trăm dặm. Vả chăng sự ưa đội mũ kết bằng lông chim duật chỉ là một điều xa-xỉ, còn chuyện ấy lọt được vào tai thì chỉ do truyền-khẩu của kẻ qua đường như vậy đối với Trịnh-bá cũng không có sự lợi-hại chi cả. Dẫu có nghe cũng không đến

nỗi giận, dẫu có giận cũng không đến nỗi giết. Vậy mà vừa nghe đến sự thích mũ lông chim duật thì đùng-đùng nổi giận rồi đưa ngay công-tử Tang vào tử-địa, tại sao thịnh-nộ lại bất-thường đến thế ?

Cơn giận của Trịnh-bá nào phải do sự ham mũ cánh chim duật của công-tử Tang, chỉ vì gặp chuyện đó mới phát khởi lên. Cái gốc giận xui Trịnh-bá giết công-tử Tang đã nở sinh từ buổi Tang cùng Hoa đồng-loã. Một nhà vua muốn hại tên công-tử đương trốn dễ như giết con heo côi hay con chuột bịnh, lúc nào lại chẳng được? Tại sao ý muốn không phát-hiện ngay, lại phải chần-chờ lâu thế kia ? Là vì thời-thế đã đổi mà xứ-sở cũng thay, nên Trịnh-bá đã quên cơn giận. Nhưng cơn giận tuy quên mà gốc giận chưa tiêu. Chưa gặp vật thì chưa phát-hiện nên còn ẩn-núp. Đến khi nghe truyền khẩu, chuyện thích đội mũ lông chim duật mới động tới gốc giận. Thì mối thù xưa, nỗi hờn cũ đương còn tích trữ cũng bởi nhắc lại mà, chỉ một buổi mai, như đã đổi mới : cơn giận phát bùng lên, chưa tiêu-diệt kẻ thù chưa tiêu-tan nư giận, vì vậy một lỗi nhỏ mà gây cơn giận quá to.

Nếu không phải thế thì đội mũ « đuôi gà »

(2) đâu được vào nhà Phu-tử, còn đội mũ « điêu-thuyền » (3) đâu được quý tại triều nhà Hớn. Như vậy đội mũ « lông-duật » đâu có gì đáng giận ?

Cũng như tiếng sáo của người hàng xóm nhắc-nhở đến bạn cũ, lòng nọ mới cảm-hoài (4) ; cũng như tiếng nhạc ngựa nơi hang Tà-cốc, đánh thức mối tình xưa, dạ kia mới bi-cảm (5). Như vậy, hoài-cảm là do lòng người nào phải vì tiếng-sáo, còn bi-cảm là do dạ người nào phải vì tiếng lục-lạc, thì tức-giận kia cũng do lòng người nào phải vì ham đội mũ lông chim duật !

Than ôi ! mối giận của Trịnh-bá chỉ còn vấn-vương chút gốc nơi lòng, việc thì cũ gần mươi năm, nay lại ở cách xa nhau hơn vài trăm dặm mà công-tử Tang còn không tránh khỏi nạn thay ! Vậy mới biết chớ nên tích giận trữ oán trong lòng quá lâu...

Nói vậy thì dẫu công-tử Tang có muốn hối-cãi mà sự giận của Trịnh-bá đã có gốc rồi thì làm thế nào cho khỏi gặp vật để tránh sự phát-khởi ? Xin đáp : Vì đâu mà Trịnh-bá giận, có phải tại công-tử Tang chăng ? Vậy thì lỗi ở công-tử Tang còn giận ở nơi Trịnh-bá. Mà một khi lòng người đã thông-cảm nhau thì

không có gì gián-cách được nữa. Khi tội-lỗi của công-tử Tang đã động đến sự tức-giận của Trịnh-bá thì sự ăn-năn của công-tử Tang không động được lòng vui mừng của Trịnh-bá hay sao ? Vì vậy ta mới cho rằng : nếu công-tử biết hối-cãi tại đất Tuy-dương (nơi trốn bên Tống) thì sự giận của Trịnh-bá sẽ nguôi rồi mất giữa sông Trăng và sông Vĩ (của Trịnh). Sự thông-cảm giữa hai tấm lòng từ xứ Hồ đến đất Việt còn không gián-cách được thay huống chi là từ cha đến con.

---

(1) DẪN TÍCH : Vì sợ cha nhiều vợ mà ngôi thế-tử của mình không vững, lại nghịch với ba người tôi hiền của Trịnh là Thúc-thiêm, Đỗ-thúc và Sư-thúc, Trịnh thế-tử Hoa đồng lòng với em là công-tử Tang chịu đem nước Trịnh phụ-thuộc cho Tề, nếu Hoàn-công cử binh đến trừ bỏ ba người ấy. Cơ-mưu bại-lộ, bị xử-tử.

(2) Mũ đuôi gà (kê-quan) giống như đuôi gà trống, thầy Tử-Lộ, một môn-đồ của Khổng-tử, thích đội.

(3) Mũ điêu-thuyền làm bằng đuôi chồn hay cáo có kết những con « quỷt » xanh vào. Truyện Lưu-Hướng có nói « trong nhà họ Vương không thể kể hết người đội mũ điêu-thuyền » để chỉ là gia-thế đó không thiếu chi người sang trọng.

(4) *Tiếng sáo... :* Vì tiếng sáo của người trong xóm não-nề ai-oán nhắc cho Hướng Tú nhớ đến hai bạn là Kê Phương và Lữ An mới cảm-xúc làm nên bài phú tuyệt-diệu.

(5) *Tiếng lạc-lạc :* Nghe giọt mưa rơi xuống lục lạc ngựa khi đến hang Tà-cốc, Đường Minh-hoàng nhớ đến Dương Quý phi mới làm bài « Vũ-lưu-linh ».

## THẾ-TỬ NGỮ TRỐN VỀ NƯỚC

*Lỗ Hi-công thứ XV*
(644 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Tháng 11, ngày nhâm sửu, Tấn-hầu đánh cùng Tần bá tại Hán. Tấn-hầu (Huệ-công) bị bắt.**

⁂

*Lỗ Hi-công thứ XVII*
(642 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.**— Mùa hạ, Tấn thế-tử tên là Ngữ qua làm con tin tại Tần, Tần-bá trả lại đất Hà-đông (của Huệ-công dâng-nạp) và gả con gái (Hoài-Doanh) cho Ngữ.

⁂

*Lỗ Hi-công thứ XXII*
(637 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.** — Tấn thế-tử Ngữ, con tin bên Tần, toan trốn về nước, bàn cùng Doanh-thị; « Chắc nàng sẽ theo ta. » Thưa: « Chàng là thế-tử nước Tấn bị nhục ở Tần, muốn về là phải. Quả quân thiếp sai tỳ-nữ nầy đến hầu khăn-lược là muốn cho thế-tử bền lòng ở lại. Nếu theo chàng thì quên mạng-lịnh của quả-quân. Vậy chẳng dám theo cũng chẳng dám tâu lại. » (Thế-tử) trốn về nước.

***

**LỜI BÀN.** — Bất-cứ việc chi, mưu-toan với người ngoài đường không bằng mưu toan với người trong xóm; mưu toan với người trong xóm không bằng mưu-toan với người trong nhà. Chẳng phải kẻ ở xa ngu mà người ở gần khôn đâu, chỉ vì, ở xa thì lòng thương nông cạn nên lo tính lược sơ còn ở gần thì lòng thương thâm-sâu nên lo-tính tường-tận hơn.

Đó là lý mà cũng là thế nữa.

Người bốn bể, kẻ chín châu thình-lình gặp nhau, có hỏi cũng không thưa, có cầu cũng không đáp, sự đó vẫn là thế. Người thân hay vợ con nhà thì không thế được.

Vì đồng tình-nghĩa, vui lo đồng chia ; trong chẳng còn chi giấu-giếm nhau nên tình vẫn thành-thật, ngoài không còn chi kiểu-sức nữa nên lời vẫn thật-thà, đem lòng thật gặp sự thật thì gắn-bó, yêu thương vì vậy mới tỏ-tường điều lợi lẽ hại. Trí-lực của người thân hay vợ con có đâu hơn được kẻ khác nhưng có trí mà sơ-lược sao bằng ngu mà châu-đáo ? Rủi gặp trí-lực của kẻ thân hay vợ con chẳng theo kịp được người, thì đành cam chịu vậy, chớ chẳng khi nào dùng lời cầu may, bàn-bạc cầu thả, nói không hết ý như với người ngoài đường.

Lạ thay cảnh-ngộ của Hoài-Doanh và thế-tử Ngữ : về tình-nghĩa thì như người cùng một nhà, về cư-xử thì như người ngoài đường ! Khi thế-tử muốn trốn, chắc đã toan-tính với nhau từ lâu, nàng Hoài-Doanh cho là nên về để thuận theo ý của thế-tử, mà lại không cùng về để thoát lấy thân nàng, còn hứa không tiết-lộ để cho chồng khỏi nghi-ngờ. Như vậy là Hoài-Doanh tính chước cầu may và cầu-thả cho mình đó thôi ! Cầu-thả là một nết đê-hèn vì chủ-tâm là : « Chỉ toan thoát được một thân ta. »

Cha con với vợ chồng như một thân-thể, bên nầy bị hại thì thương-tổn đến bên kia. Tình-nghĩa của Hoài-Doanh không đủ chu-toàn

cho chồng thì làm sao chu toàn cho nàng được? Vì vậy lúc đầu cầu-thả để chu-toàn cho thân nhưng hồi sau phải chịu cái nhục làm đàn-bà có đến hai chồng! (1) Những liệt-nữ đời xưa, chẳng may gặp cảnh khó lưỡng-toàn được thì có người tự hủy mình để giữ toàn danh-nghĩa. Phương-chi trong việc nhà của thế-tử Ngữ, có đâu đến nỗi Hoài-Doanh không được lưỡng-toàn? Nếu khiến, khi chồng bàn mưu trốn, Hoài-Doanh biết đổi lời mà thưa rằng: « Thế-tử trú-ngụ lâu ngày nơi tệ-quốc chẳng có mục-đích gì khác hơn là kết tình giao-hảo giữa Tần với Tấn. Nay không nhẫn-nhịn được vài năm, bỏ tệ-ấp mà về thì sự bang-giao giữa hai nước rồi sẽ ra sao? Quả-quân thiếp, mắc công-việc của xã-tắc không thể đem mình phụng-sự thế-tử mới sai tiện-thiếp đến nưng khăn giắt lược. Nay thế-tử dứt bỏ ra đi vì có chí khác, như vậy là không cho quả-quân của thiếp phụng-sự thì buộc lòng tiện-thiếp phải tâu lên với quả-quân ». Nếu Hoài-Doanh nói thế thì thế-tử Ngữ sợ bị tố-giác sẽ không dám trốn. Rồi nhờ thế-lực của Tần-bá. Hoài-Doanh che-chở cho thế-tử khỏi bị hại, rồi vì Tần-bá thương Hoài-Doanh nên không lập chước đem Trùng-Nhĩ về Tấn (2). Được vậy có phải giữa khoảng cha với con, vợ với chồng đều được lưỡng toàn hay chăng?

Ôi! nếu Hoài-Doanh nói được như thế thì: trên giúp được chí của cha, giải được họa cho chồng, rồi trọn được đạo làm vợ, toàn được danh-tiết cho thân, sau nối được hậu-tự cho Tấn Huệ-công lại còn tránh được cho Tần-bá tiếng chê là mọi-rợ (3). Chỉ có một lời mà được bao nhiêu lợi, nếu Hoài-Doanh xét-suy một chút thì sợ gì mà chẳng dám nói?

Thì cũng vì suy-nghĩ cẩu-thả đó sanh ra bởi tình sơ, mà tình sơ thì sanh ra bởi nghĩa mỏng. Đất mỏng thì không sanh được cây tốt, mây mỏng thì không tạo được mưa dầm, chuông mỏng thì không có được tiếng dội vang dầy, mùi mỏng thì không điểm được cho thức ăn ngon và chưa khi nào nghĩa mỏng đi trước lại dẫn mưu sâu theo sau bao giờ! Vả chăng có phải đâu đến lúc thế-tử Ngữ toan trốn về nước, nàng Hoài-Doanh mới thiếu mưu sâu?

---

(1) DẪN-TÍCH: Khi Trùng-Nhĩ qua Tần, Tần-bá cho năm đứa con gái vào hầu, trong đó có nàng Hoài-Doanh, vợ của thế-tử Ngữ (636 trước tây-lịch).

(2) Lỗ Hi-công thứ 24 (635 trước tây-lịch): « Mùa xuân, tháng giêng, binh Tần đưa Trùng-Nhĩ về Tấn. » (*Tả-truyện*).

*Xuân-Thu* không ghi chép vì Trùng-Nhĩ không cáo-báo việc về nước với vua (Lỗ).

(3) Vì đem vợ của cháu (thế-tử Ngữ) gả cho chú (Trùng-Nhĩ).

# TẤN HOÀI-CÔNG GIẾT HỒ ĐỘT

*Lỗ Hi-công thứ XXIII*
(636 trước tây-lịch)

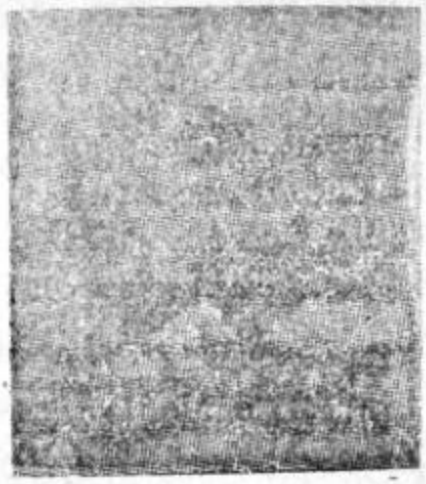

**TẢ - TRUYỆN.** — Tháng chín, Tấn Huệ-công mất. Hoài-công (thế-tử Ngữ) ra lịnh cấm kẻ theo hầu công-tử đang trốn (Trùng-Nhĩ) (4). Sau kỳ-hạn một năm, ai không trở về sẽ bị tội, chẳng dung-tha. Có hai con là Mao và Yển đương theo Trùng-Nhĩ ở Tần mà Hồ Đột không cho gọi về. Mùa đông, Hoài-công cho bắt Hồ Đột, bảo : « Gọi con về sẽ miễn tội ! » Đáp : « Con làm quan, cha phải dạy trung, ấy là phép xưa. Đã ghi danh-sách và phó-thác mình với một người rồi ở hai lòng là có tội. Hai con lão ghi tên nơi Trùng-Nhĩ đã nhiều năm rồi, gọi về tức là dạy chúng hai lòng. Cha đã dạy con

hai lòng thì lấy gì mà thờ vua ? Không lạm-dụng hình-pháp là sáng-suốt của bề-trên, cũng là ý-nguyện của bề-tôi. Lạm-dụng hình-pháp (dâm-hình) để ra oai, thì ai mà không có tội ? Thần xin tuân theo mạng lịnh. »

Hoài-công cho giết Hồ Đột.

Bốc Yền cáo-bịnh không đi chầu (nghe chuyện) than rằng : « Trong *Kinh Thư* nhà Chu có nói : Hình-phạt sáng-suốt, giết người để thị oai, dân khó phục-tùng. Dân không thấy đức chỉ thấy hành-hình, làm sao có hậu trong nước được ? »

***

**LỜI BÀN.** — « Xem việc người sáng, xem việc mình thì quáng », đó là sự lo chung của thiên-hạ. Trông thấy mảy lông của mùa thu mà không trông thấy lông nheo của mắt, sức mạnh cử nổi đánh ngàn cân không nhắc nổi mình lên : thật là việc của mình cũng khó lắm thay !

Người đời ai cũng biết dùng lòng mình xem việc mình là khó mà không biết dùng việc người để xét mình lại dễ. Nhơn việc người lành mới thấy mình ác, nhơn việc người ác

mới rõ mình lành, muốn xem-xét mình chẳng có gì thiết-thật hơn đó.

Tấn Hoài-công không biết mình chẳng có chi để cho kẻ khác theo về với mình, chỉ biết trách sao kẻ khác không theo về với mình, coi thế thì Hoài-công chưa từng dùng việc người để xét mình. Hoài-công là vua của nước Tấn, còn Trùng-Nhĩ là một công-tử lo trốn ; bọn Hồ Mao, Triệu Thôi, Hồ Yền là bầy tôi lủi-thủi chạy theo. Bị khinh-khi, bị giặc hãm, khốn-khổ ở Vệ, khi lén trốn loạn của Tề, lúc phải thoát nước Sở, thì sự âu-lo đến thế chắc nhơn-tình thường không kham chịu nổi. Lúc đói phải đi xin ăn, chúng lại cho chén đất, lúc tắm bị chúng lén dòm sườn, rồi lại bị Trùng-Nhĩ giận cầm giáo rượt đâm, thì sự tủi-nhục đến thế chắc nhơn-tình thường cũng không kham chịu nổi. Gió buộc, mưa ràng, trốn thành nầy qua lũy nọ, thoát xứ nầy đến ấp kia, gian-lao đến thế chắc nhơn-tình thường cũng không kham chịu nổi. Nếu khiến lìa bỏ Trùng-Nhĩ để theo về với Tấn Hoài-công thì hương-thôn khấp-khởi rước mời, thân-thích chào mừng đón-tiếp, ăn toàn cao lương, uống toàn mỹ-tửu, thung-dung trong sự thù-tạc, đó là điều vui-sướng nhứt trong thiên-hạ. Đi cỗ xe cao-quý, mặc toàn hồ-cừu hay

da hổ báo, bộ-hạ đi trước, kẻ hầu theo sau, cũng đều rực-rỡ, đó là sự sang-trọng nhứt trong thiên-hạ! Cửa nhà bền-đẹp, lúc ở triều như khi ra về, tấc lòng khoan-khoái, tấm thân nở-nang, không còn lo chi nơi tứ phía, đó là sự an-ninh nhứt trong thiên-hạ!

Sao Hoài-công không chịu dùng việc người để xét mình? Theo bên kia thì âu-lo như vậy, tủi nhục như vậy, gian-lao như vậy mà bọn Hồ Yền, Triệu Thôi vẫn cam chịu không từ-nan; còn theo bên ta thì vui-sướng như vậy, sang trọng như vậy, an-ninh như vậy mà bọn Hồ Yền, Triệu Thôi vẫn từ chối mà chẳng ngó-ngàng! Không cần bàn cũng thấy rõ đức bên nào hơn, kém, mỏng, dày rồi! Tại sao Hoài-công không nhơn đó để trở lui mà tự hỏi: Vui, sang, yên, người đời ai cũng thèm-muốn mà bọn Triệu Thôi, Hồ Yền lại chịu lo nhục-khổ để theo Trùng-Nhĩ thì đâu phải là khác với nhơn-tình thường! Chúng bỏ được vui, sang mà quên lo, nhục thì chắc Trùng-Nhĩ phải có đức gì để thắng được sự tủi-nhục với âu-lo, bỏ được an mà theo nhọc thì chắc đức của Trùng-Nhĩ có gì để thắng được sự gian-lao. Phương-chi, ta đã có nước Tấn hùng cường, nếu được thêm đạo-đức, thì những kẻ theo ta đã có sự vui của đạo-đức lại thêm

sự vui của danh-vị, đã có sự yêu của đạo-đức lại thêm sự yên của danh-vị thì Trùng-Nhĩ không có những điều ta có, còn ta lại có những điều Trùng-Nhĩ không có. Có, không tương-đối rõ-ràng thì không đợi gọi, thiên-hạ cũng về với ta. » Đó là vì Hoài-công mà luận thế chớ chưa phải là lời bàn chí-lý.

Nếu có được những đức sáng-suốt thì từ nơi biền quê, chốn trời băng, từ cõi hoang-vu cho đến các nước tuyệt-vức cũng đem châu ngọc và hai ba thứ thông-ngôn đến xưng thần với ta ; chớ cần chi xuống ngôi để tranh-giành với những kẻ hầu-hạ, cùng bọn tôi-đòi của một công-tử đương bôn-tẩu. Thật lòng của Hoài-công nhỏ-nhen mà trí lại quá đốt-nát. Vì lòng nhỏ-nhen, vì trí đốt-nát mới không biết trở lui để tự hỏi, chỉ biết giết người để thị oai cho nên đã bị cắt đứt ý hướng của kẻ còn muốn về với mình, đã làm bền-vững chí-hướng của bọn thờ người thù của mình. Mưu-kế không có gì sai-lạc bằng! Dẫu cho Trùng-Nhĩ có muốn cầu-thả yên thân ở ngoại-quốc, chẳng lo về, mà vì bọn Hồ Yền, Hồ Mao có mối thù bất-cộng đái-thiên, vẫn ước-ao thỏa chí báo oán thì khi nào lại chịu để cho Trùng-Nhĩ ở yên ngoài nước Tấn ?

Vậy thì người đem Trùng-Nhĩ về nước, đâu phải là Tần-bá mà cũng không phải là bọn Triệu Thôi hay Hồ Yền, chính là Tấn Hoài-công đó!

---

(1) DẪN TÍCH: Vì muốn lập con của vợ sau Ly-cơ là Hề-Tề lên ngôi, nên Tấn Hiếu-công phải trừ con dòng lớn: giết thế-tử Thân-Sanh, sai Trùng-Nhĩ và Di-Ngô ra giữ thành xa. Tại Bồ-thành, Trùng-Nhĩ thoát nạn, trốn qua nước Địch với hai con của Hồ Đột là Hồ Mao, Hồ Yền cùng bọn tuấn-kiệt như Triệu Thôi, Nguỵ Thù, Giới Tử-Thôi, Điền Hiệt, v.v. Trú-ngụ tại Địch gần 12 năm, đã có con, kế được tin dữ, chạy qua Vệ. Không được tiếp-đãi, cả bọn bị đói tại đất Ngư-Lộc, mới xin ăn. Bọn cày đem cho một chén đất. Lủi-thủi đến Tề, được Hoàn-công hậu-đãi. Có vợ là Khương thị. Gặp nạn Thọ Điều, bọn tùng-vong mưu với Khương-thị đem Trùng-Nhĩ đi. Khi tỉnh rượu, biết mình bị gạt. Trùng-Nhĩ giựt giáo rượt Hồ Yền. Qua đến nước Tào, Cung công nghe đồn xương sườn Trùng-Nhĩ dính liền, nên chờ tắm lén đến xem. Đại-Phụ là Hi Phụ-cơ biết sự vô-lễ, đem cơm rượu đến dưng: trong mỗi chén có để ngọc bạch-bích. Trùng-Nhĩ nhận cơm mà trả ngọc. Qua Tống, đến Trịnh rồi tới Sở. Sau cùng đến Tần. Mục-công gả con gái là nàng Hoài-Doanh, trước là vợ của thế-tử Ngữ, cháu của Trùng-Nhĩ. Khi lưu-lạc ở ngoài nước, từ năm 655 tới 636 trước tây-lịch, cả thảy 19 năm, trong nước luôn-luôn có loạn: Hề-Tề rồi Trác-tử bị giết. Di-ngô lên ngôi (tức là Tấn Huệ-công) lại bị bắt, nước nhà điêu-đứng luôn. Khi Huệ-công mất, thế-tử Ngữ nối ngôi, tức là Hoài-công. Tần-bá đem quân đưa Trùng-Nhĩ về nước (năm 636 trước tây-lịch.)

# THÀNH ĐẮC-THẦN VÀ KHƯỚC KHẮC

*Lỗ Hi-công thứ XXIII*
(636 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU. — Mùa thu, Sở đánh Trần.**

**TẢ-TRUYỆN.** — Mùa thu, Thành Đắc-Thần của Sở đem quân phạt Trần, vì Trần hai lòng theo phe Tống. Chiếm đất Tiều, Nhi, đắp thành Đốn rồi trở về.

Cho là công to, Tử-văn muốn nhường chức linh-doãn lại. Thúc-bá hỏi : « Còn việc nước, ngài nghĩ sao ? » Đáp : « Làm thế là để yên cho nước. Phàm khi có công lớn mà không thưởng chức trọng, thì có được bao nhiêu người chịu ở yên ? »

⁂

*Lỗ Tuyên-công thứ XVII*
(591 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Ngày kỷ-vị, vua (Lỗ) hội cùng Tấn-hầu, Vệ-hầu, Tào-bá, Châu-tử tại Đoạn-đạo**

**TẢ-TRUYỆN.**— Mùa xuân, Tấn-hầu sai Khước Khắc mời vua Tề đến hội. Tề Khoảnh-công giấu mẹ (tức là Tề Huệ-công phu-nhơn) trong màn để trộm xem Khước Khắc (chột mắt). Khước Khắc lên thềm, nghe tiếng đàn-bà cười trong phòng. Giận. Ra về thề : « Nhục nầy không báo, thề chẳng qua sông ». Khước Hiến-tử về trước bảo Loan Kỉnh-Lư ở lại nước Tề để chờ lịnh sau : « Không thành việc (đánh) Tề, chẳng có lịnh chi ! »

Khước-tử về. Xin đánh Tề. Tấn-hầu không chịu. Xin dùng quân nhà. Cũng không được.

**TẢ-TRUYỆN.**— Phạm Võ-tử (đại-phu nước Tấn) đã già, (gần hưu-trí) gọi con là Văn-tử đến dạy : « Nầy, Si, cha nghe việc mừng, giận ít khi dính với gốc, luôn-luôn hay thay-đổi.

*Kinh Thi* có câu : « Quân-tử phát giận, loạn kia sẽ ngừng ; quân-tử vui mừng, loạn kia ngừng ngay. » Cho nên vui và giận của quân

tử nên dùng để trị loạn. Nếu không, sẽ thêm. Biết đâu Khước-tử muốn dứt loạn khi đánh Tề? Nếu không vậy, sẽ thêm loạn. Cha đã già, nên để Khước-tử thoả chí. Không chừng hết được khó-khăn.

Con nên theo bá-quan. Chỉ lo chuyện kinh. » Rồi xin cáo-lão. Khiến Hiến-tử lên cầm chánh quyền (nước Tấn).

***

**LỜI BÀN.**— Vì quá nhiều chớ nên để cho thoả-mãn ấy là ham-muốn, vì lôi-cuốn mạnh chớ nên cho tới cực điểm ấy là tức-giận. Phép trị ham-muốn là giam-cầm không nên để thoát ra, phép trị tức-giận là đè-nén không cho trồi lên.

Có người lại chủ-trương: « Đói thì cứ cho ăn, no sẽ thôi; khát thì cứ cho uống, đã sẽ thôi; ham-muốn thì cứ cho được yêu-cầu, thỏa-mãn sẽ thôi; tức-giận thì cứ cho được báo-phục, hả dạ sẽ thôi. » Than ôi, như thế có khác gì sợ lửa phừng lại vác củi đút vào để dập tắt? Làm vậy tức là nuôi thêm sức lửa. Nếu củi là tài-liệu của lửa thì quyền-vị là tài-liệu của ham muốn, nay đưa thêm tài liệu rồi ước-mong ham-muốn sẽ ngừng, hỏi trong thiên-hạ có lý nào như vậy hay chăng?

Các đấng tiên-vương tôn-trọng quyền-vị để cho thiên-hạ trông vào là cốt để làm việc nghiêm-răn và phòng-bị của muôn đời. Ai chẳng có ham-muốn, ai lại không tức-giận, nhưng khi ham và giận dậy lên mà trong tay không quyền không vị thì còn làm chi được nữa? Chơn muốn bước mà buộc phải ngừng, tay muốn giơ mà buộc phải buông, thì dẫu ham-muốn có tham-lam như hố như khe, tức-giận có bồng-bột như lửa phừng cháy cũng bị bắt-buộc phải ngừng bước trước sự hạn-chế của quyền-vị rồi phải trở lui để theo con đường lành. Trong đời chỉ đua-tranh theo ham-muốn và tức-giận, mà các đấng tiên-vương không muốn tranh-luận về ham và giận, chỉ lo phòng bị nghiêm-trang bằng quyền-vị mà thôi. Một khi ham-muốn và tức-giận không có tài-liệu mà khí lại suy, sức thì yếu, đường lại cùng, chẳng biết quay trở về đâu, thì dẫu không bảo, cũng không thể nào không về với đường lành. Như vậy, quyền và vị thật là sự phòng-bị đắc-lực của tiên-vương đặt ra để ngăn-cấm ham-muốn và tức-giận của thiên-hạ. Tiếc thay, các đấng tiên-vương dùng quyền-vị để cản-ngăn ham và giận, mà người đời sao lại dùng quyền-vị để làm tài-liệu cho ham và giận, tại sao lại trái-ngược vậy?

Thành Đắc-Thần bên Sở vì có công đánh nước Trần, Tử-Văn lại nhường chức lịnh-doãn để thêm cho đầy lòng ham-muốn. Khước Khắc bên Tấn bị nhục tại Tề mà Phạm Võ-tử lại trao cho chánh-quyền để cho phừng lòng tức-giận. Than ôi! Chức lịnh-doãn của Sở nào phải là một vật để thưởng công đâu? Còn xã-tắc mấy trăm năm của Tấn nào phải là khí-cụ dùng để thoả lòng căm-tức của hai ba bề tôi đâu?

Nước Sở không đặt ra hai chức lịnh-doãn được, cũng may chỉ có một mình Thành Đắc-Thần lập được công; nếu có thêm vài người có công to, chẳng biết Tử-Văn sẽ lấy gì mà ban thưởng? Người thừa-hành phận-sự của Tấn bị nhục cũng nhiều như Giải Dương (1) đi qua Tống bị bắt, như Hàn Khởi, Dương Thiệt-Bật (2) bị Sở khinh-lờn, nếu cùng một thời với Khước Khắc, thì binh-sĩ của Tấn phải đánh bên đông, chiến bên tây đặng thoả lòng căm-tức của các bề-tôi đó hay sao? Thật là Tử-Văn cùng Võ-tử không biết xét-suy: cố-ý cho chán ham-muốn mà chỉ thêm ham-muốn, cố-ý cho tan tức-giận. mà chỉ nuôi tức-giận. Cũng tại cho ham-muốn của Đắc Thần cùng lớn theo chức-tước, nên sau nầy ham-muốn không ngừng, mới có trận thua

tại Thành-bộc (3). Cũng tại cho tức giận của Khước Khắc cùng lớn theo quyền-vị nên sau nầy được thắng trận ở Nựu-an (4) mà tức-giận chưa nguôi, còn muốn bắt mẹ của Tề-hầu về làm con tin ! Bởi thế ham-muốn của Đắc Thần nhờ được vị của Tử-Văn mới nở ra thì tức-giận của Khước Khắc cũng nhờ được vị của Võ-tử mới phừng lên. Làm người quân-tử không làm tiêu được ham-muốn và tức-giận của kẻ khác thì thôi, cớ sao còn cho mượn thêm tài-liệu để biến thành điều ác ?

Tuy vậy, Võ-tử còn chưa đáng trách bằng Tử-Văn. Vì tưởng nói một câu để cho « yên nước » Tử-Văn lại gieo biết bao tai-hại. Phàm cũng có nhiều người chẳng vừa lòng, khi tước-lộc được thưởng không xứng với công-nghiệp, nhưng lúc bất-mãn, chẳng chịu yên, đứng lên khuấy-rối, đem nguy-loạn đến cho nước nhà thì ngoài lũ tiểu-nhơn, bọn đạo-tặc, chưa chắc còn một ai có lòng dạ đó ? Tại sao lời nói của Tử-Văn lại đãi người trong thiên-hạ như lũ đạo-tặc và bọn tiểu-nhơn cả ? Lời nói ấy một khi đã phát ra, rồi gặp phải lúc có người lập công to, nhà vua lại sợ phần thưởng chưa thỏa-mãn sẽ dấy loạn lên, nên lo trừ-khử trước, như vậy thì công tức là giặc của thân. Hoặc

muốn cho xứng-đáng, nên dùng chức-vị ấy để trả công-nghiệp ấy, không hỏi xem có đủ tài nơi trọng-trách mới chăng, để cho nhiễu-hại đến dân lành, như vậy thì công tức là giặc của vị. Đã lập đại-công rồi tự nghĩ vì ở một địa-vị không còn thăng-thưởng được nữa chắc phải chịu sự nghi-ngờ nên phải mưu-gian để tự-vệ (5), như vậy thì công tức là giặc của nước. Coi đó, sự lập-công to là một điều không may cho tấm thân không may cho quyền-vị, mà cũng không may cho nước nhà, như thế còn ai dám lấy sự lập nên công nghiệp để tự phấn-khởi lòng mình ?

---

(1) DẪN TÍCH : *Giải-Dương* : Vĩ Giả đem quân Sở cứu Trịnh đánh Tấn tại Bắc-lâm bắt được tướng của Tấn là Giải-Dương. Năm sau mới tha.

Sau Sở vây Tống đánh rất gấp. Tống cáo-cấp với Tấn. Tấn sai Giải-Dương đến nói dối : « Binh Tấn sẽ tới ». Bị Sở bắt-buộc trèo lên xe nói : « Tấn không thể đến cứu. » Nhưng leo lên xe hô to : « Đại-binh của Tấn sắp đến cứu ».

(2) *Hàn Khởi và Dương Thiệt-Bật* : Sở bắt vua Thái. Tấn hội chư hầu để tìm phương cứu Thái. Thấy cả thảy đều lộ vẻ sợ-sệt, mới viết thơ cho Sở. Sở Linh-vương ngạo-nghễ trả lời : « Thái là thuộc quốc của ta, không dự đến Tấn ». Căm tức mà chẳng biết làm gì được.

Cho nên trong *Kinh Thi* mới có câu : « Ai sanh mối loạn mà đến ngày nay hãy còn tai hại ? » (6)

---

(3) *Thành-bộc* : Mùa hạ, tháng tư, ngày kỷ-sửu, Tấn-hầu và quân Tề, Tống, Tần đánh quân Sở tại Thành-bộc (đất của Vệ). Quân Sở thua to.

Vì Thành Đắc-Thần kiêu-hãnh không nghe lời vua Sở, nên bị mắc kế, rồi thua to. Sau phải tự-tử.

(4) *Trận Nựu-an*. Khi cầm chánh-quyền, Khước Khắc đem binh Tấn hội với quân Lỗ, Tào để đánh Tề. Quân Tề thua to vua gần bị bắt, nhờ Phùng Sửu-Phủ giả vua Tề mới trốn khỏi. Tề sai Quốc-Tả đem kỷ-hiếu và ngọc khánh đến lễ Tấn xin giảng-hoà. Khước Khắc đòi hai điều : « Một là đưa người con gái Tiêu-Quân đến Tấn làm con tin, hai là đắp con đường, từ tây sang đông để sau nầy Tề có hội-trớc thì một là giết con tin (mẹ của Tề Khoảnh-công), hai là đem quân sang đánh đi từ tây sang đông được ».

(5) Như Hàn Tín.

(6) Như là tai-hại do lời của Tử-Văn.

## BÀI MINH CỦA LỄ CHÍ

*Lỗ Hi-công thứ XXIV*
(635 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.**— Vệ muốn đánh Hình. Lễ Chí tâu (cùng vua Vệ) : « Không bắt được tể-tướng của Hình (là Quốc tử) thì không chiếm được nước. Xin cho anh em tôi qua đó làm quan. » Rồi đi. Được làm quan (tại Hình).

***

*Lỗ Hi-công thứ XXV*
(634 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Mùa xuân, tháng giêng, ngày binh-ngọ. Vệ-hầu tên Hủy diệt Hình.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Mùa xuân. Vệ đánh Hình. Anh em Lễ Chí theo Quốc-tử đi tuần trên vòng thành. Thình-lình bắt Quốc-tử lôi ra khỏi thành. Giết đi.

Tháng giêng, ngày bính-ngọ. Vệ hầu tên Hủy diệt nước Hình. Vì hai vua đồng một họ nên *Xuân-Thu* ghi cả tên để tỏ-sự khinh-miệt.

Lễ Chí cho khắc bài minh rằng: « Tự tay ta bắt, chính tay ta giết, chẳng ai dám ngăn. »

***

**LỜI BÀN.—** Trong vạn vật không có món gì bền-chắc hơn vàng đá. Một lời của ngàn năm trước được truyền-tụng đến ngàn năm sau là nhờ vàng hay đá mới khỏi mai một đi. Nhưng vàng có lúc cũng tiêu, đá có lúc cũng mòn thì sự ký-thác của ta chưa chắc nhờ-cậy được mãi. Vậy nên ký-ủy vào vật gì mà không tiêu mòn, không tàn-tạ, coi xưa với nay như sáng với chiều?

Xin đáp: đó là nghị-luận của người quân-tử.

Trong thiên-hạ, hiện nay không còn thấy mâm của vua Thang mà vẫn còn đọc được bài minh « Nhựt-tân » vì nhờ ủy-thác vào quyển *Đại-học*. Trong thiên-hạ, hiện nay không còn thấy

cái lường của nhà Chu mà vẫn còn đọc được bài minh « Văn-tử » vì nhờ ký-ủy nơi sách *Chu-quan*. Vậy thời giao-phó bài minh nơi mâm của vua Thang không bằng giao-phó cho quyển *Đại-học* còn bền-bỉ hơn ; vậy thì ủy-thác bài minh nơi lường của nhà Chu không bằng ủy-thác nơi quyển *Chu-lễ* còn bền-bỉ hơn. Nghị luận của người quân-tử đâu có phải chỉ đáng ví với vàng và đá mà thôi đâu ! Điều lành ký-thác vào đó sẽ tránh được sự hủy-hoại, điều dữ ký-ủy vào đó sẽ không mục-nát như vạn vật. Cho nên điều ác của Lễ Chí, nhờ nghị-luận của quân-tử, khỏi mai-một đi !

Lễ Chí của nước Vệ, làm việc cầu may đã hại người cướp nước, chẳng biết hổ thẹn còn khắc công vào bài minh để khoe-khoang cùng hậu thế, thì ai cũng tưởng sẽ nhờ vàng đá mà ác kia còn lưu hôi-thối lại muôn đời. Không ai dè, tuy nhờ khắc trên đá mà ác của Lễ Chí được ghi lại nhưng không phải nhờ vàng đá mà được truyền lại hậu thế đâu ! Đời nay muốn xem bài minh ấy, có tìm nơi đỉnh, chuông, lường, chậu hay muỗng canh xưa, cũng chẳng gặp nào, các vật ấy đã hóa ra tro bụi mà bay giữa hư-trung, không còn để lại mảy-may tơ-tóc nào cả. Mà, vật chẳng còn thì bài

minh cũng không còn, mà bài minh chẳng còn thì việc ác kia cũng không còn! Như vậy, lưu-truyền hôi-thúi của Lễ Chí đâu phải nhờ nơi vàng đá mà do bởi lời nghị-luận của người quân-tử. Nếu khiến Tả Khâu-Minh không ghi việc đó, mà bài minh kia lại mất đi thì điều ác kia cũng mất theo rồi đến ngày nay, người đời đâu còn chửi-mắng được Lễ Chí?

Bị nhục giữa chợ, cách đêm có thể quên đi, bị nhục với người quân-tử, muôn đời không rửa sạch. Chỉ dùng ngọn bút mà « chém », chỉ dùng lý-luận mà « đánh », người quân-tử đầu ở trong nhà lá, cửa rách cũng làm cho đứa gian-tà vỡ mật, tên đại-bợm tán-đởm thì cũng do quyền ấy.

Gặp Bá Nhạc là sự rủi cho ngựa dở, gặp Tượng Thạch là sự rủi cho gỗ tạp (xấu), gặp Tả Khâu-Minh là sự rủi cho Lễ Chí.

Cả nước Vệ cười chê không nhục bằng một chữ trong *Tả-Truyện*. Nếu kẻ khác bị chắc toát mồ-hôi trán, vậy mà Lễ Chí có khi nào cho là sỉ-nhục đâu? Tưởng chừng như lúc viết và khắc bài minh, ao-ước có người quân-tử đứng cận để ghi chép lại! Lấy nhục làm vinh, ấy là phường không biết tủi-hổ thì cũng chẳng đáng trách nào!

Nhưng, quái-gở thay! từ đời Chiến-quốc đến Tần, Hán cho đến nay, kẻ cầm quân thường đối-trá, thường phản-phúc, phần nhiều giống như bọn Lễ Chí. Rồi chẳng những tự khoe công-trạng của mình, mà đến bọn viết sử cũng phụ-họa theo để ca-tụng và ghi-chép cho hậu-thế biết. Thật là phong-tục mỗi ngày mỗi bạc.

Trong đời Xuân-Thu chỉ có một Lễ Chí vì được coi là quái-gở nên ghi-chép vào sử-sách để làm một trò cười, nào dè đâu sau nầy có hàng trăm hàng ngàn Lễ Chí khác mà nào ngờ đâu đời sau cầm viết ghi chép lại giống như Lễ Chí vậy. Thật là phong-tục càng ngày càng tệ.

# CHU CHO TẤN ĐẤT DƯƠNG-PHÀN, ÔN, TOÁN-MAO VÀ NGUYÊN

*Lỗ Hi-công thứ XXV*
(634 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.**— Tấn-bá đóng binh tại Hà-thượng, sắp đưa thiên-tử về kinh (1). Hồ Yển thưa với Tấn-hầu : « Muốn cầu chư-hầu không gì bằng cần lo cho thiên-tử. Cần-vương sẽ được chư-hầu tin, cũng là đại-nghĩa. Nối được nghiệp của (tiên-đế) Văn-hầu, thủ-tín với Chư-hầu, việc ấy nên làm ! » Tấn-hầu sai Quách Yển bói. Thưa : « Quẻ tốt ! Chính là quẻ của Hoàng-đế thắng trận tại Bản-tuyền. » Tấn-hầu bảo : « Ta có kham nổi đâu ! » Thưa : « Lễ nhà Chu chưa đổi. vương ngày nay là đế ngày xưa đó. » Tấn-hầu bảo : « Phệ xem ! » Gặp hào « khuê » và quẻ

« đại-hữu », nên thưa : « Cũng tốt ! Đây là « tước công được thiên-tử đãi ». Chúa-công sẽ thắng, được thiên-tử ban yến. Có gì tốt bằng ! »

Tấn-hầu từ-tạ quân Tần rồi tự mình đem binh xuống mạn dưới Huỳnh-hà. Tháng ba, ngày giáp-thìn, đóng binh tại Dương-phàn. Cánh hữu vây đất Ôn (chỗ Thái-thúc ở), cánh tả rước thiên-tử.

Mùa hạ, tháng tư, ngày tân-sửu, thiên-tử về kinh. Thái-thúc bị bắt tại Ôn, bị giết ở Thấp-thành. Ngày canh-ngọ, Tấn-hầu đến chầu thiên-tử. Đãi yến, ban bảo-vật. Tâu xin « đường toại ». Thiên-tử từ : « Lễ đó dành riêng cho thiên-tử. Chưa ai đủ đức thay nhà Chu mà có đến hai thiên-tử, chắc thúc-phụ cũng không chịu thế ! » Mới ban cho đất Dương-phàn, Ôn, Nguyên, Toản-mao.

Từ đó, Tấn lần vào Nam-dương. Dân ở Dương-phàn không chịu phục. Tấn vây. Thương Cát (quan trấn ở Dương-phàn) nói lớn rằng : « Dùng đức để kết với người Trung-quốc, còn dùng hình là để doạ bọn man-di bốn phương. Chúng ta không thể phục Tấn được. Nơi đây, ai không là thân-thích với thiên-tử ? Tại sao cầm tù ? » Bỏ thành đem dân đi.

Mùa đông, Tấn-hầu vây đất Nguyên. Hạ lịnh giữ ba ngày lương-thực, nếu Nguyên không hàng, sẽ lui quân. Thám-tử ra báo : « Nguyên sắp đầu-hàng ! » Quan quân đều khuyên (Văn-công) chờ. Đáp : « Tín là bửu-vật của nước. Dân nương-cậy vào đó. Được đất Nguyên mà thất-tín thì dân sẽ cậy vào đâu ? Vậy, thiệt-thòi quá lớn ! » Hạ lịnh lui quân một xá. Nguyên đầu-hàng. Bá Quán (quan trấn đất Nguyên) được dời đi Ký-châu. Cho Triệu Thôi trấn đất Nguyên, còn Hồ Tần, đại-phu đất Ôn.

***

**LỜI BÀN.**— Luận-bàn về sự mạnh yếu giữa Chu và Tấn, ai cũng cho là tại hình-thế. Thuyết ấy do Lâu Kinh nêu lên trước. Bàn rằng : « Khi Chu-công dựng nghiệp thì đóng đô tại ấp Lạc vì nghĩ : hữu-đức thì dễ hưng, vô-đức lại dễ-bại, cho nên chẳng đóng đô ở một nơi hiểm-trở, là muốn cho những con cháu kiêu-xa không có thể làm hại được dân lành. Bởi thế, khi nhà Chu suy-yếu chẳng còn chư-hầu nào đến triều cống vì không thể bắt buộc được ; đó không phải tại vô-đức mà chính tại hình-thế yếu. Còn nhà Tần đóng đô một nơi (Quang-trung) có núi sông hiểm-trở bao-vây,

cho nên bốn cõi vững-vàng mới được gọi là kho của trời ». Bàn về Chu và Tần, ai cũng tôn-trọng lời của Lâu Kỉnh, nhưng ta lại cho rằng : nêu ra ý-kiến đó, Lâu Kỉnh chỉ thấy nhà Chu của Bình-vương mà chẳng thấy nhà Chu của Văn Võ, Thành và Khương-vương. Nơi mà Lâu Kỉnh gọi là hình-thế của nhà Tần chính là nhà Chu của Văn, Võ, Thành, Khương đó ! Trong khi Văn, Võ, Thành, Khương còn ở tại đất Kỳ và đất Phong, ở tại kinh-đô cũ của nhà Chu, chính « nơi có núi sông hiểm-trở bao-vây, bốn cõi vững-vàng » chính là hình-thế của nhà Chu trong thời buổi đó, sao gọi là hình thế của nhà Tần được ? Đến lúc Bình-vương dời đô (2) về miền đông, khinh bỏ đất Kỳ đất Phong mới đem cho Tần Tương-công, từ đó Tần trở nên thạnh-vượng, như thế đâu phải tự-nhiên mạnh, chính nhờ hình-thế của nhà Chu. Được hình-thế của nhà Chu mà cư-xử vô-đạo cũng còn đủ sức đàn-áp chư-hầu gồm thâu thiên hạ huống chi Văn, Võ, Thành, Khương lấy thạnh đức làm gốc nếu dùng hình-thế ấy giúp vào thì còn ai đương cự nổi ? Có thể nói rằng : trong thiên-hạ được hình-thế mà thạnh-vượng thì không ai bằng nhà Chu. Như vậy, khi Lâu Kỉnh cho tại hình-thế mà nhà Chu suy-yếu là một sự sai-lầm. Đến khi bàn tới đức-độ của nhà Chu, Lâu Kỉnh lại còn sai-lầm một lần nữa.

Hình-thế và đức-độ, đâu có phải là hai thứ khác nhau. Hình-thế tỉ như thân-thể thì đức-độ là tinh thần của người. Con người chẳng bao giờ ỷ-y tinh-thần đầy-đủ lại đem thân-thể để vào một cõi dễ chết, thì cũng chẳng khi nào ỷ-y đức-độ thạnh-vượng lại đem nước để vào một nơi dễ mất. Vương-giả sở-dĩ hưng-thạnh được là dùng đức đãi thiên-hạ trước. Đức của Văn, Võ, Thành và Khương-vương trong thiên-hạ chẳng ai bằng, còn hình-thế Kỳ-châu và Phong-cảo trong thiên-hạ chẳng nơi nào sánh kịp. Nếu đức-hạnh mà hình thế suy, thì sao gọi được là đạo của vương-giả, coi đó thì lời bàn của Lâu Kinh thật là hủ-lậu! Nhưng nào phải chỉ có một mình Lâu Kinh, con cháu của nhà Chu đều nghĩ như thế cả.

Tấn Văn-công bình xong loạn của Vương Tử-Đái xin thiên-tử được an-táng bằng lễ « toại-đạo » (3). Chu Tương-vương không cho nên đáp rằng : « Lễ dành riêng cho thiên-tử. Chưa ai đủ đức để thay nhà Chu mà có tới hai thiên-tử, điều ấy chắc thúc-phụ cũng không chịu thế ! » Rồi mới gia-phong cho đất Dương-phàn, Ôn, Nguyên và Toản-mao. Trong ý của Tương-vương, sở-dĩ thành được nhà Chu là vì đức-độ chớ không phải vì hình-thế. Về phép-tắc và lễ văn

thì con cháu phải gìn-giữ đời-đời không nên trích cho kẻ khác, còn về đất-đai nhỏ-mọn kia thì tiếc làm chi để chạm đến sự giận của một nước mạnh. Như vậy là không biết : an-táng theo « lễ toại » vẫn là lễ dành riêng cho thiên-tử mà diện-tích của đế-đô phải được ngàn dặm cũng là lễ dành riêng cho thiên-tử. Chu Tương-vương vì tiếc lễ-văn không cho Tấn-hầu, tự nghĩ đã giữ trọn lễ-phép của thiên-tử tức là chẳng biết cắt đất mà thâu hẹp nước nhà và bờ-cõi của đế-đô cũng là phạm đến lễ-phép của thiên-tử rồi. Tiếc một bên, khinh một bên, sao gọi được là gìn trọn lễ-phép của thiên-tử ? Hình-thể là thân-thể, đức-độ là tinh-thần của người ; vai hay lưng bị thương, chơn hay tay bị chặt, mà bảo còn giữ vẹn tinh-thần, điều ấy ta không tin được !

Than ôi ! Từ buổi Bình-vương đem đất Kỳ và Phong cho Tần, thì nhà Chu đã mất gần phân nửa nước. Đất-đai không toàn-vẹn, nếu khăng-khẳng giữ-gìn những phần còn lại, sợ e chưa dễ được thay lại còn cắt bớt phong cho người khác, sau nầy không thể trách con cháu không biết tiếc, hôm nay cắt đất Hô-lao cho Trịnh, bữa mai cắt đất Tửu-toàn thưởng cho Quắc (4). Đất của Văn, Võ-vương, năm tiêu, tháng mòn, đến đời Chu Tương-vương hầu như

đã mất hết. Vậy mà còn cắt vài ấp đem cho Tấn, thì có khác chi bỏ lương-thực giữa Trần và Thái (5), có khác chi Nguyên Hiến và Tăng Sâm lại quăng vàng (6).

Nhà Chu mòn-mỏi đến buổi ấy ai trông thấy cũng phải thương-hại giùm, vậy mà Tấn Văn-công còn nhẫn-tâm lấy của nhà Chu để mở rộng bờ-cõi của mình thì có khác nào cướp lương-thực giữa đường Trần và Thái và giựt vàng của Nguyên Hiến và Tăng Sâm đâu ? Thật là vô-cùng bất-nhơn ! Than ôi ! Tấn Văn-công không phải là con cháu nhà Chu hay sao ? Vậy mà ngồi yên xem Trung-quốc bị nguy-ngập, đã không bồ-cứu, lại còn cướp-giựt, đã nhẫn-tâm làm được việc ấy thì đến việc gì lại chẳng dám làm ? Các người bàn sử còn ngợi-khen Tấn Văn-công biết thủ-tín trong khi đánh lấy đất Nguyên ! Vậy xin hỏi : « Chiếm đất Nguyên là trái hay phải ? Tại sao bỏ quên việc của gốc mà cứ lo bàn chuyện của ngọn ? »

Song, khi Trọng-thúc Vu-Hề (7) lập công to, nước Vệ thưởng cho « khúc-huyền » và « phiền anh », thì Đức Phu-tử lại than : « Tiếc thay ! sao không thưởng cho một ấp ! phải lẽ hơn ! » « Lễ toại » so với « phiền-anh » còn quan-trọng hơn nhiều, vậy thì Chu Tương-vương trọng lễ

toại mà khinh bỏ đất-đai tức là theo đúng lời dạy của Phu-tử. Nếu lời của Đức Phu-tử phải thì việc làm của Chu Tương-vương phải, nếu việc làm của Chu Tương-vương quấy thì lời nói của Đức Phu-tử cũng quấy : trong hai đường phải theo một !

Xin đáp : « Hai việc ấy không giống nhau. Trọng-thúc Vu-Hề là bề tôi của nước Vệ, được phong-thưởng bao nhiêu, đất đó cũng còn thuộc về nước Vệ. Còn Tấn Văn-công là chư-hầu ở ngoài bờ-cõi. Buổi sớm được địa-đồ, buổi chiều đã đến chiếm giữ đất và thâu thuế-má. Hai cảnh-ngộ ấy chẳng giống nhau chút nào cả ! »

DẪN-TÍCH :

(1) Chu Tương-vương có em tên Đái, gọi là Thái-thúc, vì mưu-phản nên bị đuổi. Nhờ mẹ là Huệ-hậu năn-nỉ nên được trở về. Tư-thông với Ngôi-hậu, vợ của Chu Tương-vương. Việc bị phát-giác, Thái-thúc chạy qua xứ Địch đem binh về đánh nhà Chu. Thiên-tử trốn sang nước Trịnh, viết thơ cầu-cứu với chư-hầu. Có hai nước Tần và Tấn đem binh giúp. Muốn nhường công đó cho Tấn Văn-công, vì Trùng-Nhĩ mới lên ngôi cần được công-trạng, nên Tần Mục công cho đóng quân lại trên mé bắc Hoàng-hà mà chờ sự động-tịnh của quân Tấn.

(2) Lối năm 770 trước tây-lịch, vì tránh nạn Khuyển-nhung thường xâm Kiều-binh (kinh-đô) nên Chu Bình-vương dời đô sang Lạc-ấp, thường gọi là Đông-đô. Khi Tần Tương-công sắp về nước, vua Bình-

vương bảo : « Khuyển-nhung hay xâm nhiễu đất Kỳ, đất Phong. Nếu đánh được Khuyển-nhung ta phong cho đất ấy để thưởng công hộ-giá. »

Ba năm sau, Tần thắng. Đất Kỳ và Phong thuộc về Tần. Trở nên một nước lớn.

(3) *Toại-đạo* : Lúc đem chôn, có đào một đường hầm để đưa áo quan ra huyệt.

(4) Mùa xuân năm 692 trước tây-lịch (tức Lỗ Trang-công thứ XXI), Trịnh Lệ-công và Quắc-công minh hội tại đất Lịch. Mùa hạ, đưa Chu Huệ-vương về kinh và giết Vương-tử Đồi. Thiên-tử đem đất Hồ-lao thưởng cho Trịnh, đất Tửu-toàn thưởng cho Quắc.

(5) Lúc đi trốn, Đức Phu-tử bị tuyệt lương hơn bảy ngày ở giữa đường Trần và Thái.

(6) Nguyên Hiến và Tăng Sâm là hai người nghèo.

(7) Lỗ Thành-công năm thứ hai (tức là 588 trước tây-lịch), quân Tề đánh phía bắc của ta (Lỗ), chiếm đất Long. Quân Vệ đánh Tề. Quân ta và Vệ hiệp lại. Thạch-tử (Vệ) muốn lui quân, Tôn-tử (Tôn Lâm-Phủ) không ưng. Thạch-tử bảo : « Quân đã thua, còn nán đợi, sẽ bị tiêu-diệt. » Nhờ người Tân-trúc tên Trọng-thúc Vu-Hề cứu mới khỏi họa. Xong, Vệ thưởng Vu-Hề một ấp. Từ chối. Chỉ xin « khúc-huyền » (giá treo nhạc-khí) và « phiền-anh » (dây của yên, đai ngựa). Cho.

Đức Trọng-mỗ nghe chuyện than rằng : « Tiếc thay ! Sao không thưởng cho ấp ? Phải lẽ hơn ! Khí (cụ) và danh (hiệu) không nên cho mượn. Chỉ để cho thiên-tử dùng. Danh để ra hiệu-lịnh cho dân tin, dân tin để giữ-gìn khí (đồ dùng : xa, mũ, áo), khí để cất lễ, lễ dùng để làm việc nghĩa, nghĩa để sanh lợi, lợi để thành-tựu dân. Sáu điều ấy là đại-tiết của chánh trị. Giao cho người tức là giao quyền chánh-sự. Khi chánh trị đã mất, nước sẽ mất theo, làm thế nào ngừng được ? »

## TIÊN TRẦN TỬ-TIẾT

*Lỗ Hi-công thứ XXXIII*
(626 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Mùa hạ tháng tư, ngày tân sửu, quân Tấn cùng Khương Nhung đánh bại binh Tần tại Hào.**

**TẢ-TRUYỆN.**— Binh Tần diệt xong nước Hoạt. Trở về. Tiên Trần (nguyên soái của Tấn) bàn rằng : « Vua Tần không nghe lời Kiển-thúc. Vì tham lợi mà làm khổ dân. Cơ-hội ấy trời cho, ta chớ nên để mất. Đừng tha giặc, vì sẽ mang tai-họa. Còn trái lòng trời sẽ gặp sự chẳng lành. Phải đánh Tần ! » Loan Chi can : « Chưa đền ơn Tần mà đánh Tần, đối với tiên-quân mới mất (Tấn Văn-công) sao phải ? » Tiên Trần đáp : « Tần không nghĩ đến việc tang của ta, đem quân đánh một nước cùng họ với ta, như thế vô-lễ thì còn

ơn nghĩa gì ? Ngạn-ngữ có câu : « Một ngày tha nghịch, di-hoạ vài đời ». Định kế nầy là lo cho con cháu, vậy đối với tiên-quân mới mất, sao gọi là không phải ? » Tiên Trần bèn ra lịnh dùng cả quân Khương-Nhung. Thế-tử (tên Hoan, tức là Tấn Tương-công) mặc y-phục tang đen ra cầm quân. Mùa hạ, tháng tư, ngày tân sửu, thắng binh Tần tại Hào, bắt được Bách-lý-tử Mạnh-Minh, Tây Khuất-Thuật và Bạch Ất-Binh (Kiền-binh) dẫn về kinh-thành. Rồi mặc y-phục đen, lo chôn-cất cho Tấn Văn-công.

Phu-nhơn Hoài-Doanh (vợ của Tần Văn-công, con của Tần Mục-công) muốn xin cho ba tướng, mới nói (cùng Tấn Tương-công) : « Thật là chúng nó kết-oán giữa hai vua ! Quả-quân của ta (Tần Mục-công) nếu bắt được chúng ăn thịt cũng chưa hả dạ. Nhà vua cần chi hạ minh trị tội chúng. Nên xử cho chúng về chịu hình-phạt của Tần để thoả-chí của quả-quân ta. Như vậy, có được chăng ? » Chịu.

Tiên Trần vào chầu, hỏi : « Tù Tần đâu ? » Đáp : « Phu-nhơn xin, ta đã tha rồi ! » Giận nói : « Bọn võ-phu nầy tận-lực mới bắt được chúng tại chiến-trường. Nay, vì lời đàn-bà mà tha về nước, phá-hại kết-quả của ba quân, tăng sức cho kẻ thù. Như vậy, bại-vong sẽ tới, cần

gì phải chờ ! » Tiên Trần không đoái-hoài nhổ vào mặt vua.

Vua sai Dương Xử-Phủ đuổi theo. Đến sông (Huỳnh-hà) thấy ba tướng đã xuống thuyền. Mở ngựa đương cỡi, giả cách phụng-mạng Tương-công tặng cho Mạnh-Minh. (Đứng dưới thuyền) Mạnh-Minh cúi đầu thưa : « Nhà vua ra ơn không dùng máu kẻ đã bị trói nầy mà bôi mặt trống, còn cho về chịu tội với Tần. Dầu quả-quân của chúng tôi có bất tội mà xử-tử thì thân này dẫu nát, ơn kia chẳng mục. Nhược bằng, quả quân có noi theo ơn-huệ của nhà vua, miễn tội cho chúng tôi, thì ba năm nữa xin sang tạ ơn nhà vua. »

Tần-bá (Mục-công) mặc đồ trắng ra rước ba tướng ở ngoài đồng, đến giữa ba quân khóc to rằng : « Vì cô nầy không nghe lời Kiển-thúc mới để nhục cho ba gã, đó là tội của cô nầy ! Không thay-thế Mạnh-Minh, lỗi ấy ở cô ! Vả chăng, không nên vì một lỗi đã qua mà che-lấp đại-đức của người ! »

***

**XUÂN-THU.— Tấn thắng Địch tại Cơ.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Quân Địch xâm nước

Tấn, tiến vào tới đất Cơ. Tháng tám, ngày mậu-tí, Tấn-hầu thắng quân Địch tại Cơ. Khước Khuyết bắt được Bạch Địch tử.

Tiên Trần tự nhủ rằng: « Một kẻ thất-phu dám tỏ sự tức-giận trước mặt vua mà không bị tội. Có dám đâu không biết tự trị lấy tội mình ! » Rồi bỏ mão giáp, đi ngay vào trận-địa của quân Địch. Chết. Người Địch giao trả thủ-cấp. Diện-mạo như sống.

***

**LỜI BÀN.**— Điều khó phát-hiện nhứt là sự ăn-năn, điều khó cầm giữ nhứt cũng là sự ăn-năn. Phàm khi đã vào đường lỗi : kẻ tàn-nhẫn thì toại-chí, kẻ xảo-trá thì lo tô-điểm, kẻ ngu-ngốc thì cố che-lấp, kẻ hẹp-hòi lại cố-chấp, kẻ kiêu-hãnh thì lo giấu-giếm, kẻ biếng-nhác thì yên thân trong tội-lỗi, như vậy có ai ra ngoài được các điều lụy đó để cho sự ăn-năn phát-hiện được ?

Nhưng khi sự ăn-năn chưa phát-hiện thì sợ khó lố dạng, đến khi ăn-năn đã phát-hiện thì lại khó cầm giữ. Vì khi hối-hận đã phát-hiện thì những sự tự chán-ghét, tự hổ-ngươi, tự tức giận, tự bắt lỗi sẽ làm cho lòng bồn-chồn không được một ngày, một phút nào

yên. Nếu chẳng có gì cầm giữ lại thì sự tự chán-ghét làm cho lòng thêm cầu-thả, buông lung thì càng làm quấy, càng vào sâu trong tội-lỗi chẳng có gì cản-ngăn nổi. Còn kẻ lúc đầu biết tự hồ-ngươi sẽ thấy lòng càng áy-náy, thẹn-thùng rồi làm vào tình-cảnh tự bỏ phế mình đi. Còn kẻ biết tự tức giận sẽ thấy lòng càng bứt-rứt bồi-hồi, rồi làm vào cảnh tự rẻ-rúng mình. Đến kẻ biết tự bắt lỗi, sẽ thấy lòng càng bị âu-sầu kích-thích cho đến làm vào cảnh tự tiêu-diệt mình đi.

Cho nên sự ăn-năn có thể sanh ra điều lành, cũng có thể sanh ra điều chẳng lành. Như đối với chiếc thuyền muốn học, nếu không gặp gió lớn thì khó day trở, mà khi gặp gió lớn, nếu không có chi giữ vững sẽ bị gió quay rồi có thể lật chìm luôn. Một chút ăn-năn có thể mãnh-liệt hơn luồng gió lớn thì cũng nên biết dùng chút chi để cầm giữ lại.

Xét về sự chết của Tiên Trần, chẳng lúc nào chẳng ngợi-khen sự biết ăn-năn, mà chẳng lúc nào chẳng thương-hại vì không biết phép cầm lòng. Vì không đoái-hoài, Tiên Trần nhồ vào mặt vua, mang điều thất-lễ, rồi trong lúc đánh Địch lại đất Cơ, ăn-năn lỗi trước, bỏ cả giáp-trụ, vào giữa trận địa để cho giặc giết. Chỉ một

chút niềm hối-hận mà mãnh-liệt thế kia, phải chi biết được thuật cầm lòng thì chẳng qua trong một tháng sẽ khắc-phục được lòng rồi trở lại con đường lễ. Vì không biết thuật cầm lòng mới không dùng sức ở chỗ lễ-nghĩa mà đi dùng sức ở chỗ nóng-nảy. Đã làm nguyên-soái, cầm sanh-mạng của ba quân trong tay, chức trọng thế kia mà lại đi huỷ mình. Thân chết đã không thêm được tiếng-tăm gì cả lại còn chuộc tiếng cười của quân giặc, như thế có khác chi những kẻ tự-tử ở nơi ao hồ hay chăng? Ý của Tiên Trần muốn cải-hóa lỗi xưa không dè tạo thêm lỗi mới. Lỗi ấy không do sự biết ăn-năn, lỗi ấy sanh ra tại không biết cầm lòng khi ăn-năn. Gió quá yếu không đủ sức day trở thuyền to, gặp cơn gió quá mạnh thì phải có tay sành cầm lái mới giữ vững chiếc thuyền. Hối-hận quá yếu không đủ sức dời lòng qua điều lành, còn gặp hối-hận mãnh-liệt thì phải tay sành trị lòng mới giữ vững. Nếu biết cầm lòng hối-hận, Tiên Trần sẽ ở trong cảnh thơ-thới, khoan-thai, cùng tạo ra được mối vui chơn-chánh, cần gì phải tự giết mình. Tiếc thay! cũng vì không biết thuật cầm hoi-tâm.

## TẤN-HẦU ĐI CHẦU THIÊN-TỬ ĐỂ PHẠT VỆ

*Lỗ Văn-công năm đầu*
(625 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Tấn phạt Vệ.**

**TẢ - TRUYỆN.** — Trong mấy năm cuối-cùng của Tấn Văn-công, chư-hầu đều đến triều-kiến. Chỉ thiếu Vệ Thành-công. Lại sai Khổng Đạt (Vệ) đem binh đánh Trịnh, vào Miên-si đến đất Khuông. Khi Tấn Tương-công (nối nghiệp Văn-công) đã làm lễ « tường » (mãn năm) xong rồi mới cáo-báo cùng chư-hầu để phạt Vệ. Quân đến Nam-dương, Tiên Thả-Cư (con Tiên Trần, thưa : « Bắt-chước việc trái là điều họa » (Vệ không triều Tấn, Tấn không triều thiên-tử). Xin chúa-công đến chầu thiên-tử để hạ-thần đem quân đi đánh cũng được. » Tấn-hầu đến triều-

kiến thiên-tử tại đất Ôn Tiên Thả-Cư và Tư Thần đem quân đánh Vệ.

Tháng năm, ngày tân-dậu chính là ngày sóc, quân Tấn vây Thích (kinh-đô Vệ). Tháng sáu, ngày mậu-tuất, chiếm thành. Bắt được Tôn Chiêu-tử (đại phu của Vệ).

***

**LỜI BÀN.**— Vì người mà làm lỗi quân-tử không cho là lỗi ; vì người mà làm phải, quân-tử không cho là phải. Vì người mà có lỗi như cái kiếng bị mặt xấu của người đàn-bà lây chớ không phải tại kiếng xấu ; vì người mà làm lành như chiếc cây nhờ núi Thái-họa nưng lên chớ không phải tại cây cao. Làm lành phải tự mình chớ không nên vì người.

Tấn Tương-công vừa nối ngôi lại đến đất Ôn chầu thiên-tử, thiên-hạ đều ngợi-khen là biết tôn thờ nhà Chu. Nhưng xét đến lý-do, mới biết vì muốn phạt Vệ không chầu mình nên phải đi chầu thiên-tử trước rồi mới trách Vệ sau. Việc tôn-vương, một điều lành, nào đâu phải do bổn-tâm của Tương-công, và theo đó, lá cờ của Tấn chưa chắc muốn thẳng đường đi đến nhà Chu ! Như vậy, vì người làm được điều lành thì đâu đáng gọi là lành.

Bề-tôi đối với vua như con đối với cha. Nếu vì muốn trách người, kẻ làm con mới biết kính thờ cha thì rất hiếm có người cha được con thờ-kính. Nếu vì muốn trách người, kẻ làm tôi mới biết chầu vua thì rất hiếm có bực vua được bề-tôi đến chầu. Phương-chi, kính-thờ cha là tự nơi mình chớ có dính-dấp gì đến thiên-hạ, đi chầu vua thì cũng tự nơi mình chớ có dính-dấp chi đến thiên-hạ. Nếu thật Tấn Tương-công biết tôn-thờ nhà Chu thì mùa xuân dự lễ triều, mùa thu đi lễ cận, ghi-chép vào sử-sách, như con đối với cha trong lễ thần-hôn, có gì mà tự khoe-khoang được? Phương-chi vừa đến sân chầu của thiên-tử lần đầu-tiên mà tự-kiêu là đủ, rồi nổi trống khua chuông, xuất binh trách-phạt kẻ khác vô-lễ với mình, như vậy tránh sao khỏi sự khinh-miệt của Khổng Đạt?

Nếu thấy một kẻ vừa lạy cha, rồi chạy ra nắm một người đi đường mà trách: « Ta thường lạy cha ta, sao nhà ngươi không lạy ta? » thì có ai ở trong đời lại không cười là điên-cuồng? Mà việc của Tấn Tương-công trách nước Vệ nào có khác gì?

Tuy vậy: « không có trong lòng, sau mới trách người » là đạo của *Đại-học*, thì Tương-công

trước chầu thiên-tử, sau mới trách Vệ như thế đã theo tôn-chỉ của *Đại-học*, có đáng chê hay chăng ?

Xin đáp: đâu phải thế ! Phàm xem sách chớ nên dò theo từng chữ một mà nên theo cho đúng tư-tưởng. Trong câu của *Đại-học*, chánh-ý là « không có trong lòng » chớ không chú-trọng đến « sau mới trách người ». Kẻ muốn học cho hiểu cần lo sửa cho « không có trong lòng » trước khi « trách người », còn kẻ không muốn học cho hiểu cần câu « không có trong lòng » dùng làm tài-liệu để « trách người ». Cho nên *Đại-học* mới dạy trước « vô chư kỷ » rồi sau mới nói đến « phi chư nhơn » ; chủ-ý của câu là trị lỗi của mình, chớ không chủ-ý đến trị lỗi của người, rõ-ràng là như thế.

Sợ kẻ xem sách chỉ chú-trọng « văn » mà không trọn hiểu sẽ có hại đến « từ », nên cần giải-thích cho minh-bạch để cảnh-cáo với bọn sĩ nhà ta.

## DƯƠNG XỬ-PHỦ

*Lỗ Văn-công thứ V*
(621 trước tây-lịch)

**TẢ - TRUYỆN.** — Dương Xử-Phủ ở nước Tấn đi sứ sang Vệ. Về đến đất Ninh, Ninh Dinh theo ngay. Đến đất Ôn, Ninh Dinh bỏ về. Vợ hỏi. Đáp : « Xử-Phủ tánh-khí quá cao-cường. Trong *Thương-Thơ (Kinh Thơ* của nhà Thương) có câu : « Trầm-tĩnh trị cương-cường, cao-minh trị nhu-nhược », Xử-Phủ chỉ có một bề, không mất sao được ?

Trời kia chỉ cương-đức (khí-dương) có một buổi huống chi là người ! Vả chăng, chỉ trồ bông mà không đơm trái là góp oán đó thôi ! Đã quá cương-cường mà còn góp oán thì không thể giữ mình nổi. Sợ không lợi mà còn bị hoạ lây, nên ta bỏ mà về ».

⁂

**LỜI BÀN.** — Đã « chí-lễ » thì không có hiệu nghiệm liền để trực-tiếp làm đẹp lòng người nhưng có công sâu để cảm-hoá lòng người. Đã « chí-nhạc » thì không có thanh-âm gần để trực-tiếp làm vui lòng người nhưng có dư-vận để cảm-hoá lòng người. Phàm theo lẽ của thiên-hạ, điều gì chưa thưởng-thức được thì không thể lìa bỏ một khi đã nếm. Như xưa kia, Đức Phu-tử dạy học nơi khoảng sông Thủ, sông Tứ, Tử-Cống mới đến yết-kiến muốn dùng trí để nhạo-báng Ngài ; còn Tử-Lộ mới đến ra mắt muốn lấy dũng để lăng bức Ngài, thì đến bực thánh cũng còn không thể trong một ngày cảm-hoá được lòng người thay ! Còn Dương Xử-Phủ là người thế nào mà Ninh Dinh mới gặp giữa đường phải lật-đật mang giày, gánh đồ tất-tưởi chạy theo đường như sợ không kịp coi thế thì cảm-hoá lòng người hình như mau hơn Đức Phu-tử ! Nhưng Đức Phu-tử tuy không cảm hoá được Do và Tứ (1) trong lúc mới gặp mà trọn đời vẫn được Tử-Cống và Tử-Lộ phụng-sự, còn Dương Xử-Phủ tuy làm cho Ninh Dinh theo ngay trong buổi sớm mà không lưu Ninh Dinh ở lại được vài ngày ; như vậy bên hơn bên kém cũng rõ-rệt lắm rồi.

Theo lời của Ninh Dinh thì Dương Xử-Phủ

dễ khiến cho người ưa mà cũng dễ khiến cho người chán, thì cũng bởi tại lý-do nào ?

Là vì cương-cường của Xử-Phủ lộ ra bề ngoài, bên trong chẳng lưu được dư-âm nào cả ; đầy trong tiếng nói, rõ-rệt nơi diện-mạo và giọng cười, phát-hiện trong lúc đi, khi đứng. Khí-tượng của bình-sanh tỏa ra cả nên bề ngoài xem quá nghiêm-khắc mà bên trong chẳng chất chứa gì, bề ngoài ngó thì sum-sê mà bên trong lại chẳng có căn bản. Vì vậy, lúc đầu vừa trông thấy thì đẹp mắt dễ coi, dường như có đức khiến cho người ta dễ thích-ưa, nhưng khi cận-kề thì đã thấy cùn, có muốn hái cũng chẳng còn chi nữa, cho nên dễ khiến cho người mau chán. Mới nở ra thì đẹp như hoa mùa xuân nhưng đã qua thu mà không đơm trái ; mới xem qua thì đẹp mắt mà ngửi thì không có chút thiệt vị nào ! Đối với kẻ muốn tìm sự thật của lòng, không thích sự thật nơi mặt thì không thể cùng ở được, cho nên Ninh Dinh mới ưa đó rồi chán đó, mới theo đó rồi bỏ đó, không sợ phiền-hà chi cả. (2)

DẪN TÍCH :

(1) Do và Tứ là tên của Tử-Cống và Tử-Lộ.

(2) Đi sứ về nghe Hồ Xạ-Cô được làm nguyên-soái. Biết là bất-tài mà hay kiêu-ngạo, nên Xử-Phủ vào tâu với Tấn Tướng-công cho Triệu Thuẫn thế chức. Nhờ vậy, Triệu Thuẫn cầm chánh-quyền. Có người bảo với Xử-Phủ : « Nói thẳng như vậy, không sợ người ta oán sao ? » Đáp : «Nếu lợi nước sợ gì người oán ». Tức giận, sau nầy, Hồ Xạ-Cô cho người đâm chết Dương Xử-Phủ rồi sợ bị tội trốn qua Địch (tháng 11, năm 620 trước tây-lịch, Lỗ Văn công thứ 6).

# ĐÃNG Ỷ-CHƯ

*Lỗ Văn-công thứ VIII*
(618 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Người Tống giết quan đại-tư-mã. Quan tư-thành trốn qua Lỗ.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Tống Tương-công phu-nhơn là chị của Chu Tương-vương (tức là tổ-mẫu của Tống Chiêu-công). Chiêu-công đãi phu-nhơn không đúng lễ. Phu-nhơn nhờ họ Đái giết bè-đảng của Tống Chiêu-công là Công-tôn Khổng-Thúc, Công-tôn Chung-Ly và quan đại-tư-mã là công-tử Ngang. Quan tư-mã đến lúc chết còn cầm cờ tiết, *Xuân-Thu* khen nên ghi cả chức-tước. Quan tư-thành là Đãng Ỷ-Chư trốn sang nước Lỗ. Lúc đi, gởi cờ tiết cho người giữ kho. Chiêu-công cho qua Lỗ triệu Đãng Ỷ-Chư về phục chức. *Xuân-Thu* chép cả tước của Đãng Ỷ-Chư để tỏ sự quý-trọng.

***

*Lỗ Văn-công thứ XVI*
(610 trước tây-lịch)

**XUÂN THU.— Mùa đông, tháng mười một, người Tống thí vua tên là Chử-Cữu.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Em của Tống Chiêu-công tên là Bão đãi dân có nhơn. Mất mùa, phát lúa nhà cho dân mượn. Già trên bảy mươi được bố-thí. Mỗi tiết, cho thóc-lúa và thực-phẩm. Ngày nào cũng viếng các công-khanh. Kẻ có tài được cấp lương. Trong họ, từ Hoàn công sắp xuống đều được giúp-đỡ. Công-tử Bão đẹp trai, Tương-công phu-nhơn muốn dan-díu. Không ưng. Phu-nhơn đem của riêng giúp công-tử Bão thi ơn với dân. Chiêu-công vô-đạo, cả nước đều theo công-tử và phu-nhơn.

Lúc đó, Hoa Nguyên làm quan hữu-sư Công-tôn Hữu tả-sư. Hoa Ngẫu tư-mã, Lân Quán tư-đồ, Đãng Ỷ-Chư tư-thành, công-tử Triều tư-khấu. Xưa quan tư-thành họ Đãng chết, con là Công-tôn Thọ từ-chức và cử con mình là Đãng Ỷ-Chư thay. Thường bảo Ỷ-Chư rằng : « Vua vô-đạo, làm quan cận, tai-vạ khó tránh. Từ-chức thì không ai giúp đỡ họ-hàng.

Con là phân nửa của ta, rán chậm chết một chút. Tuy mất con nhưng khỏi mất họ ».

Tương-công phu-nhơn xui người mời Chiêu-công đi săn ở Mạnh-chư để ám-sát. Biết mưu độc, Chiêu-công chuyên-vận các bảo-ngọc theo. Đãng Ỷ-Chư khuyên : « Sao không trốn sang nước khác ? » Đáp : « Trên tổ-mẫu, dưới bá-quan đến người trong nước không còn ai dung, thì nước nào lại nạp ? Có dung-nạp thì chỉ làm tôi sau khi đã làm vua. Thác là hơn. » Rồi chia các bảo-ngọc cho kẻ theo hầu và dạy nên trốn đi. Phu nhơn sai người đến quan tư-thành bỏ vua. Ỷ-Chư đáp : « Bề-tôi bỏ vua trong lúc hoạn-nạn thì đối với vua kế-vị phải ra sao ? »

Mùa đông, tháng mười một, ngày giáp-dần, khi Tống Chiêu-công sắp đi săn tại Mạnh-chư, phu-nhơn sai quan coi việc săn đánh giết. Đãng Ỷ-Chư chết theo. Vì vua vô-đạo, nên *Xuân-Thu* biên cả tên là Chử-Cữu. Công-tử Bão nối ngôi tức là Tống Văn-công, cho em là công-tử Tu làm quan tư-thành. Hoa Ngẫu đã chết, cho Đãng Hủy (em của Đãng Ỷ-Chư, làm quan tư-mã.

***

**LỜI BÀN.**— Đãi người phải cho khoan, luận người phải cho nhặt. Luận người là mượn sở-

đoản của người để trị sở-đoản của mình, là mượn lầm-lỗi của người để sửa lỗi-lầm của mình, vì bản là chủ-ý nơi mình chớ không chủ-ý nơi người. Định giá người cao hay thấp là để suy kiến-thức của mình thấp hay cao; phê-bình người làm việc theo công hay tư là để nghiệm lòng mình coi tư hay công. Chớ nếu phát ra lời luận quá lược-sơ, không hết ý tức là còn giấu nơi lòng mình nhiều điều lờ-mờ không được minh-chánh.

Đức Phu-tử của ta thường chê thầy Tử (1) hay « do người », mà chính ngài dùng ngọn bút để khen chê thiên-hạ trong kinh *Xuân-Thu*. Như vậy có phải Đức-Phu-tử quên câu nói trước chăng? Đâu phải thế! Vì cách đãi người và cách luận người, mỗi bên đều có thể riêng.

Trong cuộc biến-loạn do Tống Tương-công phu-nhơn gây ra, lúc đầu Đãng Ỷ-Chư lo chạy trốn, lúc sau cam chịu chết. Thật là « nước lớn ngập trời mà không di-dịch nổi cột trụ đá; mưa gió đen trời mà gà vẫn gáy không thôi »: (2) chính là để ngăn-ngừa bọn loạn-thần tặc-tử.

Trong thời buổi ấy, kẻ vào cung của phu-nhơn lọng tán kế-tiếp không ngừng; người đến cửa chịu ơn công-tử Bão, chen-chúc nhau không

ngớt. Những tên hầu ôm bảo-ngọc của Chiêu-công phân-phát mà chạy tứ-tung thì cũng chẳng rõ là bao nhiêu. Vậy mà chưa nghe kể tội bọn ấy chỉ nghe bắt lỗi Đăng Ỷ-Chư mà thôi. Tại sao lại thân với lũ nghịch-thần mà thù với nhà vua, tại sao đãi bọn tiểu-nhơn hậu dường ấy còn đãi người quân tử lại bạc dường ấy? Thù nhà vua thân bọn nghịch hậu đãi tiểu nhân, bạc đãi quân tử, những điều ấy dẫu là kẻ quê mùa ở nơi sân-dã, nếu biết tự-trọng, cũng còn không làm thì tại sao hạng người tự cho là học-giả lại làm mà không biết thẹn?

Nhưng khi lập-luận, trước khen Ỷ-Chư bao nhiêu, sau phải chê Ỷ-Chư bấy nhiêu; đổi khen ra chê như vậy cũng là sự bất-đắc-dĩ đó thôi! Cũng chỉ muốn mượn lỗi đã qua của Đăng Ỷ-Chư để mà răn mình trong điều lỗi sẽ đến. (1)

Lúc đầu, Đăng Ỷ-Chư bỏ đi là vì nghĩa phải bỏ mà đi, lúc sau, trong buổi đi săn theo vua mà chết thì vì nghĩa cũng nên chết. Nhưng Đăng Ỷ-Chư là họ-hàng thân-thích với vua, làm quan lại đến chức tư-thành, vậy mà ngồi xem Chiêu-công hành-động vô-đạo, ngồi xem Tương-công phu-nhơn chất-chứa thù-hận, ngồi xem công-tử Bão âm-mưu soán-nghịch! Biến-cố đã rõ-rệt chỉ chờ có dịp

sẽ phát-hiện, vậy mà trên không nghe Đãng Ỷ-Chư can-gián vua, giữa không nghe Đãng Ỷ-Chư điều-đình gỡ rối cho vua, cuối không nghe Đãng Ỷ-Chư dùng vũ-dũng để cứu-nạn cho vua. Chờ đến khi có loạn mới bỏ mà đi, đi sao mà muộn thế? Chờ khi vua bị thì mới chết theo chết sao mà vô-ích thế?

Có thể nào tưởng rằng: khi máy loạn gần thành hình, khi mưu giết vua gần tượng hình, khi cả nước, trong ngoài đều biết mà có một mình Ỷ-Chư nổi danh là hiền-giả lại không hay biết chăng? Tại sao cứ loanh-quanh, nhu-nhược, không chịu từ quan để làm trang ẩn-dật? Có phải vì nhớ đến lời cha: « Từ-chức thì không ai giúp-đỡ cho họ-hàng » mà chịu nhẫn-nhịn, bơ-thờ làm quan để nhờ bổng-lộc ngày nầy qua ngày nọ? Nếu vậy chắc trong lòng cũng nghĩ rằng: « Chưa có loạn thì cũng nhịn-nhục ở vậy để chở-che cho người trong thân, nếu có biến-cố sẽ hủy-mình để thủ-tiêu những điều tủi-nhục. Dùng tử-tiết về sau để chuộc tội-lỗi trước, tin rằng người quân-tử của hậu-thế sẽ thương-hại giùm cảnh-ngộ của mình đã dụng-tâm quá khổ-nhục! » Nhưng Đãng Ỷ-Chư há chẳng biết bực quân-tử không nên đặt mình một ngày nào vào chỗ đáng tủi-hổ hay sao? Ngày hôm nay làm lành còn lo ngày mai chẳng làm

được lành thay, thì có lý đâu lại đem thân vào cảnh tủi-nhục rồi tính trước sẽ tử-tiết sau nầy để chuộc lỗi hôm nay ? Tiết-nghĩa của ngày sau chưa lố-dạng mà lầm-quấy của ngày nay đã đâm chồi, thì trong khi đó, có lòng dạ đó, hỏi là quân-tử hay tiểu-nhơn ?

Vì vậy, ta lấy làm lo-ngại cho Đăng Ỷ-Chư, cũng không phải chỉ lo-ngại cho một mình Ỷ-Chư mà thôi ! Lại còn lo-ngại cho ta nữa !

DẪN-NGHĨA :

(1) *Thần-Tứ* : tên của Tử-Cống, một học-trò của Đức Khổng-tử. Tánh hay phê-bình người, so-sánh sở trường và sở-đoản của các nhơn-vật. Phu-tử thường rầy : « Phương nhơn ! (đo người). Còn ngươi ? Hiền lắm sao ? Như ta, có rảnh đâu mà khen chê người ».

(2) Tác-giả mượn hai câu của Trang-tử để ví bực trung-thần như cột trụ đá, như tiếng gà trống còn loạn-lạc là cảnh nước lụt, cơn bão tố.

(3) Tác-giả nghĩ đến cảnh-ngộ của mình trong triều nhà Tống.

## PHẠM SƠN XIN THÔN-TÍNH CHƯ-HẦU MIỀN BẮC

*Lỗ Văn-công thứ IX*
(617 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Quân Sở xâm Trịnh, công-tử Toại (con của Lỗ Trang-công) hội với người nước Tấn, Tống, Vệ, Hứa để cứu Trịnh.**

**TẢ - TRUYỆN.—** Phạm Sơn (đại-phu nước Sở) tâu cùng vua Sở : « Vua Tấn hãy còn trẻ không được lòng chư-hầu. Ta có thể thôn-tính miền bắc được ! » Vua Sở hội-binh tại Lương-uyên để đánh Trịnh. Bắt được công-tử Kiên, công-tử Mang và Lạc Nhĩ (ba tướng của Trịnh).

Trịnh hoà cùng Sở.

Công-tử Toại (Lỗ) hội với Triệu Thuẫn (Tấn) Hoa Ngẫu (Tống), Khổng Đạt (Vệ) và

quan đại-phu nước Hứa để sang cứu Trịnh. Đến trễ nên không gặp binh Sở. *Xuân-Thu* không ghi tên. Chỉ gọi « người nước » là vì sự bê-trễ. Như vậy để khiển-trách sự chậm-chạp.

***

**LỜI-BÀN.** — Tấn Linh-công mới lên ngôi (1), sự thất-đức chưa đồn ra đến ngoài. Trong triều thì có họ Loan, Khước, Tử, Hàn (2) hằng ngày hầu-hạ mà chưa nghe có lời can-gián nào, ngoài cõi thì có Tống, Vệ, Trần, Trịnh thỉnh-thoảng triều-yết, cũng chẳng nghe một câu thán oán nào, như vậy tại sao Phạm Sơn đương ở tận Phương-thành (3) bờ Hán-thủy lại biết được là Tấn Linh-công bạo-ngược không còn đáng kể và nước Sở « có thể thôn-tính về miền bắc được » ?

Ta đã hiểu rõ lẽ ấy ! Vì xét bằng hình-thế thì người ở gần tỏ-tường hơn kẻ xa, còn xét bằng tình-lý thì người xa lại sáng-suốt hơn kẻ ở gần. Như đem chánh-sách của nhà quan mà hỏi mấy tên lính hầu ngựa thì Giáp nói vầy, Ất lại nói khác, chẳng biết đâu mà định-đoạt. Vậy mà ở chốn núi khe cùng-cốc, bọn làm ruộng, kẻ đốn củi lại bàn-luận về hạnh-kiểm của vị quan cai-trị bổn-xứ một cách rành-rẽ

minh-bạch như đếm một với đếm hai. Tại sao bọn ấy lại biết được tam bình-phong của quan thứ-sử (4) hay đôi giày của huyện-lịnh (5) mà phán-đoán rõ-ràng như vậy ? Là vì chẳng có điều thương điều ghét, chẳng có những ý tư-riêng bay vào mắt, lọt vào tai cho nên sự khen-chê của người rẫy-bái mới được công-bình. Vì lẽ đó, kẻ ở gần bị ý-riêng che mắt lấp tai nên không sáng-suốt bằng người ở xa vậy.

Tấn Linh-công làm vua vô-đạo lúc đầu chưa lộ, nhưng ngày ngày đã chất-chứa, sau mới kết thành ác. Khi mới lên ngôi, chưa trông thấy mầm chồi, chưa có dấu-tích gì báo-hiệu, tất cả người đời chưa rõ, chỉ một mình Phạm Sơn lại biết, nào có phải Phạm Sơn tài-trí hơn người , mà bởi chẳng có gì che mắt lấp tai đó thôi! Những kẻ thân-cận đã chịu ơn mưa-móc của Tấn Linh-công nên bị sự mến-thương che-lấp mà không hay biết, các quan khanh đại-phu ở dưới chánh quyền của Tấn Linh-công nên bị sự tôn-quý che-lấp mà không hay biết ; các nước chư-hầu vì binh-lực của Tấn nên chịu đồng-minh đã bị sự kiêng-nể che-lấp mà không hay biet. Chỉ có một mình Phạm Sơn ở tại triều của Sở, ăn lộc của Sở, không hưởng ân huệ, không kiêng chánh-quyền, không sợ binh-uy của vua

Tấn nên chẳng bị gì che-lấp cả cho nên mới biết trước gần mười năm những điều mà Triệu Thuẫn và Sĩ Hội can-gián sau nầy (6). Bởi thế chớ nên tưởng: người ở gần khó che mắt còn kẻ ở xa dễ lừa-dối đâu!

Ta thường cảm-xúc khi đọc đến câu của Phạm Sơn: « Tấn-quân bất toại chư-hầu » (vua Tấn không được lòng chư-hầu). Là vì nước Tấn từ Văn-công cho đến Linh-công đã ba đời làm bá-chủ chư-hầu ở Hoa-hạ, nay Linh-công mới lên ngôi, các chư-hầu phụ thuộc theo Tấn chưa dám đổi-thay minh-ước của đời vua trước, cho nên ngọc lụa, bảo-vật cũng giống như đời Văn-công và Tương-công, thóc-lúa, súc-vật cũng giống như đời Văn-công và Tương-công, lời-lẽ, giấy-tờ của minh-ước cũng giống như đời Văn-công và Tương-công, chỉ có lòng là không còn ở cùng chư-hầu nữa. Cho nên của tuy hậu mà người ngoài đã thấy bạc-bẽo, lễ tuy trọng mà người ngoài đã thấy đơn-sơ, uy-nghi tuy tráng-lệ mà người ngoài đã thấy tiều-tụy, hiệu-lịnh tuy nghiêm-chỉnh mà người ngoài đã thấy lờn-khinh!

Than ôi! Phạm Sơn thật cũng giỏi xem nước của người vậy!

DIỄN TÍCH:

(1) Năm thứ VII của Lỗ Văn-công tức là 619 trước tây-lịch, Di-Cao lên ngôi (Tấn Linh-công).

(2) Tức là Loan Thuần, Khước Khuyết, Tư Giáp, Hàn Quyết là bề-tôi hiền của Tấn.

(3) Phương-thành là kinh-đô của Sở.

(4) Thứ-sử là trưởng quan cai-trị một châu. Hồi đời nhà Đường, Thái-tông hay biên tên những thứ-sử giỏi vào bình-phong.

(5) Đôi giày của huyện. Trong tiểu-thuyết *Hàn-thơ phương-thực truyện* » có chép chuyện Vương Kiều làm huyện ở xứ Diệp, mỗi tháng đến ngày sóc và vọng đến triều. Bữa kia, quan huyện chưa đến, đã có đôi chim phù bay tới triều, nhà vua cho lịnh lưới bắt. Chim để rơi đôi giày của nhà vua ban thưởng. Bình-phong và giày là biểu-hiệu ân-tứ của vua ban thưởng các quan giỏi.

(6) Tấn Linh-công vô-đạo thâu thuế nặng để lập vườn-tược đền-đài nguy-nga. Rồi lại tàn-ác lấy tên bắn chúng-dân đến xem, cho chém tên đầu bếp nấu thịt lâu chín, v.v. Triệu Thuẫn và Sĩ Hội mấy lần vào can-gián nhưng vô hiệu-quả.

## THÂN VÔ-ÚY NHỤC KẺ GIONG XE VUA TÔNG

*Lỗ Văn-công năm thứ X*
(616 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Vua Sở và Thái-hầu hội tại Quyết-lạc.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Trần hầu, Trịnh-bá đến tiếp vua Sở tại Tức. Qua mùa đông. Thái-hầu tới, đóng quân ở Quyết lạc. Sắp-sửa cùng đánh Tống.

Hoa ngự sự (quan tư-khấu) nước Tống nói : « Sở muốn đánh vì ta yếu. Sao không tự biết yếu để tùng-phục trước. Chờ chi người đến dụ ? Không chống nổi Sở mà gượng đánh thì dân kia có tội gì ? » (Vua Tống) mới đến hội cùng Sở. Được ủy-lạo, chịu phục-tùng. Rồi mở cuộc săn tại Mạnh-chư : Tống-công làm hữu-vu (cánh mặt). Trịnh-bá tả-vu, Kỳ-tư Công-Phục

hữu tư-mã, Tử-Châu là Thân-chu Vô-Uý làm tả tư-mã.

Có lịnh sáng sớm giong xe và đem theo mồi lửa. Tống-công trái. Thân Vô-Uý ra lịnh đánh kẻ giong xe để làm gương cho chư-hầu. Có người bảo Tử-Châu : « Tống-công là quốc quân, không nên mạ-nhục ». Đáp : « Cứ theo phép công mà hành-động, sợ gì kẻ cường-quyền. *Kinh Thi* có câu : « Cứng không nhả, mềm không nhai » và câu : « Đừng để cho kẻ khéo nịnh được trọn tự-do thì người quên giới-hạn sẽ trở nên thận-trọng ».

Câu ấy dạy chớ nên lui bước trước mặt kẻ cao quyền cường-ngạnh. Vậy tôi đâu dám tiếc sống để cho loạn phép công ? »

***

*Lỗ Tuyên-công thứ XVI*
(594 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Mùa thu, tháng chín, Sở vây Tống.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Vua Sở sai Thân-chu (Vô-Uý) đến đáp lễ cùng Tề mà đừng mượn đường khi qua Tống. Sai công-tử Phùng qua sinh-lễ bên Tấn và cũng đừng mượn đường khi

qua Trịnh. Vì cuộc săn tại Mạnh-Chư, Thân Vô-Uý có hiềm-khích với vua Tống, nên thưa : « Vua Trịnh sáng, vua Tống điếc. Kẻ đi sứ qua Tấn chẳng sao, còn thần chắc chết ». Vua đáp : « Tống hại ngươi, ta đánh Tống. » Đem con là Thân Tê trình vua rồi đi sứ.

Qua Tống, bị bắt. Hoa Nguyên bảo : « Qua trước ta không xin phép tức coi nước ta như bò-cõi của Sở. Thị nước ta như thế là cho nước ta không có nữa. Giết sứ-giả (của Sở) chắc bị Sở đánh. Bị đánh cũng là mất nước. Mất trước, mất sau cũng thế ». Cho nên, ra lịnh giết (Thâu-chu).

Vua Sở hay, giũ áo đứng lên, đi chơn vào cung-thất. Vào đến cung, giày đem tới, ra cửa cung, gươm dưng tới, đến chợ Bồ-tiêu, xa-giá dẫy tới.

Mùa thu, tháng chín, Sở vây kinh-thành Tống.

***

**LỜI-BÀN.—** Điều không nên kiêu-hãnh để cầu là danh, vì trong thiên-hạ có lắm sự bề ngoài tương-tợ như có mà bên trong thật-sự lại không. Nếu kiêu-hãnh mà dùng những việc tương-tợ như có thì chẳng lường-gạt được ai, vì đến

ngày kia, người ta sẽ tuỳ theo hình giả đó mà đòi-hỏi sự thật, đến khi sự thật đã thồ-lộ thì danh nọ phải tan-tành. Bởi thế chớ kiêu-hãnh mà cầu danh, vì lúc đầu khi nhận lấy danh-vọng thì lúc đầu đã nhận lấy trách-nhiệm rồi.

Trong buổi đi săn tại Mạnh-chư, Thân Vô-Uý cậy oai-quyền của Sở để nhục-mạ Tống-công, chuyện ấy cũng thường. Nhưng, nước của Tống-công tuy yếu mà chức-tước lại là vua, nước của Vô-Uý tuy mạnh mà chức-tước chỉ là tôi. Nói về thực-tế : để Sở trên Tống, để mạnh trên yếu, điều ấy ai cũng cho là rất dễ. Bàn về tung-tích : dùng dưới phạm trên, dùng yếu đánh mạnh, điều ấy ai cũng cho là rất khó. Ngồi yên trong địa-vị rất dễ mà hưởng được danh-dự rất khó, theo nhơn-tình thường ai cũng ưng được vậy cả, cho nên Thân Vô-Uý lợi-dụng một việc bề ngoài tương-tợ như có để trộm lấy danh. Thường phải liệng vàng, phải phát lúa mới mua được tiếng ngợi-khen là hào phóng, phải xông-pha trận-mạc, phải xung-đột trùng-vây mới chuộc được tiếng là dũng-mãnh. Nay Thân Vô-Uý chỉ dùng một nước Sở to lớn đến sáu ngàn dặm để nhục vua của một nước bạn, thì trước chẳng có quyền-thế nào đáng nể, sau cũng chẳng có ưu-hoạn gì đáng

lo, chỉ thung-dung nói nói, cười cười mà chuộc được tiếng khen chẳng biết sợ người quyền-thế, thì trong thiên-hạ, về kiêu-hãnh, hỏi có gì hơn được việc đó? Tưởng chừng khi Vô-Uý nghiêm sắc mặt, dùng lời danh-thép để trách kẻ giong xe của vua Tống, chắc trong lòng tự nghĩ có thể kiêu-hãnh mà chiếm lấy danh và có thể dùng danh ấy để nói dối đời vì chính chúa-công của ta cũng khen ta dám nói thẳng thì còn ai biết rằng ta chỉ nhờ có chỗ để ỷ-thị mới được vậy thôi? Bẻ cánh tay của Vệ-hầu (1), ai cũng cho Thiệp Đà là cương-trực mà chẳng ai biết Thiệp Đà mượn oai của nước Tấn; thâu xe của thái-tử, ai cũng cho Giang Sung (2) là cương-trực mà chẳng ai biết Giang Sung mượn oai của nhà Hớn nhục kẻ giong xe của Tống-công, ai cũng cho Vô-Uý là cương-trực mà chẳng ai biết Vô-Uý mượn oai của nước Sở. Thân Vô-Uý đã mượn oai của Sở để thâu danh-tiếng cho mình, không một chút công-lao mà được tiếng ngợi-khen như núi với gò, nếu như thế mà không bị hậu-hoạn thì thành ra thật-tình không bằng dối-trá, cương-trực không bằng tà-khúc, quân-tử không bằng tiểu-nhơn hay sao?

Nhưng hành-động như thế tức là chẳng

biết : trước người ta vì cương-trực mà ngợi-khen thì sau người ta sẽ vì cương-trực mà sai khiến. Ngày sau, vua Sở muốn sai sứ đi ngang qua Tống không cầu mượn đường thì chẳng dùng ai, chỉ sai Thân Vô-Uý là vì chắc với lòng khẳng-khái, chí cương-trực. Thân Vô-Uý sẽ hết mình vì trọng-trách để phô-trương thanh-danh của nước nhà. Chứng đó Vô-Uý mới biết hư-danh ngày trước đem cho mình thực-hoạ ngày nay, cho nên run-sợ mà phân-trần : « Vua Trịnh thì sáng, vua Tống thì điếc. Vậy kẻ đi qua Tấn chẳng sao, còn tôi chắc chết ». Nghe ra thảm-đạm vô-ngần ! Vậy thì những lời khí-khái cang-cường năm-xưa đã bay đi đâu ? Lúc trước thì là : « đâu có dám tiếc sự sống để loạn phép công ? », còn hôm nay thì : « còn tôi chắc chết ! » Trước, sao hùng-tráng thế ! Còn nay, sao khiếp-nhược thế ? Lúc không có việc thì « không dám tiếc sự sống » còn khi có việc lại « chắc chết », cũng tại vì chơn-tình bổn-tánh đến đó đã bị bại-lộ ra cả. Coi vậy mới rõ chớ nên kiêu-hãnh mà cầu danh. Tự ngàn xưa, mỗi khi mượn vật ngoài để ỷ-thị thì lúc mất sự nương-dựa sẽ gặp nguy-nạn ngay. Thân Vô-Uý chỉ cậy vào nước Sở cho nên một khi đã lìa khỏi Phương-thành (3) thì người nước Tống còn sợ gì tên Vô-Uý của nước Sở nữa ? Bởi vậy mới vui lòng mà giết đi.

Ta trưng-bày gương nầy là cốt-ý răn những kẻ hay ỷ-thị vào ngoại-vật.

DẪN TÍCH :

(1) Tấn và Vệ minh-thệ tại Chuyên-trạch, khi sắp sửa uống máu thề, Thiệp Đà nắm tay Vệ-hầu bẻ trái lại.

(2) Giang Sung đi chầu vua tại Cam-tuyền gặp người nhà của thái-tử giong xe trên đường cấm. Sung cho bắt bỏ ngục. Nhà vua cho trong hàng bá-quan không ai cương-trực bằng nên rất tin-dùng.

(3) Kinh-thành của Sở.

# CHU-CÔNG DUYỆT VÀ VƯƠNG-TÔN TÒ KIỆN NHAU TẠI TẤN

*Lỗ Văn-công năm thứ XIV*
(612 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.—** Mùa thu, thiên-tử nhà Chu (Khoảnh-vương) băng. Chu-công Duyệt và Vương tôn Tò tranh-giành chánh quyền. Vì đó không cáo tang (với Lỗ). Phàm khi thiên-tử hoặc vua chư-hầu mất mà không cáo-phó (với Lỗ), *Xuân Thu* không chép. Chuyện hoạ hay phước không báo-cáo cũng không biên. Để răn điều bất-cẩn.

. . . . . .

Chu-công sắp kiện Vương-tôn Tò tại triều Tấn. Thiên-tử (Chu Khuông-vương) nghịch với Vương-

tôn Tô nên sai Doãn-thị và Diêm Khải đến giúp Chu-công cho được kiện tại Tấn.

Triệu Tuyên-tử giải-hoà. Trong nhà của thiên-tử mới được yên-ổn lại.

***

**LỜI-BÀN.**— Ngày xưa, vì Văn-vương nhà Chu xử một vụ kiện giữa hai nước Ngu và Nhoái cho nên nhà Thương mới bắt đầu suy bại. Xử kiện ấy, không phải do ý muốn của Văn-vương, cũng không có lời giao-hẹn trước, tự-nhiên hai nước kia đồng lòng đến cậy nhờ. Nhà bàn sử, nương theo sự « chọn và bỏ » của hai nước mà đoán trước, giữa Thương và Chu, bên nào sẽ hưng-vượng, bên nào sẽ bại vong. Như khi vua Thuấn tránh Đơn-Châu (1), khi vua Vũ tránh Thương-Quân (2), rồi cũng vì suy-xét cách kiện-tụng của dân-chúng mà quyết-định. Nước Ngu nước Nhoái vì tranh-giành đất mới kiện nhau mà không đến nơi gần là Triều-ca (của Trụ-vương) lại đến nơi xa là Phong-cảo (của Văn-vương), thì dẫu vua Trụ (3) có quật-cường nơi « ao rượu và rừng thịt » thì cũng chỉ là ngồi tạm đó thôi.

Ta thường dùng việc dân trao quyền ấy

để xét đến cớ thành hay bại của hậu-thế. Quyền có thì thạnh, quyền mất thì suy, chẳng lúc nào quyền đã mất mà nước lại không mất theo bao giờ !

Khi nhà Chu bắt đầu suy-lụn, vua thì lười biếng, tôi thì yếu-hèn, không nắm chủ-quyền của Hoa-hạ lại xuống đứng ngang hàng với chư-hầu. Qua đến đời Chu Khuông-vương lại còn tồi-tệ hơn nữa ! Chu-công Duyệt là một đại-thần, Vương-tôn Tò là một khanh sĩ, hai quan đó tranh-giành nhau, không kiện với thiên-tử lại đến kiện với vua nước Tấn. Phàm khi làm chúa thiên-hạ là để xem-xét việc toàn-quốc, để ban-bố mạng-lịnh — dẫu lành hay dữ — ra tận gốc bể chơn trời, bắt buộc mỗi người phải giữ tròn chức-phận, mà nay không xử được một vụ kiện xảy ra tại sân chầu, nơi thềm điện của mình thì hỏi nước đặt ra vua dùng để mà làm gì ?

Vì hai nước nhỏ, Ngu với Nhoài ở xa đến nhờ nhà Chu xử kiện mà những người bàn sử còn lấy làm lo ngại cho nhà Thương. Vì khiến Phi Liêm và Ác Lai (4) vì tranh-giành nhau phải đến nhờ Văn-vương phân-xử thì dẫu vô-đạo thế nào chắc Trụ-vương không bao giờ chịu như thế. Nay, Chu Khuông-vương gặp phải chuyện như thế,

đã không lấy làm quái-dị, lại còn sai người nhà qua nước Tấn giúp cho kẻ thần được kiện, chỉ nơm-nớp lo-sợ phe mình không đắc-thắng thôi! Trông qua cũng đội mũ cổn-cao vọi-vọi, xét về hiệu cũng xưng là thiên-tử, mà nhón gót, mà ngóng cổ ngó qua Tấn, để chờ xem trong vụ kiện ai hơn, ai kém, ai được, ai thua, thật làm sao mà suy-đồi đến thế!

Coi vậy mới rõ: về sự nguy-ngập, nhà Chu còn gấp mấy nhà Thương, về sự chẳng biết tủi nhục, Khuông-vương lại mấy lần hơn vua Trụ! Tại sao ở những năm chót, nhà Chu mục-nát hơn nhà Thương trong lúc cuối-cùng, mà lại còn tồn-tại được? Còn lòng kính-vì thiên-tử của Tấn-hầu chẳng bằng dạ Văn-vương thì đáng lẽ phải bị chiếm mà tại sao nhà Chu lại giữ vững được? Đó là những vấn-đề ta thường hay suy-xét đến.

Trong những năm cuối-cùng của Trụ-vương, tuy đất ba phần đã mất hết hai, nhưng nghiêm-lịnh còn truyền khắp trong bờ cõi, cho đến sự bạo-ngược cũng còn đem ra thi-thố với thiên-hạ được mà chỉ vì dân-chúng không kham chịu nổi sự tàn-ác đó mới đứng lên làm mất được nhà Thương. Còn đến những năm cuối-cùng của nhà Chu thì suy-vi cho đến đổi một vụ kiện

nhỏ trong nhà cũng không tự-chuyên được, thì tuy có muốn xa-xỉ cũng không ai vưng theo lịnh để mà bốc-lột, dẫu có muốn tàn-bạo cũng chẳng ai vưng theo lời để mà sai-khiến. Đối với dân-chúng, ở gần, sự đứng lên hay ngã xuống của nhà Chu chẳng còn bì một việc vui hay buồn ; đối với chư hầu, ở xa, sự cường-thạnh hay suy-bại của nhà Chu không còn là một điều đáng quan-tâm đến nữa. Nước Tấn tuy ngoài mặt giả-vờ tôn-kính chớ thật-sự chỉ coi nhà Chu như nước Cử hay Châu, thì còn có điều chi hiềm-nghi đâu mà phải chiếm-cứ gấp ? Như vậy, chẳng phải là nhà Chu không bị chiếm, nhà Chu không đáng bị chiếm, cũng chẳng phải nước Tấn không chiếm nhà Chu, nước Tấn không cần chiếm.

Đại-để, làm hại người được, mới làm lợi cho người được, giết chết người được mới cứu sống người được. Như Trụ-vương tuy là hạ-ngu nhưng chưa để mất cả quyền-binh, nếu khiến đừng giết Tỉ can chỉ giết Sùng-hầu, đừng yêu Sùng-hầu chỉ yêu Tỉ-Can, rồi buổi mơi mở kho tiền Lộc-đài, buổi chiều mở vựa lúa Cự-kiều chẩn bần cho dân thì chưa chắc đâu ngôi báu không vững-bền, mà tên tuổi không được liệt vào hàng sáu, bảy hiền-vương của

nhà Thương ? Chớ có đâu như Khuông-vương nhà Chu chỉ ôm hư-danh là ngồi trên sáu bực chư-hầu, mà lễ-nhạc, mà hành-chánh không còn có ở trong tay, thì dẫu có muốn phấn-chấn cũng chẳng còn có cách nào ! Cho nên, nhà Thương tuy gần sụp-đổ mà trông còn có cơ khôi phục được ; còn nhà Chu, tuy chưa bị mất mà trông như đã tiêu diệt rồi. Tay chơn bên tả bại, tay chơn bên hữu liệt, chỉ nằm co, thoi-thóp thở thì có sống trăm đời, đến ngàn tuổi cũng chẳng có thú vui chi. Cho nên ta chẳng hề tin câu : « Nhà Chu sống quá kỳ-hạn của định số ».

DẪN-TÍCH :

(1) Vua Nghiêu là hoàng-đế nhơn-đức trong đời thượng-cổ nước Tàu (2-357-2257 trước tây-lịch). Cử cho ông Thuấn làm nhiếp-chánh, rồi vì con là Đơn-Châu không ra gì, nên nhường ngôi cho vua Thuấn. Sợ mang tiếng, Thuấn trốn vào Lịch-sơn, nhưng dân cứ đến xin phân-xử những điều xích-mích, phải trở về lãnh-ngôi.

(2) Vua Thuấn (2256-2208 trước tây-lịch) vì con tên Thương-Quân là người hèn dở nên truất đi, nhường ngôi cho vua Võ. Chính là vua đầu của nhà Hạ. Võ là con ông Cổn, có công trị thuỷ. Cũng sợ tai tiếng ông tránh nhưng vì dân trở về lên ngôi, trị-vì được tám năm (2205-2191) trước tây-lịch).

(3) *Trụ-vương* : Vua chót của nhà Thương. Vì vô-đạo, mê Đắc-Kỷ, làm việc xa-xỉ như « ao rượu rừng

thịt », lập Lộc-đài, tin dùng kẻ nịnh như Sùng Hầu-Hồ, giết tôi trung như Tỉ Can chính là chú ruột.

Nhà Thương hay là Ân, do Thành-Thang sáng-lập (1785 trước tây lịch).

Hạ, Thương, Chu là ba triều-đại của Trung-Hoa cổ, gọi là Tam đại.

(4) Hai người quan của vua Trụ.

(5) Khi Thành-vương nhà Chu đem chín đỉnh về có bói một quẻ. Theo đó: nhà Chu truyền được ba mươi đời vua, được cả thảy là bảy trăm năm. Nay đã quá số ấy. Nhưng tồn-tại như vậy có gọi được là » sống » hay chăng ?

## HOA NGẪU TỪ YẾN

*Lỗ Văn-công thứ XV*
(611 trước tây-lịch)

**XUÂN - THU.—** **Tháng ba, quan tư-mã Hoa-tôn nước Tống đến ký minh-ước với ta (Lỗ).**

**TẢ - TRUYỆN.—** Tháng ba. Tống Hoa Ngẫu đến ký minh-ước. Các quan tùy-tùng đều theo. *Xuân-Thu* chép « quan tư-mã Hoa-tôn » để tỏ sự quý-trọng.

Vua mời dự yến. Hoa Ngẫu từ-tạ rằng : « Tiên-nhơn của hạ-thần là Đốc mang tội rất nặng với Tống Tương-công, tên họ còn ghi trong sử-sách của chư-hầu. Nay, hạ-thần là kẻ thừa-tự, đâu dám nhục đến đại-vương. Xin cho phép hạ-thần vâng mạng của đại-vương tại nhà ngang của lữ-quán cũng được ».

Người nước Lỗ cho là sáng-suốt.

**LỜI-BÀN.—** Người quân-tử, khi lập-ngôn, phải đãi thiên-hạ một cách thật tôn-sùng, phải đặt vào thiên-hạ một kỳ-vọng thật trọng-hậu, trí phải nhớ tới trước một đời, tâm phải lo cho sau một đời, nào phải là tự-khiêm, nhưng mà phải thế!

Tánh lành do trời phú-cho, đức thường do dân gìn-giữ, bởi vậy khi có đủ tai mắt, đủ miệng mũi đã được gọi là con người, thì đã có đủ tinh-thần của tạo-hoá. Khi đã đủ cả tinh thần của tạo-hoá ban cho thì phải đủ sự áp-dụng trong ngang-dọc, trong tối sáng chớ đâu lại dám dùng lòng hẹp-hòi, lượng nông-cạn của ta để bỏ-bê người ở trong địa-vị mục-nát không thể nào thi-thố điều chi được?

Tả Khâu-Minh được đời truyền-tụng là một bực sử-quan của nước Lỗ, thì Lỗ là nước của cha mẹ Tả Khâu-Minh, vậy mà khi chép chuyện Hoa Ngẫu đến sinh nước Lỗ, vô-cớ lại nêu ra cái ác của ông cha người ta vì một lời từ yến! Rồi còn biên tiếp theo: « Người nước Lỗ đều cho là sáng-suốt ». Trong ý của Tả-thị, một câu nói đã được người nước Lỗ ca-tụng thì ắt là lời có giá-trị mà không biết rằng bực quân-tử chẳng khi nào trọng một lời như vậy. Lời ấy của Hoa Ngẫu dẫu cho gặp những kẻ

it hiểu lễ-nghĩa cũng còn khinh-bỉ thay ! Trong lúc ấy có lẽ cũng có đôi bọn bậy-bạ hùa nhau để ca-tụng câu đó, chớ không lẽ trong mảnh đất Khúc-phu và ngọn núi Quy-mông, chạy dài trên bảy trăm dặm lại chẳng có một người nào biết đó là lời trái hay sao ? Vậy mà Tả Khâu-Minh biên chung : « Người nước Lỗ cho là sáng-suốt », thì thật là quá-đáng !

Nói bao trùm : « Lỗ-nhơn dĩ vi mẫn », thì chẳng khác gì nhìn-nhận trong nước Lỗ không có một người quân-tử ! Như vậy, khi gọi là « người nước Lỗ », trong lòng có nghĩ là ai chăng ? Phải là bè-bạn chăng ? hay là thông-gia của mình chăng ? có phải là thầy học của mình chăng ? Mở miệng nói một câu đưa người vào cõi thấp-thỏi và hèn-hạ, gán cho mình một khí-tượng ngạo-nghễ và khinh-lờn, phao cho người những tiếng bất-đễ và bất-tốn, thì chắc Tả Khâu-Minh không làm sao giải-thích được nào !

Ngày xưa, Đức Phu-tử cũng thường dùng danh-từ « nước Lỗ » như trong câu : « Nếu nước Lỗ chẳng có quân-tử thì thiên-hạ sẽ theo gương nào ? » Thì cũng một lời nói mà Phu tử đãi người nước Lỗ là quân-tử, còn Tả-thị đãi người nước Lỗ là tiểu-nhơn. Lòng của người không đồng nhau là thế đó !

Hoặc có kẻ bảo : « Tả Khâu-Minh chỉ nói đến bọn tầm-thường, chớ đối với bực quân-tử bác-nhã, thông-đạt thì khi nào Tả-thị lại dám gọi là « người nước Lỗ ». Xin đáp : « Các bực quân-tử bác-nhã và thông-đạt kia, dẫu tài đức có hơn người thường cả trăm cả ngàn bực thì cũng đi trên đất của Lỗ, uống nước suối của Lỗ, ăn lúa của Lỗ, như vậy không đáng gọi là « người của nước Lỗ » hay sao ? Làm quân-tử mà phản bội làng nước, mà quên cả danh-giáo, không tự cho mình là người trong nước tức là loại bỏ cha anh, thẹn cùng đồng-bào, như vậy lòng của quân-tử có yên được hay chăng ? Đến đây, càng thấy sự sai-lầm quá lớn của Tả Khâu-Minh !

## QUÝ VĂN-TỬ ĐUỔI CỬ BỘC

*Lỗ Văn-công thứ XVIII*
(608 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Người nước Cử giết vua tên là Chu Kỷ.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Kỷ-công (tức là Chu-Kỷ) có hai con : thế-tử Bộc và Quý-Đà. Vì thương Đà nên truất Bộc. Lại làm nhiều việc càn đỡ. Cả nước đều oán. Thừa cơ-hội, Bộc cùng người nước Cử thí Kỷ-công. Rồi trộm bảo-ngọc trốn qua Lỗ dưng lên cho vua (Lỗ Tuyên-công). Vua phong cho một ấp và hạ lịnh rằng : « Nội hôm nay, phải giao ấp ngay ! » Quý Văn-tử (tức là Quý-tôn Hàng-Phủ đương cầm chánh-quyền) đã không tuân theo còn bảo quan tư-khấu trục-xuất Bộc ra khỏi nước với huấn-lịnh : « Nội hôm nay, phải đuổi ra ngay ! »

Vua hỏi cớ. Quý Văn-tử bảo quan thái-sử tên Khắc tâu bày : « Quan đại-phu trào trước là Tang Văn-Trọng dạy Hàng-Phủ biết lễ thờ

vua. Hàng-Phủ vâng theo, không dám sai-lạc. Dạy rằng : « Thấy kẻ có lễ cùng vua thì kính-thờ như con hiếu thờ-phụng mẹ cha ; gặp kẻ vô-lễ với vua thì trừ giết như chim ưng đuổi giết se-sẻ vậy ! » Tiên-quân của nước Lỗ ta (Chu-công) khi quy-định lễ của nhà Chu có dạy : « Phép-tắc xét người là xem đức. Đức dùng để đoán hành-động ; hành-động dùng để đo công ; công thành dùng để nuôi dân. » Rồi định thệ-mạ như vầy : « Kẻ nào phá-hủy phép ấy là tặc. Che-chở cho tặc là tàng. Trộm của người là đạo, trộm khí-dụng là gian, oa-trữ và chia của là đại-hung-đức. Đối với bọn ấy phải có hình-phạt trừng-trị không thể thứ-tha », nên trong quyển ghi chín hình-luật (của Chu-công) không bỏ sót. Nay, nhờ Hàng-Phủ biết tra-xét việc của tên Bộc nước Cử là phi-pháp. Vả chăng : hiếu, đễ, trung, tín là đức tốt ; còn đạo tặc, tàng, gian là nết xấu. Xét Cử Bộc, về hiếu với trung là kẻ thí chúa và giết cha, về tín là kẻ trộm vàng ngọc, vậy tức là « đạo » và « tặc » nữa ! Còn bảo-vật kia là gian-khí. Nếu vì mê lợi, hay ham của mà chiếm giữ tức là oa-trữ, theo phép của Chu-công đó là hung-đức. Như vậy, lấy gì làm pháp-độ cho dân ? Dân không được gương tốt để soi sẽ không có được một điều lành, rồi hành động toàn ở

trong hung-đức cả! Vì lẽ đó, cần phải trục-xuất ngay tên Bộc của nước Cử.

Thuở xưa, họ Cao-dương có tám người tài tên là : Thương-Thư, Đồi-Khi, Đào-Diễn, Đại-Lâm, Mang-Hàng, Đình-Kiên, Trọng-Dung và Thúc-Đạt. Tám người đó đều đúng-đắn, hiền-lương, sức học rộng-rãi, kiến-thức sâu-xa, trí sáng-suốt, lòng thành-thực lại ăn ở có đức-độ cho nên thiên-hạ gọi là « Bát-khải ». Họ Cao-tân cũng có tám người tên là : Bá-Phấn, Trọng-Kham, Thúc-Hiến, Quý-Trọng, Bá-Hồ, Trọng-Hùng, Thúc-Báo, Quý-Ly. Tám người ấy đã trung-thành chăm-chỉ, cung-kính, hiền-lành lại hoà-nhã nên thiên-hạ gọi là « Bát-nguyên ». Họ của mười sáu người ấy đời đời nối được đức-nghiệp, con cháu không để mất tiếng. Khi vua Nghiêu đã lên ngôi nhưng chưa dùng hiền-tài, bề-tôi là ông Thuấn cử « Bát-khải » lo về thuỷ thổ và trăm việc quan. Chức nào cũng đúng theo thứ-tự, việc nào cũng xong đúng theo ngày tháng, làm cho thủy-thổ được bằng, dân chúng được yên, đạo trời khởi thạnh. Tiếp cử « Bát-nguyên » giảng-dạy năm mối giáo khắp bốn phương : dạy cha dùng nghĩa, dạy mẹ thân yêu, dạy anh phải hữu, dạy em nên kính, dạy con phải hiếu. Nên trong được yên, ngoài lại hoà.

Xưa, vì có con bất-tài, vua Hồng-thị dìm kẻ tài, đè người nghĩa, oa-trữ đạo-tặc, ưa-thích hung-đức ; lũ con phá hư nòi-giống, làm xấu con người, lại cứng đầu, gian-xảo, thiếu thân-ái, chúng kết bè với nhau : thiên-hạ gọi là « đần-độn ». Họ Thiếu-cao cũng có con bất-tài, phá điều nghĩa, bỏ tánh trung, chuyên trau-giồi lời ác để gièm-siểm, đối-trá, toan lo điều xấu, vu-cáo kẻ có đức : thiên-hạ gọi là « tột ngu ». Họ Xuyên-húc cũng có con bất-tài, không thể dạy, chẳng biết nói lời lành, lúc lo dạy thì tỏ tánh ngu-xuẩn, khi bỏ liều lại làm quấy, luôn-luôn khinh và hại nền đạo-đức, làm loạn thiên-lý : thiên-hạ gọi là « đáng tránh ». Con cháu của ba họ đời đời giữ trọn hung-đức lại chuộc thêm tiếng ác. Khi vua Nghiêu lên ngôi cũng chưa kịp đuổi chúng. Họ Tấn-vân có con bất-tài, tham ăn uống, mê châu báu, cướp chức-tước, ưa xa-xỉ, chẳng lúc nào hả dạ ; đặt thuế-má vơ-vét của dân, không bao giờ chán ; không ngó-ngàng kẻ cô-quả, chẳng xót-thương kẻ nghèo-đói : thiên-hạ ví cùng ba họ trên và gọi là « tham-mê ». Mới làm tôi vua Nghiêu, ông Thuấn đã rước hiền-giả của bốn phương, đuổi bốn hung-tộc, cho ra ngoài bốn cõi, chống ngăn quỷ Mị, quỷ Ly.

Cho nên khi vua Nghiêu thăng-hà, thiên-hạ

đồng-tâm ủng-hộ ông Thuấn lên ngôi thiên-tử vì đã cử mười sáu lương-tướng, bài-trừ được bốn kẻ hung-bạo.

Vì vậy, nơi trong *Ngu-thơ*, kể công vua Thuấn có câu : « Kính bày năm điển, dân-chúng đều theo », chẳng dám trái lời. Rồi thêm rằng : « Lo trị trăm quan, trăm quan nên việc ». Kế tiếp : « Rước hiền bốn phương, bốn phương hoà-mục », chẳng còn ác hung.

Vua Thuấn thành được hai mươi công (cử mười sáu hiền, bỏ bốn dữ) mới thành thiên-tử. Nay tuy Hàng-Phủ chưa thâu nạp một hiền tài, nhưng đã trừ bỏ một hung-đồ. Đối với công-trạng của Thuấn-đế, trong hai mươi, đã được một rồi. Như vậy, sau nầy may ra khỏi tội ! »

⁂

**LỜI BÀN.—** Nước Lỗ đã suy, chánh-quyền về tay Quý-thị. Sử-gia đương thời chỉ thấy họ Quý cướp quyền mà không thấy được đầu mối của sự cướp quyền đó. Đọc *Tả-Truyện* đến đoạn Quý Văn-Tử đổi tên Bộc nước Cử mới biết đó là đầu mối. Quyền, nếu do nhà vua nắm giữ, thì bề-tôi, chỉ có tay không, làm thế nào mà cướp được ? Chắc phải có chỗ hở —

một dịp nào — bề-tôi mới thừa lấy đó ; chắc phải có danh gì, bề-tôi mới mượn lấy đó ; chắc phải có thuật gì, bề-tôi mới dùng lấy đó mà cướp chánh-quyền.

Lỗ Tuyên-công vừa cướp ngôi của anh (1), bá-quan trong trào chưa hẳn phục-tùng, dân-gian trong nước chưa trọn tin theo, quyền-hành chưa chắc thuộc về tay ai, ngàn năm mới có dịp như thế, cho nên Quý Văn-tử thừa việc tên Bộc nước Cử, mượn danh, giấu thuật để thâu chánh-quyền của nước vào cả trong tay của mình mà thiên-hạ chẳng hay chẳng biết, thật Quý Văn-tử là một người sâu-sắc và điêu-xảo quá !

Tên Bộc ở nước Cử đã thí vua, giết cha, ăn trộm bảo-vật, vậy mà Tuyên-công muốn thâu nạp lại còn muốn phong chức-tước. Thấy thế, các đại-thần nên tranh nhau đến can-gián mới là phải. Quý Văn-tử lại mượn danh từ một tên hung-ác, đổi mạng lịnh của vua, sai quan tư-khấu trục-xuất tên Bộc ra khỏi nước, cốt-ý để thử lòng của Tuyên-công. Chắc Quý-tử nghĩ rằng : « Nếu vua giận, ta sẽ thành một trung-thần trọn dạ yêu vua ; nếu vua theo, chánh-quyền của nước Lỗ từ đây sẽ lọt vào tay ta. Lui, khỏi mất danh ; tới, không mất quyền ;

vua có theo hay không, đối với ta, danh và quyền chỉ có thêm chớ không có bớt ». Mưu-mô của Quý Văn-tử là thế.

Tự ngàn xưa, kẻ cướp quyền vua đều ham thành công mà sợ thất bại. Vì thành sẽ hưởng một phước lớn mà bại phải chịu một hoạ to, chưa từng thấy ai có được một kỳ kế vẹn toàn như Văn-tử, vì rủi không thành cũng không mất tiếng ngợi khen là trung trực. Thật là mưu mô cao sâu hơn cả lớp người thuở trước.

Cho nên Tuyên-công phải mắc lừa, lầm nghe rồi chẳng đáp được lời ám chỉ của thái sử Khắc : « Tiếp rước một tên thì vua tức là để lộ tội giết anh của chúa công đó. Vì chúa công, phải trục xuất tên Bộc. » Như vậy, trong buổi chầu đó, trên dưới đều bị mắc mưu : vua thì khen lời ngay thẳng, kẻ khác thì cho là tận trung, chẳng ai biết vận mạng nước Lỗ đã dời vào cõi mù mờ hắc ám rồi ! Cách cả trăm, ngàn năm sau, người xem sử cũng còn ngợi khen Văn-tử về việc đuổi tên Bộc nước Cử, chẳng ai biện bạch rõ ràng là Quý-tử đã nhơn theo đó mà cướp chánh quyền của nước Lỗ rồi !

Than ôi ! Gia-cát Lượng chết còn đuổi được

Trọng-Đạt sống (5). Diêu-Sùng chết còn toán được lòng Trương Duyệt sống (3), thì ai bảo Quý Văn-tử chết khi xảo kế để lại còn gạt được hậu thế đến cả trăm cả ngàn năm về sau ?

Lời tâu của thái sử Khắc tuy kể tội tên Bộc, tuy chỉ tên Bộc mà nói, nhưng thâm ý là chỉ trích Tuyên-công, vì đã mang cái ác soán nghịch, tức Tuyên công là tên Bộc của nước Lỗ. Nghe lời của thái sử chắc trán của Tuyên-công phải rơi từng loạt mồ hôi !

Bên trong, thái sử đánh ngầm trúng ngay điểm bí mật của Tuyên-công để hiếp vua, bên ngoài thì ca tụng công đức của Quý-Văn tử để dối vua ; bên hiếp, bên dối, thật là cột trói, ràng buộc, kềm chế cũng một tay, quả là một phường với Quý thị !

Nhưng vì lời của thái-sử vừa đẹp-đẽ vừa huyễn-hoặc, mà bọn học-giả thường thích ngửi mùi hoa lại quên xem trái, vì vậy ta thấy cần phải trích vài lời quấy của Khắc ra đây.

Mở đầu nói rằng : « Tiên đại-phu là Tang Văn-Trọng dạy Hàng-Phủ lễ thờ vua. Hàng-Phủ vẫn nghe theo, chẳng bao giờ dám sai-chạy. Khi gặp kẻ vô-lễ với vua thì phải tru-diệt như

chim ưng đuổi giết giống se-sẻ vậy. » Than ôi! Hàng-Phủ còn nhớ lời dạy của Tang Văn-Trọng hay sao? Như chuyện Tương-Trọng giết thế-tử, thì trong các điều vô-lễ với vua, còn có gì hơn? Vậy mà, Hàng-Phủ vẫn im hơi dường như chẳng nghe chẳng thấy thì khi đó đã để những lời dạy của Tang Văn-Trọng nơi đâu? Tại sao không làm chim ưng với Tương-Trọng lại đi làm chim ưng với tên Bộc của nước Cử, cũng đáng thương-hại thật!

Lời gian-xảo của thái-sử Khắc còn nhiều, đây chỉ nêu lên một câu để cảnh-cáo các nhà học-giả cho khỏi lầm đó thôi.

(1) DẪN TÍCH : XUÂN-THU. – *Mùa đông, tháng mười, con của vua (Lỗ Văn-công) chết (608 trước tây-lịch).*

TẢ-TRUYỆN.— Mùa đông... Tương-Trọng (công-tử Toại) giết Ác và Thị (hai người con của Lỗ Văn-công và phu-nhơn tên Khương-thị, chính là con gái của Tề Chiêu-công) rồi đưa Tuyên-công (tên là Tiếp, con của Kinh-Doanh, người thiếp yêu của Lỗ Văn-công). *Xuân-Thu* chỉ chép con của Văn-công chết mà không ghi sự ám-sát...

(2) Tại gò Ngũ-trượng, Khổng-Minh đã chết. Tư-mã Y trông mấy ngày không thay binh Thục ra khiêu-chiến, lòng nghi-hoặc, sai người thám-thính mới biết chỉ còn trại không. Tư-mã Y cùng hai con dẫn quân đuổi theo. Vừa tới chơn núi, nghe tiếng nổ vang, rồi quân Thục reo-hò, quay cờ trở lại, đầy một cỗ

xe bốn bánh, có Khổng-Minh chít khăn lọa cầm quạt lông ngồi ngất-ngưởng. Có cả lá cờ : « Hán Thừa-tướng Vũ-hương-hầu Gia-cát Lượng ». Tư-mã Trọng-Đạt hồn phi, phách lạc, tưởng mắc mẹo, giày-xéo quân mà chạy đến mấy chục dặm mới dám ngừng.

Vài hôm sau, được tin báo : « Lúc quân Thục đi xa, mới kéo cờ trắng, khóc vang trời vì Khổng-Minh đã chết thật. Khi rút quân, Khương Duy ở lại sau với một ngàn lính để chặn hậu. Khổng-Minh ngồi trên xe hôm đó là người bằng gỗ » Vì vậy trong Tây-Thục mới có câu hát : « Gia-cát chết còn đuổi Trọng-Đạt sống chạy ».

(3) Diêu Sùng và Trương Duyệt là hai đại-thần của Đường-triều. Diêu Sùng đau nặng; gọi con đến trối rằng : « Trương thừa-tướng với cha hiềm-khích rất sâu. Vậy khi cha lìa trần, lúc thừa-tướng đến điếu tang, các con nên bày những bảo-vật trong nhà tại chỗ cha thường ngồi. Thừa-tướng có ưng ý món nào thì các con đưng rồi nhờ ngài làm cho cha tấm « thần đạo bi ». Khi thừa-tướng viết xong, các con phải đưng bản thảo lên cho chúa-thượng ngự-lãm rồi cho khắc ngay ». Thật vậy, thừa-tướng trông thấy bảo-vật, mân-mê xem đến ba bốn lượt. Lũ con theo đúng lời cha, đưng cho rồi xin bái bia.

Vài ngày thảo đã xong, ai đọc cũng trầm trồ khen ngợi. Ít hôm nữa, Trương Duyệt cho người đến lấy bản thảo lại, bảo cần sửa-chữa lại vài câu. Mới hay bia đã khắc xong đã trình đưng lên cho Hoàng-thượng rồi. Biết hết câu-chuyện, Trương Duyệt vỗ bụng than rằng : « Ôi ! Diêu Sùng chết mà toán biết được lòng dạ Trương Duyệt đương sống nầy ! Thật tài của ta còn kém xa Diêu Sùng ! »

# VUA SỞ HỎI ĐẾN CHÍN ĐỈNH

*Lỗ Tuyên-công thứ III*
(605 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU. — Vua Sở đánh mọi Lục-hồn.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Vua Sở thắng mọi Lục hồn rồi qua sông Lạc-thủy, diễn binh trên địa-giới nhà Chu. Chu Định-vương sai đại-phu là Vương-tôn Mãn đến uỷ-lạo. Sở Trung-vương hỏi đến ni-tấc và cân-lượng của chín đỉnh (tượng-trưng uy-quyền của nhà Chu). Vương-tôn Mãn đáp : « Uy-quyền là do đức chớ không do đỉnh ! Xưa, nhà Hạ thạnh đức nên phương xa đem dưng các vật lạ, chín châu cống-hiến các loại kim. Nhà vua cho đúc thành chín đỉnh để tượng hình các vật. Trăm vật có hình nơi đỉnh cốt để cho dân phân-biệt thần thánh với quỷ ma.

Nhờ đó đi làm ăn nơi sông hồ hay rừng, núi, dân không sợ loài yêu-quái. Quỷ Ly, quỷ My, quỷ Võng, quỷ Lượng (của rừng, núi, suối, sông) không nhiễu-hại. Nhờ vậy, trên dưới mới điều-hòa, phước trời được trọn hưởng. Đời Kiệt hôn-mê và loạn chánh, chín đỉnh thiên sang nhà Thương. Việc tế-tự tiếp-nối đến 600 năm. Vua Trụ của nhà Thương bạo-ngược, chín đỉnh lại thiên sang nhà Chu. Khi đức chánh và sáng thì đỉnh kia tuy nhỏ mà nặng (vững-bền). Khi tà-vạy và hôn-loạn thì đỉnh có lớn cũng thành nhẹ (đời qua kẻ khác). Trời giúp người có minh-đức được vững ngôi. Khi vua Thành-vương nhà Chu để chín đỉnh tại Giáp-nhục (Hồ-nam) có bói một quẻ biết nhà Chu truyền được ba mươi đời, cả thảy tới bảy trăm năm. Mạng trời là thế. Hiện nay, đức nhà Chu đã suy nhưng mạng trời chưa đổi. Vì vậy chưa nên vội hỏi đến cân-lượng của chín đỉnh kia. »

⁂

**LỜI BÀN.—** Chỉ dùng sức của một người mà chống được cường-địch, chỉ dùng sức của một lời mà gỡ được nạn ta, thấy vậy thường-dân tỏ sự vui-mừng mà bực thức-giả lấy làm lo-ngại.

Nước Sở là giống heo to, rắn lớn, đã nuốt lần các nước lân-điêng rồi bài binh bố trận trên địa giới nhà Chu để hỏi về ni tấc và cân lượng của chín dĩnh thì tình thế nguy-ngập như núi Đại-hoạ và Tung-nhạc đã nghiêng mà chưa sụp-đổ. Vương-tôn Mãn khéo dùng lời nói, dẫn việc trời, viện việc thần, để chống với kẻ cường-tiếm, khiến cho quân Sở cuốn giáp, cất giáo lần-lượt rút lui, giữ vững tôn-miếu của nhà Chu với Văn-vương bên chiêu (1), với Võ-vương bên mục, giữ cho chuông khánh khỏi dời, giữ cho sông ngòi, thành khuyết của kinh-đô nơi ấp Lạc khỏi đổi ; vậy là một kỳ-công tái-tạo nhà Chu ở giữa xã-tắc, chúng nhơn trông thấy đều mừng thì bực thức-giả có gì phải lo-ngại ?

Xin đáp : âu-lo ấy nào phải vì công-trạng của một thời. Điều mừng là ở buổi hôm nay, còn điều lo là vì ngày sẽ tới.

Trong thiên-hạ, việc không nên khinh-thường là hoạ-hoạn, điều chẳng nên trông-cậy là may mắn, sự vấn-đỉnh kia là một biến-cố chứng-tỏ nước nhà gần mất, tôn-tự gần diệt, vậy mà Vương-tôn Mãn chỉ dùng tài khẩu-biện để chống ngăn, Sở-vương lại nghe theo mà chịu lui binh thì chỉ là một việc may-mắn đó thôi ! Rồi dân

nhà Chu tự nghĩ : « Nước Sở cường-bạo thế kia mà còn phải kiêng-nể lời của chúng ta nên không dám tới. Sau nầy nếu có cuộc xâm-lăng bờ-cõi thì chẳng cần sai một biện-sĩ ra đó cũng đủ rồi ! » Như vậy tức là khinh-thường hoạn-hoạ của chiến-tranh và chỉ trông-cậy vào ba tấc lưỡi. Từ lúc đông-thiên (2) đến nay, vua tôi nhà Chu, trên yên dưới vui, không còn bày tỏ chút gì có thể gọi là chí-khí cả. Thân không biết lo đến hoạ của núi Ly (3) đất Trệ (4), miệng chẳng đọc đến thơ « bạn-đạn » (5), chỉ miệt-mài trong những cuộc « vui, yên », dầm-dề trong sự « chơi, nhàn ». Người quân-tử đương-thời chỉ còn hi-vọng vào sự hồi-tâm hối cải trước một cơn quốc-biến. Khi bảo-vật của ba đời truyền lại bị kẻ khác dòm-hành, bị chúng muốn dời đi, bị giống hôi-tanh muốn làm cho nhơ-nhớp, muốn đổi cả ngọc-bội và cách-thức đứng đi (9), thì còn tai-hoạ nào to-lớn bằng ? Nếu việc ấy khiến cho thiên-tử và công-khanh của nhà Chu biết hồi-hộp âu-lo về sự sup-đổ, thì cơ-nghiệp của Hậu-Tắc và của Công-Lưu (7), hãy còn trông-vọng được. Vì may-mắn, lời của Vương-tôn Mãn lại có hiệu-quả rồi vua tôi nằm yên ôm gối tự nhủ cùng nhau : « Lưỡi ta còn, có sợ chi giặc ! » Sự khinh thường mối-hoạ, sự cậy-nương vào may-mắn,

có phải tại Vương-tôn Mãn mở lối hay chăng ?

Rồi từ đó, cứ nhơn-tuần như thế, đã thành một thói quen. Hỏi về chánh-sách trị nước thì đề văn hoa đứng trước còn chánh-đức sắp sau ; hỏi về thuật ngừa giặc thì cho biện-thuyết đứng đầu còn binh-giáp đứng cuối ; hỏi về thuật dùng người thì trước xem dáng-điệu rồi mới đến hạnh-kiểm ; hỏi về cách dạy dân thì cho thủ-tạc đi trước còn tín-nghĩa đi sau. Về thực-tế thì ngày càng sơ càng sái, còn về từ-hoa thì ngày càng mới càng khéo ; về đẹp-đẽ của sách-vở thì không kém đời Văn, Võ, Khương và Thánh-vương, còn về mục-nát của hình-thế thì chẳng thua Kiệt của Hạ và Trụ của Thương.

Đến hồi Chiến-quốc, trong lúc chư-hầu xé nuốt lẫn nhau mà cũng còn dùng đến kế thừa của Vương-tôn Mãn bày-đặt ra câu « chín lần chín là tám mươi mốt vạn người » (8) để dối Tề. Bên tả nói láo, bên hữu phỉnh-gạt còn tự bảo là đắc-sách cho đến ngày quân Tần kéo ra phía đông ! Biện-bác cũng không xong, nói gì cũng chẳng được, miệng rộng lưỡi dài cũng không thi-thố được điều chi, phải chịu cúi đầu để cho chúng bắt làm tôi-mọi. Vậy mới biết câu nói dối, lời không đâu, có hồi cũng chẳng còn cậy-trông vào được mà khi biết thì đã muộn rồi !

Vì vậy ta mới bảo : công của Vương-tôn Mãn lui binh nước Sở không đủ chuộc tội của Vương-tôn Mãn đã làm hèn-yếu nhà Chu !

DẪN NGHĨA :

(1) *Chiêu* : *lớn* : *Mục* : *nhỏ*.

(2) *Đông-thiên* : 770 năm trước tây-lịch, nhà Chu dời kinh-đô từ Kiều-binh qua Lạc-ấp.

(3) *Núi Ly* : Nơi vua U-vương nhà Chu bị Khuyển-nhung vây và giết với con là Bá-Phục.

(4) *Đất Trệ* : Chỗ của Chu Lệ-vương bị đày.

(5) *Bạn-đạn* : Vì Lệ-vương quá bạo-ngược nên Phàm Bá làm thơ « bạn đạn » chê nhà vua đã làm cho thiên-hạ ly-tán.

(6) *Đổi ngọc, cải bội* : Cố-ý giành ngôi thiên-tử.

(7) *Hậu-Tắc và Công-Lưu* : Tổ-tiên nhà Chu.

(8) Đến đời Chiến-quốc, Tần khởi binh đến lấy chín đỉnh. Thiên-tử nhà Chu lo-sợ sai Văn Súc đem bán đỉnh cho Tề, mới được binh Tề đến cứu. Binh Tần lui, Tề đòi đỉnh. Cho Văn Súc qua đối cùng Tề : « Khi Chu thắng Thương, muốn dời chín đỉnh phải dùng đến 81 vạn người mới đem về được. » Không đủ người. Tề mới thôi đòi.

## HOA NGUYÊN LÀM THỊT DÊ THẾT-ĐÃI BA QUÂN

*Lỗ Tuyên-công năm thứ II*
(606 trước tây-lịch)

**XUÂN-THU.— Mùa xuân, tháng hai, ngày nhâm-tí, Hoa Nguyên nước Tống ra quân chống với Trịnh công-tử Quy-Sanh tại Đại-cức. Tống đại-bại, Hoa Nguyên bị bắt.**

**TẢ-TRUYỆN.—** Mùa xuân, Quy-Sanh (con của Trịnh Hoàn-công) vưng theo mạng-lịnh của vua Sở đem binh đánh Tống. Hoa Nguyên và Nhạc Lữ cầm quân ra chống-cự. Tháng hai, ngày nhâm-tí, đánh nhau tại Đại-cức. Quân Tống thua to, Hoa Nguyên bị bắt, Nhạc Lữ mất tích. Binh Trịnh lấy được 460 chiến-xa với chiến-

mã bọc thiết-giáp, bắt được 250 tù-binh, và cắt tai trái của 100 quân tử-trận...

Gần xáp chiến, Hoa Nguyên cho làm dê thết-đãi sĩ-tốt. Kẻ đánh xe tên là Dương Châm không được dự tiệc. Khi ra trận, Dương Châm bảo: « Tiệc dê hôm qua đặt dưới quyền ngài, công-việc hôm hay đặt dưới quyền tôi! » Rồi đánh xe đưa thẳng Hoa Nguyên vào giữa giặc nên mới bị thua to.

Người quân-tử bàn rằng: « Dương Châm không đáng làm người. Vì hờn riêng làm cho nước bị thua, dân bị hại. Trước luật-pháp, không tội nào nặng hơn. Câu của *Kinh Thi*: « Nhơn chi vô lương » chỉ Dương Châm rất đúng: một kẻ hại dân để trả thù riêng ».

Người Tống dưng cho Trịnh 100 chiến-xa và 100 cỗ xe bốn ngựa để chuộc Hoa Nguyên. Được nửa chừng, Hoa Nguyên trốn thoát. Đứng trước thành, gọi cửa để vào thì gặp Thúc-Tường (Dương Châm), mới bảo: « Vì ngựa của ngươi mới ra cớ sự! » Thưa: « Đâu phải tại ngựa, chính tại người! » Rồi trốn qua nước Lỗ.

**LỜI BÀN.** — Tình trong thiên-hạ, có việc tuy hậu mà trông như bạc, có việc tuy bạc mà

xem như hậu, nên khi xét-đoán cần phải thận-trọng. Như trong bữa tiệc, cầm chén rượu hay dĩa thịt, trước mời khách-khứa trong làng, sau mới đến lượt em cháu trong nhà, thì nào có phải hậu với kẻ sơ mà bạc với người thân đâu? Bởi kẻ sơ có thể phiền-trách còn người thân vẫn tha-thứ cho nhau. Bởi đãi khách chỉ có lễ mà chẳng có tình, vì vậy mới gọi « hậu mà bạc », còn đãi em cháu thì lễ không mà tình có, vì vậy mới cho là « bạc mà hậu ». Phàm khi nhơn-tình đã đi đến chỗ mà không còn gì chia-rẽ được nữa, thì lúc mời, có nhận cũng không vui, có từ cũng không giận, có cho cũng được mà lấy lại cũng chẳng sao; và đến khi sự đối-đãi đã vượt khỏi kiểu-cách bề ngoài thì có đâu vì một vật mọn, một cớ nhỏ mà còn theo hay phản nhau nữa?

Như Hoa Nguyên khi làm dê thết-đãi sĩ-tốt mà không mời Dương Châm dự tiệc thì thiên-hạ cho thế là bạc; theo ta, Hoa Nguyên đãi Dương Châm như thế là hậu, là vì chắc đã nghĩ rằng: « Dương Châm hầu xe ta đã mấy năm rồi, tay tả nắm roi, tay hữu cầm cương, sớm cùng đi, chiều cùng về, qua những đường bằng hay ngõ hẻm, gặp khi rét lạnh hay nóng bức, lúc lên lúc xuống, khi ruồi-

giong đều cùng nhau chia-sớt cả. Biết nhau đã lâu, tin nhau đã kỹ; hôm nay, buổi tiệc của ba quân, có lý đâu, kẻ tâm-phúc, người đồng-thề với ta mà lại kề một chén thịt làm điều khinh với trọng? Vậy đề đãi người xa kẻ sơ mới phải! Tuy Hoa Nguyên không đãi Dương Châm bằng thịt-dê, nhưng ý của Hoa Nguyên đãi Dương Châm còn hậu hơn trăm con bò, còn quý hơn năm cỗ cao-lương! Nào dè Dương Châm không biết hưởng nhã-ý, chỉ muốn hưởng món ăn, vì vậy mới hậm-hực, giận tức rồi nóng-nảy đánh xe vào giữa giặc đề đưa Hoa Nguyên đến tử-địa! Hoa Nguyên đãi Dương Châm với tấm lòng quân-tử, Dương Châm báo Hoa Nguyên với tánh-nết của tiểu-nhơn, chẳng những phụ Hoa Nguyên mà lại phụ cả điều hệ-trọng của nước nhà!

Có người bàn sử cho rằng: « Vì Hoa Nguyên ăn ở cùng kẻ dưới không ân-hậu nên Dương Châm mới tỏ dạ oán-hờn! » Nhưng theo ta, Hoa Nguyên có dáng-điệu vui-vẻ và tánh-tình hiền-hậu rất dễ yêu; như lúc vừa thoát nạn, trở về nước gặp lại Dương Châm còn tỏ lời uỷ-lạo dường như sợ Dương Châm áy-náy. Coi vậy ta thấy sau khi Dương Châm có lỗi mà Hoa Nguyên còn cư-xử dường ấy thì có lẽ nào trước cuộc giao-phong, lại không

ân-cần ăn ở với Dương Châm sao ? Vì vậy ta mới chắc Hoa Nguyên đãi Dương Châm thật hậu chớ không hề bạc.

Nhưng cũng không vì đó mà Hoa Nguyên tránh khỏi tội.

Hằng ngày cận-kề nhau mà không dò được tâm-địa của Dương Châm, vẫn lấy lòng quân-tử mà hậu-đãi, đó là một tội.

Với một kẻ đã lộ nét vui hay vẻ tức vì một chén cơm hay một tô canh mà ngày ngày còn đi chung xe, đó là hai tội.

Tình với ý chưa hoàn toàn tin nhau mà coi người như mình, quên điều gián-cách giữa mình với người, đó là ba tội.

Trí sáng-suốt không đủ nhận-định sự gian giảo, đức thành-tín không đủ sức để đem người theo mình, như vậy đến đâu mà chẳng mắc hoạ ? Tiếc thay ! Hoa Nguyên đã có tư-cách của người quân-tử mà chưa có đủ kiến-thức của người quân-tử !

# ĐẤU KHẮC-HOÀNG KHÔNG QUÊN MẠNG VUA

*Lỗ Tuyên-công thứ IV*
(604 trước tây-lịch)

**TẢ-TRUYỆN.** — Xưa, quan tư-mã nước Sở tên Tử-Lương sanh con là Đấu Việt-Tiêu. Tử-Văn khuyên : « Nên giết đi ! Dáng đi như hùng-hổ, tiếng nói như sài-lang, sẽ diệt họ Nhược-ngao ta. Ngạn-ngữ có câu : « Sài-lang dã-tâm ». Chính nó là giống sài-lang. Nuôi làm gì ? » (Tử-Lương) không ưng. Tử-Văn uất-tức. Lúc hấp-hối, nhóm cả họ lại dặn rằng : « Khi Đấu Việt-Tiêu dự vào chánh-sự, chúng bây nên lánh xa. Kẻo mắc tai-vạ. » Rồi khóc than : « Ma quỷ cũng cần ăn. Thế thì quỷ họ Nhược-ngao ta sẽ chịu đói ! »

Tử-Văn mất, Đấu Ban (con Tử-Văn) lâm lịnh-

doãn, Đấu Việt-Tiêu làm tư-mã, Vỉ Giả làm công-chánh. Đấu Ban bị gièm rồi bị giết. Việt-Tiêu lên làm lịnh-doãn, còn Vỉ Giả làm tư-mã. Sau bị Việt-Tiêu ám-hại, đem họ Nhược-ngao đến bắt Bá-Doanh (Vỉ Giả) tại Liêu-dương rồi giết đi. Đoạn đóng quân tại Chưng-dã chặn đường về của vua Sở (đi đánh mọi Lục-hồn). Sở Trang-vương chịu đưa ba công-tử (con của Văn, Thành, Mục-vương) đến làm con tin. (Việt-Tiêu) không chịu, rồi đóng quân tại Chương-lạp. Mùa thu, tháng bảy, ngày mậu-tuất, vua Sở đánh với họ Nhược-ngao tại Cao-hứa. Đấu Việt-Tiêu bắn vua Sở trúng vào gọng xe xuyên đến chơn giá trống. Phát thứ nhì lủng tàn cắm trên xe. Quân-sĩ sợ hãi đều lùi lại. Vua Sở truyền với ba quân : « Tiên-quân ta là Sở Văn-vương xưa thắng nước Tức có lấy được ba cây tên. Bá-Phần (tên của Đấu Việt-Tiêu) chỉ trộm được có hai. Đã bắn hết rồi. »

Cho đánh trống. Tiến quân. Toàn thắng. Tiêu-diệt họ Nhược-ngao.

Xưa, Nhược-ngao cưới vợ tại nước Viên, sanh ra Đấu Bá-Tỉ. Khi Nhược-ngao chết, Bá-Tỉ theo về quê mẹ rồi tư-thông với con gái của vua nước Viên (Viên-tử), sanh ra Tử-Văn. Viên phu-nhơn sai đem bỏ tại đầm Vân-mộng. Cọp

ra cho bú. Viên-tử đi săn, tròng thấy, sợ, trở về. Viên phu-nhơn thuật rõ chuyện. Sai người đến ẵm. Tiếng nước Sở gọi cho bú là « cấu », gọi cọp là « ô-đồ » nên đặt đứa bé là « Đấu Cấu-ô-đồ ». Vua nước Viên gả con cho Bá-Tỉ. Đứa con chính là Tử-Văn, lịnh-doãn của nước Sở.

Cháu của Tử-Văn là Đấu Khắc-Hoàng (con của Đấu Ban) làm quan châm-doãn, đương sang sứ nước Tề, khi về đến Tống, nghe tin Sở có biến (do Đấu Việt-Tiêu gây ra). Có người can : « Chớ nên về ! » Đáp : « Bề-tôi bỏ mạng-lịnh của vua thì còn ai dung-nạp ! Vua là trời, làm sao trốn khỏi ? » Rồi về phục lịnh. Xong rồi tự mặc quần áo tù đến chịu tội với quan tư-khấu.

Nhớ công của Tử-Văn trị nước Sở, vua (Sở Trang-vương) bảo rằng : « Để cho Tử-Văn tuyệt-tự thì lấy gì mà khuyến-đức ». Phục chức (cho Đấu Khắc-Hoàng) đổi tên là Đấu Sanh.

***

**LỜI BÀN.**— Lo cho nghĩa được chánh rõ mà không tính đến lợi riêng, lo cho đạo được sáng tỏ mà không màng đến kết-quả, ấy là tôn-chỉ của bọn nho chúng ta.

Từ buổi mà thuyết « tính lợi tham công »

được thạnh-hành, thì dẫu việc làm của người xưa có hay, có giỏi, có cao-cả, có trác-tuyệt, có vượt ra ngoài thường-tình và thế-tục đi nữa, người đời cũng dùng lòng tham công lợi đó để mà đo-lường, đánh giá, như vậy sự tai-hại có phải là nhỏ đâu ?

Lúc nước Sở diệt họ Nhược-ngao thì có một minh quan châm-doãn Đau Khắc-Hoàng còn sống sót là vì đương đi sứ bên nước Tề nên may-mắn mà thoát khỏi lưới họa. Nếu khi đó Khắc-Hoàng chạy qua thờ một chư-hầu khác để trốn khỏi chết thì còn kế-hoạch nào hơn ? Thế mà Khắc-Hoàng tự lấy mạng vua làm trọng, biết chỗ chết cứ một mực thẳng về. Nếu không phải là người hiểu sáng-suốt hai chữ « nghĩa » và « mạng », lại rõ-ràng xem hai đường « sanh » và « tử » như là một thì có khi nào hành-động như vậy được ? Thế mà bọn vì công mưu lợi dám cho rằng : « Con đường chết kia chính là con đường sống đó ! Chạm đến sự chết để phục mạng-lịnh của bề-trên thì tất-nhiên nhà vua phải nghĩ rằng người nầy dám khinh chết để trọng lịnh của ta, thì cũng nên tha đi. Tha để khuyến-khích kẻ khác về đạo thờ vua. Ấy là tìm sự chết để kết lòng vua, mà âm-mưu tìm lợi cho điều sống. » Than ôi ! đó là lòng của bọn mưu lợi tham công hay là lòng của

quan châm-doãn ? Có thể dùng câu « Bề-tôi bỏ mạng-lịnh của vua thì còn ai dung-nạp ? Vua là trời, làm sao trốn khỏi ? » để soi-xét lòng của quan châm-doãn thì sẽ thấy trong-sáng ngay-thẳng không trái với trời, không thẹn với mình, chẳng có một chút kiều-sức chen vào, lòng có sao tiếng phát ra như vậy, không che-đậy, không ngăn-rào chi cả, Khắc-Hoàng chỉ biết có vua, chẳng biết có mình, chỉ biết đi con đường nghĩa, chẳng biết có con đường sống.

Nếu lúc về mà bị quan tư-khấu xử-tử, thì Khắc-Hoàng cũng coi chết ấy là việc dĩ-nhiên, chỉ biết nhắm mắt chịu hình-phạt không biết tỏ chút oán-giận nào ! Vì làm sao mà quan châm-doãn biết trước rồi vua Sở sẽ tha-thứ ? Vả lại chết hay không đối với thân của Khắc-Hoàng nào có thêm hay bớt chút gì ? Chớ chi dùng sự chết để khép được miệng của bọn tham công mê lợi thì quan châm-doãn cũng vui lòng mà chết để cho đạo của mình càng thêm sáng tỏ !

Nay, được Sở Trang-vương tha tội, lòng của quan châm-doãn trong veo như giọt nước, đáng lẽ không cần bàn-bạc, vậy mà phường trục lợi cầu công còn dùng lòng dạ của chúng để lường tâm trạng của quan châm doãn thì nghĩ cũng đáng thương hại thật !

Xét về lý-do của việc Sở-vương tha Khắc-Hoàng thì rõ nào phải tại vì khen sự biết về phục-mạng mà chính bởi nhớ công-lao của Tử-Văn khéo trị nước Sở. Như vậy, sở-dĩ được tha là vì quan châm-doãn là con cháu của Tử-Văn chớ nào phải tại Khắc-Hoàng biết trở về phục-lịnh? Coi thế thì về mà chịu chết đâu, phải mưu-mô toan-tính trước để cầu được sống? Cho nên, ta trưng việc của Khắc-Hoàng để tranh-luận với bọn toan lợi tham công.

# MỤC LỤC


| | Trang |
|---|---|
| Phân-trần | 7 |
| Gắn-bó | 27 |
| Phàm-lệ | 55 |
| 1.— *Trịnh-bá thắng Đoạn* | 57 |
| 2.— *Dĩnh Khảo-Thúc giành xe* | 65 |
| 3.— *Chu, Trịnh giao ác* | 73 |
| 4.— *Tống Mục-công lập Thương-công* | 79 |
| 5.— *Tang Hi-Bá can việc đi coi lưới cá* | 83 |
| 6.— *Trịnh cầu hòa, Trần-hầu không chịu* | 89 |
| 7.— *Vũ Phủ thi Ẩn-công* | 93 |
| 8.— *Tức-hầu phạt Trịnh* | 99 |
| 9.— *Tang Ai-Bá can dùng đỉnh* | 103 |
| 10.— *Ngu-công yêu-cầu ngọc, kiếm* | 109 |
| 11.— *Khuất Hà* | 113 |
| 12.— *Cháu của Đặng-hầu xui giết vua Sở* | 121 |

13.— Lỗ Trang-công không phạt Tề 127
14.— Tào Uế luận chiến 133
15.— Nam-cung Trường-Vạn thí Tống Mẫn-công 141
16.— Trịnh Lệ-công giết Phó Hà, Nguyên Phiền 147
17.— Dục Quyền cầm khí giới can vua 153
18.— Quản Trọng xin cứu nước Hình 159
19.— Tề-hầu cứu Hình, phong Vệ 163
20.— Vệ Ý-công thích hạc 173
21.— Thọ Điêu tiết lậu quân-cơ 179
22.— Quý-khâu đại-hội 187
23.— Công-tử Tang thích đội mũ lông chim duật 197
24.— Thê-tử Ngữ trốn về nước 203
25.— Tấn Hoài-công giết Hồ Đột 209
26.— Thành Đắc-Thần và Khước Khắc 215
27.— Bài minh của Lễ Chí 223
28.— Chu cho Tấn đất Dương-phàm, Ôn, Toán-mao và Nguyên 229
29.— Tiên Trần tử-tiết 239
30.— Tấn-hầu đi chầu thiên-tử để phạt Vệ 245
31.— Dương Xử-Phủ 249

32.— Đăng Ý-Chư 261
33.— Phạm Sơn xin thôn-tính chư-hầu miền bắc 267
34.— Thân Vô-Uý nhục kẻ giong xe qua Tống 275
35.— Chu-công Duyệt và Vương-tôn Tô kiện nhau tại Tấn 283
36.— Hoa Ngẫu từ gến 287
37.— Quý Văn-tử đuổi Cử Bộc 297
38.— Vua Sở hỏi đến chín đỉnh 303
39.— Hoa Nguyên làm thịt dê thết đãi ba quân 309
40.— Đấu Khắc-Hoàng không quên mạng vua

Từ nhà kho Quán Ven Đường

**ĐỨC KHỔNG PHU-TỬ**

Người đã chép sử nước Lỗ thành « *KINH XUÂN-THU* » một bộ sách làm nền tảng cột rường cho « *TẢ TRUYỆN* » và khuôn vàng thước ngọc cho « *ĐÔNG-LAI BÁC-NGHỊ* »

Nhà in VĂN-HỮU 43/1 Chi-Lăng G.Đ. — 3.000 ấn bản
GPKD số 5507 PTUD/KSALP/TP ngày 18-12-73 — Phát hành 5-1-74